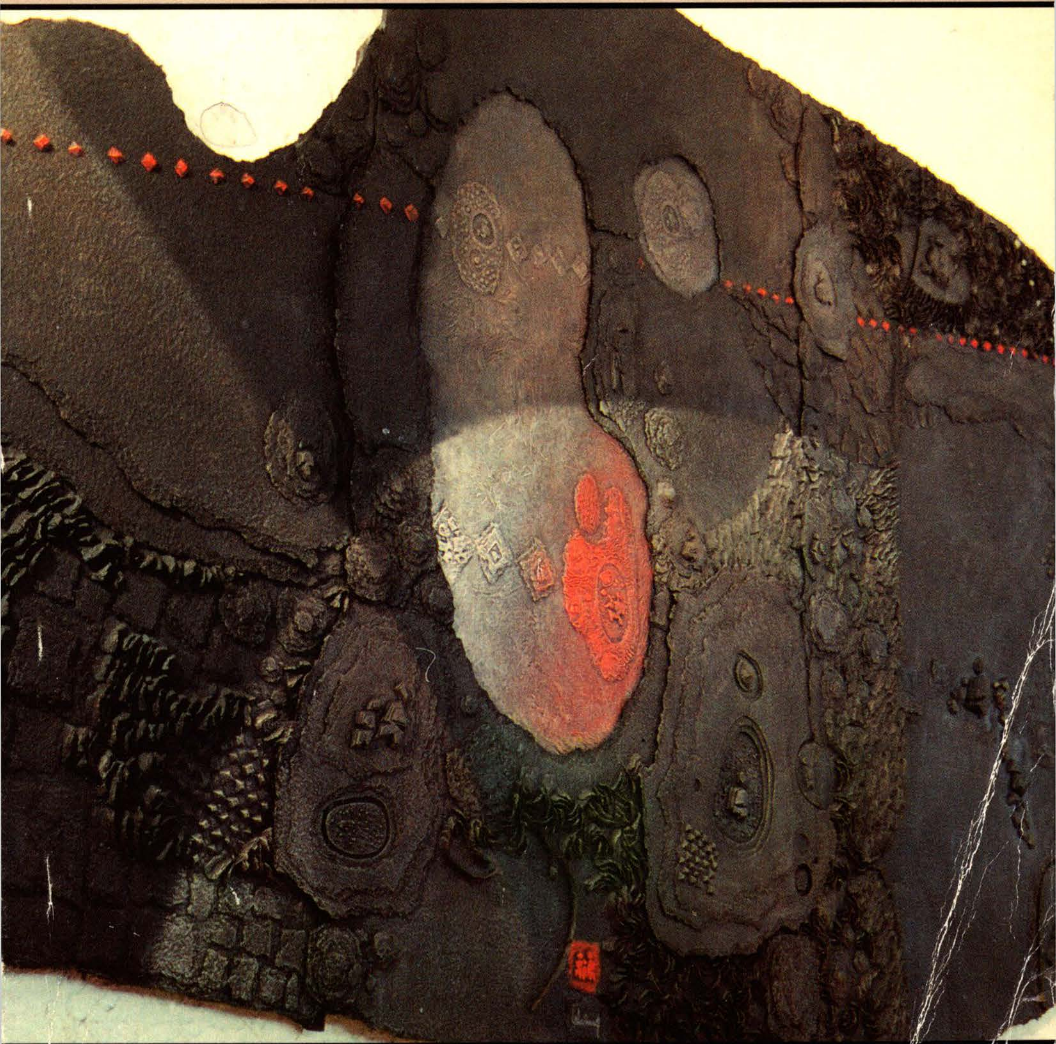
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 36 tháng 8 & 9 năm 1997

THANH VÀ TỤC TRONG VĂN CHƯƠNG





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

http://members.aol.com/tchl/hopluu.htm

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

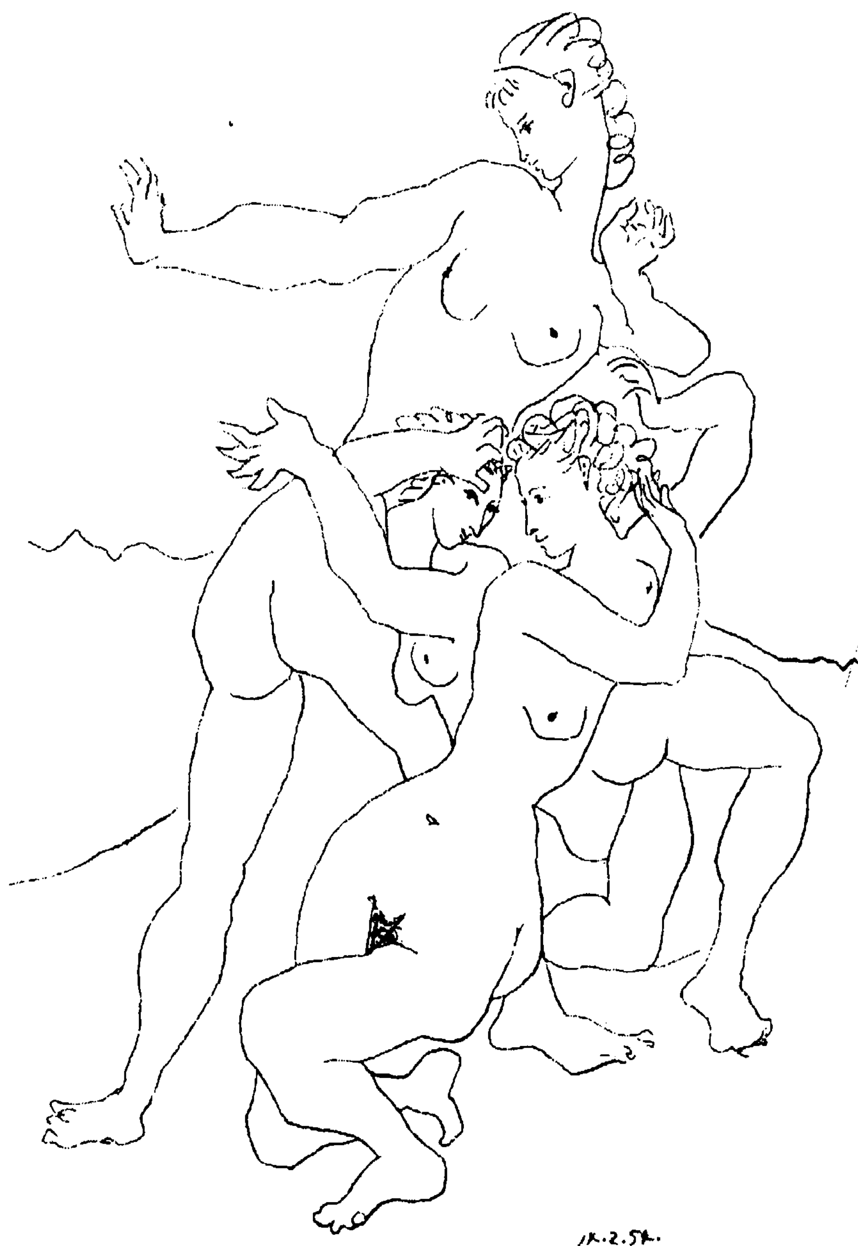
Phát hành hai tháng một kỳ • Số 36, tháng 8 & 9/1997

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ dạng đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa KỳL ISSN: 1065-9323



ký họa củaPicasso

Số 36 tháng 8 & 9 năm 1997

THANH VÀ TỤC TRONG VĂN CHƯƠNG



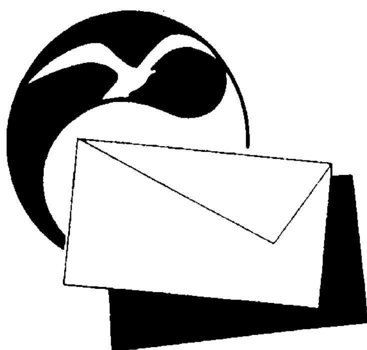
MỤC LỤC

Tranh bìa: **Lê Bá Đảng**





THƯ TÒA SOẠN



Chủ đề *Thanh Và Tục Trong Văn Chương" đến* với Hợp Lưu khá bất ngờ. Nguyên nhân khởi từ bài thơ *Linda Mặt Ngang* của Đỗ Kh. (Hợp Lưu số 31, tháng 10&11/1996 tr. 98), cùng phản ứng của nhiều văn hữu và độc giả sau khi số báo ấy phát hành.

Tựu chung, bênh vực cũng lắm, phản bác cũng nhiều. Trên cương vị là người cầm bút, và đồng thời cũng là người đọc, tất nhiên chúng tôi không thể không có quan điểm riêng trong vấn đề này. Tuy nhiên, ở đây, với tư cách là những người trực tiếp chịu trách nhiệm nội dung của Hợp Lưu, chúng tôi tự buộc mình phải đứng ở vị trí khách quan để vô tư đón nhận, sắp xếp và gửi đến độc giả những bài viết chúng tôi nhận được trong thời gian qua, với ước mong được mọi người vui vẻ tiếp nhận số báo chủ đề này trong tinh thần cởi mở, hiểu biết, để, nếu có thể, góp phần soi sáng thêm một khuynh hướng văn học đã, đang và có lẽ sẽ còn được nhắc đến.

Thật ra, chuyện "thanh và tục trong văn chương", từ lâu, là một chủ đề nóng, luôn tạo ra tranh luận (có khi rất gay gắt) trên mọi diễn đàn văn học, ở mọi nơi trên trái đất này. Mãi đến hôm nay, vào thời điểm mọi cánh cửa đã mở tung, không loại trừ cánh cửa thân xác và tính dục, thế mà đó đây, ngay cả tại các quốc gia tiến bộ nhất, đề tài ấy vẫn hình như chưa cũ, nghĩa là vẫn còn tạo được sự quan tâm của mọi người.

Chủ trương của Hợp Lưu, đúng như Phạm Triệu Luật viết trong bài "Leterary Correctness" chúng tôi cho đi trong số này: "nhiệm vụ của Hợp Lưu là... hợp lưu giữa quốc nội và hải ngoại, giữa các dòng văn học". Bảy năm qua chúng tôi đã cố gắng theo sát chủ trương ấy, và trong giới hạn khiêm nhường khả hữu, chúng tôi đã gửi đến độc giả một vài khuynh hướng văn học. Dĩ nhiên Hợp Lưu không dám chủ quan kết luận các khuynh hướng

này đều là những thành tựu của văn học cần được du nhập và triển khai. Nhưng, trong giới hạn nào đó, việc làm của chúng tôi cũng mong được rộng lượng ghi nhận, như là nỗ lực muốn đẩy văn chương Việt Nam đến các biên thùy mới.

Số này, ngoài những bài viết liên quan đến chủ đề "thanh và tục trong văn chương" sau đây: - Phạm Trọng Luật: *Literary Correctiness* - *Đỗ Kh.: Góp ý với bài "Literary Corectiness"* - Mộc Hương: *Tháo củi sổ lồng* - Ngô Nhựt Tân: *Biết ai là tục... Biết ai thanh* -. Hoàng Nguyên Nhuận: *Từ một bài viết* - Thương Nguyên: *Trở về hiện tại, thơ văn cho ai?* - Phạm Thị Hoài: *Sờ Linda*. Hợp Lưu còn giới thiệu đến độc giả các biên khảo của Giáo sư Nguyễn Văn Trung: *Về dùng tiếng Việt và có quan điểm Việt Nam trong việc nghiên cứu Việt Nam*. Nguyễn Vy Khanh: *Tiếng Việt và một số tác phẩm mới phát hiện* - Nguyễn Nam Giao: *Ý nghĩa vở kịch "Thằng Cuội ngồi gốc cây đa" của Vũ Khắc Khoan*. - Phạm Vĩnh Cư: *Mấy suy nghĩ về giao lưu văn hóa Việt Nga.*

Phần sáng tác văn học gồm các truyện ngắn của Hồ Đình Nghiêm: *Tặng Phẩm* - Bùi Thu Thủy: *Cháu là học trò* - Nguyễn Mai Ninh: *Ẩm ướt những cơn mưa* - Nguyễn Hương: *Tháng sầu riêng, mùa bờ đê* - Bùi Hoằng Vị: *Phòng bốn giường* - Bùi Thạc Chuyên: *Thằng dở hơi* - Phùng Nguyễn: *Yêu người*. Đỗ Phước Tiến: *Miền quê yêu dấu* - Đông Hoàng: *Trong chốn hoang vu* - Phạm Ngọc Tiếu: *Huyền Diệu* - Nguyễn Lê Hồng Hưng: *Chuyến đò tốc hành* - Ngô Thị Kim Cúc: *Không thời gian;* và thơ của các tác giả: Hoàng Xuân Sơn, Sử Mặc, Lâm Chương, Thành Tôn, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Nam An, Lê Thánh Thư, Võ Đình Tuyết, Đỗ Quang, Phố Thị Ngọc Ni, Lưu Nguyễn, Lê Thị Thấm Vân, Lưu Hy Lạc, Đinh Linh, Trần Mộng Tú, Du Tử Lê, Hoài Khanh, Trần Bát Nhã,...

Phần các mục thường xuyên vẫn được duy trì đầy đủ: Hội Họa *(phỏng vấn họa sĩ Lê Bá Đảng)*, Đọc Sách *(đọc* Xem Đêm *của Phùng Cung)*, Phỏng Vấn *(nhà văn Thế Uyên, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường)*, Giới Thiệu Tác Giả, Tác Phẩm, Chân Dung Tự Họa *(Trịnh Khắc Hồng, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phan Ni Tấn)*... Riêng *mục Ngày... Tháng*..., hai số qua, do Kim Thi quá bận việc riêng, đã vắng mặt, chúng tôi chân thành xin lỗi. Theo lời hứa của Kim Thi, chắc chắn *Ngày... Tháng*... sẽ tái xuất hiện trong số tới.

HỢP LƯU



NGUYỄN VĂN TRUNG

VỀ DÙNG TIẾNG VIỆT VÀ CÓ QUAN ĐIỂM VIỆT NAM TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

tiếng việt
tiếng việt
tiếng việt
tiếng việt

Tháng 7-1997, hội nghị Âu-Việt lần thứ 3 chọn đề tài "Xã hội Việt Nam, cái tồn tại và cái thay đổi". Tôi gửi bài tham luận về "Chủ nghĩa Mác Lê Nin Ở Việt Nam: những xuất xứ, tiếp cận và chứng từ". Ông John Kleinen, giáo sư đại học Amsterdam, người đứng tổ chức Hội nghị sau khi nhận được bản lược tóm bài tham luận, đã gửi cho tôi đề nghị sửa đổi lại vài điểm để được chấp thuận. Đọc xong bài tham luận, ông lại viết điện thư đề nghị tôi không nên nhìn từ bên trong mà phải nhìn từ bên ngoài, tham khảo xu hướng này xu hướng nọ, tác giả này tác giả kia. Tôi từ chối làm theo lời đề nghị của ông. Tôi không lấy gì làm hân hạnh dự hội nghị về Việt Nam ở Amsterdam; thực ra nếu tôi có đi, có lẽ cũng thất vọng như cách đây 2 năm, tôi dự hội nghị ở Aix-en-Provence. Hội nghị này, nào có mấy ai nhắc đến sau hội nghị? Phát biểu trên đài RFI ngày 21-5-1995, tôi đã phần nào bày tỏ nỗi thất vọng đó, và khi biên thư cho ông Kleinen ngày 5-5-1996 tôi cũng có bày tỏ với ông... Thất vọng vì thấy nói chung những công trình nghiên cứu, sáng tác của người Tây phương, hoặc hội nghị quốc tế về Việt Nam như ở Aix-en-Provence bàn *về* Việt Nam, nhưng không phải chủ yếu nói *với* người Việt Nam, theo lối nhìn Việt Nam, mà chỉ nói với người Tây phương, theo lối nhìn của Tây phương.

Người Việt Nam có thể khác nhau về lối nhìn đất nước của họ nhưng tất cả đều từ quan điểm Việt Nam và do đó không tán thành lối nhìn của Tây phương, với quan điểm Tây phương. Hơn nữa, tôi còn cảm thấy tủi nhục vì trong hội nghị, những người Việt phát biểu công khai cũng phải nói bằng tiếng Anh tiếng Pháp, vì tiếng Việt không có một chỗ đứng nào trong hội nghị và cũng chẳng có một tham luận nào về tiếng Việt. Tôi không phủ nhận sự cần thiết dùng một tiếng nói chung trong giao dịch hàng ngày, giao dịch quốc tế về buôn bán, ngoại giao và trong nghiên cứu phổ biến khoa học kỹ thuật. Nhưng về khoa học nhân văn, khoa học tôn giáo, khoa học xã hội, không thể hiểu được con người, nếp sống, văn hóa của 1 nước nếu không biết tiếng nói của nước đó, không phải vì tự ái dân tộc, mà chính vì yêu cầu có tính cách phương pháp luận của tìm hiểu khoa học. Muốn hiểu triết học, tôn giáo nào, phải biết tiếng của nước phát xuất ra tôn giáo, triết học đó, hiểu đúng rồi, đôi khi không thể dịch, cùng lắm phi ên âm, vì dịch có thể sai nghĩa. Ngay cả tiếng nói hằng ngày cũng có những từ không dịch được vì tiếng định dịch ra không có từ tương xứng. Tôi vừa làm 1 bài thuyết trình về gia đình bằng tiếng Pháp, nói về gia đình Việt Nam, tại sao tương đối theo truyền thống giữ được không tan vỡ trong hôn nhân, quan hệ cha mẹ con cái; 1 trong nhiều lý do là người Việt giữ được "tình nghĩa". Vợ chồng mới lấy nhau, chỉ có tình, ở lâu năm, tình có thể không còn, nhưng còn nghĩa. Con cái lúc bé, thương yêu cha mẹ, khi lập gia đình, thương yêu người khác, nhưng đối với cha mẹ vẫn tôn kính vâng lời vì giữ được cái nghĩa. Tôi không thể dịch được từ "nghĩa", vì trong tiếng Pháp chỉ có những từ như obligation, devoir cho thấy có tính bó buộc, miễn cưỡng, trong khi "nghĩa" vẫn là tình cảm, đành phải dùng nguyên từ kép "tình nghĩa" thôi, cũng như không thể dịch "phở", "chả giò", phải để nguyên như người ta không dịch món "pizza" của Ý.

Trở lại hội nghị Aix-en-Provence, tôi thấy thế hệ đàn anh Tây phương hiểu biết văn hóa, lịch sử Việt Nam nay không còn ai - chỉ có những người trẻ hơn, do làm báo hay dạy tiếng Pháp ở Việt Nam trước 1975 xoay sang nghiên cứu Việt Nam, thường chỉ chú trọng thời Pháp thuộc và viết theo quan điểm của người Pháp, 1 số ít thật trẻ, đang học tiếng Việt nên phải đợi từ 10 đến 20 năm mới có những nhà nghiên cứu Việt học thông thạo chữ Việt, Hán Nôm như đàn anh của họ. Về phía Việt Nam cũng vậy, những người được đào tạo trong chế độ xã hội chủ nghĩa, thực ra không có khoa học xã hội hiểu theo nghĩa quốc tế, nên cũng chưa được chuẩn bị để dự những hội nghị quốc tế. Tôi có nêu đích danh trường hợp ông Philippe Devilliers viết sử Việt Nam, chỉ căn cứ vào tài liệu Pháp thế mà không thấy người Pháp nêu thắc mắc, trước tôi đã có nhiều người Việt Nam như Bùi Xuân Quang, Thái Quang Trung làm việc phê bình này.

Trong hội nghị ở Amsterdam kỳ này, tôi nói rõ hơn ý định của tôi: giải thích tại sao những người nghiên cứu Việt Nam, được đào tạo trong chế độ xã hội chủ nghĩa đã không thể tiếp cận những vấn đề Việt Nam theo lề lối quen thuộc của đại học các viện nghiên cứu trên thế giới và đề nghị những nhà nghiên cứu Tây phương từ bỏ thái độ coi Âu châu là trung tâm, thái độ mang tinh thần đế quốc văn hóa, dựa vào bản văn của một số nhà tư tưởng lớn vào thập niên 1960, 1970. Bài tham luận của tôi ở Aix-en-Provence hẳn cũng đã gây khó chịu, nên không được đưa vào sách in các tham luận của hội nghị, mặc dầu 1 vài nhà nghiên cứu có tiếng từng ở Việt Nam, đã đánh giá bài của tôi là 1 trong những bài họ ưng ý nhất.

Lần này, chắc hẳn sự khó chịu càng tăng vì tôi đã hầu như công khai nêu vấn đề chính danh của một hội nghị quốc tế về Việt Nam mà những người nghiên cứu không nói đọc được tiếng Việt. Tôi nghĩ tôi phải nói rõ hơn ý định của tôi 1 cách không *khoan nhượng úp mở,* vì trong thời gian vừa qua tôi có dịp đọc 1 số luận án, luận văn về Việt Nam và thấy có trách nhiệm cảnh giác về xu hướng lệch lạc mà tôi gọi là *"tây cha - tây con"*. Tôi chỉ nêu 2 trường hợp: 1 người mang tên Việt Nam làm luận án về đế quốc văn hóa Mỹ ở miền Nam trước 1975 trong lãnh vực giáo dục đại học dưới sự bảo trợ của ông P. Devilliers mà hầu như chỉ dựa vào tài liệu nước ngoài. Tôi là người không phải chỉ giảng dạy mà còn tham gia các hội đồng khoa, viện từ 1957 đến 1975, cũng không phải là người không chống Mỹ, nhưng quả thực người Mỹ chưa chi phối đại học miền Nam Việt Nam thời kỳ này và tất cả các đồng nghiệp của tôi đều có thể khẳng định điều đó.

Nhân dịp ghé Paris, ông Hoàng Khoa Khôi, 1 vị lão thành của đệ tứ đã trao cho tôi tập "Hồ sơ về Phong trào Đệ tứ Việt Nam" (Tập 1, Tủ sách nghiên cứu Paris). Trong tập này có nêu vấn đề ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người Troskistes Việt Nam ? Ông Daniel Hemery (đại học Paris VII) làm luận án tiến sĩ về đề tài này, nên Noam Chomsky viết thư hỏi ông để ông hiểu rõ sự thật mà đối đáp những người chống Cộng. Ông Hemery thú nhận chưa biết ai là kẻ đứng đầu ra lệnh, và đành phải chờ văn khố của chính phủ ở Aix-en-Provence hiện nay chưa được phép khai thác, và vì vậy ông chỉ đưa ra những giả thuyết. Nếu ông Hemery biết đọc tiếng Việt và đi tìm tài liệu phía Việt Nam, ông đã tìm ra giải đáp. Có 1 nhân chứng đảm bảo về tư cách nghiêm chỉnh của một nhà báo theo sát diễn tiến thời kỳ này và đã ghi lại trong 1 tập hồi ký, in ra chỉ để gửi cho bạn bè không bán và sau 1975, đã xin bạn bè cho lại. Tôi không gặp lại ông, nên vẫn giữ 1 bản và hiện đang có bản đó trong tay, nhưng vì không vui nên không báo cho ông Hemery biết mặc dầu tôi quen ông, tuy nhiên tôi sẽ cho ông Khôi biết để ông biên khảo.

Giáo sư Hemery bảo trợ cho 1 người Việt Nam làm luận án về Mouvements d'opposition des étudiants et intellectuels et des formations religieuses au Sud Việt Nam de 1955 à 1975, mémoire de DEA, trình ngày 18-1-94. Về nguồn tài liệu, tác giả cũng chỉ đọc sách báo ở các thư viện Pháp Mỹ, điều càng ngạc nhiên là tác giả cho biết có mặt ở Việt Nam thời kỳ đó. Tại sao không tham khảo tài liệu gốc ở Việt Nam? Tôi ở trong những phong trào đó, sưu tầm được khá nhiều tài liệu và các sinh viên cũng trao cho tôi giữ, tôi đem gửi ở các nhà dòng, cơ sở công giáo và sau 1975, tôi trao cho nhiều nơi và biết hiện nay những chổ nào có, do đó tôi có kinh nghiệm và cơ sở để đánh giá 1 công trình nghiên cứu sử như của ông Việt Nam làm luận án với giáo sư Hemery. Tại sao không phải chỉ người Tây phương khuynh hữu mà cả người khuynh tả, đảng viên hay cựu đảng viên đảng cộng sản cũng đi theo xu hướng m ang tính chất đế quốc văn hóa nhằm biến những người trí thức cựu thuộc địa thành tây con về văn hóa và những sáng tác nghệ thuật của họ trở thành những "quái thai" đối với người Việt Nam mặc dầu được đề cao, được giải thưởng này nọ.

Tại sao những người nghiên cứu Tây phương nghiên cứu Việt Nam không lưu ý học nói tiếng Việt cửa ngõ đưa vào tìm hiểu văn hóa Việt Nam? Trong hội nghị Aix-en-Provence, giáo sư Condominas thuộc thế hệ đàn anh đã trách những người Pháp nghiên cứu Việt Nam không đề nghị đặt tên 1 đường Cadière; phải chăng vì không muốn theo gương những người Pháp nghiên cứu Việt Nam đã nhận Việt Nam làm quê hương thứ hai của họ chia sẻ đời sống của người dân Việt Nam ở thôn quê? Linh mục Cadière coi 1 họ đạo thuộc tỉnh Quảng Trị Thừa Thiên và vì thế ông mới có thể nghiên cứu những tiếng địa phương, phong tục tập quán tín ngưỡng của người dân thường; khi về già viết 1 hồi ký của 1 người Việt Nam hóa Souvenirs d'un vieil annamitisant. Nhiều nhà dân tộc học, ngôn ngữ học Tây phương hiện nay cũng ít nhiều mang tinh thần và có lối sống thừa sai. Đọc Les Tristes Tropiques của Claude Lévi-Strauss không thể không nghĩ tới hồi ký của Cadière. Xu hướng nghiên cứu này không những chấm dứt thái độ coi văn hóa Âu c hâu là trung tâm, mà còn phê phán nó, coi các nền văn hóa, ngay cả các nền văn hóa bị gọi là sơ khai, chỉ *khác* văn hóa Tây phương mà thôi. Nếu không chia xẻ đời sống của dân tộc mình muốn nghiên cứu, ít ra học nói viết tiếng của dân tộc đó, làm sao có thể hiểu tâm tình văn hóa của nó? Tác giả 1 bài báo đăng trong L'Express ngày 13-6-96 bày tỏ mối lo ngại về "Á châu có thể sắp vượt chúng ta" đưa ra những lý do về địa lý, địa lý chính trị, chính trị, kinh tế, v.v... để giải thích. Tất cả đều đúng, chỉ thiếu có một yếu tố: tình cảm "tủi nhục". Chính ý chí muốn thoát khỏi ách nô lệ phương Tây, trở thành nước phát triển là động lực giải thích sự vươn lên của các nước Á châu. Nhân vụ

các công nhân Việt Nam bị đối xử tàn nhẫn trong các xí nghiệp ngoại quốc, đã gây phản ứng chống đối, tố cáo của người Việt Nam trong nước ngoài nước kể cả người Tây phương. Đọc 1 tài liệu về vấn đề này của tổ chức "Phát triển và Hoà bình" ở Canada không thấy chỗ nào nói đến tình cảm tủi nhục này trừ lời tuyên bố c ủa tòa án Sài Gòn . Một hiểu biết không dựa vào thông cảm văn hóa có thể rất khoa học, chính xác nhưng đó chỉ là những con số, những thống kê. Người ta có thể đo máu, phân loại máu người Việt Nam rất chính xác, nhưng không thể hiểu được thế nào là "hăng máu", bầu nhiệt huyết, nếu không rành tiếng Việt, văn hóa Việt Nam.

Không phải tôi chỉ đề nghị xử dụng tiếng Việt trong các hội nghị quốc tế mà cả trong việc làm luận án tiến sĩ ở nước ngoài. Hồi đầu năm nay, tôi gửi mấy đại học Mỹ vùng Chicago đề nghị mở kỳ thi tiến sĩ viết bằng tiếng Việt cho 1 số cựu sinh viên đại học Văn khoa trước 1975. Các lớp tiến sĩ của đại học này đã bị gián đoạn sau những biến cố 30-4-1975; có người mới chỉ xong tiến sĩ phần 1, có người mới ghi danh; tất cả đều ở trong tình trạng dang dở ngoài ý muốn của họ. Hiện nay họ ở rãi rác hoặc ở Việt Nam hoặc ở Âu châu hay Bắc Mỹ, đều trên dưới 50 tuổi mặc dầu phải làm những nghề không phù hợp với chuyên môn của họ, họ vẫn tiếp tục khảo cứu văn hóa Việt Nam. Tôi cũng đã dựa vào tài liệu của Viện hợp tác quốc tế giao lưu văn hóa ở Zurich đề nghị viết luận án bằng tiếng Việt và nếu cần kèm theo 1 bản tiếng Anh. Nếu đại học Mỹ chấp nhận đề nghị này, điều đó có nghĩa đã tạo điều kiện cho họ đóng góp vào việc thực hiện khẩu hiệu "E pluribus Unum" đã được viết trên quốc ấn của Hiệp chủng quốc là 1 nước kết tạo từ nhiều nguồn văn hóa các sắc tộc khác nhau trên thế giới; điều đó cũng chứng tỏ nền giáo dục Hoa kỳ luôn luôn có khả năng tiếp tục khẳng định tính đa dạng là nguồn sức mạnh của hôm nay và tiềm năng phồn thịnh của ngày mai. Một cách cụ thể, đề nghị không những cho những cựu sinh viên hiện ở Bắc Mỹ mà cả cựu sinh viên ở Âu châu, Úc châu và Việt Nam được nhận ghi tên, tôi cũng giới thiệu ban giảng huấn cũ của trường, những người đã chết và những người còn sống hiện ở Bắc Mỹ và Âu châu; mục đích thực sự của đề nghị không hẳn nhằm đào tạo cho họ 1 học vị có thể chỉ là hư vị mà chỉ để cho họ hoàn thành công trình nghiên cứu dang dở, còn các đại học Mỹ có thêm 1 số công trình nghiên cứu Việt Nam vùng Đông Nam Á. Tôi được báo tin đề nghị được chấp thuận trên nguyên tắc và thí sinh có thể viết luận án bằng tiếng Việt; một buổi gặp mặt với 3 vị viện trưởng vùng Chicago được ấn định vào ngày 8-2-1997 nhưng rất tiếc tôi đã không thể đi được chỉ vì không có tiền mua vé má y bay.

Giả sử đề nghị trên được gửi tới các đại học Âu châu, liệu có được chấp nhận hay không? Đề nghị của tôi về tổ chức hội nghị quốc tế và làm luận án ở các đại học nước ngoài bằng tiếng Việt bầy tỏ 1 lựa chọn căn bản về khởi

điểm của mọi công trình nghiên cứu. Có 2 hướng:

1. hoặc từ những lối nhìn quan điểm của người Việt Nam về những vấn đề Việt Nam do những người Việt Nam đề xuất và những người ngoại quốc lưu tâm đến Việt Nam hơn nữa muốn giúp đỡ mặt nọ mặt kia *trước hết* phải lắng nghe người Việt Nam phát biểu và sau đó đóng góp ý kiến, giúp đỡ theo đòi hỏi yêu cầu của người Việt Nam

2. hoặc từ lối nhìn quan điểm của người ngoại quốc bất chấp ý kiến của người Việt Nam nghĩ sao về những vấn đề Việt Nam của họ rồi ép người Việt Nam kể cả chính quyền phải chấp nhận quan điểm của mình mới có thể được giúp đỡ.

Nhìn vào tổ chức hội nghị Amsterdam dưới sự bảo trợ của các bộ trưởng ngoại giao kinh tế của Hoà Lan, Bỉ, các cựu đại sứ đã ở Việt Nam, viện trưởng các đại học, và hầu hết các vị chủ nhiệm những đề mục trao đổi thảo luận đều là người nước ngoài, không thể không nghĩ việc nghiên cứu đại học tách rời những mục tiêu chính trị của mấy nước Bắc Âu nói riêng và Âu châu nói chung vì hội nghị mang danh là Âu Việt, các nước Âu châu phải kết hợp thành 1 khối mới có khả năng đương đầu với những khối khác như Bắc Mỹ, Trung quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á. Nói cách khác vấn đề Việt Nam được đặt ra trong khuôn khổ tranh dành giữa các khối cường quốc khu vực và người Việt Nam mặc dầu là 1 nước nhỏ do vị trí địa lý chính trị của mình được hân hạnh ở trong niềm ưu ái của các cường quốc, khối các nước khu vực lưu tâm nghiên cứu tìm hiểu nhằm đáp ứng những quyền lợi kinh tế chính trị văn hóa của các nước đó bất chấp có phù hợp với quyền lợi của người Việt Nam hay không?Như vậy đã rõ bài tham luận của tôi đ úng là lạc đề vì nhìn từ bên trong dựa vào kinh nghiệm bản thân. Sau khi Việt Nam tuyên bố mở cửa, nhiều viện nghiên cứu Đông Nam Á, trung tâm Việt học kể như ngừng hoạt động từ 1975 nay hồi sinh cùng với sự thành lập thêm nhiều viện nghiên cứu Đông Nam Á khác ở Âu châu, Bắc Mỹ. Thật rất tiếc những viện nghiên Đông Nam Á ở Bắc Âu, thuộc những nước không trực tiếp dính líu vào cuộc chiến Việt Nam có thể đứng trên chính trị, tổ chức những diễn đàn cho người Việt vẫn còn tiếp tục cuộc chiến Việt-Việt, đôi khi thật gay gắt bàn về những vấn đề đất nước của họ như tôi đã đề nghị trong thư gửi ông Kleinen, chẳng những không làm cho họ chia rẽ nhau mà trái lại gần gũi nhau hơn, yêu quý văn hóa, dân tộc của họ hơn, lại đi vào những sách lược chính trị của các khối... chỉ giả vờ thân thiện với Hà Nội. Hà Nội đi guốc trong bụng họ cũng chỉ giả vờ thân thiện với họ, với Tây phương. Điều gì họ thực sự cần Tây phương, họ đài thọ mọi chi phí cho người có khả năng đi tiếp xúc, họp hội nghị; còn những thứ đi ra nước ngoài kiểu hữu nghị, chiêu đãi, thì chủ trương

mời mới đi, và thường để thưởng công, để "tăng thêm thu nhập" như đã được đúc kết. Đại tu: lo về kinh tế; trung tu: lo về sức khỏe; tiểu tu: mới lo trau dồi kiến thức. Trong hội nghị Aix-en-Provence, phái đoàn từ Việt Nam qua trên dưới 20 vị, nhiều vị đến sau khi hội nghị đã khai mạc, nhiều vị không có tham luận, một vài tham luận vài trang viết bôi bác, đa số không phát biểu trong hội nghị. Không phải họ không biết gì hay không thể làm khá hơn, nhưng cần gì phải nói những điều thực sự muốn nói khi mục đích chính của hội nghị là để chiêu đãi. Nào có ai hạch hỏi về đề tài không phù hợp với hội nghị hay yêu cầu phải kể tên tác giả Tây phương này nọ. Họ đã làm với tôi, phải chăng chỉ vì tôi không phải là khách mời đến từ Hà Nội. Họ mời Hà Nội, trân trọng chiêu đãi, Hà Nội cám ơn; họ đề nghị hợp tác, kết nghĩa với Hà Nội, Hà Nội cũng cám ơn. Hà Nội đã từng phê phán tố cáo những viện, cơ quan nghiên cứu văn hóa thời thực dân như trường Viễn đông bác cổ trong tập san Văn Sử Địa hồi thập niên 1960. Thời nay mở cửa, Hà Nội càng cảnh giác cao độ. Họ xin vào nước Việt Nam, hà Nội đồng ý nhưng không ngại khám xét, tịch thu tài liệu sách báo, không gia hạn chiếu khán và mọi chi phí họ tự đài thọ lấy. Họ phàn nàn kệ họ, nếu họ vẫn tiếp tục xin vào, càng chứng tỏ họ có ý đồ không tốt...

Ở Việt Nam, tại Sài Gòn Hà Nội cũng mọc ra hàng chục viện Đông Nam Á, Đông Nam Á Thái bình dương, v.v... thường tá túc ở một xó xỉnh nào đó trong trường đại học không ăn nhằm gì tới loại nghiên cứu đó - cũng để tăng thêm thu nhập bằng cách móc túi các tổ chức nghiên cứu, hay cả các hãng kinh doanh nước ngoài nữa. Xin được trợ cấp 10 ngàn đô la của Mỹ thật khó, còn khó hơn nữa đối với Âu châu, nhưng Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn thì 1 người có thể dễ dàng xin 30 ngàn kể cả đi tham quan. Nói đúng ra có hơi loạn một chút, nhưng khi đã đạt mục tiêu hoặc tìm được cách thức thu nhập khác thì dẹp hay tự dẹp mấy hồi.

Nhân sự việc kể trên tôi muốn bày tỏ với đồng bào của tôi đặc biệt những người nghiên cứu Việt Nam trong nước hay ngoài nước niềm tủi nhục của tôi đồng thời cũng là của mọi người Việt Nam không được những người ngoại quốc mang danh nghĩa nghiên cứu Việt Nam để cho mình đóng vai trò chủ động, vì chỉ người Việt Nam mới thực sự sống chết vì đất nước Việt Nam *cho* tương lai dân tộc Việt Nam, do đó họ cần dành lại thế chủ động, ngồi lại với nhau cùng nhau đảm nhận trách nhiệm của mình. Nhưng nghĩ đến tình hình nghiên cứu Việt Nam trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, tôi cũng phải thành thật mà nói tôi bắt đầu thất vọng. Người ngoại quốc nhìn Việt Nam theo lối nhìn của họ, để phục vụ quyền lợi của họ là điều hiểu được. Còn người Việt ở nước ngoài, trong giới Công giáo, Phật giáo, giới báo chí, làm văn hóa không *trước hết* nhìn vào thực tế cộng đồng để lo xây dựng cộng đồng

lại chỉ chú tâm xây dựng Việt Nam ở trong nước, chú tâm Việt Nam trong nước nhưng không *trước hết* lắng nghe, tìm hiể u người trong nước - những kẻ thực sự có trách nhiệm, bất kể thuộc xu hướng, giới nào, miền nào, nghiên cứu văn hóa thế nào, ai với ai, có kết quả không hoặc họ muốn gì, cần gì từ thực tế trong nước, nhưng xây dựng 1 nước Việt Nam mà mình đã bỏ đi từ 50, 40, 20 năm theo ước muốn của mình. Nói cách khác 1 nước Việt Nam *của* cộng đồng thiểu số ăn nói ở nước ngoài, không phải nước Việt Nam *của* người Việt Nam trong nước hay của giáo hội Công giáo, Phật giáo trong nước.

Ca tụng Dương Thu Hương, Nguyễn Hộ đã bị *"ngộ nhận"* thế nào; bây giờ lại ca tụng Nguyễn Kiến Giang, Lê Phương, Nguyễn Ngọc Lan, Hà Sĩ Phu, v.v... mà không thử tự hỏi những nhân vật ở trong nước thực sự nghĩ gì về mình như họ nói với tôi và họ viết để làm gì, cho ai ? Đọc Chia Tay Ý Thức Hệ của Hà Sĩ Phu mà không chú ý lời đề tặng trân trọng ghi ở dưới "Kính tặng đảng cộng sản Việt Nam" hay "những người cộng sản Việt Nam" Thế thì Hà Sĩ Phu viết lời kính tặng đó hoàn toàn vô tình vô nghĩa sao ?

Nhưng tôi có nên bầy tỏ nỗi thất vọng của tôi không? Tôi biết có một hai vị chủ trương những tạp chí văn hóa ở Bắc Mỹ, bỏ nước từ 1975, trở về Việt Nam một thời gian ngắn, gặp lại tôi ở Mỹ cho biết phải thay đổi hết lối nhìn. Nếu những ông bạn này cho đến nay vẫn dè dặt chưa thể nói ra cảm nghĩ của họ, thì tôi, bị chụp đủ thứ mũ trên đầu, liệu nói ra có ích lợi gì? Nếu cần nói lên 1 lời thôi, thì xin thưa với các vị trí thức ở hải ngoại đang chủ trương kêu gọi "người Việt hải ngoại phải thành tâm tận lực hổ trợ phong trào dân chủ trong nước" (Tôn Thất Thiện, *Thông Luận* tháng 4-1997) vì theo các vị "kêu gọi đoàn kết giữa những người Việt hải ngoại là 1 sự không thực hiện được, chỉ là 1 sự phí phạm thì giờ, chúng ta không nên mất thì giờ để nói và kêu gọi đoàn kết nữa, vì sau 21 năm rồi, dân tộc Việt không thể ngồi chờ chúng ta đoàn kết thành 1 lực lượng duy nhất", nay chỉ có cách đoàn kết là tất cả mọi người, mỗi tổ chức đoàn thể, bằng tất cả phương tiện của mình, tìm đủ cách hổ trợ c ho phong trào dân chủ trong nước", chỉ xin quí vị lưu ý mấy điểm sau :

1. Giữa các quý vị, 1 thiểu số đồng ý hổ trợ những phần tử đối lập trong nước, cũng mạnh ai nấy ủng hộ, có ngồi chung với nhau được không? 4 tạp chí ở Paris cùng chủ trương, nhưng có họp mặt với nhau để cùng chủ trương không? Còn tờ Đối Thoại ở Mỹ, ngay trong những vị chủ biên tạp chí cũng không ngồi với nhau, rút cục, tờ báo phải ngừng.

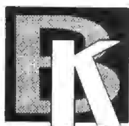
2. Các quí vị phải hiểu xem những người Đức, Đông Âu, sau khi chế độ

cộng sản đã sụp đổ, có ngồi với nhau được về mọi sự không?

3. Ở Việt Nam, chắc các quí vị có bà con hay bạn bè trong nước, thử hỏi xem trí thức Sài Gòn, Hà Nội sống với nhau trên 20 năm, thực tế, trong nhiều lãnh vực chuyên môn phải ngồi với nhau, cùng bàn, chẳng ai nói đến Mác xít bao giờ, quả thực tế có thể ngồi với nhau và thân tình nhau nhưng chỉ từng việc, từng địa hạt và trong chuyên môn thôi, còn không đề cập đến chính trị, ngay cả đời sống hàng ngày cũng chưa hoà hết được, trí thức Sài Gòn vẫn đi với nhau, trí thức Hà Nội cũng vậy; không phải lỗi tại ai, quá khứ còn nặng, những khác biệt về đào tạo, quan điểm không thể 1 sớm 1 chiều khắc phục ngay được. Đó là những người cùng sống trong 1 hoàn cảnh, như trên 1 con thuyền, chia sẻ thân phận của những kẻ cùng thuyền, mà còn chưa sáp hẳn chung với nhau, nói gì đến những người ở ngoài con thuyền.

4. Ở trong nước, những người cộng sản thường nói đến 1 căn bệnh để phê bình, tự phê bình: bệnh duy ý chí, nghĩa là những người không chịu nhận thực tế, suy nghĩ hành động từ thực tế, chỉ dựa vào ước muốn chủ quan và quyết tâm nhiệt tình của mình, nên hỏng việc và gây thiệt hại vô kể. Ở ngoài nước, những trí thức không cộng sản, quốc gia có mắc bệnh này không? Nếu có, hậu quả thế nào nếu hành động mà không trước hết dựa vào đoàn kết với nhau? Xem chừng căn bệnh này ở hải ngoại nặng hơn ở trong nước vì những người trong nước mắc bệnh thường thuộc giới ít học, trái lại ở hải ngoại thuộc giới trí thức quá hiểu biết, nhưng sợ nhìn nhận thực tế, do đó căn bệnh khó chữa hơn nhiều.

NGUYỄN VĂN TRUNG
5-1997



NGUYỄN VY-KHANH

TIẾNG VIỆT & MỘT SỐ TÁC PHẨM MỚI PHÁT HIỆN



Trên tạp chí Hợp Lưu, người đọc đã có dịp biết đến một số những khám phá mới về văn học Việt Nam qua các đóng góp của hai học giả vừa quá cố: Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp. Nhiều học giả khác cũng có những công trình đóng góp đáng kể. Các phát hiện, khám phá về Nguyễn Trãi (thơ *Nôm, Gia Huấn Ca*), Nguyễn Du, Dương Khuê, Lê Quý Đôn, Hồ Xuân Hương (thơ chữ Hán *Lưu Hương Ký*), vv... sẽ buộc người viết văn học sử tu chính lại những gì đã được viết. Theo ý chúng tôi, có những phát hiện khác về văn học miền Nam chưa được phổ biến rộng rãi một cách chính thức sẽ thay đổi hơn nữa nội dung của một bộ văn học sử Việt Nam đúng nghĩa. Trong bài *Miền Nam Khai Phóng* (1), chúng tôi đã đề cập đến những công bố mới về *Thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ cũng như một số khai phá tiên phong về văn học báo chí mở đường cho nền văn học bằng chữ quốc ngữ như ngày nay. Sau đó chúng tôi khám phá thêm công trình nghiên cứu *Lục Châu Học* (dựa vào Văn, Sử bằng chữ quốc ngữ xuất bản ở miền Nam Việt Nam 1860-1930, tìm hiểu con người vùng đất mới) của giáo sư Nguyễn Văn Trung cũng như một số công trình khác của khoa Ngữ văn thuộc đại học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh sau khi có chính sách

(1) Tuyển tập *Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng*, số 1 (9-1996), tr. 13-32.

Đổi mới ở trong nước, như tập *Về Sách Báo Của Tác Giả Công Giáo (Thế kỷ XVII-XIX)*. Trong bài này, chúng tôi sẽ giới thiệu cuốn *Sấm Truyền Ca*, cuốn sử *Đại Nam Việt Quấc Triều Sử Ký* và *Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch* cũng như một vài khám phá khác về những đóng góp văn học và văn hóa của miền Nam; từ đó chúng tôi sẽ nêu một số ý kiến về sự phát triển của tiếng Việt.

1. Sấm Truyền Ca (1670):

Đạo Thiên Chúa du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVI, đến thế kỷ XVIII đã chỉ có một thời được ít nhiều thuận lợi nhất là ở miền Nam, dù liên tục bị các vua chúa cấm, đã "giúp" Nguyễn Ánh thống nhất hai miền Đàng Trong Đàng Ngoài, thật sự thống nhất sau cái thống nhất ngắn ngủi của vua Quang Trung. Về văn hóa xã hội, nói chung, đạo Thiên Chúa đã góp phần giải phóng cá nhân. Trong hoàn cảnh tiếp xúc mới xuất hiện những truyện Nôm đáp ứng nhu cầu mới của những tiếp xúc với người Tây phương và của cả chiến tranh. Theo bà Quách Thanh Tâm, hai truyện *Phan Trần* và *Thạch Sanh* đã ra đời trong hoàn cảnh đó (2). Bên cạnh những tác phẩm của giới trí thức, có khi khuyết danh cố ý, đã có những tác phẩm tôn giáo có giá trị văn học viết bằng chữ Nôm như *Sấm Truyền Ca* (1670) của Lữ Y Đoan, như *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông* (cùng thế kỷ XVII) của Majorica, hoặc viết bằng chữ quốc ngữ như *Tuồng Joseph* (1888) của Trương Minh Ký, *Phi Năng Thi tập* của Philippe Phan Văn Minh, linh mục được phong thánh năm 1989 và là tác giả cộng sự viên soạn *Tự điển Tabert* (1838), khuyết danh có tập *Vãn Và Tuồng* (1899, in lần 3). Hay như tập *Đại Nam Việt Quấc Triều Sử Ký* (1879) có thể nói là bộ sử đầu tiên viết theo lối Tây phương và có đặc điểm viết với quan điểm của người dân thường miền Nam thay vì viết theo chính sử.

Sấm Truyền Ca nguyên tác viết bằng chữ Nôm, tác giả là thầy giảng (linh mục) Lữ Y (Louis) Đoan, được viết vào năm 1670. Hiện nguyên tác đã thất lạc, chỉ còn bản quốc ngữ. *Sấm Truyền Ca* là một tác phẩm văn học đặc sắc vì phản ảnh một nỗ lực Việt Nam hóa và bình dân hóa Kinh Thánh bằng cách mượn những yếu tố văn hóa Việt Nam và Đông phương để diễn dịch Kinh Thánh. Lưu truyền hạn chế trong giới thu hẹp "nhà thờ", tác phẩm chắc đã được sửa đổi nhiều lần vì bản hiện còn dễ khiến người đọc nghĩ đến các truyện

---

(2) Quách Thanh Tâm. "Suy nghĩ về các truyện Nôm khuyết danh thế kỷ 18" Tr. 152-161 IN *90 Năm Nghiên Cứu Về Văn Hóa Và Lịch Sử Việt Nam / 90 ans de recherches sur la culture et l'histoire du Việt Nam.* Hà Nội : NXB Xã Hội; École Franậaise d'Extrême-Orient, 1995.

Nôm nổi tiếng của thế kỷ XVIII và XIX. Theo bản chép tay chúng tôi hiện có của Paulus Tạo, người dịch bản Nôm ra quốc ngữ là Simong Phan Văn Cận. Trong lời tựa ghi tại Cái Mơn ngày 8 tháng chạp Tây năm 1820, ông giới thiệu:

"Truyền rằng sách STC là của Thầy Cả Lữ Y Đoan đặt ra năm 1670, viết bằng chữ Nôm. Thầy cả này đã trở lại đạo hồi nhỏ và đã làm thầy giảng giáp địa phận Đàng Trong, thầy rất tinh thông chữ nho, thuộc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Thầy làm sách này cho hạng văn nho đọc để biết rõ đạo Chúa Giê-su. (...) Sách này của thầy bị nhiều thầy cả Tây dang hồi đó không ưng vì nó lai sách đạo Nho và đạo Phật, nhưng bổn đạo rất ưa và chép lại để đọc (...)."

Trần Hớn Xuyên (1854-1940) là người đã sưu tầm tập *Sấm Truyền Ca* kể lại trường hợp ông khám phá ra bản hiện nay vào năm 1910 : "Trải qua cơn bắt đạo dữ dằn đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, việc giữ đạo ở miền Nam phải âm thầm, sách vở ảnh tượng đều được chôn giấu. Đến năm 1870 có người đào được tại Cái Nhum (Chợ Lách, Vĩnh Long) một hầm vô chủ, có nhiều sách vở về đạo thánh, trong đó có *Sấm Truyền Ca*, giấy đã mục nhiều (...) Các linh mục Pháp thời đó không nhìn nhận là đúng với Kinh Thánh của bổn đạo, nên cấm bổn đạo vì sách dị đoan. Vì đó *Sấm Truyền Ca* bị mai một (...) *Sấm Truyền Ca* là sự dung hòa giữa nền văn hóa Đông phương và Tây phương. Tôi không nhận xét về mặt hợp hay không hợp Kinh Thánh, tôi mến phục lối thơ lục bát của người xưa và cách dùng chữ An Nam hồi đó, đã lột được ý nghĩa của Kinh Thánh cho người An Nam dùng cách dễ dàng. Vì thế tôi đã xin chép lại để làm tài liệu quý giá, dành cho con cháu ngày sau được biết ông bà xưa cũng đóng góp rất nhiều vào kho tàng quốc văn của dân tộc".

Paulus Tạo của tuần báo *Nam Kỳ Địa Phận* và Nguyễn Văn Nhạn của báo *Tông Đồ* là hai người đã phổ biến bản *Sấm Truyền Ca* vốn gồm 5 quyển của Kinh Thánh Cựu Ước, bản hiện có chỉ còn quyển 1 Genesis và một phần của thiên Exodus.

Trước hết, có thể nói *Sấm Truyền Ca* là dấu tích văn bản Nôm xưa nhất của Việt Nam (1670) vì các văn bản văn học Nôm khác như Thơ *Nôm* hay *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi (hay Lý Văn Phức?!), Thơ Văn Quốc Âm của Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Hồng Đức Quốc Âm* Thi Tập, vv cũng chỉ là những bản chép lại vào thời Tự Đức với chữ Nôm của thời vua Tự Đức (1840-1883). Tình trạng văn bản, thư tịch Việt Nam trước thời hiện đại vừa thô sơ vừa phức tạp. Thô sơ về cách in ấn và vì nguồn gốc văn bản thường không được ghi lại; phức tạp vì các văn bản thất tán, sao lục sai lạc bừa bãi, có khi sự nhuận sắc tự động hóa với bổ sung, hiệu đính cho hoàn hảo hơn dù chủ quan; tên tác giả không phải lúc nào cũng được tôn trọng, lại có truyền thống ẩn danh đối với một số tác phẩm. Việc kiểm soát thư tịch Việt Nam rất khó đối với các tác phẩm chữ Hán và Nôm. Một lý do văn hóa của vấn đề nằm ở truyền thống kiểm

soát của các chế độ lịch triều quân chủ : vấn đề chính thống, dù có thời chỉ là Tống Nho. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du c hẳng hạn, nay không còn dấu vết bản Nôm gốc đầu thế kỷ XIX, thơ *Nôm* của Nguyễn Trãi chỉ được sưu tầm biên soạn 400 năm sau (*Ức Trai Di Tập* của Dương Bá Cung, 1868 đời Tự Đức); nói chi đến thơ văn Thiền Tông (chữ Hán) đời Lý Trần thế kỷ X và XI bản in đầu chỉ vào năm 1715 (*Thiền Uyển Tập Anh*).

Là một trong bốn linh mục Đàng Trong đầu tiên được thụ phong tại Kẻ Chàm (Quãng Ngãi) năm 1676, Lữ Y Đoan đã Việt hóa và Đông phương hóa Kinh Thánh với một tinh thần dân tộc rất cao, việc làm mà chỉ từ công đồng Vatican II (1962) mới được cho phép. Ông đã dùng những quan niệm Tam cương, Ngũ Thường của nền luân lý Á đông cũng như những thực tế và truyền thống văn hóa dân tộc để giải thích giáo lý của Kinh Thánh về vũ trụ vạn vật. Ông đã theo sát Kinh Thánh Cựu Ước nhưng đồng thời chứng tỏ có óc sáng tạo độc đáo và tầm trí tuệ hiểu Thần học cao hơn cả các vị bề trên người Pháp của ông ; ngoài việc không hiểu văn hóa Đông phương, đó có thể là lý do những người này loại *Sấm Truyền Ca* cho là dị đoan, sái đạo, đi lệch ra ngoài tinh thần cơ bản của Kinh Thánh. Lữ Y Đoan chứng tỏ giới linh mục, tu sĩ thời đó có tinh thần độc lập, tự chủ, tự hào về văn hóa Việt Nam, bình đẳng với các thừa sai ngoại quốc chứ không mất độc lập và bình đẳng như sau này khi thực dân Pháp đã thôn tính cả nước Việ t Nam.

Lữ Y Đoan đã Việt hóa tên người tên địa dư của nguyên tác cũng như dịch rất văn hóa tựa Kinh Thánh Cựu Ước là *Sấm Truyền Ca*, Genesia là *Tạo Đoan Kinh*, Exodus là *Lập Quốc Kinh.*

Hãy đọc đoạn thơ "Vào Đề" quyển I *Tạo Đoan Kinh :*

"Ngày ngày trước mắt chúng sinh
Chữ đời chữ đạo phân minh đôi đường
Xưa nay trong kiếp vô thường
Thấy điều vân cẩu mà thương nhơn phàm
Loài người từ thuở A-đam
Đua nhau xây dựng mộng ham làm trời
Một pho Kinh Thánh ra đời
Chứng minh vạn đại những lời do Thiên ..."

Thiên *Lập Quốc Kinh* thì được mở đầu như sau :

"Xưa nay diễn biến trò đời
Đồ vương tranh bá bao người máu xương
Một dân dựng nước khác thường
Bàn tay Thượng đế đo lường trước sau
Giếp Tô quyền lực Phan trào

Muôn binh hùng dũng, đất giàu dân đông
Yết Linh đứng dậy tay không
Phá xiềng nô lệ về vùng Trà Nam..."

Trong đoạn trên, Lữ Y Đoan đã có một cái nhìn sáng tạo độc đáo khi quan niệm chuyện dân tộc Do Thái (Yết Linh) 40 năm thiên cư qua sa mạc để về vùng đất hứa Canaan (Trà Nam) như một sự đứng dậy tay không phá xiềng nô lệ. Sáng tạo và mới cả đối với ngày nay, thì làm sao *Sấm Truyền Ca* không bị các thừa sai người Tây phương vốn coi thường văn hóa phương Đông thời đó hiểu được.

Đoạn diễn ca truyện Tháp Babel kể chuyện con cháu ông Nô Ê (Lữ Y Đoan dịch là Nhữ Y) sau trận hồng thủy ngạo nghễ rủ nhau xây tháp cao chạm trời. Chúa đã trừng phạt bằng cách làm cho họ ngôn ngữ bất đồng không hiểu được nhau và hết đoàn kết với nhau; cuối cùng họ phải bỏ dở và phân tán đi khắp mặt đất thành nhiều chủng tộc khác nhau:

"Vả chăng, ngôn ngữ cổ thời
Những điều cảm nghĩ, nói lời như nhau
Phía Đông nhiều tộc vùng cao
Dân đông, đất chật, hoa màu cũng vơi
Định cư đất mới kịp thời
Bàn nhau xây tháp để đời hậu lai
Góp nhau vật liệu đủ đầy
Công trình kiến tạo mỗi ngày rộng cao
Vươn lên tháp đụng Thiên Tào,
Muôn đời danh tiếng, trăng sao phải nhường
Nhân gian ngạo nghễ thiên đường
Trời rằng: "Hiệp nhất vi cường, đại công...
Phải cho ngôn ngữ bất đồng
Mỗi chi một ngả là xong ý đồ !
Thế là nhứt hữu cửu vô
Thế nhân bỏ cuộc, trở cờ chống nhau
Hỗn Lầu (Ba Bên) danh gọi về sau
Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn ..." (đoạn XI)

Ông đã dịch tài tình tháp Babel là Hỗn Lầu, và đã có ý niệm về năm châu. Trong *Sấm Truyền Ca,* dịch giả đã dùng những tư tưởng Phật như "vô thường, hỉ xả, tiền định, chống sát sinh", của Đạo học như "cửu hào, dịch tượng quẻ kiền, thái ất, vv" và quan niệm Nho giáo như "âm dương, ngũ hành, hiếu trung, thiên thời, vv" :

"Cơ trời sinh hóa hóa sinh
Ngũ hành thiên địa tiến trình yên xuôi" (đoạn II).

Tóm lại, *Sấm Truyền Ca* là một tác phẩm thuộc di sản văn chương cổ điển của dân tộc hiếm hoi còn sót lại sau bao chiến tranh, khủng hoảng. *Sấm Truyền Ca* là dấu tích gia tài của người xưa, dấu tích sáng tạo đồng thời là dấu tích của tiếng nói và viết của người xưa. Lâu nay vì nhiều lý do đã bị bỏ quên, ngay bởi người Công giáo, thì nay *Sấm Truyền Ca* cần được nghiên cứu hơn nữa. Có thể nói *Sấm Truyền Ca* là một giao lưu điển hình theo kiểu Việt Nam, khởi từ căn bản tự chủ dân tộc để thu nhận các nền văn hóa thế giới.

2. Đại Nam Việt Quấc Triều Sử Ký (1879):

Đây là một tác phẩm sử học viết bằng chữ quốc ngữ, in lần đầu năm 1879 tại Sài Gòn (256 trang), do các linh mục địa phận Nam kỳ ở Tân Định biên soạn và sửa chữa ở những lần in lại (lần 5, 1909). Tập sử này là dấu tích chữ quốc ngữ và việc học sử ở Nam kỳ vào cuối thế kỷ XIX. Đặc biệt, tác phẩm này cung cấp nhiều tài liệu giá trị, mới mẻ về Tây Sơn và vua Gia Long chưa từng được các sách sử khác nói đến. Tựa sách và ở nhiều nơi gọi Tây Sơn là nguỵ hay giặc, nhìn chung các tác giả có quan điểm gần với các sử quan nhà Nguyễn, nhưng Gia Long hay Nguyễn Ánh đều "được" gọi là Ông. Khen chê Tây Sơn và nhà Nguyễn khách quan hơn và khác với quan điểm của sử thần nhà Nguyễn. Một đoạn nói lên nỗi khổ của người dân giữa hai lần "đạn" :

"Sau nữa, dầu quân Tây Sơn, dầu ông Hoàng Tôn (cháu đích tôn Vũ Vương) thì cũng lấy điều dữ mà nộ nạt thiên hạ và bắt người ta theo mình bằng như nói lời bảo không thì chẳng ra ích gì. Bởi đó cho nên thiên hạ cực khổ lắm phải còn giặc hai bên chỉ đánh nhau mãi. Khi thì bên nọ được khi thì bên kia, mà người ta chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ được xứ nào một ít lâu, mà đến sau phải thua lui thì nhường chỗ, thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy, vì khi trước đã giúp quân giặc" (tr. 34).

Vũ Vương tức chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), con là Nguyễn Phước Thuần tức Định Vương nối ngôi cha. Các tác giả cho biết như sau về nguồn gốc suy yếu của Đàng Trong đưa đến phong trào khởi nghĩa của Tây Sơn:

"Vũ Vương là chúa dữ, gây cực khổ cho dân. Vũ Vương rất xấu tính, biết ai có của gì hay sản vật quý, ít nhiều ngay cả chó, ngựa, chim, vượn hay hoa quả, cam, quít, mít hoặc những giống khác thế ấy hay là vợ con đẹp đẽ xinh tốt thì

ông ấy cướp lấy những vợ con ấy. (...) Vũ Vương ăn ở thế thì chẳng có phép tắc gì. Trong nhà nước, các quan muốn làm sao thì làm, cho nên ai cũng chỉ ra sức bắt chước Vũ Vương mà hiếp dân sự. (...) Sau nữa ông ấy mê sắc dục, ra như chẳng còn biết tính loài người nữa. Chẳng những là có nhiều vợ mà sinh ra nhiều con. (...) Huệ (Duệ) Vương lại là con với người em mà Vũ Vương lấy làm vợ. (...) (Duệ Vương) giống tính cha, ít trí khôn, cũng mê ăn uống chơi bời, xem trò xem hát cùng xem săn bắn, cho nên các quan ấy có ý tìm ích riêng cho mình, vì tin thật, ông Hoàng Thượng (Duệ Vương) mê chơi bời làm vậy, thì sẽ có tên chúa mà thôi (bù nhìn). Còn quờn thế chỉ thời tại mình. (...) Bởi thế hai ông ấy (một trong hai là Trương Phúc Loan) vâng lời trối Vũ Vương, rằng b ao giờ mình qua đời rồi, thì phải lo liệu cho Hoàng Thượng lên làm vua (tức chúa Nguyễn) (...) Bao nhiêu quan chẳng hiệp một lòng một ý với mình hay là có binh ông Chưởng Vũ (bố Nguyễn Ánh) thì lẽ nọ lẽ kia mà bắt tội cất chức, kẻ thì phải giam ngục, lại có kẻ thì phải chết chém nữa"

Về việc Nguyễn Ánh cầu cứu quân Xiêm :

Giám mục Bá Đa Lộc qua đến Xiêm, sau *"vui mừng quá bội"* được gặp lại Nguyễn Ánh ở *"trong cõi Hòn Dừa cách xa đất Xiêm ba ngày đàng"*. Sau đó, *"quân Tây Sơn trở về Qui Nhơn, để ông quan lớn tên là Nam Đĩnh ở lại trong thành Sài gòn làm quan quận công cai trị xứ Đồng Nai, và các xứ khác xung quanh. Vậy ông Nam Đĩnh ấy gửi thơ cho vua Xiêm mà cách nói phụ phàng rất kiêu ngạo, cùng lấy quyền bề trên mà truyền dạy cho ông vua Xiêm hoặc vua An Nam là ông Nguyễn Ánh có qua bên Xiêm hay là có gặp vua ấy ở đâu thì phải bắt mà nộp cho mình bằng không thì sẽ đem quân sang đánh mà đoạt lấy cả nước Xiêm. Vua Xiêm thấy thơ ấy nói một cách vô phép làm vậy thì giận lắm, cùng quyết sang đánh giặc bên An Nam để phạt quân ấy song chẳng có ý cứu vua An Nam đâu"*.

"Đức Thầy (Bá Đa Lộc) biết ý vua thế nào nên đã xin lại vua An Nam dù cực khổ thế nào thì đừng tin cậy vua Xiêm, vì vua ấy có ý làm hại nước Nam mà thôi. Cho nên khi Đức Thầy còn ở bên Xiêm mà xin phép về thì chẳng nói tỏ mình có ý đi giúp vua An Nam một lấy lẽ khá :, người lại thử lòng vua và các quan Xiêm thì người biết được mọi sự. Vậy người lại vào trong cõi Hòn Dừa ở lại hai tháng tròn mà vua bàn các việc cùng người. Các quan đã bỏ vua hết, còn một chiếc tàu và ba trăm quân mà thôi"

"... Vậy vua thiếu thốn thể ấy thì xin Đức Thầy Vêrô (Bá Đa Lộc) chịu sang bên Tây xin vua Pha lang sa sai nhiều binh sĩ cứu giúp mình. Vua giao ấn nhà nước cùng ban phép rộng cho người được giao cùng vua Pha lang sa thế nào thì mình sẽ vâng thể ấy"

"Quân Tây sơn những tìm bắt người (Nguyễn Ánh) nên phải cứ ẩn mình trong Hòn Dừa và sai kẻ đi do trong các xứ xung quanh cho biết việc ra thế nào.

Quân do ấy đến Hà Tiên thì gặp một đội quân Xiêm đang sắm sửa đi đánh quân Tây Sơn. Quan đại tướng quân Xiêm biết quân do vua An Nam thì tỏ ra lòng thương cùng cho xem sắc chỉ vua Xiêm đã ra mà sai mình đi đánh quân Tây Sơn và nói nhiều lời cho quân tin thật bởi vua Xiêm có nghĩa riêng với vua An Nam có sẵn lòng hiệp cùng mình thì càng lo liệu các việc. Quân Xiêm lại gởi nhiều của lễ quí trọng mà mừng vua. (...) Vua nghe điều ấy thì chẳng vội tin một sai người khác hai ba lần cho đặng tỏ quân ai có lòng đánh giặc mà giúp mình chăng, kẻ ấy trở về cũng nói như những người trước và quyết quân Xiêm có lòng ngay và có ý giúp vua thật. Bởi đó cho nên vua mới tin mà sang qua Hà tiên cho đặng gặp quan đại tướng Xiêm. Nhưng mà khi đến nơi rồi thì quân Xiêm bắt lấy và chẳng nói đến sự đi đánh giặc nữa, một sắm sửa bỏ về nộp vua An Nam cho vua Xiêm. Bấy giờ vua thấy mình đã mắc mưu làm vậy thì phàn nàn cho đến nỗi la khóc cùng trách mình dại, vì nhớ khi trước Đức Thầy đã nói đi nói lại rằng : Đừng bao giờ tin quân Xiêm bởi vì quân ấy chẳng thực lòng song le hối bất cập"

Toàn bộ cuốn sử này viết từ thời kỳ Vũ Vương đến thời vua Gia Long, sách không liệt kê các nguồn tài liệu hoặc nhân chứng và có nhiều sai lầm về tên gọi như các quốc hiệu nước ta, chỉ dùng "Giao Chỉ", "An-Nam" để gọi chung. Việc này dễ hiểu vì trước thế kỷ XX, thi Hương chỉ thi Bắc sử (Trung Hoa), đến đầu thế kỷ XX mới cho học và thi Nam sử; và cuốn sử duy nhất là bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* khắc in từ cuối thế kỷ XVII mà không phải ai cũng có ở tầm tay trong hệ thống in ấn và thư viện ngày xưa. Đó là lý do của những sai lầm trên. Tác phẩm sử này có thể viết từ tài liệu riêng của các giáo sĩ nhân chứng thời kỳ lịch sử đó. Đặc biệt của tập *Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký* là quan điểm không theo chính sử và những chi tiết cụ thể kể lại với một ngôn từ bình dị của cuối thế kỷ XIX chứ không như những bộ sử chính thức. Một cuốn sử viết theo lối Tây phương, của những người dân thường, Công giáo, ở miền Nam. Gần đây có khuynh hướng xét lại "công tội" của hai vua Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh, chún g tôi tin cuốn sử đặc biệt này sẽ giúp ích không nhỏ.

3. Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch (1916):

Đây có thể nói là một trong những truyện Việt Nam viết theo truyện Tàu đâu tiên đượm tinh thần Thiên Chúa giáo. Truyện được đăng trên tờ *Nam Kỳ Địa Phận* từ số 403 (1916) đến số 415 (1917), tác giả là Charles Ngọc Minh đến nay vẫn chưa tìm ra tiểu sử. Truyện cho thấy ở Nam Kỳ, truyện Tàu rất ảnh hưởng đến quần chúng thế nào, khiến cho những người truyền đạo mượn lối viết đó để truyền bá đạo mà tác giả tin là phù hợp với đạo lý dựa trên Nho

học bình dân. Truyện cũng có nhiều tình tiết giống các truyện *Kiều* và *Lục Vân Tiên*; các truyện này được viết theo thể văn vần trong khi *Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch* viết theo văn xuôi.

Đoạn mở đầu truyện :

"Tôi thường nghe bên Nho giáo nói rằng : Họa vô đơn chí (cái họa không xảy đến lẻ một mình). Chữ từ chữ thì nghĩa như vậy mà hiểu cho rõ câu ấy có ý chỉ làm sao, thì tôi chưa hiểu rõ. Nay nhơn lúc rảnh, giở sách tích truyện đời xưa gặp cái cơ hội nhà ông Gioang này, thì bây giờ tôi mới thấu động ý nghĩa sâu cái câu "họa vô đơn chí" là gì."

Sau đó tác giả cắt nghĩa thêm : *"Anh hùng hào kiệt đời xưa có chăm lo bốn chữ Trung Cang Nghĩa Khí, thì vẫn có ý trông danh vọng lưu hậu thế, hoặc cho đặng thắng lộc tấn quyền. Còn như ông Ngô Kim này thì lại khác, không màng chi danh tiếng phước lộc, can tâm gánh hết các sự gian nan vì biết trong trời đất có Đấng Chí Linh, công bình chính trực, chầy kíp cái nạn người ngay có ngày phải hết, đặng lãnh thưởng và chẳng bao lâu chước độc kẻ gian phải tỏ bày mà chịu phạt..."*

Truyện *Ông Gioang Ngô Kim Thạch* theo chuyện Tàu ở chỗ nội dung nói chuyện đạo đức, ở lối chia truyện làm 11 hồi với hai câu thất ngôn ở đầu mỗi hồi, cũng như lối mở đầu câu chuyện :

"Lối năm 1685, gần rốt đời nhà Minh, buổi vua Thần Tông, ở Triệu Khánh phủ về tỉnh Quảng Đông có nhà kia hai vợ chồng sanh đặng một trai đặt tên là Joseph Ngô Kim Luông, cha tên là Gioang Ngô Kim Thạch, mẹ là Martha Đặng Ngọc Khanh".

Nội dung là chuyện luân lý, một kết hợp giữa tam cương ngũ thường của đạo Nho với mười điều răn (thập giới) của Thiên Chúa Giáo, giữa nhân ái của Khổng giáo với bác ái của đạo Chúa, với đức tin vào Thiên Chúa là cha trên trời chí công và chí nhân:

"Ông Gioang Ngô Kim ra sức dạy dỗ con cho nó ghi tạc vào lòng khăng khăng đức tin, cậy, kính, mến, và lo các nghĩa cho con hiểu biết mấy điều luật tự nhiên : Tam giáo và tam cương ngũ thường (...) Cha mẹ yêu thương con thật, nhất là vì có một con mà thôi, song cha mẹ bằng lòng thấy con chết trước mặt, chẳng thà thấy con sai lỗi điều gì trong đạo thánh, tam cang ngũ thường. Chẳng những lành phải trả lành, mà lại dầu dữ cũng phải trả lành thay vậy, mắc giữ sự trung với bạn trung, mà cũng mắc giữ trung với kẻ bất trung nữa, làm người thì phải lo cho tròn trung tín".

Truyện kể chuyện cấm đạo bên Trung Hoa nhưng tác giả có ngụ ý nói chuyện Việt Nam. Vì cấm đạo, nhiều vị quan tài ba phải lẳng lặng từ quan quy điền, gia đình ông Gioang Ngô Kim Thạch phải trốn lên núi, rồi lạc nhau và phải chịu nhiều đau thương. Nhưng chính những người bị vua quan bách hại vì nghi ngờ lòng trung lại là những người trung quân ái quốc. Cuối cùng biết chuyện, vua đã phong tặng các người có đạo và ban sắc chỉ khen đạo *"cho phép mọi người giữ đạo và phép đạo mặc ý mình"*. Con ông Ngô Kim Thạch là Kim Luông giúp vua đánh diệt giặc, được vua quan phong lãnh ấn Nhị Lộ Nguyên Soái. Vua đón Kim Luông hồi triều, lại đứng ra làm chủ hôn: *"Vua đứng làm mai và cho phép làm theo lễ phép hôn nhân có đạo. Cũng thêm một dịp cho vua chúa nhìn biết lòng can đởm trung quân ái quốc. thẳng ngay của kẻ có đạo. Và từ đó vua ra sắc ban khen đạo thánh Chúa Kirixitô và cho phép giữ đạo và phép đạo mặc ý mình"*. Rõ là những lời muốn nhắn gửi những vị vua thiển cận như Minh Mạng, Tự Đức đã nhắm mắ t nghe sự xiển nịnh các vị hủ nho. Chính sự hủ lậu này làm mất nước chứ không phải vì đạo Chúa; đạo nào cũng có kẻ theo giặc, ai đi với giặc thì cứ bắt người đó nhưng đừng lấy cớ đó để bắt đạo, cấm đạo !

Tiếng Việt dùng trong truyện là một lối văn bình dị, đơn sơ mà sáng sủa, của đầu thế kỷ XX, khác xa truyện Kiều và gần với Lục Vân Tiên về tiếng nói dân gian, ngôn ngữ của người bình dân.

4. Tiếng "nhà thờ" hay tiếng Việt xưa ?

Tác phẩm chữ Nôm xưa hiện có phải nói đến là cuốn *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông* (thế kỷ XVII) của Majorica và một tác phẩm văn học xưa viết bằng chữ quốc ngữ đã in là cuốn Inê Tử Đạo Văn gồm 560 câu thơ lục bát in trong cuốn Tự Vị Latinh-Việt Tabert (1838). Nhưng qua ba tác phẩm vừa giới thiệu, người đọc đã có thể thấy có một "thứ" tiếng Việt khác phần nào với tiếng Việt hiện nay, khác về cấu trúc, khác trong cách xử dụng chữ và thành ngữ, tiếng Hán Việt cũng ít hơn, vv.

Tiếng nói là một bộ phận chính của văn hóa một dân tộc. Tiếng Việt từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh và Nam tiến cho đến ngày nay đã có những khía cạnh chưa được điều nghiên kỹ. Chiến tranh nối tiếp nhau đã khiến con người chỉ lo sống còn, rồi trở nên phân hóa, có những thành kiến, vv. Tiếng nói và chữ viết người Việt chúng ta đã tiến hóa theo thời đại và con người. Nhưng nếu tiến hóa mà mất cội nguồn, phải chăng đó là chuyện tốt ?

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, sự mở cửa đón nhận những trào lưu văn hóa và khoa học hiện đại, tiếng Việt đã phải thu nhận, sáng chế ra thêm những từ ngữ mới. Nghiên cứu sách báo xuất bản trong Nam là nơi phải tiếp xúc văn hóa thực dân trước cho thấy có những cố gắng du nhập trên căn bản

dân tộc, những cuốn từ điển của Huình Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký, những biên khảo giới thiệu các khoa học mới như *Phép Toán, Phép Đo, Bác Học Sơ Giai* của Huỳnh Tịnh Của, rồi những phong trào Đông Du, Duy Tân xuất phát trước trong Nam. Đàng Trong và miền Nam cho đến đầu thế kỷ XX đã thành công chận đứng xâm nhập văn hóa từ thuộc địa Pháp bằng cách phát huy những căn bản văn hóa bình dân của dân tộc. Xuất hiện sau nhưng báo chí miền Bắc có thể vì vị trí địa lý thuận tiện và cũng có thể vì giới trí thức dễ đón nhận sản phẩm văn hóa ngoại nhập dễ dàng từ hàng xóm Trung Hoa, do đó các trào lưu văn học và khuynh hướng học thuật đã dễ nhập đất "ngàn năm văn vật", mà sau đó các trường phái văn học và tư tưởng cũng đâm bông dễ dàng hơn ở vùng đất này. Trên tạp chí *Nam Phong* số 16 (tháng 10-1918), ông Nguyễn Háo Vĩnh, ký giả, từ Sài Gòn gửi *"Thư ngỏ cho chủ bút Nam Phong"* đã lên tiếng đả kích chủ trương nhu nhập ào ạt vào tiếng Việt những từ ngữ mượn từ tiếng Hán Việt mà lúc bấy giờ Phạm Quỳnh, chủ bút Nam Phong là người hăng hái nhất cùng với các cộng sự viên khác như Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, vv. *Nam Phong* đã có những ảnh hưởng rất lớn về văn chương học thuật và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển của chữ quốc ngữ, nhưng đồng thời đã biến tiếng Việt phát triển theo một con đường tuy lớn rộng nhưng đã xa lần những người Việt không đi cùng đường và người Việt trong Nam. Miền Nam đã là nơi trú ẩn những thành phần chống lại đô hộ văn hóa của Tống Nho, những người chỉ thu nhận những cốt lõi văn hóa của Tam giáo, sau lại là phần đất tị nạn của những người Việt theo đạo Thiên Chúa hoặc không sống được ở Đàng Ngoài. Phan Khôi đã nhìn nhận : "Đại khái chữ quốc ngữ nước ta, phát nguyên tuy từ Bắc, mà bắt đầu thạnh hành lại từ miền Nam. Cho nên bây giờ chúng ta có thể nói được rằng *xứ Nam kỳ đối với lịch sử chữ quốc ngữ lại có quan hệ mật thiết hơn Trung, Bắc kỳ"* (3). Xin nhắc : ông Phan Khôi đã nói như vậy vào năm 1929 !

Thật vậy, người miền Nam lúc bấy giờ đã không hiểu thứ tiếng Việt dùng trên Nam Phong tạp chí. Nhập cảng từ vựng Trung Hoa rồi Hán Việt hóa, trong khi đó tiếng Việt đơn giản đã có lại không được dùng, cái họa bắt đầu được nhìn thấy, người còn để lại dấu vết là ông Nguyễn Háo Vĩnh, tác giả cuốn *Cách Vật Trí Tri Phổ Thông Sơ Giai* (1927) và chủ trương báo *Khoa Học Tập Chí* từ năm 1924. Ông tố cáo tạp chí *Nam Phong*: "Các ngài làm thư thế thì hình như các ngài là người Tàu qua lấy nước An Nam, muốn đem tiếng nó qua mà thế tiếng ta vậy" (4).

---

(3) Phan Khôi. "Chữ quốc ngữ ở Nam kỳ với thế lực của phụ nữ" *Phụ Nữ Tân Văn* số 28 (7-11-1929). Trích từ 13NTLVH. Sdd, t. 2, tr. 470.

(4) *Nam Phong,* số 16, Octobre 1918, tr. 199. Trích lại từ Thanh Lãng "Thử thiết lập hồ sơ về hai người con gái : một con của Phật, một con của Chúa" IN VSBCTGCG Sdd, tr.13.

Trong *Sấm Truyền Ca, Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký* và *Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch,* ta đã thấy tiếng Việt miền Nam ở thế kỷ XVII đến XX thật đơn giản, bình dị. Rồi trong *Tuồng Cha Minh* (1881, thật ra gần kịch nói hơn là tuồng), theo giáo sư Hoàng Châu Ký từng viện trưởng viện nghiên cứu sân khấu Hà Nội, văn đối thoại trong vở này rất gần gũi với lời nói của dân giả, mới mẻ và đơn giản hơn câu văn đầu thế kỷ XX như văn *Nam Phong* chuộng lối văn biền ngẫu và cách điệu. Ông nhân đó đặt lại quan niệm cho rằng vở kịch *Chén Thuốc Độc* của Vũ Đình Long diễn năm 1921 ở Hà Nội là vở kịch nói đầu tiên (5).

Học giả Phan Khôi trong bài "Chữ quốc ngữ ở Nam kỳ với thế lực của phụ nữ" trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn* số 28 (7-11-1929) đã nhìn nhận thứ chữ quốc ngữ dùng trong môi trường đạo Công giáo thống nhất một mối nghĩa là pha lẫn Bắc Nam. Ông cũng đề cao hai tiền bối Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của mà ông tôn là "đại sư" vì hai ông đều viết đúng tiếng Việt: "hai ông cùng học trường bên Đạo mà ra cho nên các ông ấy viết chữ như người bên Đạo nghĩa là viết đúng" (6). Tưởng cũng nên ghi lại ở đây, "trường phái" Trương Vĩnh Ký tiếp nối với Trương Minh Ký, Nguyễn Trọng Quản tác giả tiểu thuyết đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ *Thầy Lazarô Phiền.* Linh mục Thanh Lãng trong các nghiên cứu cuối đời, những nghiên cứu trong tâm tình dân tộc như ông đã tự kiểm thảo (7), đã kết luận về tiếng Việt "nhà thờ" "đúng thật là tiếng Việt thông thường, phổ thông mà mọi người Việt thời xưa đã nói, tức là cái giới gọi là "nhà thờ" đó, đã nói như mọi người Việt nhà quê cái thứ tiếng nói nhà quê, tiếng nói dân gian mà m ọi người Việt nhà quê nói với nhau, hiểu vơí nhau một cách bình thường" (8). Cũng theo ông, tác phẩm do cộng đồng Công giáo biên soạn vào thế kỷ XVII hiện còn giữ được, sách vở bằng chữ quốc ngữ chỉ có khoảng 700 trang, trong khi đó tài liệu bằng chữ Nôm còn được 14 tựa với cả 4200 trang; 4200 trang chữ Nôm gốc của thế kỷ XVII chưa bị sửa đổi theo thời gian. Ngoài các tác phẩm chữ Nôm và quốc ngữ đã giới thiệu ở trên, còn có nhiều văn bản chữ Nôm và quốc ngữ khác được lưu trữ ở Âu châu mà các giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Tạ Trọng Hiệp, linh mục Thanh Lãng, Đỗ Quang Chính, vv... đã khám phá và chụp vi bản đem về nước. Viện Hán Nôm thuộc Viện Khoa học xã hội đã sưu tầm được 24 văn bản chữ Nôm thuộc thế kỷ XVII trong đó có những bản từng được

---

(5) VSBCTGCG. Sđd, tr 132.
(6) Trích từ 13NTLVH Sđd, t 2, tr 473.
(7) Ngoài ra trong di chúc viết ngày 28-11-1988, linh mục Thanh Lãng đã xin lỗi các Giám mục và linh mục: "Tôi công khai sám hối tất cả với tình anh em linh mục mà tôi vô tình hay cố ý làm mất lòng..." (VSBCTGCG, tr. 182). Hy vọng vào dịp giỗ 10 năm (1998) các công trình hãy còn di cảo của ông sẽ được xuất bản.
(8) VSBCTGCG, Sđd, tr. 6

lưu trữ ở chùa Kiểng Phước tại Vọng Các, Thái Lan. Những văn bản sau này là dấu vết chữ Nôm dùng ở đàng Trong.

Những người đàng Ngoài vào Nam lập nghiệp, theo chân các chúa Nguyễn, đã mang theo gia tài văn hóa trong đó có tiếng nói và chữ viết Nôm (và chữ Hán). Sự phân chia địa lý sẽ đưa đến những dị biệt hay cách biệt về văn hóa. Một văn hóa trưởng thành song hành với những điều kiện khác biệt và với những con người thành phần tập hợp mới. Ông bà ta sẽ đồng hóa người Chiêm Thành, nhưng ta cũng đã bị ảnh hưởng trở lại về văn hóa. Tổ tiên ta cũng sẽ nuốt phần Thủy Chân Lạp. Vua chúa nhà Nguyễn sẽ mở rộng tay đón nhận con cháu nhà Minh; những người này sẽ khai phá những vùng thị tứ mới nay là Chợ Lớn, Biên Hòa, Hà Tiên, vv. Xa Đàng Ngoài, một tập thể người Việt mới được thành lập, trên mảnh đất đã trải qua những văn minh Sa Huỳnh, Đồng Nai hoặc xa xưa hơn như Óc-Eo, Phù Nam; những lưu dân này sẽ giữ lại những nòng cốt văn hóa của Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo đại thừa rồi thêm ảnh hưởng của Phật giáo tiểu thừa và đạo Bà La Môn.

Từ những lý đó, tiếng nói lưu dân nơi vùng đất mới sẽ "cập nhật" theo hoàn cảnh sinh hoạt và môi trường địa lý mới. Những "hội nhập" này khiến chữ viết Nôm trong Nam đã có những biến hóa, cấu trúc khác đi theo phát âm, lối viết và phương ngữ Nam bộ. Thí dụ phương ngữ như *"chả"*, *"dùa"*, dị biệt về phát âm như *"Chun, chuyến, chiền"*, thay vì *"chung, chiến, truyền / chuyền"* (9). Từ đó như tạo thành một "thứ" tiếng Việt của miền Nam lưu dân mà từ lâu nay vẫn bị gán là "tiếng của nhà thờ". Ông Nguyễn Háo Vĩnh trong bài nói trên đã viết tiếp lời phê về văn Nam Phong như sau : *"Coi mà chẳng hiểu thì có ích gì đâu, dần dần người ta ngã lòng trông cậy chẳng còn muốn coi nữa"*. Mới nghe thì có vẻ văn "nhà thờ", nhưng thật ra không có thứ văn nào gọi là văn "nhà thờ", chỉ có tiếng Việt dùng vào chốn nhà thờ cũng như tiếng Việt dùng ở chùa đình vậy thôi. Với những khám phá mới, có khi chỉ là một trở về nguồn với văn bản thời thế kỷ XVII và sau đó như đã đề cập trong bài này, có thể nói từ khi Nam Bắc phân tranh, ở Đàng Trong, tiếng nói bắt đầu xa dần đồng bào ở Đàng Ngoài; đến khi các vua Nguyễn Huệ và Gia Long thống nhất đất nước, tiếng Việt Đàng Ngoài sẽ tiếp tục phát triển theo một hướng độc lập với người trong Nam, trở thành một tiếng nói và viết có khác biệt. Trong khi đó trong Nam, đồng bào di dân từ Bắc vào, từ các thế kỷ XVII và XVIII, vẫn tiếp tục nói tiếng nói họ mang theo vào. Đó là tiếng Việt được giới tu sĩ và giáo dân Công giáo như các linh mục Lữ Y Đoan, Philippe Phan Văn Minh, vv... sử dụng cũng như mọi người trong cùng xã hội. Đó cũng là tiếng Việt mà các nhà văn nhà báo và trí thức trong Nam từ Trương Vĩnh Ký, Huình Tịnh Của đến Nguyễn Trọng Quản, Trương Minh

---

(9) Xem thêm Vũ Văn Kính. *"Vài nét sơ lược về chữ Nôm miền Nam"*, tr. 328-331 IN 5 Năm Hán Nôm 1991-1995. TpHCM: Trung Tâm Nghiên Cứu Hán Nôm, 1995.

Ký, Nguyễn Háo Vĩnh, các nhà báo của tờ *Nam Kỳ Địa Phận*, vv... sử dụng. Đó cũng là tiếng Việt mà những cộng đồng người Việt lưu vong ở Miên, Lào và Xiêm vẫn nói từ khi họ phải rời đất nước. Tiếng Việt đó là tiếng Việt thống nhất mà Phan Khôi trên *Phụ Nữ Tân Văn* nói đến và khởi từ đó ông phê bình những nhà báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ viết sai tiếng Việt - nghĩa là sai tiếng Việt của Trương Vĩnh Ký, Huình Tịnh Của, tiếng vẫn bị coi là của "nhà thờ"! Nếu có ai muốn phê tiếng Nam viết sai nói sai, nên phân biệt với tiếng Việt thống nhất này, tiếng xưa nay có nhiều dấu vết ở trong Nam !

Như vậy, vì hoàn cảnh canh tân, hiện đại, tiếng Việt đã phát triển mạnh từ những năm 1920 với sự nhập cảng ồ ạt từ vựng mới của Trung Hoa (và Nhật) với tạp chí *Nam Phong*, sau đó theo đà Âu Tây hóa, các báo của *Tự Lực Văn Đoàn, Tân Dân, nhóm Hàn Thuyên*, rồi phân chia Nam Bắc, tiếng Việt thêm nhiều từ mới. Và tiếng Việt trước 1920 bị xem là tiếng "nhà thờ" và bị bỏ quên, các hoàn cảnh biến cố tiếp sau đó đã tiếp tục đẩy đưa cái khuynh hướng này. Cùng tiếng nói nhưng có những dị biệt về chữ viết, thành ngữ và phát âm khiến không hiểu nhau trọn vẹn. Đây cũng cùng trường hợp với tiếng Pháp dùng ở Canada là tiếng Pháp cổ thế kỷ XV do những di dân từ mẫu quốc sang vẫn xử dụng. Đế quốc Pháp thua Anh, bỏ rơi luôn dân của họ. Bên này Đại Tây Dương, người mẫu quốc phát triển tiếng nói và xa dần hẳn tiếng Pháp của "anh em họ" (cousins) ở Canada.

Mặt khác, tiếng Việt trước 1920 đơn giản, bình dị thế nào thì tiếng Việt canh tân sau 1920 trừu tượng hơn nhiều, dù từ những thế kỷ XVII đã có nhu cầu sáng chế nhiều từ Hán Việt và từ Tây hóa (phiên âm) để theo kịp đà tiến hóa và tiếp xúc với Tây phương. Trừu tượng, đó là lý do khiến ký giả Nguyễn Háo Vĩnh phàn nàn với ông Phạm Quỳnh. Một "học sanh về điện máy chuyên nghề", Nguyễn Duy Thanh ở Paris, góp ý trên *Phụ Nữ Tân Văn* số 119 (18-12-1932), đã chỉ trích Phạm Quỳnh làm tối tiếng Việt. Ông đưa ra những thí dụ những tiếng Việt dễ hiểu như "màng ngăn bụng, mạch máu nhỏ tí, mạch máu đi, mạch máu về" hay "chung của" bị ông Phạm Quỳnh thay thế bằng "hoành cách mô, vi ti huyết quản, hồi huyết quản, khứ huyết quản" và "cộng sản". Theo ông, người Tàu phát âm ngọng vì có những âm không có trong tiếng nói của họ, nên đã phiên âm sai nhiều danh từ riêng và địa lý như Hoa Thịnh Đốn (Washington), Anh Cát Lợi (England), Bỉ Lợi Thì (Belgium), nay Phạm Quỳnh "theo đuôi" người nói ngọng thì lại cà ng đi xa từ gốc (10). Đó là người có học; còn người bình dân chắc còn ít hiểu tường tận những chữ như "ý thức hệ, thủy quân lục chiến" dù họ nghe đã quen và biết là nói cái gì. Gần đây các vị thuộc Văn Bút hải ngoại chia rẽ "pháo" văn thư và báo rơi qua lại một phần cũng vì không hiểu cùng một trình độ (hoặc không muốn hiểu, hoặc hiểu vầy vậy !) các từ "nội quy, đại hội đồng, xử lý

(10) Trích từ 13NTLVH Sdd, t. 2, tr. 100-118.

thường vụ, vv". Rồi chính chữ quốc ngữ cũng trở thành một trở ngại cho sự phát triển kiến thức, vì so với chữ Nôm, chữ quốc ngữ không "hồn", thường hay trùng chữ trùng âm và không gợi hình, rất hợp cho tưởng tượng thơ văn nhưng xa dần căn bản ý nghĩa của văn tự dễ đưa đến những diễn văn không nội dung hoặc "ông nói gà bà nói vịt" ! Văn học Việt Nam cổ kim có những nhà văn thơ lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, vv... tư tưởng tâm tình rất tổng hợp về tín ngưỡng, về nguồn cảm hứng. Đến các tác giả miền Nam của thời văn học quốc ngữ tiên phong cũng tỏ ra rất tổng hợp và khai phóng về văn hóa. Văn học đã tổng hợp, khai phóng, người nghiên cứu không thể không có được cái tinh thần chủ động căn bản của nền văn học đối tượng nghiên cứu đó.

Văn học Việt Nam ngày nay phong phú với nhiều thể loại đa dạng nếu so với văn chương cổ điển Hán Nôm thời lịch triều xưa : tiểu thuyết, kịch nói, bút ký, hồi ký, báo chí, vv... Đây là những hình thức diễn tả văn hóa của Tây phương ta đã du nhập, khởi đầu với các tác giả Thiên Chúa giáo vì họ gần gũi và theo đa số hay vì tiện lợi phổ thông (chẳng hạn vào thế kỷ XVII, giới tu sĩ Công giáo đã viết chữ Nôm nhiều hơn chữ quốc ngữ, như sẽ nói dưới đây) : thể nhật ký với Philipphê Bỉnh (*Sách Sổ Sang Chép Các Việc*, thế kỷ XVIII), thể kịch nói với *Tuồng Cha Minh* (1881), thể khảo cứu về thể loại văn học với Hồ Ngọc Cẩn tác giả loạt bài *Thi Phú Qui Pháp trên Nam Kỳ Địa Phận* năm 1913 (*Việt Hán Văn Khảo* của Phan Kế Bính ra đời 17 năm sau), thể ký sự với Trương Vĩnh Ký (*Chuyến Đi Bắc Kỳ Năm Ất Hợi*, 1876), thể truyện với Nguyễn Trọng Quản (*Thầy Lazarô Phiền*, 1887), thể hồi ký với Michel Tình (*Chơn Cáo Tự Sự, la petite biographie de Michel Tình par lui même*, 1910) . Ba tác giả sau viết ngoài môi trườn g giáo hội. Và trái với những gì nhiều người vẫn nghĩ, người Việt đã tham gia tích cực trong việc sáng chế ra chữ quốc ngữ: thầy giảng Bento Thiện đã viết về lịch sử nước ta từ năm 1659 bằng chữ quốc ngữ (11), và cuốn *Từ Điển Tabert* là công trình của các cộng tác viên người Việt như linh mục Philippe Phan Văn Minh, tác giả *Phi Năng Thi Tập*.

Vì lẽ đó, những gì chúng tôi nêu lên trong bài này, cũng như trong bài *Miền Nam Khai Phóng*, chỉ nhắm bổ túc những thiếu sót, khiếm khuyết và đưa ra một số đặc thù văn hóa, xã hội chứ không phải để chia rẽ, kỳ thị, vì chúng tôi chủ trương phải thống nhất tiếng Việt. Thống nhất đồng thời phải chấp nhận có những đặc thù địa phương phải tôn trọng. Về tiếng nói cũng như văn học sử. Mặt khác phải có thái độ chấp nhận, sát nhập những tác giả tác phẩm của người Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo vào dòng văn hóa chung. Thơ văn đời Trần có nội dung Phật giáo, đời Lê và

---

(11) Tài liệu viết tay, 12 trang chữ nhỏ, khổ 20X29 cm. Phát hiện của linh mục Đỗ Quang Chính. Sđd.

Nguyễn rất Nho giáo, đã là gia tài văn hóa chung của người Việt, vậy không lý gì thơ văn do người Công giáo viết ra lại bị xếp loại ra ngoài. Nay là thời đa văn hóa, đối thoại, cảm thông, mà ngay từ thời lập quốc, dân tộc ta từng tỏ ra rất bao dung và khai phóng: đã qua rồi cái thời xem cái gì liên hệ đến đạo là không phải dân tộc hay không phải là văn hóa. Vả chăng, Phật, Chúa, Khổng hay Lão, đâu có tín ngưỡng ha y tôn giáo nào xuất phát từ Việt Nam; tổ tiên chúng ta đã đón nhận và sống với các văn hóa, tư tưởng, tôn giáo ngoại nhập qua bao thế kỷ, có thời Phật Nho đã là quốc giáo, nhưng khi xong nhiệm vụ vẫn trở về trong tâm linh người Việt, một tâm linh tổng hợp, trong tinh thần khai phóng, bao dung.

Ở trong nước, từ sau thời Đổi mới (1986), những người nghiên cứu của một nền văn học vẫn nổi tiếng là "một chiều, phải đạo, minh họa" đã có những cố gắng thay đổi cách nhìn và cách nghiên cứu. Có thể nói nếu không có chính sách Cởi trói văn hóa, đã không có những công trình nghiên cứu mới mẻ về nền văn học Miền Nam trước thế kỷ XX. Hoàn cảnh mới đã cho phép những phát hiện mới, mà sau nhiều thập niên mù quáng vì chiến tranh, có những cái đã bị biến hủy nhưng cũng có những nhận diện, cảm thông về những cái tưởng đã chết hoặc yếu đi như tôn giáo. Vả lại, tôn giáo đã trở nên nguồn sống của nhiều người, kể cả cán bộ. Cuộc chiến chính thức tàn năm 1975, những thất bại của chuyên chính từ 1975 đến 1986 đưa đến Cởi Trói như một lối thoát dọ dẫm có cái hay là đã tạo môi trường những cố gắng mới với quan điểm mới hơn, dân tộc hơn, tổng hợp hơn. Trong hoàn cảnh đó càng ngày càng có những nghiên cứu trở về với truyền thống dân tộc thật sự, đó là điều nên mừng. Bước đầu khó khăn đã có người đi, dĩ nhiên còn cần nhiều nghiên cứu sâu xa và khách quan hơn nữa !

NGUYỄN VY kHANH

THAM-KHẢO :

- Đỗ Quang Chính. *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ 1620-1659*. Sài Gòn: Ra Khơi, 1972. 171 tr.

- Nguyễn Khắc Xuyên. *"Chữ quốc ngữ vào năm 1838"* Văn Lang số 4, 12-1992, tr. 117-124.

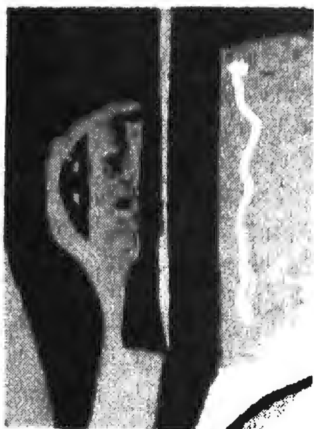
- Thanh Lãng. *13 Năm Tranh Luận Văn Học (1932-1945)*. 3 tập. Tp HCM: NXB Văn Học, 1995. Nhờ bộ sưu tập này mà người đọc có thể tham khảo những bài báo đã đăng trên Hà Nội Báo, Ích Hữu, Phụ Nữ Diễn Đàn, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy liên hệ đến những cuộc tranh luận thời đó về văn học, ngữ học và cả chính trị, thời sự.

- *Về Sách Báo Của Tác Giả Công Giáo (Thế Kỷ XVII-XIX)*. Tài liệu tham khảo. Tp HCM: Trường Đại học tổng hợp tp HCM. Khoa Ngữ Văn, 1993, 184 tr. Các tác giả : Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đỉnh, Thanh Lãng, Võ Long Tê, Nguyễn Nhã, Trần Thanh Đạm, Phạm Đình Khiêm, Đỗ Như Thắng, Cao Xuân Hạo, Hoàng Châu Kỳ.



NGUYỄN NAM GIAO

Ý NGHĨA VỞ KỊCH "THẰNG CUỘI NGỒI GỐC CÂY ĐA" CỦA VŨ-KHẮC-KHOAN



Người đọc cũng như người xem vở kịch "Thằng Cuội ngồi gốc cây đa" của Vũ-Khắc-Khoan có thể nghĩ rằng tác giả trình bày một chuyện tình giữa Hằng-Nga và chú Cuội . Nếu ta cứ nhất định gán cho nó danh nghĩa một chuyện tình thì ít ra ta phải công nhận rằng đó là một chuyện tình đặc biệt . Trước tiên, vì Hằng-Nga không phải là một con người cũng không phải là một hữu thể tinh thần có nhân-vị-tính (personnalité) như thiên thần hay Thượng đế của Thiên chúa giáo .Kịch tác gia họ Vũ mô tả Hằng-Nga là hữu thể "không có xương, không có thịt và không có cả linh hồn". Qua đó, ông ta muốn độc giả hiểu rằng Hằng-Nga là một biểu hiệu, một hình ảnh tượng trưng (symbole). Hằng Nga biểu hiệu cho thực tại nào? Hữu thể nào được chỉ định qua hình ảnh nàng tiên nữ này? Để trả lời câu hỏi nêu trên, thiết tưởng ta cần phân tách những đoạn văn trong đó tác giả để cho nhân vật Hằng-Nga tự mô tả về mình. Lúc gặp lại Hằng-Nga sau ba năm để tâm tìm kiếm, Cuội tỏ ý muốn ôm chầm lấy nàng. Hằng-Nga thét lên cười, rồi nói: *"Vô ích ! Ta làm gì có xương, có thịt? Ta không có cả linh hồn..."* Với câu nói đó, Hằng-Nga xác nhận mình không phải là một hữu thể có cá tính vì mọi hữu thể vật chất hay tinh thần đều có những nét riêng biệt giúp cho hữu thể nầy không giống hữu thể khác. Chỉ cần xét về phương diện vị trí trong không gian, hai bông lan vẫn khác nhau, dù cùng thuộc về

một cành. Một hữu thể không có cá tính - hiểu theo nghĩa rộng của hai chữ hữu thể - phải là một hữu thể trừu tượng. Do đó, ta có thể kết luận: *Hằng-Nga là một "vật" trừu tượng.* Khi nghe Cuội hỏi thăm về bầy tiên nữ cùng ca múa năm xưa với nàng, Hằng-Nga trả lời một cách rất khó hiểu: "Bầy tiên nữ cũng là ta". Lúc nghe Cuội hỏi tiếp về nguồn gốc, sinh hoạt, tâm tư của riêng nàng, Hằng-Nga cũng trả lời thật tối nghĩa: *"Ta là ánh của Giăng, ta là nhịp của Nhạc, ý của Thơ... Ta là... ta chẳng là gì cả"*. Câu trả lời với nhiều ý niệm khác nhau có thể hiểu như một sự triển khai khái niệm hàm chứa trong câu ở phần trên, nghĩa là: Hằng-Nga không có cá tính vì Hằng-Nga là tất cả . Hằng-Nga không phải là một sự vật giữa muôn ngàn sự vật, cũng không phải là một hữu thể trong một thế giới hữu thể . Hằng-Nga có mặt khắp nơi; hiện diện dưới thiên hình vạn trạng, Hằng-Nga là một vật tổng quát. Từ tổng quát ở đây không nên hiểu là tính tổng quát của mọi hữu thể mà chính là tính tổng quát của những vật được xem là đẹp. Thơ, Nhạc, Tiên nữ, ánh sáng Trăng... đều thuộc về thế giới của cái Đẹp. Vì thể hiện trong các vật đẹp cho nên Hằng-Nga là yếu tính (essence) của cái Đẹp. Vũ-Khắc-Khoan đã nhấn mạnh đến điểm này khi viết: "Tất cả những điều thầm kín mà Cuội hằng ấp ủ trong tâm (...) đã thành hình trước mắt Cuội: đó là một người đàn bà đẹp (...) và đẹp vô cùng. Cuội đã cảm thấy *Cái Vô Cùng thu lại thành Một.*" (Chúng tôi cho in nghiêng)

Với những đặc điểm trừu tượng, tổng quát, không xác không hồn, Hằng-Nga không gì khác hơn: một ý niệm. Ý niệm không có cá tính vì không phải là một hữu thể như cỏ cây, con người, Thượng đế . Chính tác giả cũng xem Hằng-Nga là "Ý niệm Đẹp". Xét theo ngôn ngữ của tác giả thì hai chữ "ý niệm" có giá trị chỉ thị và diễn tả rất lớn lao; ông viết: "Đó là một người đàn bà đẹp. *Đó là ý niệm ĐẸP thì đúng hơn.*" (Chúng tôi cho in nghiêng). Tại sao tác giả dùng ba chữ "ý niệm Đẹp" để chỉ cái Đẹp tuyệt đối, chỉ mức độ lớn nhất của cái Đẹp? Ngôn ngữ hằng ngày dùng những chữ "ý niệm", "khái niệm" để chỉ một biểu tượng do trí tuệ tạo ra, mang ít nhiều tính chất trừu tượng, tổng quát , thí dụ khi ta nói đến các ý niệm "tam giác", "hoa", "Thượng đế", vv... Tự chúng, hai chữ " ý niệm" không chỉ định một thứ bậc giá trị nào cả, Vũ-Khắc-Khoan đã tự ý gán cho chúng một ý nghĩa khác là một ý nghĩa rất đặc biệt mà ta chỉ tìm thấy trong triết học Platon. Khái niệm căn bản trong tư tưởng Platon là EIDOS (người Pháp dịch là Idées, Ý niệm). Từ đó, chúng ta có căn cơ để nghĩ rằng tác giả họ Vũ đã xây dựng vở kịch "Thằng Cuội" trong khuôn khổ triết lý Platon, và nếu giả thuyết đó đúng thì chúng ta chỉ hiểu quan niệm của tác giả khi đã hiểu rõ khái niệm *eidos*. Hi vọng rằng với công việc tìm hiểu này chúng ta sẽ nhận ra ý nghĩa của vở kịch "Thằng Cuội ngồi gốc cây đa ".

Theo Platon thế nào là ý niệm? Thông thường, ý niệm là một biểu tượng tâm lý bao gồm các đặc điểm thiết yếu chung cho nhiều vật, chẳng hạn trong

ý niệm "người" hội tụ những đặc tính mà ta nhìn thấy nơi bất cứ cá nhân nào, không phân biệt phái tính, màu da, vv... như ngôn ngữ, lý trí . Ý niệm đó có tính chất *trừu tượng* vì trên thực tế không có thực tại nào *thuần túy* là người mà chỉ có *những con người* với những nét riêng biệt: anh Ất, chị Marie, anh John. Không hoàn toàn tương ứng với một cá nhân cụ thể và đặc thù, ý niệm "người" tương ứng với toàn thể nhân loại, vì vậy nó mang tính chất tổng quát. Vì có đặc điểm trừu tượng, tổng quát cho nên ý niệm chỉ hiện hữu trong tư tưởng; ý niệm không phải là một vật để ta nhận biết bằng giác quan hay bằng ý thức. Không phủ nhận quan niệm đó, Platon cho rằng ý niệm còn hiện hữu một cách khách quan nữa, nghĩa là ở bên ngoài trí tuệ con người, trong một thế giới biệt lập mà ông gọi là thế giới khả niệm (monde intelligible) . Tuy biệt lập, thế giới khả niệm vẫn có quan hệ với thế giới hữu hình (monde sensible). Đối với Platon, có một tương quan thiết yếu giữa ý niệm và sự vật hữu hình vì ý niệm là nền tảng hiện hữu của sự vật. Một hoa hồng chỉ là hoa hồng khi nó tham dự (participer) vào "Ý niệm hoa hồng"; cũng vậy, một vật chỉ đánh giá là đẹp khi nó tham dự vào Ý niệm " Đẹp". Các ý niệm " Đẹp", " hoa hồng" là cái tinh túy, là yếu tính của các loại hoa hồng , các vật đẹp. Đã là yếu tính thì ý niệm vượt hẳn mọi vật; ý niệm là sự hoàn hảo . Nét đẹp của hoa hồng không phải là nét đẹp của câu thơ, nét đẹp của câu thơ không phải là nét đẹp của điệu nhạc. Tất cả những cái đẹp đó đều riêng biệt và tương đối . Trong quan niệm Platon, ý niệm "Đẹp" qui tụ tất cả mọi hình thái của cái đẹp ; nó có tính cách *tự tại* (en soi) và *tuyệt đối* . Trong viễn tượng này, một vật hữu hình chỉ được nhận thức khi có dính kèm nhận thức ý niệm tương ứng. Ý niệm vừa là nguyên lý của sự hiện hữu vừa là nguyên lý của sự nhận thức mọi vật. *Ý niệm là thực tại đích thực* hơn những vật mắt thấy tai nghe .

Phần trên đây đã có nêu ra câu hỏi: Vì sao Vũ-Khắc-Khoan dùng ba chữ " ý niệm Đẹp" để chỉ cái Đẹp tuyệt đối? Sau khi trình bày sơ lược quan niệm Platon, chúng ta thử trả lời câu hỏi này: *tác giả đã dùng ba chữ "ý nkệm Đẹp" theo tinh thần triết lý Platon. Hằng-Nga là hình ảnh cái Đẹp tuyệt đối*, đa dạng và không thiết yếu gắn liền với vật nào khác; đó cũng là lý do vì sao Hằng-Nga không thể tự mô tả con người của nàng. Khi Cuội hỏi: "Nàng là ai?", Hằng-Nga chỉ biết trả lời: "Ta chẳng là gì cả, chàng ạ ." *Vũ-Khắc-Khoan gán cho Hằng-Nga những đặc điểm mà chính Platon đã gán cho các Ý niệm.* Ảnh hưởng của Platon đối với tác giả không chỉ dừng lại ở sự vay mượn một ý hay một chữ mà còn thể hiện qua địa vị đặc biệt mà Vũ-Khắc-Khoan đã dành cho Hằng-Nga . Không phải chỉ thể hiện cái Đẹp tuyệt đối, nàng tiên nữ này còn được gán cho giá trị cao quí nhất, cái dáng vẻ yêu chuộng nhất. Bên cạnh Hằng-Nga tất cả mọi thứ: của cải vật chất, gia đình và ngay cả tình yêu đều trở nên vô nghĩa . Khi đã nhận biết Hằng-Nga là giá trị siêu việt đối với các giá trị thường được người đời yêu chuộng, Cuội từ bỏ mọi thứ để lên đường tìm kiếm Hằng-Nga . Người tiên nữ tuyệt đẹp này là cứu cánh và cũng là ý

nghĩa cuộc sống của chàng. Ý niệm Đẹp trong triết học Platon cũng có giá trị siêu việt và địa vị căn bản đối với con người không khác gì Hằng-Nga trước ý thức của Cuội . Đoạn văn sau đây - trích từ tác phẩm nổi tiếng *Le Banquet* - chứng minh điều đó: "(Cái Đẹp cuối cùng mà kẻ yêu đương muốn chiếm hữu) là cái đẹp vĩnh cửu, không do ai tạo nên cũng không thể bị tiêu diệt, không tăng thêm, không giảm bớt đi, không đẹp ở vật này và xấu ở vật khác, không đẹp ngày hôm nay và xấu ngày mai, không đẹp về phương diện này và xấu về phương diện khác (...) Đó là cái Đẹp mãi mãi đồng nhất với chính nó; vật nào đã đẹp đều phải tham dự vào nó; tuy nhiên nó vẫn không bị ảnh hưởng vì sự sống hay sự chết của những vật này. Vậy nếu ta nhận ra cái đẹp nơi những vật ở trần thế này thì ta đã đi gần tới đích của sự nhận thức bản chất của tình yêu . Vì con đường duy nhất đưa tới nhận thức bản chất của tình yêu đòi hỏi ta phải bắt đầu bằng sự nhận thức cái đẹp của một thân thể, kế đến là cái đẹp của hai thân thể, rồi của tất cả mọi thân thể .Từ sự nhận thức này, ta đi lần tới sự nhận thức cái đẹp của hành động, của tri thức, để cuối cùng đạt tới sự nhận thức cái Đẹp tự nó: cái Đẹp tuyệt đối."

Khác Platon, trong vở kịch "Thằng Cuội", Vũ-Khắc-Khoan không nói đến một tiến trình nhận thức cái đẹp qua nhiều giai đoạn, nhưng ông vẫn giúp ta thấy rõ ý niệm Đẹp (hay Hằng-Nga) là mục đích của đời Cuội, và sự chiếm hữu Hằng-Nga là chân hạnh phúc trọn vẹn của Cuội. Dù chưa chiếm hữu được Hằng-Nga, Cuội đã biết Hằng-Nga đẹp ra sao rồi. Đó là điểm phân biệt Cuội với người khác và đó cũng là nguyên nhân nỗi cô đơn của chàng. Đến đây ta lại thấy có một sự trùng hợp khác giữa Vũ-Khắc-Khoan và Platon. Theo triết gia này, nhà hiền triết chân chính là người có một tri thức đích thực vì đối tượng của nhà hiền triết là thực tại đích thực nghĩa là các Ý niệm. Đối tượng càng gần sự vật hữu hình bao nhiêu thì sự nhận thức càng xa rời thực tại bấy nhiêu, do đó càng kém trung thực (như trường hợp nhận thức khoa học chẳng hạn). Nhận biết chân lý không có nghĩa là nhà hiền triết có thể làm cho mọi người hiểu được chân lý và cảm thông với mình. Nhà hiền triết bị lạc lõng giữa xã hội loài người, bị chê cười, chế giễu, có lúc cả tính mạng còn bị đe dọa nữa . Platon so sánh thân phận của nhà hiền triết - có diễm phúc đạt tới tri thức đích thực - với thân phận của người thông thường như sau: nhà hiền triết là người sống thức tỉnh trong khi người thông thường là người sống trong mơ. Nếu ta chỉ biết những vật đẹp mà không biết đến cái đẹp tuyệt đối có nghĩa là ta không biết *vật đẹp chỉ là sự mô phỏng cái Đẹp tuyệt đối* thì ta là kẻ sống trong mơ. Vì mơ là sao? nếu không phải là xem hình ảnh một vật là chính vật đó.

Hoàn cảnh của Cuội không khác gì hoàn cảnh của nhà hiền triết mà Platon đã mô tả. Cũng như nhà hiền triết, Cuội không được xem là bình thường như người khác; nói nhẹ hơn một chút, Cuội bị người đời gán ghép cho tội nói dối; "nó chỉ có một tội là đã nhìn thấy những cái gì mà đám người

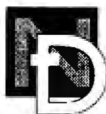
đồng thời với nó, cái đám người vừa quay cuồng trên sân khấu, không nhìn thấy . Và tự nhiên, thằng Cuội phải mang nặng cái số kiếp điêu linh của những con người đầu tiên cảm thông với chân lý ." Càng đi xa, càng sống, Cuội càng thấy giữa Cuội với người đời có một bức tường " dày đặc", và cảm thức cô đơn càng lớn mạnh nơi Cuội . Từ kinh nghiệm đặc biệt của riêng mình và từ sự việc "thiên hạ có tai mà không được nghe, có mắt mà không thể nhìn thấy", Cuội tự phong cho mình cái sứ mệnh: nghe và thấy giùm thiên hạ . Với sứ mệnh này, Cuội không còn giống nhà hiền triết của Platon nữa, vì sứ mệnh của nhà hiền triết có chiều hướng xã hội và chính trị , một khía cạnh dấn thân trong khi sứ mệnh của Cuội chỉ mang lại hạnh phúc cho riêng Cuội . Trong tác phẩm vĩ đại *La République*, Platon đặc biệt nhấn mạnh sứ mạng chính trị của nhà hiền triết: "(Một khi đã chiêm ngưỡng được cái Tốt - nghĩa là cái Đẹp - tuyệt đối) nhà hiền triết sẽ xem đó là mẫu mực để chỉnh đốn xã hội, để cải tạo người khác và cải tạo bản thân mình ... Muốn chỉnh đốn xã hội, nhà hiền triết phải chấp nhận mọi gian khổ vì lòng yêu mến xã hội, xem việc chỉnh đốn đó là bổn phận khẩn thiết của mình." Nhà hiền triết nhận thức cái Tốt, cái Đẹp tuyệt đối *với mục đích* biến đổi xã hội đồng thời xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Thực hiện sự tốt đẹp là cứu cánh hành trình nhận thức của nhà hiền triết. Đến đây ta có thể nhận thấy là Vũ-Khắc-Khoan không còn theo Platon nữa . Vì đối với Cuội, sự nhận thức cái Đẹp tuyệt đối không nhằm một cứu cánh nào khác ngoài *chính sự nhận thức đó*. Trong giây phút mỏi mệt, chán nản, cô đơn, Cuội than thở: " Thiên hạ có tai mà không được nghe, có mắt mà không thể nhìn. Ta tự thấy mang nặng cái sứ mệnh là nghe và nhìn cho thiên hạ... để rồi... *để rồi làm gì*? Hỡi ơi! điên rồ thay mà cũng lận đận thay là sứ mệnh của ta!" (Chúng tôi cho in nghiêng) Nhân vật Cuội của Vũ-Khắc-Khoan mang nhiều đặc tính của nhà hiền triết theo Platon. Vậy mà Cuội vẫn không phải là một nhà hiền triết. Vậy Cuội là gì? Chúng tôi hi vọng không phản bội tư tưởng của tác giả khi nói rằng: Cuội là hình ảnh người nghệ sĩ chân chính. Thật vậy, tất cả đặc điểm thiết yếu của người nghệ sĩ đều được tác giả mô tả qua ý nghĩ , qua tình cảnh của Cuội . Hằng-Nga mà Cuội đeo đuổi suốt đời là hình ảnh đối tượng của nghệ thuật. Cái đẹp mà người nghệ sĩ thể hiện trong câu thơ, điệu nhạc, bức tranh bao giờ cũng có tính cách tương đối: một tác phẩm đẹp là một trong muôn ngàn thể hiện của cái Đẹp. Nói cách khác, không một tác phẩm nghệ thuật nào có thể được xem là tác phẩm cuối cùng trong công cuộc thể hiện cái đẹp. Trước một bài thơ, một điệu nhạc, dù được đánh giá là tuyệt vời, ta vẫn có quyền nghĩ rằng: rồi đây sẽ có những bài thơ khác, những điệu nhạc khác tuyệt vời hơn nữa. Không một công trình nào - vật hay người - có thể được coi là sự thể hiện trọn vẹn yếu tính của cái Đẹp. Vũ-Khắc-Khoan đã làm nổi bật tính chất siêu việt của cái Đẹp khi sắp xếp làm sao cho những lần gặp gỡ giữa Cuội và Hằng-Nga luôn luôn kết thúc bằng một cuộc chia tay, có nghĩa là Cuội không bao giờ

chiếm hữu được Hằng-Nga, giống hệt như người nghệ sĩ không tài nào thể hiện cái Đẹp một cách trọn vẹn trong tác phẩm của mình.

Vì không chiếm hữu được Hằng-Nga cho nên Cuội để cả đời "lê chân khắp các ngã đường ... ". *Cuộc hành trình lâu dài của Cuội là hình ảnh sự đam mê sáng tạo của người nghệ sĩ.* Khác với đam mê xã hội, chính trị hay kỹ thuật vốn nhắm vào một cứu cánh thực dụng (xây dựng một xã hội phồn vinh, công bằng, chế tạo một chiếc máy có nhiều hiệu năng...) đam mê nghhệ thuật không nhằm tạo ra một vật có lợi ích thực tế nào cả. Khi biết Cuội đeo đuổi Hằng-Nga và bầy tiên nữ ca múa, có người đã vạch ra cho Cuội thấy rằng: "Người đẹp có làm cho dân giàu không? Nhạc hay có làm cho dân ngoan không?". Trước lời phê bình của những bộ óc quá thực tế, Cuội hết cách trả lời. *Ở quan điểm thực tế và vụ lợi*, cái Đẹp và Nghệ thuật thực sự không có giá trị. Cuội không thể trả lời vì, tự bản chất, cái đẹp không ích lợi. Người không có tâm hồn nghệ sĩ chỉ biết chăm chăm chú chú vào những mục tiêu hữu ích thấy được. Vậy thì đâu có gì đáng phải ngạc nhiên khi thấy người nghệ sĩ ít được thông cảm và thường bị chê là gàn dở, hoặc điên rồ . Nghệ sĩ vẫn là người cô đơn. Trong công cuộc tìm kiếm và thể hiện cái Đẹp, cảm thức cô đơn lúc Cuội sống giữa đám đông là một trong những nỗi khổ lớn lao của Cuội: "Ta đã gặp biết bao nhiêu là người ... Với ai ta cũng thất vọng. Giữa ta và họ hình như có một bức tường dày đặc. Và ta luôn luôn thui thủi một mình. Ta đã từng ra giữa chợ mà kêu lên tất cả những âm u, ấn ức ủ kín trong lòng. Ta đã cố tả cho cái đám đông buôn bán ấy , những hình ảnh tuyệt đối là tươi đẹp, một sớm đã hiện lên trước mắt ta ". Dù nỗ lực đến mấy, Cuội vẫn thất bại, chỉ vì Cuội và người chung quanh không cùng chung một ý hướng, không cùng chung một nhãn quan. Một khi điều Cuội nhìn thấy là điều mà người khác không thể nhìn thấy thì làm sao người khác hiểu ngôn ngữ của Cuội được? Cho nên chàng than thở : "Ngôn ngữ của người đời thô sơ quá và ta đã phải khóc vì tự thấy mình bất lực khi muốn dệt lại những uẩn khúc vô cùng tế nhị của nỗi cảm xúc thần tiên của ta . Người đời cười vào mặt ta mà bảo ta là nói dối, họ còn coi ta là một thằng rồ ."

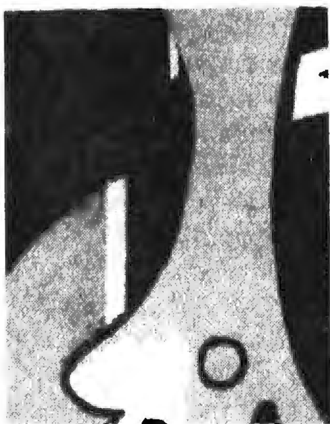
Qua vở kịch "Thằng Cuội", chúng ta có thể nghĩ rằng Vũ-Khắc-Khoan đã mô tả thân phận người nghệ sĩ chân chính, trong đó Cuội là biểu tượng người nghệ sĩ và Hằng-Nga là biểu tượng của cái Đẹp, đối tượng của nghệ thuật. Trong sự mô tả ý hướng nghệ thuật qua chuyện tình giữa Hằng-Nga và Cuội , ông đã vận dụng những ý niệm căn bản của triết lý Platon. Ở phần trên, chúng tôi đã giải thích đặc điểm các nhân vật trong vở kịch với quan niệm triết lý đó đồng thời nêu rõ sự trùng hợp giữa Cuội và nhà hiền triết. Dù sự trùng hợp không toàn diện, chúng ta vẫn có thể nghĩ rằng: có bầu không khí Platon bàng bạc khắp vở kịch "Thằng Cuội ngồi gốc cây đa".

NGUYỄN NAM GIAO



PHẠM VĨNH CƯ

MẤY SUY NGHĨ VỀ GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT - NGA



Từ sau Cách Mạng Tháng Tám đến những năm gần đây, rõ ràng không có nước nào trên thế giới lại giao lưu văn hoá với nước ta một cách mạnh mẽ, liên tục và trên nhiều bình diện như nước Nga. Có điều trước đây, chúng ta bang giao với Nga không phải như một quốc gia độc lập, có chủ quyền, mà chỉ như một bộ phận cấu thành, tuy là bộ phận lớn nhất, quan trọng nhất trong Liên Bang Xô Viết. Giờ đây, Liên Xô không còn nữa. Trên vũ đài lịch sử, tái hiện nước Nga như một cường quốc văn hoá, một dân tộc có một nền văn hiến vĩ đại đã trải qua nhiều bước phát triển thăng trầm, đột biến hết sức phức tạp, chúng ta đứng trước sự tất yếu phải tiếp tục và đổi mới những mối quan hệ văn hoá với Nga và các nước trước kia là thành viên của Liên Bang Xô Viết. Muốn thành công trong việc hệ trọng này, thiết tưởng cần nhìn lại chặng đường đã qua, đánh giá khách quan và công bằng kết quả của gần nửa thế kỷ giao lưu văn hoá với Nga trong khuôn khổ Liên Bang Xô Viết, rút ra những bài học thiết thực, từ đó đề ra n hững đường hướng chủ trương xác đáng, phù hợp với những nhiệm vụ xây dựng nền văn hoá nước nhà trong giai đoạn mới.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập hết sức hời hợt, tới một khía cạnh của bản tổng kết cần được xây dựng ấy: đó là đánh giá mức độ và tính chất

của sự hiểu biết lẫn nhau và làm giàu thêm cho nhau đã đạt được giữa nước ta và Nga trong lĩnh vực văn hoá. Do số trang có hạn, xin chỉ nói về tác động văn hoá Nga ở Việt Nam. Nó đã vào nước ta như thế nào và đã aảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nền văn hóa nước ta trong những năm qua?

Trước tiên cần nói rằng khái niệm "văn hoá Nga" ở Liên Xô trước kia cũng như ở nước ta gần đây vẫn thường được hiểu theo nghĩa hẹp. Khi nói đến văn hoá Nga, người ta thường quan niệm đó là văn hoá của nước Nga, của dân tộc Nga trong quá khứ lịch sử, trước Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa Tháng Mười. Còn những gì mà người Nga và các dân tộc khác trong Liên Bang Xô Viết làm nên trong lĩnh vực văn hoá từ sau Cách Mạng Tháng Mười thì được hợp nhất vào một phạm trù bao trùm "Văn Hoá Xô Viết", phạm trù này đã mau chóng trội vượt lên hàng đầu trong nền tuyên truyền, giáo dục, khoa học xã hội Xô Viết, đẩy lùi xuống hậu cảnh, vào trong chỗ râm tối quan niệm truyền thông về văn hoá như một thực thể tinh thần mang dấu ấn, bản sắc của từng dân tộc riêng biệt, trong trường hợp cụ thể này là của dân tộc Nga, Ucraina, Litva, Grudia, v.v... Văn hoá Xô Viết, như những lý luận gia và những người lãnh đạo, quản lý nó quan niệm, là một nền văn hoá có tính chất quốc tế, nó do tất cả các dân tộc trong Liên Bang Xô Viết tạo nên và là tài sản tinh thần chung của họ, do đó nó không mang dấu ấn đặc thù của một dân tộc nào riêng biệt. Như chúng ta dễ thấy, ngay cái tên nhà nước: "Liên Bang Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết" cũng không mang dấu hiệu về một quốc gia hoặc dân tộc cụ thể nào đã từng tồn tại trong lịch sử và điều đó không phải là ngẫu nhiên. Thay vì cho cái đế chế Nga, "nhà tù của các dân tộc" trước đây, những người kiến tạo Liên Bang Xô Viết chủ trương xây dựng một nhà nước mà trong đó hàng trăm dân tộc lớn nhỏ sẽ hoà đồng hợp thành một "Cộng đồng lịch sử mới - nhân dân Xô Viết" (Hiến pháp Liên Xô 1977). Cơ sở hợp nhất có sức mạnh vượt lên trên mọi sự khác biệt dân tộc, sắc tộc ấy là chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, là chủ nghĩa Mác-Lê-nin, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, đỉnh cao của trí tuệ loài người, là lý tưởng cộng sản chủ nghĩa ngày càng phát huy sức hấp dẫn, sức thu phục nhân tâm. Cảm hứng chủ đạo của nền văn hoá Xô Viết chính là cảm hứng sáng tạo thế giới mới, một thế giới tốt đẹp, huy hoàng chưa từng có trong lịch sử mà so với nó, tất cả các giai đoạn trước phải được xem như đêm trường tăm tối (chúng ta hãy nhớ lại những câu thơ của Việt Nam từng truyền đạt cái cảm hứng ấy: "Thuở anh chửa ra đời, Trái đất còn nức nở, Nhân loại chửa thành người, Đêm ngàn năm man rợ ..." (Tố Hữu).

Văn hoá Xô Viết, cũng như Liên Bang Xô Viết, là một hiện tưởng lịch sử không thể hồ nghi. Nó đã tạo nên nhiều giá trị chân chính, đạt được những thành tựu xuất sắc, được cả thế giới khâm phục, thiếu chúng không thể hình

dung được diện mạo văn hoá thế kỷ XX. *Chiến Hạm Pôtiômkim và Tsapaep, Sông Đông Êm Đềm, và Vaxili Chiôrkin, Người Công Nhân Và Người Nữ Công Trang Viên*, và tượng đài kỉ niệm người chiến sĩ Xô Viết ở Berlin, nhạc của Prôkophiev và Sôxtakôvitch cùng nhiều tác phẩm xuất sắc khác của văn học nghệ thuật Nga-Xô-Viết đã chinh phục trái tim của độc giả, khán giả, thính giả khắp năm châu, trong đó có người Việt Nam chúng ta. Hôm nay, khi những thành tựu, những giá trị văn hoá ấy đang có xu hướng bị phủ định ở ngay quê hương của chúng, chúng ta, những người bạn của nhân dân Nga và các dân tộc khác trong Liên Bang Xô Viết trước đây, có trách nhiệm góp tiếng nói bảo vệ và khẳng định chúng.

Nhưng đồng thời cũng không thể không thừa nhận một sự thật rõ như ban ngày: trong quá trình xây dựng nền văn hoá Xô Viết cũng như trong tất cả các lĩnh vực khác, những người lãnh đạo Liên Bang Xô Viết đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng và có hệ thống, chính những sai lầm ấy là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụp đổ Liên Bang Xô Viết. Chúng đã gây nên những tổn thất nặng nề, không thể đền bồi cho văn hoá Nga và các dân tộc khác, hạn chế rất nhiều những thành quả mà đáng lẽ Liên Xô (cũ) có thể đạt được trong lĩnh vực văn hoá, rút ngắn sự tồn tại, thu giảm ảnh hưởng, sức tỏa sáng của văn hoá Xô Viết ngay trong nước và trên thế giới, thậm chí còn tạo ra những hình ảnh méo mó về dân tộc Nga và con người Nga, nhân dân Xô Viết và con người Xô Viết. Theo chúng tôi, sai lầm cơ bản, tai hại hơn cả là những người lãnh đạo, quản lý văn hoá ở Liên Xô (cũ) thiếu ý thức văn hoá thực thụ nhưng lại nắm quyền lực tuyệt đối. Trong suốt hơn 70 năm cầm quyền, họ đã không biết giải quyết đúng đắn quan h ệ giữ chính trị với văn hoá và trong văn hoá, mối quan hệ giữa cái giai cấp, cái dân tộc, cái nhân loại phổ biến.

Một đặc điểm đầy kịch tính của lịch sử Nga đó là một cuộc cách mạng, một cuộc đảo lộn xã hội triệt để nhất, khốc liệt nhất đã nổ ra ở đó đúng vào lúc nền văn hoá Nga đương phát triển rực rỡ và toàn diện, khi mà theo lời một nhà văn hoá Nga hiện đại, đất nước Nga đang nở những thiên tài. Trong cuộc đấu tranh ấy, những người chiến thắng, trái ngược với những tuyên bố chính thức của họ, rất nhiều khi đã đưa vào lĩnh vực vấn hoá lĩnh vực lưu giữ, phát tỏa ánh sáng vĩnh hằng của những mục tiêu cao nhất của nhân sinh những quy luật, những phép ứng xử của cuộc chiến tranh giai cấp nhất thời. "Ai không đi với chúng ta tức là người ấy chống lại chúng ta" phương châm ấy được áp dụng với một sự nhất quán đáng sợ với những tinh hoa của dân tộc Nga và các dân tộc khác trong Liên Bang Xô Viết. Nếu năm 1922, thời Lê-nin, nhà đương cục đã trục xuất ra khỏi đất nước hơn 200 trí thức lớn, bất đồng chính kiến chính những người này về sau đã tạo nên vinh quang cho nền văn học, triết học, khoa học nh ân văn Nga thế kỷ XX ở Châu Âu và Châu

Mỹ - thì đến thời Xtalin hàng ngàn trí thức như thế đã bị vùi dập, đọa đầy, giam hãm và thủ tiêu, trong đó có không ít văn nghệ sĩ và nhà khoa học đại tài. Nhiều người Việt Nam chúng ta đã đọc thiên phóng sự tuyệt vời *Nguyễn Ái Quốc - Đến Thăm Một Chiến Sĩ Quốc Tế Cộng Sản* của ông Mandelstam đăng trên tạp chí Ngọn Lửa Nhỏ cuối năm 1923, nhưng không mấy người Việt Nam biết rằng Mandelstam là một nhà thơ rất lớn, một trong những nhà thơ lớn nhất thế kỷ này. Khi Mandelstam viết bài phóng sự trên, thiên tài của ông đã được nhiều đồng nghiệp thừa nhận. Thế nhưng năm 1938, Mandelstam đã phải chết trong nhà tù khổ sai Xibia, khi chưa đầy 40 tuổi; đến những năm 60 ông mới được minh oan chính trị, còn sáng tác của ông thì mãi đến thời kỳ "cải tổ" mới được xuất bản rộng rãi và đánh giá đúng đắn. (Theo chúng tôi thì chỉ vì một bài báo ấy về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà nước ta cũng nên in một tuyển tập thơ văn Mandelstam ở Việt Nam, đấy sẽ là một hành động có giá trị văn hoá). Cùng với Mandelstam, Xvêtaêva và Êxênin, Akhmatôva và Pasternak, Platônôv và Bulgacôv, Philônôv và Malêvitch, Tairôv và Nitxun, Tarkôvxki và Rôxtrôpôvitch, Xidur và Mêiêrkhola, Bakhtin và Lôxev, và sau này Brôdxki và Xolgiê - Nêizvêstnui (chúng tôi chỉ nêu một số tên tuổi lớn nhất, hiện nay lừng lẫy khắp thế giới)- tất cả những văn nghệ sĩ và những nhà khoa học này đều phải chịu đựng những số phận bi kịch chỉ vì họ không thể gò ép mình sáng tác theo đúng những quan niệm, tiêu chí, khuôn mẫu hẹp hòi, cứng nhắc, thiển cận về tính Đảng, tính nhân dân, về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mà những người lãnh đạo, quản lý văn hoá Xô Viết đã vạch ra. Thế nhưng cũng có không ít văn nghệ sĩ và học giả khác đã lựa chọn con đường thực hiện đúng đơn đặt hàng của những người cầm quyền, mặc dù chúng nhiều khi mâu thuẫn với chủ kiến của họ và con đường ấy đã đem lại cho họ danh vọng, địa vị, giàu sang ...

Xưa nay, dưới mọi chế độ, sự giả dối, sự không thật lòng, sự gượng ép hoặc cưỡng bức không bao giờ đẻ ra được những sản phẩm văn hoá thực thụ, nhưng nhờ vào tài năng, chúng có thể đã sản sinh ra hằng hà sa số văn hoá rởm cao cấp, bề ngoài giống hệt văn chương, nghệ thuật khoa học chính hiệu. Thứ hàng rởm cao cấp này nhiều khi rất khó nhận ra, chúng đã đánh lừa những người đặt hàng vốn không tinh tường và cả một bộ phận công chúng, và người ta tưởng rằng đã có được khoa học, văn học, nghệ thuật thực thụ (*Con Đường Đau Khổ* của Alêcxây Tôlxtôi và các tiểu thuyết của Bônđarev là những ví dụ điển hình), và lại càng khích lệ sự làm đồ rởm cao cấp này. Sự khích lệ ấy cám dỗ ghê gớm những người kém văn hoá, lôi cuốn họ vào đường mòn dễ đi, khiến cái ngụy văn chương, ngụy nghệ thuật, ngụy khoa học ngày càng lấn át văn học, nghệ thuật, khoa học chân chính, đưa đến sự suy thoái và lạm phát giá trị, hạ thấp và thậm chí nhiều phen nhấn chìm xuống bùn đen uy tín của văn hoá xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước trong cộng

đồng anh em cũ. Bởi vì quả thật, nếu Brêgiơnev là nhà văn được giải thưởng Lê-nin, nếu Markov và Bondarev là những cây bút đại thụ, nếu V. Serôv và A. Ghêraximov là những họa sĩ lỗi lạc thì một nền văn nghệ với những nhân vật đầu đàn như thế có lớn thật không? Ở Việt Nam ta, ngay những năm quan hệ Việt Xô thắm thiết nhất, khi mọi thành tựu của Liên Xô (cũ) đều được báo chí ta ca ngợi hết lời, vẫn không thiếu những ý kiến chê bai, coi thường khoa học, văn nghệ của những ông Ivan cổ lỗ và tỉnh lẻ. Đầu những năm 80, một người bạn Nga nói thì thầm với tôi sau ly rượu: "Chúng tôi làm gì có văn học, anh sang nghiên cứu văn học Xô Viết làm gì?" Tất nhiên, anh bạn ấy không đúng, cực đoan, phiến diện, cũng như ở ta đã là không đúng, nông cạn và hồ đồ những ai bĩu môi chê bai văn học Nga-Xô Viết mà không nhớ tới Sôlôkhov và Tvarđôvxki, chưa đọc văn xuôi của Platônôv và Bitôv, thơ Xtêtaeve và Brôdxki ...

Tám mươi năm về trước, chuẩn bị tư tưởng cho cuộc cách mạng long trời lở đất, Lê-nin đã đề ra học thuyết nổi tiếng về hai nền văn hoá trong một nền văn hoá dân tộc. Sự vận dụng giáo điều, máy móc luận điểm ấy của Lê-nin trái với tinh thần của những phát biểu về văn hoá của Lê-nin sau Cách Mạng Tháng Mười, đã đem lại những thiệt thòi, mất mát chưa lường hết được không riêng cho các dân tộc trong Liên Bang Xô Viết. Thực ra, sự phân hoá văn hoá trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng phức tạp, dích dắc hơn nhiều; ngay trong những thời kỳ đấu tranh giai cấp quyết liệt nhất, các nền văn hoá dân tộc cũng không bao giờ bị phân chia làm đôi triệt để mà không còn lại những lớp vỉa trung gian, những yếu tố hợp nhất. Không bao giờ có thể triệt tiêu cái hạt nhân, cái bản sắc dân tộc của văn hoá để lấy đặc tính của một giai cấp nào đó thay vào đó, cũng như trong một cơ thể sống, không có một bộ phận nào thay thế được bộ phận khác, và lại càng không thay thế được cái chính thể. Số phận của văn hoá N ga sau Cách Mạng Tháng Mười là một minh chứng. Mặc dù người ta hầu như không nói đến nó nữa, cứ như là nó đã hoà tan toàn bộ vào nền văn hoá Xô Viết quốc tế (chính sách phi dân tộc hoá không tuyên bố thể hiện ở chỗ, thí dụ trong suốt 70 năm, ở Liên Xô cũ- không xuất hiện một công trình nghiên cứu nghiêm túc nào về bản sắc dân tộc của văn hoá Nga và văn hoá các dân tộc khác trong Liên Bang Xô Viết, người ta tránh né không nói đến tính cách Nga, tâm hồn Nga, tâm thức Nga, dường như để nhường điều đó cho người nước ngoài độc quyền nghiên cứu, suy nghĩ về đề tài này). Mặc dù như thế, văn hoá Nga vẫn tồn tại, vẫn đơm hoa kết trái trong một khí hậu mới, khắc nghiệt. Hơn thế nữa, mọi thành tựu cao nhất, có sức sống trường cửu nhất của văn hoá Xô Viết đều mang trong mình nhựa sống của văn hoá Nga và các dân tộc khác trong Liên Bang Xô Viết, khi chất dân tộc ở chúng rất dễ nhận thấy, còn những tác phẩm nào mà khí sắc dân tộc mờ nhạt, những tác phẩm chỉ thuần túy là Xô Viết, là xã hội

chủ nghĩa thì dù chúng có được tán tụng, biểu dương đến đâu, tuổi sống của chúng vẫn rất ngắn ngủi. *Sông Đông Êm Đềm* khác với *Thép Đã Tôi Thế Đấy, Vaxili Chiôrkin* khác với *Tốt Lắm!* ở chỗ ấy. Đáng tiếc, trong những năm qua khi giới thiệu văn học, nghệ thuật Liên Xô (cũ), chúng ta thường sao chép một cách máy móc những định giá mang nặng lý do chính trị của bạn, đem lại cho công chúng nước ta những giá trị nhiều khi bị xếp lộn vị trí. Tuy nhiên cần phải nói rằng độc giả, khán giả nước ta cũng rất có trình độ, rất mẫn cảm, mặc dù từ ghế nhà trường, họ được dạy dỗ ái mộ Maiacôpxki, Ôxtrôvxki, Phađêev, Pôlêvôi ... nhưng họ vẫn chủ động tìm đến và dành tình yêu nồng cháy hơn nhiều cho Êxênin, Pasternak, Prisvin, Pauxtôvxki, A. Blôk, Paxputi, ... tức là những nhà văn đích thực đã thực sự làm giàu cho kho tàng giá trị văn hoá Nga, những giá trị ấy đồng thời cũng là những giá trị của văn hoá Xô Viết, văn hoá nhân loại. Trong trái tim của độc giả Việt Nam có học hôm nay, các nhân vật Grigôri Mêlikhôv và Akxinhia, bác sĩ Givagô và Lara đã chiếm một góc vững chãi; còn Paven Coocsaghin và Oleg Kôsêvoi thì lại bị lãng quên mau chóng. Nhưng xán lạn và trường cửu hơn nhiều là trong tâm thức của người Việt chúng ta đã và sẽ sống mãi Andrêi Bônkônxki và công tước Mưskin, Tachiana Lărina và Natasa Rôxtôva. Khó mà đo hết được tác dụng nuôi dưỡng tâm hồn, bồi đắp nhân tính chân chính của các hình tượng văn học Nga cổ điển một nền văn học "thánh thiện", như cả loài người văn minh thừa nhận.

Nửa thế kỷ là quãng thời gian không ngắn, đáng lẽ chúng ta có thể thu được nhiều thành quả hơn trong giao lưu văn hoá với Nga và những cường quốc văn hoá khác. Mọi sự giao lưu đích thực, ngoài tinh thần cởi mở còn đòi hỏi ở các chủ thể bản lĩnh và tính chủ động sáng tạo, đòi hỏi sự đối thoại và đối tác, nếu không đó chỉ là sự hấp thụ ảnh hưởng một chiều, dẫn đến sự bắt chước, vay mượn thô thiển. Mọi sự giao lưu đều là sự thách thức lẫn nhau, sự đua sức thi tài giữa các nền văn hoá. Dân tộc nào, quốc gia nào biết phát huy các năng lực sáng tạo của mình, dân tộc ấy sẽ dành được nhiều kết quả trong bang giao với nước ngoài, và ngược lại, ở đâu những sức mạnh sáng tạo nội tại bị trói buộc, ở đấy sự giao lưu với ngoại bang dễ đem lại những hậu quả tiêu cực. Trước Cách Mạng Tháng Tám, người Việt Nam ta hầu như chưa biết gì về văn hoá Nga. Thế nhưng một nhà văn của chúng ta Nam Cao- đã hấp thụ rất sáng tạo ảnh hưởng của văn học Nga, của Đôxtôievxki và Tsêkhôv và bằng *Chí Phèo, Sống Mòn* ôn g đã đáp lại xứng đáng lời thách thức của nền văn học vĩ đại ấy. Đáng tiếc, sau Cách Mạng, tấm gương Nam Cao đã không được noi theo. Trong quan hệ văn hoá với Liên Xô (cũ) chúng ta đã quá thiếu tinh thần độc lập tự chủ (điều mà chúng ta một thời hết sức tự hào trong chính trị). Không chăm lo xây dựng một đội ngũ chuyên gia giỏi về Nga, về Liên Xô (cũ), xây dựng một nền Xô Viết học, Nga học của Việt Nam (trong

khi người Nga lại xây dựng được một nền Việt Nam học đã đạt được những thành tựu đáng kể); trong việc giới thiệu, truyền bá văn hoá Nga-Xô Viết, chúng ta đã hầu như hoàn toàn dựa vào ý kiến chỉ dẫn của các giới chính thống ở Liên Xô (cũ) xa lạ với văn hoá Nga đích thực. Thậm chí ta cũng không tham khảo kinh nghiệm, cách làm của các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa cũ, mà họ thông minh, khôn ngoan hơn ta nhiều trong việc này. Họ biết, vừa giới thiệu những tác phẩm chính thống để làm hài lòng "người anh cả", vừa khai thác cả những tinh hoa văn hoá, nhiều khi còn bị cấm đ oán, bị giữ bí mật ở Liên Xô (cũ). Trong khi ở Đông Âu, công chúng trầm trồ tán thưởng Platônôv và Bulgakôv, Babel và Pilliak thì ở ta vẫn tiếp tục cho ra hết cuốn sách này đến cuốn khác của Pôlêvôi và Marcôv, Kêtlinxkaia và Nicôlaeva. Trong khi các nhà khoa học nhân văn Châu Âu học tập Bakhtin, Lotman, Avrintxev, thì ở ta người ta kiên trì xào xáo lại Timôfeev, Pôspêlov, Khraptrêncô... Theo tôi, sự phổ biến tràn lan và đề cao quá mức những sản phẩm xoàng xĩnh mờ nhạt của văn hoá Liên Xô (cũ) đã ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của nhiều ngành văn hoá nghệ thuật nước ta trong một thời gian khá dài. Nó đã cổ vũ bệnh công thức, bệnh sơ lược, sáo mòn, lười suy nghĩ, ngại cái mới, là những khuyết tật mà chúng ta đang cố gắng khắc phục để tạo nên bước tiến mới cho nền văn hoá văn nghệ nước nhà.

Như vậy, bước vào giai đoạn mới, trong sự giao lưu văn hoá với Nga, chúng ta đang đứng trước nhiều nhiệm vụ nặng nề. Có thể nói, chúng ta phải khám phá lại nền văn hoá ấy, tiếp thu lại kho tàng tinh hoa của nó, hiểu nó đến tận gốc và thiết lập quan hệ đối thoại, đối tác với nó. Góp phần bảo vệ và khẳng định những thành tựu thực thụ của nền văn hoá Nga-Xô Viết, chúng ta cởi mở tiếp nhận những giá trị chân chính của văn hoá Nga lưu vong. Quan tâm theo dõi và giới thiệu văn hoá, văn học Nga hôm nay, chúng ta đặc biệt chú trọng nghiên cứu, học tập và giới thiệu một cách có hệ thống di sản văn hoá Nga cổ điển niềm tự hào lớn nhất của dân tộc Nga. Mặc dù rất yêu mến, nhưng chúng ta còn hiểu biết hời hợt và lệch lạc về nền văn hoá ấy, cho nên không thể nói rằng văn hoá Nga đã bắt rễ sâu vào Việt Nam như văn hoá Pháp, mặc dù về mặt chính trị, trong thời kì dài ta và Pháp là thù mà ta với Nga lại là anh em chí thân chí cốt. Lâu nay chúng ta chỉ tiếp cận với văn học Nga như nó đã được ấn hành , nghiên cứu, lý giải ở Liên Xô (cũ), không đoái nhìn sang các nước khác. Mà ở Liên Xô (cũ) thì mặc dù tên tuổi của các đại văn hào Nga rất được đề cao, người ta vẫn xử lý với di sản của họ một cách tùy tiện, cũng theo tinh thần cái học thuyết bị giáo điều hoá về hai nền văn hoá dân tộc của Lê-nin. Cho nên thực ra chúng ta mới chỉ có những văn bản của văn học cổ điển Nga được dịch rất chưa đầy đủ, với chất lượng khác nhau và chưa được chú giải. Liệu có thể hiểu biết văn học Pháp thế kỉ

ánh sáng mà không nắm vững triết học Pháp thời kì ấy không? Có thể uyên thâm về Gơte và Sinle mà không biết gì về Kant và Hêgel? Đối với văn học Nga, chúng ta đang ở trong tình hình như vậy. Chúng ta không biết gì về những dòng tư tưởng xã hội, triết học, tôn giáo đã nuôi dưỡng sáng tác của các thiên tài Nga. Đây không phải là vấn đề học thuật, vấn đề kiến thức lịch sử thuần túy. Như mọi người biết, nhiều tư tưởng minh triết chứa đựng trong các trước tác cổ xưa tưởng chừng đã bị lịch sử chôn vùi vĩnh v iễn, nay lại hồi sinh để tham gia rất cập nhật vào đời sống của xã hội loài người hôm nay. Xin đơn cử một ví dụ: Cả thế giới khâm phục chủ nghĩa nhân bản vô cùng sâu sắc của văn học Nga. Nhưng có nhiều chủ nghĩa nhân bản khác nhau, các nhà văn cổ điển Nga cổ vũ cho chủ nghĩa nhân bản hữu thần và cương quyết chống lại chủ nghĩa nhân bản vô thần. Đôxtôievxki hơn một lần khẳng định bằng các kiệt tác của ông: Từ bỏ Thượng Đế, đặt mình lên vị trí tối thượng thì con người sẽ đánh mất nhân tính. Trong một loài người không có Thượng Đế, con người co thể cư xử với nhau thế nào cũng được, thậm chí ăn thịt nhau. Trong một xã hội không có Chúa Trời, các chúa đất sẽ biến mình thành những Chúa Trời, những siêu nhân - dã thú, còn dân chúng thì bị cải tạo thành những bầy gia súc. Tư tưởng ấy của Đôxtôievxki tưởng chừng rất phản động, rất ngu dân, nhưng kinh nghiệm xây dựng một xã hội vô thần cực đoan, vô thần cuồng tín ở đất nước ông và không riêng chỉ ở đất nước ông, buộc ta phải băn khoăn suy nghĩ ...

Chúng tôi nhắc đến tư tưởng cốt yếu của văn hoá Nga không phải để cổ súy cho nó mà chỉ mong cung cấp thêm tư liệu cho các cuộc thảo luận về vị trí của cái tâm linh, tín ngưỡng cho nền văn hoá Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhân bản và đậm đà bản sắc dân tộc mà chúng ta chủ trương xây dựng.

PHẠM VĨNH CƯ



PHẠM TRIỆU LUẬT

"LITERARY CORRECTNESS"



Đọc bức thư than phiền của chị Trần Mộng Tú về bài *"Linda mặ ngang"* và thư trả lời của anh Đỗ Kh., tôi xin phép đóng góp năm ba ý kiến trên một số vấn đề chung.

1) Về cái đẹp, tôi vẫn được nghe từ thời trung học : *"văn là vẻ, chương là đẹp ; văn chương là vẻ đẹp"*. Từ dạo ấy tôi vẫn nghĩ rằng ngôn ngữ văn học phải khác hơn ngôn ngữ ngày thường, nhất là với cái phần gọi là ngôn ngữ thô tục. Ngày nay, dường như đường ranh để phân biệt 3 thứ ngôn ngữ ấy ngày càng mờ nhạt. Đẹp là gì, thơ là gì ? Sự định nghĩa bây giờ chắc chắn khó khăn hơn. Song tôi tin rằng vẫn có một tiêu chuẩn khách quan nào đó để ta còn có thể nhận diện cái đẹp, phân biệt nổi thơ với cái không phải thơ chẳng hạn, dù rằng phần đất phải nhường cho chủ quan trong văn học thực sự có lớn hơn trước.

Cái tiêu chuẩn ấy có thể vẫn chỉ là cảm giác khoan khoái, đi từ niềm vui lâng lâng đến xúc động ngây ngất (mặt chủ quan) mà nhiều người cùng chia sẻ (mặt khách quan) trước một tác phẩm nghệ thuật. Nếu cái đẹp chỉ đơn thuần là chuyện mỗi người một ý kiến riêng, thì sẽ không còn mỹ học ; nếu nó lại trùng hợp với cái không phải là đẹp thì còn kinh hoàng hơn : loài người sẽ mất luôn cả lý tưởng thẩm mỹ đã có từ bao giờ !

2) Về giới văn học VN ở hải ngoại, dường như chúng ta đang bị ngự trị bởi một thứ *"political correctness"*, như ở nhiều giới khác. Y thức hay vô thức,

chúng ta đều đã và đang cùng chấp nhận một giả định không phải là văn học mà là chính trị : mỗi người đều tự do, do đó, ai muốn viết chi thì viết, ai thích đọc gì thì đọc. Mỗi tác giả và mỗi độc giả đều biến thành một khuôn mẫu trừu tượng : là người trưởng thành, đủ trí khôn và biết trách nhiệm. Thử đặt vấn đề nghĩa vụ của kẻ cầm bút, anh sẽ bị chửi là *"xâm phạm vào quyền tự do sáng tác"* ; thử đặt vấn đề tôn trọng người đọc, anh sẽ bị mắng là đã xem họ như *"kẻ vị thành niên"* ! Thế là hết hó hé.

Nhìn dưới khía cạnh nhân quyền, đây có thể là một thắng lợi. Dưới góc độ xã hội, chưa chắc. Cả tác giả lẫn độc giả đều mất đi kích thước hiện thực của mình. Thật ra, dù đặt vấn đề nào cũng đều chỉ có ý nghĩa nhắc nhở. Dù muốn dù không, mỗi tác giả là một tác nhân có ảnh hưởng trong xã hội, không phải là Robinson Crusoe trên hoang đảo. Mỗi độc giả đều có nếp sống, cảm xúc, giới tính, tuổi tác của mình, và có quyền được tôn trọng, không phải như một khái niệm trừu tượng mà ngay trong sự hiện hữu cụ thể ấy.

3) Về quan hệ tác giả/tác phẩm/độc giả, có lẽ cũng chưa nên xoá trắng quan niệm cổ điển vội. Một mặt, nếu văn vẫn còn là người, thì tác giả không thể biến mất trong tác phẩm mà không lưu lại vết tích gì, ý thức hay vô thức. Và tất nhiên độc giả có thể nhìn thấy hay không, đoán đúng hay sai nhân cách của tác giả qua tác phẩm. Mặt khác, tác phẩm vẫn có hiện thực của nó, vì một lý do đơn giản : nó được sáng tạo bằng ngôn ngữ, dù đó đây đã xuất hiện loại sản phẩm "cách mạng" được tạo tác bằng nguyên liệu khác (xem Đỗ Kh., *"Bốn sợi lông của cùng một người đàn bà"*, HL số 31). Và chữ nghĩa có tồn tại khách quan của nó : ngoài văn thơ ra, trong từ điển mọi người đều dùng.

Thời mới lớn, nhiều đứa trong chúng ta vẫn tò mò đem từ điển ra tra một số chữ thỉnh thoảng nghe được mà chưa hiểu. Trong từ điển, bên cạnh mỗi định nghĩa đều có chú thích định loại ; có chữ được chua thêm *"tục"*. Tất nhiên, có những trường hợp *"tục"* mà không tục, và ngược lại. Tùy hoàn cảnh sử dụng. Trong một phim Mỹ, cứ mỗi lần có người lớn bước vào lớp mẫu giáo, một bé gái lại dơ tay phát biểu : *"con gái có lồn, con trai có giái"* ; tôi không thấy tục tĩu mà thấy dễ thương. Tôi cũng đã dự một hai lớp dạy sinh lý cho trai gái mới lớn hoặc nghe, đọc nhiều từ *"tục"* trong giáo trình ; tôi không thấy tục tằn mà thấy khoa học. Đọc một số thơ văn VN hải ngoại, tôi thấy thô tục.

4) Bài *"Linda mặt ngang"* có phải là thơ chăng ? Hãy lấy một tiêu chuẩn hiện thực và gọi là thơ tất cả những sáng tác nào được các báo văn học đăng trong mục *"thơ"*. Như vậy, "Linda mặt ngang" là một bài thơ. Chỉ xin nói thêm : đây là một bài thơ thuộc loại *"pornographic"*, theo nguyên nghĩa của từ này : tiền tố *"porno"* chỉ gái điếm. Khách quan mà nói, thi nghiệp của Đỗ Kh. bao gồm không ít thơ viết về chuyện đi chơi đĩ, nghĩa là thuộc vào thứ thơ tôi tạm dịch là *"thơ lầu xanh"* -hay chữ nghĩa hơn, *"thanh lâu thi"*, cho

tương xứng với "*Trang Đài âm đạo vi ti tiểu*". Đây không phải là sự đánh giá mà là một nhận định ; ở mức độ này, "*Kiều*" cũng là một truyện thơ lầu xanh.

Nguyễn Du viết về chuyện thanh lâu mà vẫn thanh lịch. Hồ Xuân Hương dùng chữ thanh để viết tục. Bút Tre ngắt câu ẩu tả để độc giả phải đọc cái thường thành tục. Ngày nay, chẳng còn ai than phiền, có lẽ vì ai cũng hiểu động lực nào đã dẫn dắt mỗi tác giả. Đọc một số thơ của Đỗ Kh., người ta có thể xem là tục tĩu : ở đây không có sự ngây thơ của bé gái nói ở trên, cũng không có cái khuôn khổ khoa học của lớp dạy sinh lý (dù có đo đạc hẳn hoi : "*bằng hai ngón tay*") ; người ta cũng khó đoán thấy chủ đích nào khác, hoặc cảm nhận "*nỗi cô đơn*" của tác giả qua hoàn cảnh đáng thương của Linda. Thiếu vắng những thứ ấy, mà ngược lại cứ bị "*overdose*" về từ tục hay từ thường bị hoá tục ("*liếm*", "*bú*"...), thì cái "*porno*" nguyên thủy dễ trở thành "*porno*" hiện đại, cái "*soft*" thành "*hard*", thành "*crad*".

5) Tôi không hề muốn xâm phạm vào quyền tự do sáng tác của bất cứ ai. Tôi cũng không than phiền khi nhìn thấy "*Linda mặt ngang*" hay "*Bốn sợi lông của cùng một người đàn bà*" trong Hợp Lưu. Song tôi thấy bất mãn trước câu trả lời trịch thượng (?) của tác giả : "*Tôi hoàn toàn ghi nhận hình ảnh tục tĩu của bài "Linda mặt ngang" trong tấm gương Trần Mộng Tú, cám ơn bà đã cất công soi nó*"... Có cái gì không ổn. Nếu Đỗ Kh. có thể tự biện bạch rằng đầu óc anh không thô tục khi dùng những từ mà xã hội cho là "*tục*" để nói chuyện khác, thì có lẽ cũng nên chấp nhận rằng nghệ thuật hàm ý của anh chưa thành thục. Và nếu người đọc vẫn nhận định các từ ấy là tục tĩu, thì điều này cũng không nhất thiết có nghĩa là đầu óc của họ dơ bẩn mà chỉ đơn giản là họ hiểu tiếng Việt.

Cuối cùng, tôi cho là Hợp Lưu đã trốn tránh trách nhiệm khi chỉ nhường quyền đối đáp cho anh Đỗ Kh., mà không trả lời câu "*HL một phần nào chịu trách nhiệm về sự coi thường độc giả đó*" trong thư chị Trần Mộng Tú. Hay đây lại là một vế khác của "*political correctness*" ? Nhà báo không trả lời vì nghĩ rằng mình chẳng nên chọn lựa bài vở để đăng : sự chọn lọc nàythường vẫn bị đồng hoá với một hình thức kiểm duyệt ngầm.

6) Rốt cuộc, "*political correctness*" đã trở thành "*literary correctness*" : nó hoàn toàn thống trị trên tất cả mọi khâu văn học. Để tôn trọng tự do sáng tác, tôi không được đặt vấn đề trách nhiệm của kẻ cầm bút. Nếu không xem người đọc là trẻ con, tôi không có quyền đòi hỏi ai tôn trọng độc giả. Tôi cũng không thể than vãn khi đọc một tác phẩm văn học, bởi vì nó đâu phản ánh cái gì khác ngoài "*thằng tôi đáng ghét*" của chính mình ? Tôi lại càng không thể yêu cầu nhà báo chọn lọc bài vở để đăng, ai lại đi chủ trương kiểm duyệt ! Mà đề nghị những nhà văn "*harders*" tập hợp lại trong một loại báo "*for adults only*" thì chẳng hoá ra là xúi bẩy "*apartheid văn học*" -*cũng* "*literary incorrect*" - hay sao ? Thôi, cho tôi gửi một câu hỏi đến cả làng văn : văn học VN hải ngoại sẽ đi về đâu ?

Nước Pháp cũng có nhiều tự do, song chưa mắc chứng "*correct- ness*". Vì cạnh tranh nhau, các đài truyền hình chiếu đầy loại phim ảnh bạo động và khiêu dâm. Khán giả than phiền dài dài. Bây giờ phim ảnh được xếp loại và đánh dấu : phim cho cả gia đình, phim cần có sự thỏa thuận của bố mẹ, phim dành riêng cho người lớn, v. v... Theo tôi, khán giả không hề bị xem như "*kẻ vị thành niên*", mà ngược lại còn được tôn trọng tối đa : cả ở quyền có những khác biệt lẫn quyền được thông tin đầy đủ về loại sản phẩm tiêu dùng.

7) Một biện pháp thích hợp với phương tiện truyền thông này, không nhất thiết phải thích ứng với những cái khác. Nhưng đây là một thí dụ điển hình đáng để chúng ta - nhà báo, tác giả, độc giả - cùng suy nghĩ về quyền lợi và trách nhiệm.

Nhiệm vụ của Hợp Lưu là ... hợp lưu, giữa quốc nội và hải ngoại, giữa các dòng văn học. Cần thiết và cao cả. Điều làm tôi bàng hoàng là, một ngày nào, nhận được tờ báo, mỗi độc giả sẽ phải phân vân tự hỏi có nên đưa cho mẹ, cho chị, cho em, cho con cái mình đọc chăng ? Thiết tưởng đó cũng là một câu hỏi thiết yếu mà nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo nên tự đặt ra cho bản thân - với tất cả cẩn trọng và sòng phẳng.

PHẠM TRIỆU LUẬT
01-03-1997

ĐỖ KH.

GÓP Ý VỚI BÀI "LITERARY CORRECTNESS".

- Khi trả lời thư của chị Trần Mộng Tú gửi cho Hợp Lưu, vấn đề làm tôi trăn trở nhất chính là sự *tôn trọng độc giả*. Tôi rất tiếc là sự ấp úng của tôi lại khiến anh Phạm Triệu Luật hiểu thành một thái độ *trịch thượng* (?) Tôi thành thật xin lỗi những người đọc đã có ấn tượng khó chịu trên. Biết thế, tôi đã tìm cách trả lời kém cung kính và nhiều hỗn xược hơn, nhờ vậy, có lẽ lại trở thành dễ thương (?)

- Việc "ghi nhận hình ảnh tục tĩu... trong tấm gương Trần Mộng Tú" là một việc ghi nhận khách quan hoàn toàn. Tuy có thể láo khi dùng từ trong sáng tác, với quan điểm và tiếp nhận của người đọc thì tôi không hề dám. Nếu Trần Mộng Tú cũng như 94,36% người đọc còn lại thấy đó là tục tĩu thì quả

đó là tục tĩu ít ra là với Trần Mộng Tú và 94,36% người đọc kia. Tôi không hề có ý tự biện bạch là đầu óc tôi trong sạch và đầu óc người đọc dơ bẩn trước những từ này. Nói chung, tôi nghĩ là đầu óc tôi cũng dơ bẩn không kém ai. Ở đây, chỉ muốn giải bày là ở vị trí của người viết tôi vô cùng biết ơn người đọc và vô cùng trân trọng *mọi* phản ứng, thái độ của người đọc với tác phẩm. Sự hiện hữu của "Linda Mặt Ngang" chẳng hạn, nếu có chăng chỉ ở nơi Trần Mộng Tú chứ không còn ở nơi tôi. Nó hiện hữu thế nào là trong tấm gương bà, trong tấm gương ông X, cô Y, người viết không có quyền nào phủ nhận. Người viết chỉ có quyền... viết. Tôi cũng đồng ý với Phạm Trọng Luật là Hợp Lưu và KT có một vai trò rất nặng (nhọc) khi đăng tải. Phải chăng chọn lựa này đã nghĩ đến cái 5,64% không đáng kể của chúng ta?

- Trong số 30 trên dưới tờ báo tại hải ngoại, trong số 30 trên dưới của tờ Hợp Lưu và trong 30 số trên dưới bài thơ Hợp Lưu đăng ở mỗi số, "Linda Mặt Ngang" là bài duy nhất mang vài từ được coi là "*lăng nhục*" đa số người đọc "*bằng chữ*" (TMT). Đây chỉ nói riêng là ở hải ngoại, dĩ nhiên chưa kể đến 300 tờ trên dưới v.v... ở trong nước. "*Nhiệm vụ của Hợp Lưu là... hợp lưu, giữa quốc nội và hải nhoại, giữa các dòng văn học*"(PTL). Theo thiển ý, mọi hợp lưu đều cần ít nhất là hai thành phần cũng như mọi chia rẽ đều cần ít nhất là hai bên. Trong trường hợp này, Hợp Lưu đã đăng một bài thơ chưa đăng ở trong nước và chưa thể đăng ở trên những tạp chí khác tại hải ngoại (trừ tạp chí *Thơ*, P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92842. USA, giá dài hạn một năm 20USD/Hoa Kỳ và canada, 25USD Âu châu/Úc châu và Á châu).

- *"Nhớ em kim chỉ khíu tình*
Trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre"

Chữ "khíu" vừa quê mùa vừa tầm thường chỉ có người nhà quê mới dùng khi nói về việc vá quần, vá áo, khi thi sĩ (Du Tử Lê) đem nó vào thơ để vá tình, chữ "khíu" bỗng trở thành một viên ngọc (Trần Mộng Tú, tạp chí Thơ số 9, tr. 57). Đây điển hình là một dòng văn học, một cách tận dụng "chữ". Chữ có rất nhiều và dòng văn học cũng có vài ba. Dĩ nhiên, tôi chỉ đề cập đến khía cạnh đa nguyên của vấn đề, chứ không dám nói là chữ quê mùa tầm thường nào cũng có thể đem vào thơ và trở thành này nọ được. Thí dụ trên, chữ"khíu" ở trên, theo Trần Mộng Tú, hoàn toàn (perfectly) "correct".

- Theo Phạm Trọng Luật, thì tạp chí Thơ (ít ra là số 9) cũng "politically corect" và "literylly corect". Nhưng Khế Yêm sơ suất thế nào và nghĩ sao nếu số này lọt vào tay những người vừa tỉnh thành vừa xuất chúng? Độc giả có phải phân vân tự hỏi có nên đưa cho cha, cho anh, cho ông bà thầy cô thông thái và thức giả của mình đọc hay chăng? Lo gích của Phạm Trọng Luật cũng

như lô gích của Hegel (để đối xứng với Nguyễn Du), đi ngược bằng đầu (theo Mác) chứ không phải bằng chân. Nhà kinh doanh Bạch Thái Bưởi dưới thời Pháp thuộc vẫn thường phản kháng các công nhân đường tàu thủy của ông rằng "Chính chúng mày mới là người bóc lột tao". Ngày nay, dưới thời Mỹ thuộc (theo nghĩa đế quốc văn hóa), Phạm Triệu Luật tinh vi hơn. Ông bị tự do sáng tác *tràn ngập* sách báo Việt ngữ áp bức đến ngạt thở. Các chủ biên đều phóng đãng buông lơi trong việc tuyển chọn khiến người đọc phập phồng mỗi khi phải dở sách báo ra. Một bầu không khí khủng bố bao trùm nền văn học lành mạnh khiến người đọc nơm nớp mỗi lần đặt bút hạ một chữ trong sạch và tử tế. Văn nghệ sĩ thuộc dòng chính thống với những giá trị cổ truyền kẻ bị bắt bớ người bị thủ tiêu. Chúng tôi (5,64%) đã bắt đầu đốt sách và coi chừng nhé, mai đây sẽ đốt cả người.

- Literary correctness chuyên chế! Giết hết những nhà thơ nào không gọi bộ phận sinh dục bằng tên!

- Một điều may là tuyệt đại đa số độc giả sách báo tại hải ngoại đều là những người đã đứng tuổi, nếu không nói là lớn tuổi. Thanh thiếu niên 17 tuổi rưỡi, có bị bố mẹ bắt quỳ cũng không chịu đọc Hợp Lưu. Về phần phía người viết, họ có trẻ chăng là lúc trước 75 (riêng về phần này, thời gian như có vẻ ngừng trôi). Tuy vậy cũng không tránh khỏi một số (một nửa) gồm mẹ, chị và em, tức là phụ nữ, được ông Phạm Triệu Luật galant xếp vào cùng với *con cái*. Đây là một thiếu sót lớn của các đài truyền hình Pháp chứng tỏ họ vẫn chưa *tôn trọng* được *tối đa* một nửa số độc giả, nghĩa là vẫn chưa có ký hiệu để xếp loại phim ảnh cho đàn bà biết để mà tránh. Tôi đề nghị thay vào "*đăng dưới mục có chữ "T", nghĩa là thơ*" (TMT), những bài dạng "Linda Mặt Ngang" nên đánh dấu riêng bằng một cái lầu, dĩ nhiên là xanh, để nữ giới yếu đuối được thông tin đầy đủ.

- Về câu hỏi Phạm Triệu Luật gửi đến cả làng văn: *"Văn học VN hải ngoại sẽ đi về đâu?"*, tôi nghĩ cũng nên đánh một dấu hiệu riêng để dành cho một số người. Thao thức này mỗi khi được nêu ra bao giờ cũng bởi những kẻ đứng tại chỗ.

ĐỖ KH.

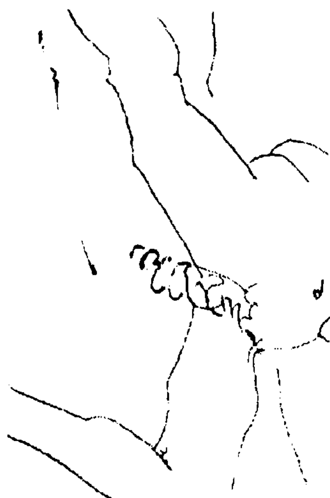
---

* 94,36% là số phiếu tín nhiệm Nguyễn Văn Thiệu trong kì bầu cử năm 1971.



MỘC HƯƠNG

THÁO CŨI SỔ LỒNG



Lúc nhỏ, nhà tôi có chị Ba giúp việc nhà. Chị làm việc rất siêng, rất giỏi nhưng chúa hay nói tục. Chị làm việc nhà, nấu nướng cho nhà tôi ban ngày, tối về với chồng. Có lần giận lẫy chồng mèo mỡ, ghen tuông sao đó, chị xin ngủ lại nhà tôi, anh chồng lò mò tới kiếm, tôi nghe chị ra chửi:

- Mày đi đi, tao không có về lại nhà nữa đâu, không có cặc này thì đi kiếm cặc khác, sợ hệ gì!

(Chị xài chữ bay bướm tài tình nhằm vô hiệu hoá vai vế làm chồng, hạ chức năng anh đàn ông xuống chỉ còn giá trị là một con đực?)

Mẹ tôi cười, cho là chị tuy hơi hỗn, nhưng chửi thằng chồng lang chạ phản phúc như vậy cũng là chí lý.

Lớn hơn một chút, học ở Văn Khoa Sàigòn, lớp Văn chương Quốc Âm (giáo trình Văn học miền Nam) với thầy Vương Hồng Sển, thầy giảng giọng Nam khác với giọng Huế ra sao: tiếng Huế bạ tiếng mô là cũng chơi thành dấu nặng hết. Chẳng hạn thầy ra Huế vô tiệm gọi món "gà xáo măng" thì chủ quán Huế dọn cho thầy dĩa gà không có cọng măng nào hết mà chỉ là "gà xào mặn" mặn đắng. Biết tôi nói giọng Huế, thầy chỉ tôi bảo đọc câu:

"Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy mẹ thức đủ cả năm"

Biết thầy chọc quê, tôi từ chối không đọc, thì thầy đọc cả hai câu bỏ dấu nặng hết, bọn nam sinh viên khoái chí cười ầm ĩ vì cái câu "mẹ thực đụ cạ nặm".

Hoặc khi người Bắc nói *"Ăn cháo đá bát"*, người Nam nói *"Qua truông trổ cặc"*, thầy gợi ý khơi khơi nơi giảng đường.

Gần đây, mấy bài thơ của Đỗ Kh. gây sóng gió vì mấy chữ "cấm kỵ" đó, tôi cho là có liên hệ đến mấy quan niệm/định nghĩa/nguyên nhân như sau:

1. Thơ Ca là thánh địa, đất linh chỉ được nói đến những chuyện cao siêu, thanh khiết, viễn mộng để đáp ứng nhu cầu trốn thoát bay xa ra khỏi cái hiện thực nhớp nhúa và lè tè của cuộc đời. Thí dụ rõ nhất, yêu đương giữa đàn ông đàn bà là đàn ông phải ca tụng vẻ đẹp của đàn bà trong những giới hạn thanh (mắt, môi, bàn tay, tà áo, mùi hương, dáng kiều, hoa huệ, hoa lan , hoa quỳnh...) Nguyễn Hưng Quốc trong một bài nói chuyện ở Wash. D.C. cách đây khoảng không lâu đã mổ xẻ phân tích là, bạo như Đỗ Quí Toàn thì chỉ mới tả người nữ trong thơ đến "cái cổ" mà thôi. (Tôi có lên nhắc diễn giả là nếu Truyện Kiều được coi là thơ thì Nguyễn Du đã tả rất kỹ, rất đẹp cảnh Thuý Kiều tắm, đâu có cấm kỵ gì, có thể chúng ta đang bảo thủ hơn các nhà thơ sống cách đây hai trăm năm.)

Động tác yêu đương giữa giống cái giống đực, không phải là đàn ông thèm đàn bà như đồ chơi của đàn ông như trong thơ Đỗ Khiêm, mà chủ yếu là người đàn ông chỉ có hôn môi đàn bà và chấm hết, như người đàn ông đã hôn suốt đêm dưới đây trong thơ Trần Mộng Tú:

Khum hai lòng tay
bưng mặt em lên
bưng một chén nước trà
anh cúi xuống
nhâm nhi từng ngụm nhỏ
những giọt nước trà xanh
trên môi em
làm anh mất ngủ
Mất ngủ rồi
anh uống thâu đêm
(Uống trà)

2. Thơ Ca phải có ngôn ngữ cao sang cho thích hợp với nội dung thanh khiết, ý thanh, lời thanh, nhũ hoa, ngọc môn, suối mộng, nguồn hạnh phúc, giao hợp... thay cho mấy tiếng nôm na, chính xác, cái gì gọi nó là cái ấy của Đỗ Khiêm, Nguyễn Hoàng Nam mà người đọc chưa quen nghe trong ngôn ngữ thơ tiếng Việt, vì đã từ lâu phải vay mượn chữ Hán hoặc mấy biện pháp tu từ như ví von, ám tỉ, mỹ từ, ẩn dụ, lấy mây vẽ trăng, sấm bên đông động

bên tây, xa gần bóng gió... theo kiểu mấy bài *Bánh Trôi Nước, Đèo Ba Dội, Đánh Đu, Đánh Cờ Người*...mà sách văn học sử bảo là của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

3. Thơ Ca không phải là tiếng nói chính thức, một đóng góp phản ảnh của đời thường mà là tiếng nói của những khoảnh khắc trà dư tửu hậu.

Dẫn chứng bằng phát biểu của một người làm thơ: "... *Tôi chắc là những chữ thô tục trong bài "Linda mặt ngang" của Đỗ Kh. cùng lắm thì ở đời sống thường ngày có thể nói với năm ba người bạn trai thân...*" "*...Nhưng, với đời sống tất bật hàng ngày, giữa một xã hội vay mượn, chúng ta chỉ có một chút thì giờ sau một ngày dài làm việc, trước khi đi ngủ cầm đến sách đọc chữ mẹ đẻ cho lòng êm ả, hoặc vào một buổi sáng cuối tuần, có nắng, pha tách trà đem sách ra vườn sau, hiên trước, đọc...*" (Trần Mộng Tú, Hợp Lưu 33, trg.248-249)

Hệ quả tất yếu của những quan niệm thi ca như trên dĩ nhiên sẽ tạo ra được một số nhà thơ và bài thơ mà Phạm Thị Hoài đã mô tả đại khái như "... *Nó viết những bài thơ giống như của các thi sĩ nổi tiếng phương đông, những người chỉ ưa tiêu diêu du, thơ nó có nước sông Hoàng tuôn từng dòng lớn từ trên trời xuống, có núi Thiên Mụ, có bến Tầm Dương, có những tâm sự đột ngột xuống hàng... nó mãi hỏi đáp về tình yêu, rất là hoàn cảnh, loại tình yêu dẫn tất cả chúng ta đến chỗ tuyệt chủng, không sinh con đẻ cái gì được mà chỉ còn rặc những trái tim đầy thương tích khẽ chạm vào nhau một cái là đã rên dài, trọn đời đồng trinh và rất thánh* " (Từ Man Nương Đến A.K..., trg97)

Trên con đường gần nhất tìm đến với Sự Thật (vầng trăng đáy nước méo hay tròn?) nhà thơ thử nghiệm tất cả mọi thứ ngôn ngữ, tục và thanh, cao sang và bình dân, mới và cũ, trong những cái ý nghĩa cực kỳ tương đối luân lưu, tập cho ta nghe quen, và để tạo một sự thông cảm cũng tương đối giữa người đọc thơ và người làm thơ, trong một quan niệm gọi là độc đáo gì đó của hắn ta (cô ta, bà ta, ông ta, anh ta, chị em ta...) Thử nghiệm có thể thành công, có thể thất bại, hiện giờ thì còn quá sớm để có thể kết luận về ngôn ngữ và hình ảnh thơ của Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh. ngoài nước và của Nguyễn Đức Sơn trong nước:

"... Em là chiếc bánh nếp
Với cái nhân quá to
Anh vừa lết vừa bò
Liếm một đời không hết"

"...Mắc võng
Trên đồi cao
Anh xôn xao
Như gió

Anh lấp ló
Như trăng
Anh lằng nhằng
Như dái"
(Nguyễn Đức Sơn)

Trong văn xuôi, dường như mấy chuyện thanh tục không thành vấn đề, có thể vì văn xuôi theo quan niệm truyền thống (?) bị coi như một cái chợ chồm hổm, thịt cá heo gà mắm muối gì đều được bán tuốt luốt chăng, nên tôi thấy Nguyễn Huy Thiệp viết khơi khơi: *trâu thì lấy dây mà dắt, người thì lấy cặc mà lôi.* Trước nữa, tôi đọc hồi ký *"Tháng 3 Gãy Súng"* của Cao Xuân Huy hay tập truyện *"Không Khí Thời Chưa Chiến"* của Đỗ Khiêm, mặc dù hai tác giả này chửi thề thì ra chửi thề, cái gì thì gọi nó là cái ấy nôm na đến nơi đến chốn, đọc chẳng thấy có chỗ nào tục tĩu, chỉ thấy buồn thấm thía, tuy vậy chẳng thấy độc giả nạt nộ gì. Mấy năm về trước nữa, anh Nguyễn Mộng Giác có kể, khi anh sang Paris nói chuyện về quyển Muà Biển Động, một nữ độc giả vặn hỏi anh sao lại viết những điều không cần thiết khi anh tả cảnh động phòng chú rể giật tung hàng nút của chiếc áo mỏng để áp mặt hôn lên đôi vú trắng màu sữa của cô dâu (*Mùa Biển Động*, trg 1128), mấy nữ độc giả khác trẻ hơn thì bảo với tác g tụi cháu còn biết nhiều hơn điều đó nữa. Không thấy ai lên án đọc văn Nguyễn Mộng Giác, Cao Xuân Huy hay Nguyễn Huy Thiệp, và cả Đỗ Kh. bẩn cả mồm, vì sao? Nếu cứ như vậy, cái đà này văn xuôi sẽ càng ngày càng đi gần với sự thật bí mật, cho dù là những mảnh của Sự Thật, và bỏ lại thi ca lết bết chạy sau lưng vì cứ mãi khủng khỉnh đòi bay lên cao?

Mấy năm trước đây khi tạp chí *Văn Học* do Hoàng Khởi Phong đứng chủ bút đăng mấy truyện ngắn của Khánh Trường chủ trương in nguyên con mấy câu chửi thề *"đụ mẹ"* thay vì *"đ. m."* cũng gây sóng gió. Bây giờ thì mọi người đã quen, mới đây nghe một băng cassette đọc truyện, đọc tới lời chửi thề của một nhân vật thì lại đọc *đê-em-mờ,* tôi nghe thấy khôi hài muốn chết !

Bác bỏ quan niệm thi ca trà dư tửu hậu đã trở nên quá lỗi thời, Saint-John Perse đã lên tiếng cho một thứ thi ca hiện đại gắn liền với số phận con người và cuộc sống, *"...Thơ không phải là nghệ thuật của kẻ ướp xác hay nhà trang trí. Thơ không nuôi ngọc trai, không buôn bán thần tượng hay những dấu hiệu, và không thể đành lòng chấp nhận một thứ lễ nhạc nào cả..."* (Diễn văn Nobel 1960, Saint-John Perse, Hoàng Ngọc Biên dịch,Tạp chí Thơ, Mùa Xuân 1997, trg. 29)

Có hay không, cái vòng luẩn quẩn của luân hồi ngôn ngữ? Làm sao nắm bắt được cái trục của bánh xe Sự Thật đang quay tít, bắt nó dừng lại, để nhìn cho được cái toàn thể của bản lai diện mục? Ngôn ngữ nếu chỉ là những ký hiệu do thói quen sử dụng, thì đâu có tiếng nào là thanh, tiếng nào là tục. Tôi

nghĩ đến một lúc nào đó, một em bé lớp sáu (đủ tuổi học sinh qui định học Giáo dục Sinh lý) nhập đề bài Tập Làm Văn: "Hãy tả người cha của em", em viết: "Bà nội em đụ ông em sinh ra người cha đáng kính của em," đến lúc đó, mấy câu:

"Các cô trẻ Hà nội
Các cô ơi
Tất cả các cô đều dư sức đụ tôi"
(Đỗ Kh.)

Đêm nay vọc nát cửa mình
Ngày mai xuống núi lún sình kệ cha
(Nguyễn Đức Sơn)

sẽ không còn mang tính cách mới, nổi loạn, ngộ nghĩnh, kỳ dị hay tục tĩu, và do đó Nguyễn Đức Sơn và Đỗ Kh. sẽ không còn là những nhà tiên tri tài tình cho ngôn ngữ của tương lai.

Và cũng chính lúc đó, vì từ chối vai trò làm thơ như một nhiệm vụ canh giữ xác ướp, nhà thơ lại phải đứng lên, với tất cả những tham vọng của hắn ta, tìm một cách diễn đạt khác, một ngôn ngữ khác, trên con đường tiến đến gần nhất với Sự Thật vốn bí mật và tiên tri về những biến ảo của Tương Lai.

Còn nếu nói như Xuân Diệu:

"Tôi chỉ là con chim
Đến từ núi lạ
Ngửa cổ hót chơi"

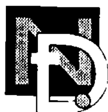
hay như Đỗ Kh.

"Làm thơ là để cua đào"

chỉ là nói giận dỗi, mỗi khi thấy mình bất lực với ngôn ngữ.

Chim hót trong lồng, dẫu là chiếc lồng sơn son thếp vàng hay là lồng đạo đức óng ánh vàng y ngọc quý thì tiếng kêu nghe cũng thảm thiết bệ rạc lắm. Thơ hay Văn cũng cùng chung một số phận, cũng một đòi hỏi, nhu cầu như chim, vậy thì, thương nhau...tháo củi sổ lồng cho nhau.

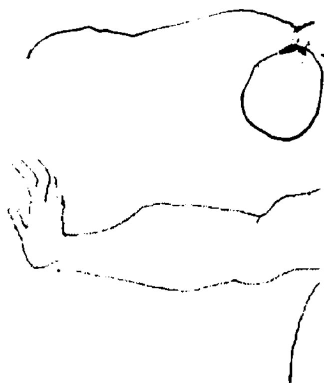
MỘC HƯƠNG



NGÔ NHỰT TÂN

BIẾT AI LÀ TỤC... BIẾT AI THANH?

Thân tặng Thắng, Việt, và cậu Lưu Trọng Hồ



Trước khi bàn về thanh/tục trong văn chương, thiết nghĩ, phải tìm một định nghĩa chung, về thanh và tục, để từ đó, giảm thiểu những tranh luận không cần thiết, gây ra do khái niêm thanh và tục được hiểu một cách chủ quan. Cũng cần phải hiểu, định nghĩa về thanh/tục tìm thấy trong các tự điển, cũng đã mang tính chủ quan rồi, chủ quan của một thiểu số, có được chức phận và ngòi bút làm vũ khí, và được xã hội đương thời đồng thuận giao phó cho họ nhiệm vụ làm sáng tỏ ý nghĩa của văn tự.

Theo Việt Nam Tự Điển, quyển hạ, của Lê văn Đức cùng một nhóm văn hữu soạn, Lê ngọc Trụ hiệu đính, nhà sách Khai Trí xuất bản năm 1970 thì *tục*, danh từ, được định nghĩa như *những thói quen thành lề lối, thành luật, thành lệ*. Một chuỗi danh từ kép được nêu làm ví dụ là *hương tục, lời tục, phong tục, tập tục, thói tục* vân vân... Là tĩnh từ, tục mang tính chất *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm*. Ví dụ ghi trong tự điển là *nói tục, thô tục, văng tục*. Cũng cùng tự điển, *tục tằn và tục tĩu* có chung định nghĩa, *thô tục, dơ dáy, dâm ô*. Như vậy, trong nội dung bài này, chúng ta sẽ xét đến tĩnh từ *thanh tục* trong văn chương. Cũng theo tự điển Lê văn Đức, thanh tao có nghĩa là *lịch sự, dịu dàng, xinh tốt*. Ví dụ để làm sáng tỏ, *phong độ thanh tao* hay *tiếng hát thanh tao* tức là tiếng hát *êm ấm, rõ tiếng*.

Chủ đề thanh và tục trong văn chương, được bàn luận, theo sát những định nghĩa trên.

1) Tục mang nghĩa *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm.* Theo tôi, thanh tục chỉ là những khái niệm. Mà khái niệm thì thay đổi theo không gian và thời gian. Ví dụ, đứng tại Canada, khi đưa tay chỉ chiếc phi cơ đang bay trên trời để diễn tả ý niệm "phi cơ trên không trung", thì một người khác, cùng thời gian ấy, tại Úc Châu, sẽ hiểu rằng, chiếc phi cơ ấy, đang bay "dưới đít" của mình. Một ví dụ khác. Tôi về làm việc ngắn hạn tại Hà Nội. Một hôm, mua một cặp vé có số giống nhau, tôi trúng được một triệu đồng, khoảng gần một trăm đô la Mỹ. Tôi chẳng thấy vui gì cả, ngạc nhiên nhiều hơn. Số tiền trúng còn ít hơn cả khoảng tiền phụ cấp hàng ngày do hãng cấp phát, để chi tiêu, ăn uống, xài vặt. Nhưng, bà cụ bán bánh mì rong trước khách sạn, tôi quen và hay trò chuyện trong thời gian làm việc tại Hà Nội, do tôi biếu một vé, nên cũng trúng một triệu đồng. Bà cụ, ôi thôi rất đỗi vui mừng, như không bút mực nào tả xiết. Vậy, trong cùng một không gian và thời gian giống nhau, chỉ khác nhau hoàn cảnh, mà khái niệm *vui/buồn* cũng đã mang sự khác biệt. Có thể dùng nhiều ví dụ, để chứng minh tính tương đối của những khái niệm khác, như *trong/ngoài, thiện/ác, phải/trái, lên/xuống, cao/thấp*....vân vân. *Thanh/tục*, hay còn gọi là cặp nhị nguyên, dùng để so sánh theo phương pháp nhị nguyên luận, cũng rơi vào lối suy luận trên.

Trong văn chương, thanh và tục nên được hiểu theo một nghĩa tương đối. Nhắc lại, khái niệm thay đổi theo không gian và thời gian. Ví dụ, đi ngược về nhiều thế kỷ trước, văn chương được phô diễn dưới nhiều hình thức khác nhau như thơ, phú, văn nói hay còn gọi là văn xuôi. Người làm thơ phải theo đúng quy luật, nguyên tắc nhất định. Theo Văn Học Việt Nam của Dương quảng Hàm, trước thơ Đường hay *cận thể* là thơ cổ phong hay *cổ thể.* Mặc dù thơ cổ phong có trước đời Đường, cấu trúc thơ không có luật lệ nhất định, nhưng không vì thế mà thơ cổ phong được gọi là thơ mới. Lối thơ này chỉ có số chữ trong câu là nhất định, hoặc *ngũ ngôn*, hoặc *thất ngôn,* không có *niêm, luật*, không phải *đối*. Tuy nhiên, ý thơ vẫn rất bị gò trong một khuôn khổ đạo đức nào đó. Ví dụ bài Vui cảnh làm vườn, tác giả vô danh:

Năm ngoái ruộng được mùa,
Nhà ta bốn cót thóc,
Ăn tiêu hãy còn thừa,
Bán cho con đi học, ...

hay bài Cảnh tạo hóa, cũng tác giả vô danh

Đá xanh như nhuộm, nước như lọc,
Cỏ cây hoa lá dệt như vóc.
Trời quang mây tạnh gió hiu hiu,
Ai thấy cảnh này mà chẳng yêu? ...

Sau thơ cổ phong, xuất hiện thơ Đường (618-907), luật lệ khắc khe. Câu thơ phải hoặc bốn hoặc tám (tứ tuyệt, bát cú). Lời thơ phải theo vần theo thanh. Câu thơ phải đối nhau, luật thơ phải theo bằng hay trắc vân vân và vân vân. Ví dụ bài *Dệt Vải* của Lê Thánh Tông, thất ngôn luật bằng, câu 3 và 4 đối nhau.

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương
Vậy phải lên ngôi gỡ mối giường
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt
Gót vàng giậm đạp máy âm dương

Song song với thơ Đường luật, có thể thơ lục bát, thường được gọi là thơ sáu tám hay trên sáu dưới tám. Người làm thơ cũng phải tuân theo những quy luật nhất định.

Mình về, mình nhớ ta chăng?
Ta về, ta nhớ hàm răng mình cười! (Ca dao)

hay

Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò (Trần Tế Xương)

Mặc dù thể lục bát có biến chuyển theo thời gian, nhưng người làm thơ vẫn phải tuân theo một quy luật nhất định nào đó. Ví dụ của lục bát biến thể, câu sáu chia làm hai vế, trong Kim Vân Kiều của Nguyễn Du sau đây:

Khi dựa gối, khi cúi đầu
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày

Bước sang thế kỷ 20, thơ lục bát biến thể thành nhiều loại nhưng vẫn giữ quy luật mẫu mực của nó. Như trong bài Thề non nước của Tản Đà:

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại, non còn đứng không

Một ví dụ khác, biến thể của lục bát, trong bài Vừng trăng sầu rụng của Lưu trọng Lư, sáu tám đi theo bằng hai câu bảy chữ:

Vừng trăng từ độ lên ngôi

Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ
Để tóc vướng vần thơ sầu rụng
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo

Ngay cả ca dao tục ngữ, là loại thơ truyền khẩu, không rõ xuất xứ, cũng bị ảnh hưởng bởi quy luật, đọc lên nghe thanh tao, chứ không tục trong cấu trúc. Ví dụ:

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao

hay:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay...

Vì những điểm đề cập ở trên, bài thơ con cóc ra đời bị coi là một loại thơ tục. Tục, vì nó thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm . Không rõ ai là tác giả nhưng, chắc chẳng ai dám nhận mình là tác giả của bài thơ con cóc ấy. Bất chấp nổ lực tuyệt vời, công trình nghiên cứu với lý luận sắc bén, chặc chẽ mà Nguyễn Hưng Quốc đã làm gần đây, bài thơ Con Cóc không quy luật, không vần điệu, vẫn bị coi là bài thơ tục... trong cấu trúc. Vả, tục, chưa chắc là không hay, phải không anh Nguyễn Hưng Quốc?:

Con cóc trong hang
Con cóc nhảy ra
Con cóc nhảy ra
Con cóc ngồi đó...

Nếu không phải là bài thơ *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm* thì tại sao bài thơ Con Cóc phải chịu cảnh thê lương, kéo dài kiếp sống mỏi mòn của nó, cho đến ngày hôm nay? Vì, cứ để diễn tả một anh thi sĩ tồi, người ta cứ việc đem so sánh bài thơ của thi nhân ấy với bài thơ Con Cóc. Điều này càng thấy rõ hơn khi đem so bài thơ Con cóc, mà tác giả là vô danh, với bài thơ Con Cóc của Lê Thánh Tôn (1442-1497). Cũng nói về cái sần sùi của da cóc, cũng nói về cái hang sâu thăm thẳm của cóc nhưng, câu thơ đọc lên không thấy cái *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm* trong cấu trúc:

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi

Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Nghiến răng ba tiếng cơ trời động
Tắc lưỡi vài hồi chúng kiến lui

Với thời gian, thơ văn bớt đi tính gò bó của quy luật. Đặc biệt khi văn hóa Tây phương xâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam, một loại thơ mới ra đời. Lúc trước, người làm thơ, vì quy luật, đã không thể diễn tả một cách tự do nguồn thi hứng nên, khi thấy lối thơ không hạn định số câu, số chữ, không có niêm luật, không theo phép đối và có nhiều cách gieo vần, muốn đem các thể thức ấy, áp dụng vào thơ văn Việt. Như vậy, phong trào thơ mới, cả nội dung (diễn đạt nguồn thơ hứng một cách tự do) lẫn hình thức (câu thơ không bị gò bó trong một khuôn khổ) tràn ngập trong văn chương. Vài thập niên trước có Lưu trọng Lư trong Tiếng thu:

Em nghe chăng mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức
Em nghe chăng rạo rực
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ

hay gần đây nhất, Du tử Lê trong *Chấm dứt luân hồi: Em bước ra:*

rơi. Im. Rừng vươn tay che
chỗ sâu: lũng, cỏ. Khe tì vết, quen
đêm. Hôn. Mùi. Vùng thân. thơm
trắng. Xanh. Tím. Đỏ. Hồng. Đen. Nâu. Vàng

hoặc những thế hệ rất trẻ, ra hải ngoại sau biến cố tháng 4 năm 1975 mới làm thơ, Đỗ KH trong Có những bực mình, tức không thể nói:

Tôi có yêu vài ba người
Tôi có yêu cả đàn bà kênh kiệu

Nếu bài thơ Con cóc, tác giả vô danh, ra đời trong khung cảnh cách mạng thơ văn này, chắc chẳng ai chú ý nhiều về cấu trúc *tầm thường, quê mùa, kệch cợm* của nó, cũng như, chắc cũng chẳng ai phiền hà về nội dung nghèo nàn của bài thơ. Nguyễn Hưng Quốc, có lẽ, thấy bài thơ Con cóc quá hay, khi anh đọc được một núi thơ xuất hiện khắp nơi trên làng báo chí hải ngoại và chắc chắn, nhiều bài thơ còn *tầm thường, quê mùa, kệch cợm* gấp mấy lần so với bài thơ Con cóc. Văn xuôi, mặc dù hiện hữu từ lâu, cũng bắt đầu phong phú hơn trong thời gian này. Vì tính chất giới hạn của bài viết, nên chỉ dùng thơ

dẫn chứng, mặc dù, thanh tục trong văn chương, muốn nói ở đây, bao gồm mọi thể loại, văn vần cũng như văn xuôi, chứ không phải chỉ có thơ, như đã dùng để dẫn chứng, từ đầu bài viết. Từ một mô thức mới của văn chương, sự diễn đạt tự do về nội dung lẫn hình thức, đặc biệt trong nền văn học hải ngoại, phát sinh một vấn nạn mới:

2) Tục mang ý nghĩa *tục tĩu, tục tằn*, mang tính *dâm ô, dơ dáy.* Từ nhiều niên kỷ trước, xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của một nền luân lý Khổng Mạnh. *Trai thì trung hiếu làm đầu, gái thì tiết hạnh làm câu giữ mình.* Nhiều thế hệ phải sống trong tinh thần "quân sử thần tử, thần bất tử bất trung - phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu". Còn đàn bà thì "xuất gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Trai gái gặp gỡ nhau, yêu nhau cũng trong tinh thần khắc khe *nam nữ thọ thọ bất thân.* Vì văn chương phản ảnh xã hội, nên trong khung cảnh ấy, văn chương cũng mang màu sắc kín đáo, thanh tao. Những ái ân lộ liễu không được xã hội chấp nhận, dù một đôi uyên ương chỉ nắm tay nhau, đi ngoài phố. Những lời nói, hành động có tính cách khêu dục, đều bị coi là trái đạo đức và bị lên án một cách khắc khe. Tuy nhiên, cuộc sống là một dòng cách mạng liên tục. Xã hội càng tiến bộ, văn minh, nhu cầu về tự do của con người càng gia tăng. Trong lãnh vực chính trị, dân chúng chỉ tr ích các vị lãnh tụ công khai hơn. Trong văn chương con người diễn đạt tư tưởng thoải mái, tự do hơn. Đặc biệt khi nền văn hóa Tây Phương tạo được một ảnh hưởng rộng lớn trong mọi tầng lớp xã hội, đến nỗi Tế Xương phải than rằng:

Cái học nhà nho đã hỏng rồi
Mười người đi học chín người thôi

thì tự do trong văn chương càng thấy rõ. Bài ca dao sau đây có lẽ đã xuất hiện trong bối cảnh này:

Sáng trăng vằng vặc
Vác c.. đi chơi
Gặp đàn vịt trời
Giương cung anh bắn
...
Gặp cô yếm thắm
Đội gạo lên chùa
Thò tay bóp vú
... Đức Thích Ca mỉm miệng cười khì
Của Tam Bảo dại gì chẳng bóp

Khoảng thập niên 60, văn chương miền Nam, diễn đạt ý niệm mang tính

dục lạc bắt đầu tự nhiên và tự do hơn qua những tác phẩm như Vòng tay học trò của Nguyễn thị Hoàng, hay Yêu, Loạn của chu Tử ... mặc dù miền Bắc, cùng thời gian ấy, vì lo bận rộn chuyện thôn tính miền Nam, đã cho loại văn chương ấy là dâm ô, đồi trụy, là tục. Điều này cho thấy, thanh/tục trong văn chương được cảm nhận khác nhau, qua điều kiện và môi trường sống khác nhau. Miền Nam, vì được tiếp xúc với văn hóa đa dạng của phương Tây, đã phóng khoáng hơn về cái mà văn hóa miền Bắc, đã xếp loại là "tục".

Biến cố tháng 4/75 đã mở ra một nền văn học mới, văn học hải ngoại. Sống đúng với tinh thần *tự do báo chí*, văn học hải ngoại đã mang đủ sắc thái thanh và tục trong văn chương. Văn chương thanh tao cũng khắp, *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm có, mà thô tục, dơ dáy, dâm ô* cũng có, đúng với tinh thần trăm hoa đua nở. Trong tinh thần này, người viết văn xuôi, "diễn tả dâm ý" một cách thoải mái, dễ dàng, sống động. Ví dụ Kiệt Tấn trong "dâm vui" *Em Ơi Biết Đâu Tìm*, Trần Vũ "dâm rất loạn luân" trong *Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-tsé* hoặc nhân vật Lữ, bạo dâm trong *Phố Cổ Hội An*. Người làm thơ cũng cho ra đời những bài tục thơ rất .. tự nhiên. Trong số những thi sĩ trẻ, xuất hiện bài thơ Linda mặt ngang của Đỗ KH:

Linda âm đạo chật
...
ở gần l.. và ở gần lỗ tai
...
Linda mặt ngang miệng rộng và l.. bé chút xíu

Phía nữ thì có nhà thơ Nguyễn thị Hoàng Bắc, trong Hợp Lưu số 35, đã đái một cách tự nhiên trong bài thơ ngọn cỏ

tiếng nước đái
nhỏ giọt
trong bồn cầu tí tách
thứ nước ấm sóng sánh vàng ...

Tuy nhiên, người đọc, hình như, chấp nhận ... "dâm thư" cũng dễ dàng, phóng khoáng và ... thầm thích thú hơn? Có độc giả, sau khi đọc Linda mặt ngang, đã cho rằng, có gì đâu mà ồn ào, cái l.. của Linda trong *Linda Mặt Ngang* chẳng qua chỉ là một cái "object", như nữ sĩ Hồ xuân Hương tả *Đèo Ba Dội*, hay Ôn như Hầu Nguyễn gia Thiều *Vịnh Khóm Gừng Tỏi,* vậy thôi.

Có thể tạm tóm lược, thanh và tục trong văn chương vốn đã hiện hữu từ lâu. Và là hai mặt của một thực tại, không thể thiếu đi mặt nào cả. Tương tự như khái niệm xấu và đẹp hay sáng và tối. Vì bóng tối ùn ùn kéo đến nên, ánh sáng tạm tránh mặt. Chứ bóng tối chưa bao giờ tiêu diệt ánh sáng cả. Thoạt

nhìn, hai khái niệm như đối nghịch nhau, nhưng thật ra, chúng lại giúp nhau để hiện hữu. Ví như, trên cuộc đời này, chẳng có gì ngoài chân thiện mỹ, trong tự điển sẽ không bao giờ chúng ta tìm thấy chữ *xấu*. Ngày xưa, thanh/tục trong văn chương được nhìn qua một lăng kính khác. Vì thời đó, cái gì cũng phải kín đáo, mọi hoạt động đều có quy luật mà đạo đức là căn bản. Chắc chắn, nếu tất cả văn sĩ đều làm thơ loại "con cóc" thì, có gì để phải gọi thơ con cóc là loại thơ *thô, tệ, tầm thường, quê mùa, kệch cợm?*. Ngày nay, trong nền văn chương hải ngoại, cũng khó tìm thấy rõ ràng biên giới của khái niệm thanh và tục. Ngoài ra, cũng nên nói thêm về tính *tương tức* trong khái niệm thanh tục. *Tương tức* muốn nói ở đây tức là *trong nhau*. Trong cái này có cái kia và ngược lại. Ví dụ Hồ xuân Hương, trong lời thơ rất thanh tao, bà đã diễn tả một tục ý khác (nếu chúng ta muốn hiểu theo nghĩa đen của bài thơ). Ví dụ bài *Đèo Ba Dội:*

Một đèo một đèo lại một đèo
Khen ai khéo vẽ cảnh cheo leo
Đất rồ mái giải xanh um cỏ
Đá chởm gan gà mốc thếch rêu
Lắc lẻo cành thông cơn gió giật
Đầm đìa lá liễu hạt sương gieo
Hiền nhân quân tử ai là chẳng?
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo

Lời thơ nghe thì thanh nhưng, ý thơ chúng ta muốn hiểu thanh cũng được, tục cũng được. Thiết nghĩ, chẳng cần phải giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng từng câu, của bài thơ trên.

Nhưng. Lại chữ *nhưng* gây nhiều phiền toái. Có tự do cách mấy đi chăng nữa, thị hiếu độc giả hiện nay, phần đông, vẫn chưa chấp nhận dễ dàng những trần truồng, thô lỗ quá đáng. Cho dù, Cadana hiện nay, đã cho ban hành luật, nữ giới được quyền cỡi trần trong chốn công cộng, để đua chen ngực các nàng với những bộ ngực của nam giới. Biết đâu, khi nữ giới ở trần ngoài đường trở thành một chuyện bình thường, thì một thi nhân nào đó sẽ cho ra đời một bài thơ mang tựa đề "cái vú", mà vẫn không bị coi là sổ sàng, tục tĩu? Hay có thể, mang bài thơ Linda mặt ngang của Đỗ KH về thời tiền sử, với khái niệm thanh/tục vào thời điểm ấy thì, có nhiều độc giả sẽ liệt họ Đỗ vào thành phần những thi sĩ thanh tao?

Vì thế, ban biên tập, rất nhiều, phải gánh lấy trách nhiệm, trong việc thanh lọc bài vở trước khi cho lên khuôn. Hơn ai hết, ban biên tập, vì tính chuyên môn, dễ thấy rõ ràng được thị hiếu của độc giả, những gì độc giả chấp nhận và không chấp nhận được, trong không gian và thời gian ấy, để văn



HỒ MINH DŨNG

phò mã

Sông từng đêm chảy xé em từng khúc
Phó mặc chim hót đụn cát phơi ngày
Chẳng bao giờ em đuổi theo trăng xế
Quả đất không em, chẳng biết vuông tròn.

Chiếu một chiếc xé làm trăm mảnh
Đắp tình em một góc không người
Lòng đại nguyện trở thành lời gạn hỏi
Khác chi nhau giữa khóc với cười?

Thân phò mã,ta cùng mây cạn chén
Lọng võng này ru trước mấy thu
Giá gương nát vải điều còn dính
Vì yêu em, ta rủ tượng đá quỳ.

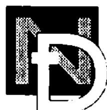
Qua mấy thành ngựa hồ ngoái cổ
Nhớ câu nam ai thất lạc bên đường
Em xỏa tóc cột lòng đáy suối
Công huyền ơi, quạ rát cổ kêu trời.

Thân phò mã dựa thuyền rồng mấy buổi
Ngọn đèn chài le lói suốt trăm năm
Chạy vòng vo giữa hoàng thành mấy lớp
Lớp không em mỏng tựa tơ tằm.

HỒ MINH DŨNG

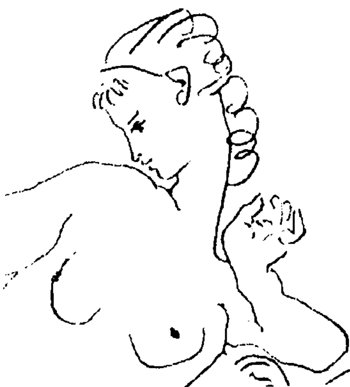
chương khi đến tay đọc giả, phản ảnh được lòng mến mộ của người đọc đối với người viết, cũng từ đó, làm tăng giá trị của tờ báo, vốn đã rất hiếm hoi, trên thị trường báo giới hải ngoại. Và cũng tránh được những "controversies" không cần thiết, trong một cuộc sống, mà thanh và tục vốn đã lẫn lộn mơ hồ, không biên giới.

NGÔ NHỰT TÂN



HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

TỪ MỘT BÀI VIẾT



Nhận được *Hợp Lưu*, bao giờ Lệ Hằng cũng dành đọc trước. *Hợp Lưu* số 31 cũng thế nhưng lần nầy mới giữ tờ báo độ mươi phút thì Lệ Hằng la lên như bị ong châm, vội vàng trao tôi bảo đọc đi thì biết! Nọc ong đó chính là bài *Linda Mặt Ngang* của Đỗ Kh.

Vì bài đó, chúng tôi đã như hai tên mù đánh vật cãi nhau ỏm tỏi về chuyện phê bình, phê ấm, phê nồi trong văn học, xin ghi lại đây như một chuyện riêng mà chung...

CHUNG MÀ RIÊNG, RIÊNG MÀ CHUNG

Đọc xong bài viết của Đỗ Kh. tôi cười: "*Lady Chatterley's Lover* đọc được, phim XXX coi được, thì cái nầy có gì là động trời động đất đâu?!" Nhìn vào đôi mắt Lệ Hằng, tôi biết lập luận "kho trời chung mà vô tận của mình riêng" trong chuyện phê bình văn học của tôi chưa thuyết phục được người có thời từng được mệnh danh là Sagan Việt Nam nầy. Cuối năm ngoái, chúng tôi cũng từng cãi nhau như mổ bò vì bài *Personal Opinions of Public Art* của Fintan O'toole trên tờ The Australian vì không đứa nào chịu đứa nào về chuyện trong văn học nghệ thuật, cái gì là riêng không thể nói ra, cái gì là riêng có thể thố lộ và nói ra thế nào để cái riêng không còn là riêng mà là của mọi người...

Lệ Hằng bảo không nói chuyện đạo đức lõa lồ mà...chỉ e ngại Đỗ Kh. sẽ

bị các nhà khôi hài đen cự nự là phá đám chuyện ăn làm của họ thôi. Vì cái hay của khôi hài đen là tục mà thanh, như kiểu những bài thơ được coi là của Hồ Xuân Hương hay một số chuyện tiếu lâm loại Ba Giai Tú Xuất. Giờ đây, nếu nói tục một cách tục hoặc viết thanh thành tục, thì khôi hài đen đâu còn hấp dẫn nữa và như vậy là ...*Chuyện Cấm Đàn Bà* ế mất? Lệ Hằng băn khoăn không biết Đỗ Kh. có tính bỏ hay ngưng làm thơ để đi vào nghề khôi hài...trắng không?

Tôi hỏi lại Lệ Hằng nói như vậy có phải là phê bình Đỗ Kh. không? Lệ Hằng trả lời không cái rụp. Vì phê bình là triển khai ý nghĩa của tác phẩm, là ước định giá trị thành bại trong phương thức truyền đạt của tác giả, và giá trị đẹp xấu hay dở của cố gắng truyền đạt đó. Lệ Hằng không phê bình mà chỉ thắc mắc về ý hướng của Đỗ Kh. khi viết bài đó. E ngại nếu tiến tới để xem Lệ Hằng định nghĩa thế nào là tục, thế nào là thanh cũng như phê bình văn học như vậy đã chỉnh chưa thì không khéo lại mất giờ cãi nhau nữa nên tôi đành làm thinh...

Lệ Hằng tránh hai chữ "phê bình" như thiên hạ né công an biên phòng khi vượt biên cũng là điều dễ hiểu vì có ai dại gì không công khai hô hào ủng hộ phê bình miễn rằng đó là *phê bình kẻ khác chứ không phải phê bình mình!* Hay nói theo kiểu Phong Lê trong *Hợp Lưu* số 23 thì phê bình kẻ khác là một phê bình có thể vừa đúng vừa hay, có thể đúng nhưng không hay, có thể hay mà không đúng, hoặc không hay mà cũng chẳng đúng nhưng với *kẻ được phê bình* thì phê bình thường thường là chuyện không đúng mà cũng chẳng hay!

Trong lúc sáng tác, cái gì riêng nên giữ cho riêng mình và cái gì riêng có thể công khai hóa? Ai và lấy cái gì để quyết định chuyện đó? Nói thế khác, dựa vào đâu mà một nhà sáng tạo nghệ thuật tự bắt buộc mình nên diễn đạt kinh nghiệm nghệ thuật của mình như thế nầy và không nên như thế khác? Và dựa vào đâu mà người thưởng ngoạn có quyền đòi hỏi một nhà sáng tạo nghệ thuật phải thế nầy và không được thế nọ? Không biết đó có phải là những câu hỏi có tính cách "phê bình nghệ thuật" không nhưng thú thật, đó cũng là một số câu hỏi tôi từng dùng làm điểm quy chiếu tạm thời khi đọc những bài phê bình văn thơ chuyên nghiệp ví dụ như của Đặng Tiến, Thụy Khuê hay Nguyễn Hưng Quốc xuất hiện trên *Hợp Lưu, Văn Học*...

PHÊ HAY KHÔNG PHÊ?

Lệ Hằng chỉ muốn tra vấn ý hướng sáng tạo của tác giả chứ không phê bình. Có thể được không!?

Có thể vì làm học trò ngoan của mấy nữ tu quá lâu ngày nên Lệ Hằng quên rằng câu hỏi về ý hướng sáng tác đó có thể khiến cho nhà sáng tạo nghệ thuật bị chôn sống hay đưa lên giàn hỏa!?

Trong xã hội Trung Cổ Âu Châu và Phong Kiến Việt Nam, giá trị đạo đức cũng như thẩm mỹ vốn được quy định rành rọt như luật đi đường cho người lái xe nên ý hướng sáng tạo là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá tác phẩm nghệ thuật. Sáng tạo là "'phù thế giáo một vài câu thanh nghị" như Nguyễn Công Trứ nói, là làm vinh danh cái Thiện, cảnh giác và tấn công cái Ác. Hoàn cảnh trắng đen rành rọt chánh tà phân minh như thế đã không có -và không cần, nhà phê bình mà chỉ cần những nhà kiểm duyệt để khoen, sổ, để phê *imprimatur, nihil obstacle,* để bịt miệng người ta, đưa người ta đi đày, đi tù hay lên giảo đài nhân danh Chân, Thiện, Mỹ thôi.

Lại nữa, không chỉ những xã hội ngày xưa mới có những quy định đâu ra đấy về chuyện cái gì được nói cái gì cấm nói. Một vài xã hội ngày nay vẫn còn chuyện đó. Những quy định về ngôn ngữ tình dục bằng tiếng Việt là một ví dụ. *Việt-Nam Tự-Điển* của Lê Văn Đức- Lê Ngọc Trụ tập I, trang 831, vần L có nói đến cái ấy của Linda mà Đỗ Kh. đã nôm na gọi bằng tên, trang 118 vần B và trang 174 vần C đều có tiếng huỵch toẹt chỉ con ấy của đàn ông cũng trang 495 vần Đ có chữ diễn tả việc hành dâm một cách mặn mòi Việt Nam. Thế nhưng *Từ Điển Tiếng Việt* của Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội nơi vần L trang 482 lại không có chữ để chỉ cái mà Đỗ Kh. không muốn cho Linda che lại mà chỉ có chữ "âm hộ" nơi vần Â, vần B và C đều không chữ chỉ con ấy của đàn ông mà chỉ có chữ "dương vật" nơi vần D, cũng như vần Đ không có tiếng chỉ việc làm tình mà chỉ có chữ "giao cấu" nơi vần G. Đàn bà không có cái ấy, đàn ông không có con ấy và cả hai không làm chuyện ấy...trên tự điển chính thức của quốc gia, như vậy xã hội Việt Nam hôm nay là một xã hội của những nhà tu khổ hạnh hay của những người đã bị thiến hết trơn hết trọi?

Điều may nữa là Đỗ Kh. và Khánh Trường không sống trong những xã hội như vậy, bằng không đã phải tự phê tự kiểm mệt nghỉ như Galileo, hay lập cà lập cập theo chân Giordano Bruno lên giàn hỏa nếu không giải thích được tại sao dám để Linda tênh hênh ra như vậy là không công xúc tu sĩ, là trân trọng người đọc, là phò Thiện diệt Ác, là phục vụ đạo đức xã hội chủ nghĩa?

Tuy nhiên, ở đây cũng có thể có người cãi lại rằng - về chuyện tính dục, quả thực Nhà Nước không theo đường hướng nhân dân có sao gọi vậy một cách "phồn vinh giả tạo" như Lê Văn Đức-lê Ngọc Trụ hay Đỗ Kh. Nhưng lối dùng tiếng Hán Việt như thế của Nhà Nước là một cách đề cao chứ không phải xuống cấp tính dục. Bằng chứng là khi nói về cái gì của ta thì Nhà Nước luôn dùng Hán Việt để tăng vẽ uy nghi trịnh trọng rùng rợn như Bắc Bộ Phủ, Chủ Tịch, Viện Kiểm Sát Nhân Dân, an ninh nội chính, đặc công, cải tạo, chấp pháp.v.v... nhưng nói về cái gì của địch thì lại những tiếng nôm na ngớ ngẩn như Tòa Nhà Trắng, Lầu Năm Góc, lính thủy đánh bộ, tàu sân bay, máy bay lên thẳng, khoai cứt ngựa.v.v.. theo kiểu cà chớn con nít, chẳng có gì đáng nể sợ. Cho nên Nhà Nước qui định dùng chữ "âm hộ" để chỉ khu vực giữa hai

ngón chân cái của đàn bà thay vì nôm na bộc trực như Đỗ Kh. chính là đã nghiêm túc đề cao cái "nhất thốn thổ" đó đấy chứ!?

Trở lại chuyện ý hướng sáng tạo... quả thực đây là điều nghe qua tưởng dễ nhưng thật là chua ăn. Không tin xin cứ chịu khó theo dõi những mạch phê bình của Nguyễn Hưng Quốc về cái gọi là "bài thơ" Con Cóc mới thấy tra vấn hay xác minh ý hướng sáng tác của tác giả thì sẽ rõ. Dù Nguyễn Hưng Quốc khởi đi từ một quan điểm khá ôn hòa về phê bình văn học bằng cách cho rằng *nhà phê bình là kẻ trung gian giữa tác giả và độc giả, giữa tác phẩm và người thưởng ngoạn*, nhưng trung *gian giữa tác giả-độc giả* và trung gian *giữa tác phẩm-độc giả* có thể là một không? Một đàng Nguyễn Hưng Quốc cho Con Cóc "là một bài thơ dở, cực kỳ dở, là điển hình của cái dở nói chung." Đàng khác Nguyễn Hưng Quốc lại cho đó là "bài thơ hay nhất trong tất cả những bài thơ miêu tả cái dở, cái kém nghệ thuật và kém thẩm mỹ." Như vậy, cái dở ở đây chính là cái dở của tác phẩm *en soi*, và cái hay ở đây là một cái hay *pour soi*, tùy thuộc vào ý định "miêu tả cái dở" của tác giả. Nói thế khác, nếu không căn cứ vào ý đ ịnh khả hữu đó và chỉ thuần đứng trong *tương quan tác phẩm-độc giả* thì đó là một bài thơ dở. Trái lại, nếu căn cứ vào giả định đó, nghĩa là chỉ thuần đứng trong *tương quan độc giả-tác giả* thì đó là một bài thơ xuất sắc. Còn vấn đề tại sao biết có ý định đó, từ đâu mà diễn dịch ra ý định đó, chỉ có Nguyễn Hưng Quốc trả lời được. Nghĩa là - một lần nữa, lại tùy thuộc vào tương quan tác giả-độc giả, và độc giả ở đây là nhà phê bình văn học! Quan niệm phê bình là trung gian nầy hình như đã bị chính Nguyễn Hưng Quốc để qua một bên trong bài phỏng vấn đăng trên *Hợp Hưu* số 32?

NÓI XUÔI CŨNG ĐƯỢC, NÓI NGƯỢC CŨNG XONG?

Tiêu chuẩn phê bình, ngay cả những tiêu chuẩn được tôn giáo, thần học, đạo đức, ý thức hệ hết mình hỗ trợ vẫn thay đổi, vẫn có chỗ thừa trừ chứ không nhất thiết cố định. Hãy lấy một ví dụ...

Các nhà kiểm duyệt sách báo thời Đệ Nhất Cộng Hòa vẫn thường được xem là Bao Công hăng say nhiệm vụ phù luân sáng đạo nhưng lại để một con "cá mập tính dục" tổ chảng là bài *Tuổi Mười Ba* của Nguyên Sa lọt lưới khơi khơi. Bài thơ đó đã được kiểm duyệt, được phổ biến và một thời đã trở thành kinh nhật tụng của cả mấy thế hệ đến tuổi mộng mơ loạng quạng...

Thế nhưng, ở các nước Tây phương bây giờ, dù tính dục được coi như chuyện tự nhiên như ăn, ngủ, bài tiết...thì bài thơ đó biết đâu lại vẫn là bằng chứng buộc tội khiến tác giả - và ngay cả người thưởng ngoạn hoặc người phổ biến phát hành, phải vác chiếu hầu tòa vì tội dụ dỗ gái vị thành niên? Bởi vì

Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba,

Tôi phải van lơn ngoan nhé đừng ngờ,
Tôi phải dỗ như là tôi đã lớn...

không phải là dụ khị con nít vào đường... hoang sớm thì là gì đây? Cả một thế hệ thanh niên chúng tôi mê thơ Nguyên Sa chắc chắn sẽ trương gân cổ biện hộ cho Nguyên Sa vì chúng tôi nghĩ những câu thơ đó không phải là bằng chứng của bệnh ấu dâm - pedophile. Cũng như chính Nguyên Sa có thể tự biện hộ rằng ông bà mình đã cho phép "nữ thập tam, nam thập lục" có quyền chơi trò thể dục âm dương rồi và đối tượng của mình cũng đã mười ba chứ đâu nhỏ dại gì cho nên van lơn như vậy thì cũng chẳng có gì gọi là "ý đồ xấu"! Biện hộ như vậy không phải là cãi cối cãi chày nhưng "bút sa" kiểu nầy bây giờ thì "nguyên sa" sẽ khó mà nguyên vẹn hình hài với các nhà đạo đức áo đen áo nâu và các quan tòa áo đỏ ? Cho nên nếu thời đó Nguyên Sa có thể an toàn xa lộ viết *Tuổi Mười Ba* được thì phải chăng thời nầy Đỗ Kh. viết - và Khánh Trường cho *Linda Mặt Ngang* tồng ngồng xuất hiện trên *Hợp Lưu* mà chẳng cần khoác dù một lớp valisère thật mỏng để gọi là lấy có, thì cũng vậy thôi, có gì là quá đáng?!

Thế nhưng, biện hộ như vậy cho Đỗ Kh. chưa chắc đã trúng ý Đỗ Kh. vì trên *Văn Học* số 121 , Đỗ Kh. có nói rằng "văn chương có lẽ như là quần lót lụa, chính tính cách xa xỉ này tạo nên cái khêu gợi (kín đáo) của nó." Nói thế khác, phải mặc quần lót lụa mới khêu gợi kín đáo. Như vậy, khi Đỗ Kh. không cho Linda mặt quần lót lụa trình làng tức là Đỗ Kh. không muốn cho Linda hấp dẫn hay gợi dục nữa? Tại sao? Có phải Đỗ Kh. muốn cho Linda trần truồng như thuở cha sinh mẹ đẻ để triệt mất khả năng khêu gợi hay kích dục của Linda? Và nếu quả như vậy thì hoặc Đỗ Kh. đã trở thành một nhà đạo đức chủ trương chống thèm thuồng sắc dục bằng cách phơi bày bản lai diện mục của sắc dục kiểu thiền giả quán chiếu sắc thân hư huyễn để diệt hết những ảo tưởng về nét đẹp thanh cao muôn đời của sắc thân hầu có thể nói như Bích Khê:

Ôi lồ lộ một tòa hoa nghiêm động
(Tranh Lõa Thể)

thực tế cũng chỉ là:

Đây sự thực trần truồng nằm giữa háng!
(Trái Tim)

để tránh được cảnh Hàn Mặc Tử đã lo sợ:

Sẽ chán chường và sẽ chán chê.

(Tối Tân Hôn)

Nếu đúng như vậy thì vô tình hay hữu ý Đỗ Kh. đã thực hiện đúng điều mà Herbert Marcuse từng hô hào: lõa lồ khả ố là đẹp! Lý thuyết gia của phong trào thanh niên sinh viên xuống đường ở Âu châu và Hoa Kỳ trong hậu bán thập kỷ 60 nầy cho rằng để chống lại những xã hội áp bức, người nghệ sĩ phải nổi loạn, phải có một ý thức mới, một cảm thức mới để có thể thấy được lõa lồ khả ố là đẹp. Nói thế khác, theo Marcuse, de-formation (phi hình thức), anti-art (phản nghệ thuật), desublimation (trần tục hóa) chính là những cách phản kháng lại nghệ thuật vụ hình, nghệ thuật thiêng liêng, vị nghệ thuật của những xã hội áp bức đạo đức giả để khơi nguồn cho ý thức mới và cảm thức mới lên ngôi (1).

Bởi nghĩ xuôi cũng được, nghĩ ngược cũng xong như thế cho nên phê bình cũng như riêng phê bình văn học, thường gây nhiều ngộ nhận, nhất là giữa người sáng tạo và nhà phê bình. Randall Jarrell ví thi ca như một miếng thịt muối và nhà lý luận văn học, nhà phê bình thi ca là một con heo còn sống. Con heo đó một hôm đi lạc vào cuộc tranh tài của những nhà sản xuất thịt muối và cũng lên tiếng khen chê thịt muối khiến miếng thịt muối nổi sùng nạt cho : "Nè ! heo mầy có cút đi không, mầy biết gì thịt muối mà cũng bày đặt nói ra nói vào !". Sự thật chỉ vì Jarrell cho rằng thơ - cũng như nghệ thuật nói chung, là một thực tại biệt lập vẫn tồn tại ngay cả khi bài thơ, nhà thơ, người thưởng thức thơ và cả nhà phê bình thơ đều biến mất. Nghệ thuật là một thực tại tuyệt đối, thơ là hồ lô vũ trụ, là Alpha-Omega, là cửa ngõ dẫn vào chân lý tối thượng theo ý nghĩa "thơ diễn đạt một trật tự trong đó quá khứ, hiện tại và tương lai đều có một thực tại như nhau " (2). Ngôn từ của Jarrell là vọng âm của phong trào sáng tạo, lý luận và phê bình văn học nghệ thuật thường được gọi chung là Tân Thời hay Hiện Đại hay Đổi Mới, là Cơ Cấu Luận, là Siêu Thực Luận... một thời rất ăn khách ở Âu Mỹ. Nhưng phê bình kiểu miếng thịt muối phê bình con heo như thế thì vẫn là phê bình văn học, nghĩa là vẫn không tránh khỏi phê bình, dù là phê bình bằng...văn học phê bình?! Không hiểu Jarrell có ý thức được rằng lối phê bình tân thời đó quả đã phi nhân hóa thi ca, đã rạch nát bộ mặt người của thơ văn, đã cạo gọt đến xương tủy phần nhân tính của thơ văn mà các nhà thơ tân thời thuở ban sơ còn hăng bầu nhiệt huyết "theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự" đã tính làm và giờ đây vẫn còn đôi người muốn tấp tểnh theo?!

PHÊ BÌNH: HỘ SINH HAY GIẢI PHẪU THẨM MỸ?

Có người sẽ bảo, chính vì xã hội hôm nay không còn sự nhất trí về những tiêu chuẩn định giá một tác phẩm nghệ thuật như thời Trung Cổ hay Phong

Kiến, chính vì tác dụng dân chủ hóa hay đại chúng hóa sự thưởng ngoạn văn học nghệ thật bằng quảng cáo thương mại, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh, báo chí, sách vở và bây giờ là CD-Rom, Internet đã và đang xóa mờ dần những lằn ranh đẹp-xấu, hay-dở của văn học nghệ thuật khiến cho vàng thau lẫn lộn nên phê bình nghệ thuật trở nên quan trọng cần thiết.

Nói vậy cũng chưa hẳn là đi xa thực tế nếu hiểu mấy chữ "quan trọng cần thiết" theo nghĩa nhà phê bình chính là kẻ không chỉ đóng vai trung gian giữa tác phẩm và người thưởng ngoạn như Nguyễn Hưng Quốc nói trong khi phê bình "bài thơ Con Cóc", mà còn đóng vai kẻ làm thế vì khai sinh cho tác phẩm và tác giả được chấp nhận trong đời. Nhà phê bình có thể là cô mụ đưa một thiên tài mới vào đời mà cũng có thể là kẻ đào huyệt chôn một tài hoa yểu tử. Nhưng phê bình kiểu cô mụ nầy cũng có thể gây nhiều cập lụy bi hài không khéo bị mang tiếng là công kênh nhau và khinh thường người đọc...

Trong một tiệc cưới, chúng tôi được xếp ngồi chung với một số bạn sơ giao. Sau màn tự giới thiệu, một người đã bắt tay Lệ Hằng và vuốt: "Thuở trước tôi và bà xã đều mê văn chị, chúng tôi đọc hết sách của chị và mê nhất là quyển *Vòng Tay Học Trò*!" Thế là vì galant mà người bạn đó đã thế vì khai sinh cho Lệ Hằng thành Nguyễn Thị Hoàng. Cũng may là đám cưới đông người trò chuyện ồn ào nên Lệ Hằng không nghe, bằng không thì buổi tiệc bớt vui... Có lẽ tên Lệ Hằng đi vào tâm tư người ấy qua những quảng cáo của thiên hạ, nghe mãi thì nhớ thôi. Cũng như giờ đây ai dám bảo không biết Salman Rushdie là nạn nhân tiêu biểu của độc tôn và áp bức tư tưởng, nhưng quả thực mấy người đã đọc *The Satanic Verses,* và trong số những người có đọc đó, mấy người đã đọc hết quyển từ đầu đến cuối? Một trong những thành tích phê bình văn học của Nguyễn Hưng Quốc chính là đã thế vì khai sinh cho mấy câu viết về con cóc trở thành *Bài Thơ Con Cóc* trong văn học hải ngoại vì- cũng như bài *Trâu Ơi Ta Bảo Trâu Này* chẳng hạng, trước nay không ai gọi mấy câu đó là thơ, khoan nói là bài thơ. Quá lắm thì cũng chỉ gọi đó là bài vè, câu hát, hay cái gì gì đó, chứ cho kẹo cũng không dám quả quyết mấy câu đó là *Bài Thơ*! Nguyễn Hưng Quốc cho biết đó là cách dùng những diễn dịch mới để tạo thêm những diện mạo mới cho nhà văn và tác phẩm. Hy vọng sẽ có dịp được nghe Nguyễn Hưng Quốc nói rõ thêm những khác biệt tinh tế lý thú giữa việc tạo thêm diện mạo mới và chuyện hyperbole vẽ rắn thêm chân hay thế vì khai sinh văn học chỗ nào?

Phê bình văn học theo khuynh hướng đỡ đẻ cũng giống như quảng cáo xe hơi, tivi, video, giày dép. Điều quan trọng không phải là trình bày giá trị của món hàng - hay tác phẩm văn nghệ, điều quan trọng là làm cho người ta nhập tâm cái tên - tên nhà phê bình hay tên tác giả được phê bình, như Toyota, Sharp, Sony, Nike... để ngày nào đó có tiền mua thì tìm đến. Tốt xấu hay dở là chuyện khác. Nhà phê bình ở đây nếu không phải là một "đấng tạo hóa" thì cũng là một nhà giải phẫu thẩm mỹ...

PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

Trong *Hợp Lưu 32*, Nguyễn Hưng Quốc tỏ ra buồn phiền bực tức vì thực trạng phê bình văn học của Việt Nam trước nay "nghèo và yếu" quá. Nguyễn Hưng Quốc không nói rõ muốn thoát khỏi cảnh nghèo yếu đó thì phải nói về *Con Cóc* như Nguyễn Hưng Quốc nói, hoặc phải nói về ký hiệu ".v.v..." hay chữ "etcetera" trong hai bài thơ của Bùi Giáng và Viên Linh, hay khi Nguyễn HƯng Quốc "phân tích một bài thơ cụ thể *Em Đi Qua Đời Tôi* của Ngu Yên mà "trọn bài thơ chỉ có một chữ *nữ*" (3)? Kiểu bình giải nầy có thể khiến người ta liên tưởng đến Dương Phương Vinh và bài *Hànội Có Nhiều Người Thơ Độc Đáo* trong *Tiền Phong* Xuân 1997. Dương Phương Vinh cho Phùng Quán là người thơ độc đáo, nhưng Phùng Quán bảo kẻ độc đáo nhất chính là ông cụ *Chúc Bờ Sông*, "nổi tiếng với bài *vợ chồng* với vỏn vẹn một từ *'xong'*, ráo hoảnh, tỉnh bơ, không ít hàm ý... mà so với "toàn bài" thì lời bình của Trần Dần thật lê thê : "vợ chồng - mớ bòng bong ấy gọi là xong!" *Chúc Bờ Sông* chính là "người được các thi sĩ lập dị tôn hàng lập dị nhất.". Chuyện Nguyễn Hưng Quốc khen từ "etcetera" của Bùi Giáng và ký hiệu ".v.v..." của Viên Linh, hay chữ "nữ" của Ngu Yên có phải là khác đời không thì chỉ có Nguyễn Hưng Quốc có quyền trả lời, cũng như chỉ có Nguyễn Hưng Quốc mới phải giải thích tại sao phê bình như thế mới là khoa học, bất kể là trong "lãnh địa phê bình thực hành hay trong lãnh địa lý thuyết" theo lối nói của chính Nguyễn Hưng Quốc, kẻ đang đứng trong twilight zone giữa chung và riêng trong phê bình văn học... Roman Jakobson và T. Todorov từng nói qua về lối làm thơ rất "cơ cấu luận" mà họ gọi là làm thơ theo trật tự không gian kiểu bài thơ chữ 'nữ' của Ngu Yên hay mấy 'bài *Hoa Lá Nào Tôi Sẽ Nở Sinh* hay *Sinh, Lão, Bệnh, Tử* của Lê văn Tài trong *Hợp Lưu* 32. Nhưng cả hai nhà phê bình văn học kếch xù nầy cuối cùng hình như cũng chẳng biết phải tán hươu tán vượn gì ngoài việc thú nhận rằng ý thơ là chuyện không có rồi nhưng cơ cấu của văn bản cũng lại là một chuyện tài mấy thì nhà phê bình cũng đành chịu chết thôi chẳng biết nói gì! Không biết họ chân thật hay lếu láo? (4)

Các nhà phê bình văn học phương Tây đã tốn khá nhiều hơi sức giấy mực để xây dựng phê bình văn học thành một "khoa" chuyên môn. Bởi nói đến khoa học là nói đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, phương thức diễn đạt và kỷ luật tự kiểm. Nổ lực nầy làm cho môn phê bình văn học trở thành khách quan, đa dạng, nghiêm túc, tự chế hơn nhưng không hẳn đã xác lập được một vị thế khoa học "đúng nghĩa" cho phê bình văn học.

Những nghiệt ngã lịch sử đã khiến cho tham vọng lập thuyết của người Việt - kể cả lập thuyết văn học và phê bình văn học, luôn ở trong thế ăn sau

chạy dọi. Do đó, những cố gắng sắp hàng hay phân loại lý thuyết cho một nhà văn hay một tác phẩm hoặc một phong trào sáng tác là điều bấp bênh. Phan Cự Đệ hình như đã muốn người đọc nghĩ như thế khi nói đến những chiều hướng sáng tạo của Hàn Mặc Tử mà ông cho là : "...đã đi một chặng đường dài từ cổ điển qua lãng mạn rồi từ lãng mạn chuyển nhanh sang tượng trưng, siêu thực". Phan Cự Đệ giải thích rằng sở dĩ Hàn Mặc Tử phải lận đận nhảy qua nhảy về nhập nhằng lý thuyết như vậy cũng chỉ vì : "Chủ nghĩa lãng mạn Việt Nam xuất hiện sau chủ nghĩa lãng mạn Pháp một thế kỷ" cho nên phong trào Thơ Mới quả thực đã in dấu ấn từ lãng mạng đến Thi Sơn qua tượng trưng đến siêu thực (5). Mặt khác, có thể có người xếp Xuân Thu Nhã Tập vào hàng tượng trưng hay siêu thực trong phong trào Hiện Đại của Âu châu. Nhưng chính Đoàn Phú Tứ hình như chỉ đồng ý Chủ Nghĩa Hiện Đại một nửa ở điểm vụ trí thức hoặc vụ lý nhưng lại không đồng ý với chủ trương phi đạo (amoral) của chủ nghĩa nầy khi ông nói : "Thơ chính là một cách tri thức cao cấp. Nó đã bắt gặp Hình Nhi Thượng, đưa đến Tôn Giáo và thực hiện Ái Tình, nghĩa là Vô Biên"(6).

Lý luận văn học, lý thuyết phê bình văn học vẫn còn ngầy ngật dưới sức ép của Chủ Nghĩa Hiện Đại hay phong trào Tân Thời hay Đổi Mới. Chủ nghĩa hay phong trào nầy đã triệt hạ những tiêu chuẩn định giá cổ điển, và thường chỉ nhấn mạnh đến hình thái và kỹ thuật sáng tạo. Lý trí, suy luận thay thế cho cảm ứng, rung động, hơi lạnh thay thế cho hơi ấm trong tác phẩm và phê bình. Văn học nghệ thuật càng ngày càng trở nên xa lạ, khắc khổ, và phi thời gian không gian nghĩa là phi nhân. Nhưng không phải ai cũng thưởng thức nổi tranh Max Ernst, Picasso, Dali, không phải ai cũng thưởng thức nổi văn thơ của Tristan Tzara, Kafka... Giá trị của Dada và Siêu Thực Chủ Nghĩa - và Chủ Nghĩa Hiện Đại nói chung, là giá trị lịch sử đánh dấu cơn khủng hoảng vỡ mộng của thành phần ưu tú Tây Phương trước và trong khi Đại Chiến Thứ Nhất bùng nổ. Trong *Hợp Lưu* số 21, Nguyễn Hưng Quốc đã rất bén nhạy khi cho rằng tưởng tượng "với các nhà Thơ Mới, nảy sinh từ đời sống nông thôn, với Thanh Tâm Tuyền, từ đời sống thành thị.'" Đáng tiếc là Nguyễn Hưng Quốc đã không đi xa hơn để phân biện Chủ Nghĩa Hiện Đại có thật sự cần thiết cho sinh hoạt sáng tạo, thưởng ngoạn và phê bình của người Việt trước nay không?

Vì Bụt nhà không thiêng hoặc vì nôn nóng muốn lập thuyết hay có cơ sở phê bình lý luận nên chúng ta có thể đôi khi không tránh khỏi quá dễ dãi trong việc tích hiệp ý tưởng của kẻ khác. Vì tin tưởng Janes Engells (?) nên Nguyễn Hưng Quốc cho rằng Kant đã "đào sâu vấn đề tưởng tượng, mở ra nhiều chân trời rộng rãi không những cho thơ mà cả cho thẩm mỹ học...và phê bình". Cũng như vì tin vào R.A. Foakes (?) và R. Cardinal (?) nên Nguyễn Hưng Quốc đoan chắc rằng "...Shelley cho thơ là ngôn ngữ của tưởng tượng, Blake cho thế giới của tưởng tượng là thế giới của vĩnh cửu, Keats chỉ mô tả

những gì ông tưởng tượng và Byron chỉ tả những gì ông thấy...Beaudelaire chối bỏ quan niệm cho chức năng của thơ là bắt chước hiện thực...Rimbaud tự nhận là một thi sĩ thấu thị..." mà không cần băn khoăn những suy tư đó đã xuất hiện trong hoàn cảnh đặc thù nào. Nhưng Nguyễn Hưng Quốc đã tin Engells, Foakes, Cardinal thì tôi cũng đành phải tin Nguyễn Hưng Quốc dù vẫn băn khoăn Hume hay Hegel thì may nhưng Kant mà cũng có công với mỹ học hay phê bình văn học như thế thì hình như đây là lần đầu tiên tôi nghe nói tới?!(7) Nguyễn Hưng Quốc đã đẩy phê bình văn học, nhất là phê bình "thi học" thoát khỏi lối bình giải giáo khoa nhập đề-thân bài-kết luận. Những đóng góp của Nguyễn Hưng Quốc hẳn sẽ còn ý nghĩa và giá trị hơn nữa khi Nguyễn Hưng Quốc chịu nói rõ hơn những hầm chông bẫy mìn mà các nhà phê bình văn học Tây phương đã sa vào hay tránh được trên đường xác lập phê bình văn học như một khoa.

Phê bình văn học có phải là một khoa học, dù là một khoa học nhân sinh như Tâm Lý Học, Xã Hội Học không? Đó không phải là một câu hỏi mới hoặc đã được trả lời dứt khoát. Fintan O'toole đã lưu ý rằng quyển thủ bản phê bình văn học *Johns Hopkins Guide to Literary Theory and Criticism* chỉ đan cử 226 bài phê bình mà không hề nêu ra một cái nhìn tổng hợp, hoặc một quan điểm nhất trí tối thiểu nào về phê bình văn học cả (8). Phê bình văn học trong hoàn cảnh ấy có thể trở thành- hoặc tự nhận, là một khoa học không, hay rốt cuộc cũng chỉ là một thứ văn học, văn học phê bình?! Nói thế khác phê bình văn học không phải là làm phê bình mà là làm văn học - nghĩa là tùy hứng sáng tác, với đối tượng là tam giác văn học gồm tác phẩm, tác giả và người thưởng ngoạn mà ở đây là nhà phê bình. Trong hoàn cảnh đó, phê bình văn học trở thành một dòng văn học chính thống như thơ, truyện ngắn, truyện dài, kịch.v.v... Đó là cảm nghĩ tôi khi đọc quyển *Giới Thiệu Thi Pháp* của T. Todorov (9). Và nếu quan phê bình văn học như một dòng văn học chính thống như thế thì quan niệm của Phong Lê nhắc đến ở trên chắc phải xét lại, bởi văn học hình như thường là tùy hứng và chú trọng đến hay dở hơn là đúng sai ?

KỲ THỊ HAY NGHIÊM TÚC CHÍNH TRỊ ?

Một lý do nữa để khiến người ta tránh phê bình, tránh phê bình văn học, hoặc tránh phê bình phê bình văn học đó là lý do tránh khỏi bị mang tiếng là kỳ thị hoặc không nghiêm túc chính trị. Về điểm nầy thì quả thực có trăm tội để bị kết án... Phê bình "lành" hay phê bình "bể" đều có thể bị chụp mũ là ghét bỏ hay công kênh nhau vì địa phương, phái tính, tôn giáo, nghề nghiệp, bệnh tật...

Một hôm tôi đọc được một câu rất thích thú thế nầy: "Về hình thức, *Bến*

Lạ có thể gọi là thơ tự do, hay thơ văn xuôi, hoặc thơ tự do làm theo thể văn xuôi"(10). Tôi nhìn Lệ Hằng cười hỏi: "Bà ấy định nói gì về văn, thơ và thơ tự do đây?" Huyện bênh huyện phủ bênh phủ, Lệ Hằng ỡm ờ chỉnh ngay: "Này, phê bình phê ấm phê nồi gì thì phê Thụy Khuê chứ không có *bà, ông* gì hết. Không phải viết đúng vì là đàn ông, viết sai vì là đàn bà đâu nhá! Kẻ được giải Nobel văn chương năm rồi là một bà đấy!"

Tôi bị Lệ Hằng sửa lưng ngay là kỳ thị, là không nghiêm túc chính trị chỉ vì lỡ miệng một tiếng *Bà*. Cho nên, nếu phê bình là phải lựa lời và lựa người mà nói cho vừa lòng nhau thì thà không có phê bình cho xong chuyện?

CHÂN THẬT

Một thời, rất có nhiều người thích nói về Thanh Tâm Tuyền và thơ tự do. Ý thích kiên trì đó quả cũng có ít nhiều đóng góp cho phê bình văn học như một khoa học hoặc như một văn học phê bình. Hy vọng có dịp trở lại chuyện nầy một cách thấu đáo hơn. Chỉ có một điều tôi thắc mắc đó là mấy chữ *thơ-tự-do.*

Thắc mắc vì tôi thường nghĩ một cách nôm na - có thể là đơn bạc nữa, rằng tự do thì phải tự do với cái gì, tự do để làm gì và làm cách nào, chứ không phải là tự do khơi khơi muốn làm gì thì làm như mấy con bệnh tâm thần hay động kinh trong lúc lên cơn.

Về thơ cũng thế. Thơ tự do hay tự do làm thơ? Tự do làm thơ có tất yếu tạo ra thơ tự do không? Làm thơ tự do là tự do trong hình thức hay trong nội dung? Nếu tự do về nội dung nghĩa là tự do về cảm nghĩ, suy tư, kinh nghiệm thì nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ và nhà thơ khác gì nhau? Nếu tự do về hình thức là không lệ thuộc vào niêm luật vần điệu thì cái gì làm cho thơ là thơ, thơ khác văn? Cho nên, về hình thức cũng như nội dung, phải chăng thơ-tự-do là một quyết tâm vu vơ?

Có người muốn phủ nhận những câu hỏi ấy khi cho rằng thơ tự do không chỉ là một ý hướng giải tỏa những ràng buộc hình thức của niêm luật thông thường trong thơ cổ điển thôi, mà thật sự đó là một phản kháng tâm linh nhằm phá bỏ những ràng buộc của ngôn từ và chính cuộc đời...để thành đạt một trật tự mới cho ngôn ngữ tâm thức. Nhưng nếu đã không muốn bị chữ nghĩa ràng buộc thì còn chui vào cái thòng lọng thi ca làm gì cho khổ thân? Sao lại không hứng thì viết, mệt thì nghỉ, chẳng cần niêm luật, chữ nghĩa, pháp cú, văn phạm theo kiểu Phạm Công Thiện quan niệm

Thơ như hữu thể mà vô thể
Có cũng xong, mà không cũng xong. (11)

Những người bênh vực thơ tự do và tự do làm thơ có thể vặn lại rằng nếu niêm luật là niêm luật, phải cứng nhắc như khúc gỗ thì tại sao lại có nhiều thể thơ, tại sao có phá thể, phá cách, biến thể? Như vậy, niêm luật phải chăng cũng là phá luật rồi? Hỏi là trả lời rồi vậy!

Đã chọn thơ thì tất nhiên phải chối từ văn, đã chối từ văn thì tất nhiên phải biết văn khác thơ, đã biết văn khác thơ thì tức cũng biết cái gì làm cho thơ thành thơ, làm cho thơ khác văn ?! Nhưng vừa muốn thoát khỏi mọi ràng buộc của chữ nghĩa và đời sống lại vừa muốn làm thơ thì có gì tự mâu thuẩn không? Nói thế khác, tôi tự do lựa chọn hình thức diễn đạt là thơ, chứ có phải tôi thích viết văn nhưng bị thiên hạ kê súng vào đầu kề dao vào cổ bắt tôi phải làm thơ đâu!? Tôi tự do lựa chọn thơ cũng như tôi tự do lựa chọn chơi cờ tướng, tứ sắc, tennis, bóng chuyền hay túc cầu. Thích thì chơi, không thích thì đừng chơi, nhưng đã chơi thì phải tôn trọng luật chơi chứ không có chuyện chơi tự do bất chấp luật lệ hay bất ngờ đặt ra luật mới buộc đối phương phải tuân theo.

Quy luật là yếu tính của trò chơi, không có quy luật ấy thì trò chơi cũng không còn. Thơ cũng vậy. Thơ là một trò chơi, một trò chơi với vần điệu, như túc cầu là trò chơi với trái banh và hai khung thành, như tennis là trò chơi với trái banh và cây vợt... Pháp văn chỉ có chữ "gratuit" trong khi tiếng Anh có đến hai chữ gần như đồng âm mà hoàn toàn dị nghĩa, đó là chữ "gratuitous" và "gratuity". Gratuity là tiền thưởng, có làm có ăn trong khi gratuitous lại có nghĩa là vớ vẩn chẳng ăn cái dải gì. Nói theo Phạm Công Thiện thì thơ là một trò chơi gratuity và gratuitous vậy. Có người thơ làm giàu vì thơ trở thành một gratuity nghĩa là chơi mà trở thành thật, cũng có người thơ chết đói vì thơ chỉ là gratuitous nghĩa là chơi để mà chơi thôi. Nhưng chơi thật hay chơi khơi khơi thì đàng nào cũng phải chơi cho đúng luật chứ không thể phóng đại tô màu lập dị, hay rừng rú bất chấp luật lệ, nghĩa là trở thành múa may loạn cào cào chứ không phải chơi theo kiểu chơi cờ tướng, chơi xì phé, bóng rổ nữa. Hy vọng có dịp tôi sẽ xin trở lại chuyện thơ tự do và tự do làm thơ cũng như quan niệm "người chơi" và nghệ thuật như một cách chơi của Johan Huizinga (12).

Dĩ nhiên, tôi có thể làm thơ như Chúc Bờ Sông, Ngu Yên, Đặng Đình Hưng, Thanh Tâm Tuyền, Đỗ Kh..v.v... Tôi có thể dùng bút lông hạ một chấm thật lớn giữa trang giấy trắng, cho cái tựa là *Chấm* xong ký tên rồi tự tuyên cáo đó là bài thơ, đây là thi nhân và nín thở chờ, biết đâu chẳng gặp được những nhà phê bình văn học vừa hảo tâm, vừa tài hoa, vừa dễ tính đang bí đề tài?! Thiền sư Gocho chỉ khoanh một vòng tròn và lấy tựa *Vòng Tròn*, Thiền sư Onko Jiun chỉ sổ một đường thẳng và lấy tựa *Cây Gậy*. Chưa thấy ai bảo quý vị ấy đùa dai cả?! (13). Có điều khi làm việc ấy tôi đã đủ nội lực để có thể chân thật với cái riêng và đồng thời chân thật với cái chung không? Phần tôi, tôi phải chân thật thưa rằng nếu ở đây và lúc nầy mà tôi làm việc

ấy thì quả thực tôi chỉ cương ẩu chứ chẳng làm thơ, chẳng vẽ gì cả.

Nhà phê bình là kẻ thưởng ngoạn, và cố gắng trao đổi kinh nghiệm thưởng ngoạn đó với kẻ khác một cách chân thật.

Chân thật để thấy rằng trong khi những giá trị và tiêu chuẩn thẩm mỹ cũ đang mất hết khả năng sống còn và những giá trị cũng như tiêu chuẩn mới chưa định hình thì nhà phê bình quả thực chẳng nên nuôi ý hướng đại diện cho một cái gì hoặc cho ai ngoài nhu cầu và khả năng thưởng ngoạn của chính mình. Nhà phê bình không phải là chuyên viên trọng tài giữa người thưởng ngoạn và tác phẩm hay tác giả, và lại càng không phải là người tạo ra những khuôn mẫu sáng tạo và thưởng ngoạn mới.

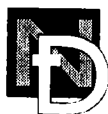
Chân thật để nhớ mình nói gì, cố gắng giữ mạch lạc và nhất là nhớ rằng điều mình nói chỉ là niềm riêng đang trở thành của chung, nghĩa là mở cửa kéo màn lên để đón nhận trao đổi và búa rìu dư luận... Ý nghĩ đó có thể mở đầu cho câu hỏi: "Nếu văn thơ nhạc họa có chỗ đứng, tại sao phê bình văn học nghệ thuật lại không?"

Qúy vị nghĩ sao?

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

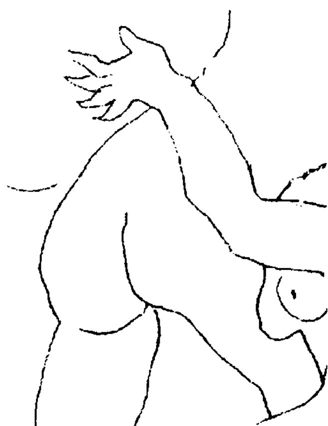
(Phong Trang, những ngày nghỉ long nhong 1997.)

PS - *Bài viết xong chưa kịp gởi thì chúng tôi nhận được Hợp Lưu 33 trong đó có ý kiến của Trần Mộng Tú và Đỗ Kh. quanh chuyện Linda... Bài này có nhắc đến Đỗ Kh. như một jump start, thế thôi. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy tiếc phải chi nhận báo sớm hơn thì biết đâu tôi chẳng lơn tơn nhập cuộc!? Chơi mà, càng đông càng vui ...HNN.*



THƯƠNG NGUYÊN

TRỞ VỀ HIỆN TẠI: THƠ VĂN CHO AI?



Xin lấy hoa làm thí dụ: ta chỉ có thể thích hoa đào hơn hoa mai, chứ không thể bảo đào đẹp hơn mai, hay ngược lại. Hoặc ta theo nhóm bảo vệ thiên nhiên chọn loài cỏ mọn hoa hèn. Bởi thế, ta cũng không thể bảo Nguyễn Du hay hơn Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng nếu yêu Nguyễn Du, ta chẳng cần phải e dè mà cứ tuyên bố, tác giả Truyện Kiều là nhà thơ vĩ đại nhất thế giới. Như Pessoa viết:

Sông Tage đẹp hơn con sông chảy qua làng tôi,
nhưng sông Tage không đẹp hơn côn sông chảy qua làng tôi
bởi sông Tage không phải là con sông chảy qua làng tôi (1)

Nhưng thôi, hãy để qua bên chuyện văn nghệ phê bình không nghiêm chỉnh để trở về hiện tại: Ai đã bảo đừng phán xét nếu không muốn bị phán xét?

Tục ngữ có câu: Thơ ai thơm mũi nấy. Vì vậy: Không nên bắt sáng tác của người khác phải đồng mùi với ta.

Sau vài chục năm sống trên đất Mỹ mập mạp, bà Trần Mộng Tú có thể thấy phơi phới yêu đời, vừa chiên cá (bếp ga, lò điện, microwave?) vừa ca vọng cổ, "tiệc quê mình toàn rau đắng mắm nêm", và được ông Đỗ Quí Toàn người đồng điệu, vỗ tay khen là bà làm thơ tình như nói với một người.

---

(1) Bản dịch của Diễm Châu

Nhưng... nhưng... một cô bé bị hải tặc làm hại, chẳng hạn, có thể xót xa nếu được nghe thầm thì: "cả một bầy con gái nhảy những bước chim di".

Ai cũng dư biết thế giới ngày nay nó như thế nào. Vậy mà thơ TMT: "cả một bầy con gái nhảy những bước chim di... vuốt ve anh mỗi ngày một mới, có phải mỗi ngày anh đổi một bàn tay... mùa thu áo em vàng chàng về trồng hoa cải... chúng mình yêu nhau như bài lục bát"... Và tập Cỏ Và Tuyết của ĐQT "mặt ngọc chân son, cỏ nõn da thịt lụa, giọng cô là sữa ngọt, tình yêu sữa ngọt, cây múa dáng như tiên, cây xanh huyền thoại, cỏ và tuyết, tuyết lóng lánh, tuyết phủ đầy trái đất, dòng suối trắng bong, mặt trời hồng mây ngọc, em cuộn tròn như thỏ, trời đất vẫn y nguyên, đời còn lộng lẫy, cõi đời vui tíu tít"...

Thơ tình em với anh, thơ tình hoa bướm thời mới lớn tôi có đọc Toi et Moi, Đường Vào Tình Sử, nhưng không mấy ưa. Giờ đây, một bài tình Mộng Tú, hay một bài tình của bất cứ một ai có chút kỹ thuật thơ đều tương tợ, đọc lên có thể nghe êm tai nhưng không thấy thú vị: chúng không nói thêm được một điều gì mới mẻ về tình yêu. Yêu nhau như bài lục bát? Ô kê.

mình về mình nhớ ta không
ta về ra nhớ cái m... mình cười
và vân vân và vân vân...

Xin kể thử một đoạn thơ Beckett nói về tình yêu:

các nàng đến
khác nhau và y hệt
với mỗi nàng nó khác biệt và nó y hệt
với mỗi nàng sự vắng tình rất khác
với mỗi nàng sự vắng tình rất hệt

Thơ tình hạng nhất, thượng hảo hạng, phải kể những tên tuổi như Aragon, Éluard, Neruda, Gibran, Tagore... Cũng xin nói thêm là tôi cũng có mến vài bài TMT đầu tiên, và thơ ĐQT thời thanh xuân, khi ông còn viết những câu rất tuyệt, tượng hình và tượng thanh như... "biển đau quặn sóng xô gầm vỡ đá". Và:

Trên trái đất này mà tháng năm là những bước chân mau
Ngày đổ mồ hôi đêm ngủ chập chờn
Mỗi người là
Nỗi lo âu đằng đẵng

Trên trái đất này mà tháng năm là những giọt nước mắt
Ngày không một mâm cơm đêm không một ngọn đèn
Mỗi người là
Tiếng nấc khô cơ cực

Trên trái đất này mà tháng năm là những chiều im lặng

Chúng ta đi giữa cánh đồng hoang giá buốt
Không ai nhìn ai không ai nói với ai
Mỗi người là
Nỗi thầm kín một mình

Nhưng tiếc thay, từ ngày ông Toàn ra hải ngoại, rồi tới Làng Cây Phong và Làng Hồng tham thiền, tôi hết dám theo, vì e nếu theo ông vào rừng sẽ thấy mình là... cây, đá!

Ở thì một người được trọn quyền "kể chuyện thần tiên, nói tiếng hạnh phúc" (ĐQT), nhưng một người khác cũng được tự do làm ngược lại. Xin chớ nghĩ là tôi sùng bái khổ đau, thảm họa. Trong số mùa Đông 96 tạp chí Thơ, tôi có thấy thích cái "nổi hứng" hồn nhiên, cái "đời thật điệu" đáng yêu của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, khi một buổi sáng chủ nhật thư nhàn chị ngồi thơ thẩn với "bình trà cúc" và "bánh đậu xanh Hải Dương rồng vàng". Nói cách khác, cõi đời này không thể vui tíu tít, nhưng cuộc đời đôi khi vẫn có thể rất... điệu.

Những cái ngọt ngào của hai tâm hồn tri kỷ đã kể bên trên, Pháp gọi là *thơ kẹo mứt* (confiseries poétiques). Dĩ nhiên mứt kẹo ắt phải có người ham. Nhưng xin lỗi, ở thời *sound-bites* (2) tôi nghĩ chúng nó chả còn là kẹo, là mứt nữa, mà chỉ tếu, chỉ kêm thôi. Có thể đọc để cười chơi, nếu đọc và cười được!

Thêm vào đấy, lá thư ngỏ gửi các con (độc giả?), lấy chuyện Tàu đời xưa (con hiếu thảo với cha mẹ) ra bàn chuyện Mĩ đời nay (con xin ly dị cha mẹ). Người cầm bút còn tiếp tục truyền thống gia huấn ca là đáng mừng hơn đáng trách. Tuy nhiên, viện lẽ "mẫu tử thâm tình" để buộc một đứa bé phải giữ cái bào thai kỷ niệm của một cơn ác mộng hãi hùng là... là... luân lý Á đông cuối thế kỷ 20? Trẻ con nước ngoài thì có khi chúng bị cha mẹ hành hạ, bức xúc tình dục. May thay, "các con yêu dấu" của bà Tú hình như không gặp những hoàn cảnh ấy. (Tôi không nhớ rõ, nhưng hình như ông Toàn cũng có gửi cho con cái một lá thư ngỏ kiểu như vậy).

Người làm thơ hậu hiện đại phải "tục" vì không thể làm khác được. Phải sử dụng ngôn ngữ hàng ngày, phải trực ngôn, gọi con mèo là mèo. Độc giả sẽ phì cười, nếu hắn viết, "một đóa trà mi hai cái nhũ hoa", thay vì, "một cái lồn hai cái vú" (Nguyễn Hoàng Nam). Ngược lại, dùng các hình ảnh ẩn dụ bóng bẩy như thỏ, chim, tiên, cổ nõn, chân son, mặt ngọc, trắng bong, da thịt lụa... là cố tình làm đẹp, là cố ý làm dáng, là tiếp tục bôi bết lớp son phấn của ngôn ngữ cổ xưa, lên cái khuôn mặt đã già nua, và cái "thân thể đã cũ" (TMT), của em, và của thơ.

Gauguin nói: Cái xấu có thể đẹp, cái xinh xinh không bao giờ (3). Do đó, ta cũng có thể bảo (hay là không?): Cái tục, cái vụng về, cái ngây ngô... có

---

(2) Một thí dụ "sound-bite": "I'm not Americanised yet, I don't wash dishes - Tôi chưa Mĩ hóa, tôi không biết rửa đĩa. (Nguyễn Cao Kỳ)

thể thơ, cái tiểu xảo (ẩn dụ), cái kiểu cọ (ẩn dụ), cái thơm tho (thơm thơm) không bao giờ.

Về sự ngây dại mà thơ, xin được kể một giai thoại. Ông hàn Jean Cocteau, phê phán một thần đồng của thơ ca Pháp những năm 50, bảo: Trẻ con thảy đều là thi sĩ, chỉ trừ có Minou Drouet. Minou là "thần đồng thơ" đã kể. Trong thời chiến, Hà Nội cũng từng khua chiêng gióng trống, cho Trần Đăng Khoa, thần đồng tương tự của thơ Việt.

Khen thơm là sỉ nhục người cầm bút. Văn nghệ thơm, nếu có là văn nghệ, thì chỉ thuộc vào loại minh họa, hay là loại nhẹ. Văn nghệ đúng nghĩa phải *gây xáo trộn*, nếu không mãi mãi, thì thuở ban đầu.

Thời Nguyễn Du, các nhà nho muốn "thơm cả miệng" (TMT) không đọc Truyện Kiều. Ôi, không thể kể xiết những cái, lúc chúng mới xuất hiện, "văng tục vào mặt" (TMT) các ông các bà đạo mạo, nhưng đã trở thành tác phẩm vĩ đại của nhân loại. Trong số này phải kể (luôn) cái thân hình Brigitte Bardot lõa thể xinh xắn thời trẻ.

Trong La barbarie à visage humain (Dã man khoác bộ mặt người), triết gia đợt sống mới Bernard-Henri Levy có nói: Đáng sợ hơn cả là mơ ước vươn tới sự trong sạch, đạo đức. Ác mộng sẽ đến nếu ta chiêm bao một xã hội tuyệt hảo.

Nguyễn Du sống lại bây giờ có thể viết Linda Mặt Ngang. Chỉ có thể, vì cụ Nguyễn nhà ta coi bộ thích cải lương, mê hát bộ dữ đa (Đạm Tiên, Từ Hải). Vì, Nguyễn Du kể chuyện Thúy Kiều, như một tác giả (ND cũng là TK?), chứ không như người khách tới viếng lầu xanh mười lăm phút, nửa giờ.

Bài thơ Đỗ Kh. là của một gã mua dâm. Cô gái điếm hèn mọn (hay phải gọi cô là "sexual worker", cho hợp với PC - political correctness?), cô "công nhân tình dục" Linda khiến tôi nhớ Marizibill (4) của G. Apollinaire, và cô bé Jehanne de France trong Văn xuôi của chuyến xe lửa xuyên Tây Bá Lợi Á (4)... của Blaise Cendrars.

Nhưng họ Đỗ là kẻ đến sau. Thế giới, bị vụn vỡ từ thế chiến một, càng thêm vụn nát. Và cõi đời hôm nay? Ồ, thì có gì đâu: nó thối tha, nó tàn bạo, nó thô tục, nó phát xít, nó đốt sách.

Hay nó thơm tho. Hay nó lộng lẫy. Hay nó tíu tít.

Tùy người.

Ông KT bảo, chỉ có những thằng điên mới chê thơ Trần Mộng Tú dở. May quá, nếu đúng vậy thì kẻ viết bài này đã mất trí... ngu!

THƯƠNG NGUYÊN

---

(3) Huỳnh Hữu Ủy trích dẫn
(4) Bản dịch Nguyễn Đăng Thường



PHẠM THỊ HOÀI

SỜ LINDA



Tôi thật ngại một cái lồn bé xé thành chuyện to, song tự nó đã lớn vọt lên trong vòng vài tháng vừa rồi.

Trong bài thơ của Đỗ Kh. chỉ có một từ, dùng hai lần, khiến quý độc giả phản ứng như thế nào đó, từ *lồn*. Bỏ nó đi thì có lẽ phản ứng của quý vị sẽ thay đổi đáng kể. Từ ấy làm trào cái cốc quả nhiên đã đầy những lông cùng đít và nách và vú vê quần lót mà Đỗ Kh. thường rót, song không có nó thì xem ra một giới hạn vô hình nào đó ở miệng cốc vẫn còn tồn tại, một sợi dây mỏng manh nào đó giữ cho tâm hồn quý vị được bình an còn chưa bị chặt đứt. Đã như vậy thì ta hãy cùng nhau làm một thử nghiệm: lấy một trang giấy khổ A4, tự tay mình viết kín bằng 400-500 chữ lồn. Tôi dám đoán rằng viết xong thì từ này chẳng còn chút tục tĩu khiêu dâm gì, mà chỉ gây cảm giác chán ngấy cho quý vị mà thôi. Người Việt trước khi biết chuộng đồ Tàu, biết gọi nó là cái âm hộ, hẳn vẫn xài từ của dân tộc một cách hồn nhiên. Tôi lại đoán rằng Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ, hai nhà khuyến nôm, đã dành nhiều khoảnh khắc trong quãng thời gian chấp chính ngắn ngủi của mình để trả những của quý của tiếng Việt về cho tiếng Việt. Ngay bây giờ, ở những vùng thôn quê Việt, nơi cái đầu kiêu hãnh của chúng ta vẫn là cái trốc, hoặc người ta đánh địt thay vì đánh rắm hay trung tiện, vợ chồng xưng mày tao chứ không anh anh em em, thì lồn là lồn, không là gì khác. Người nơi ấy khác ta, họ sống trong một thế giới khác, nhưng hẳn là không xấu xa đê tiện hơn. Vậy thì, correct hay không cũng vậy, quý vị hẳn đã tha tội cho từ lồn, nó vốn bình đẳng với mọi từ.

Ta hãy xem một ví dụ khác: khi một từ, vốn cũng sinh ra bình đẳng như

thế, từ ỉa chẳng hạn, bỗng mất tự tin, đầu tiên do dự chuyển thành ị, rồi thành í, rồi thành ấy, thì tiếng Việt cũng không thơm gì hơn. Nhưng có ly kỳ hơn. Đi ỉa thành đi ấy. Song đi ấy có thể là đi chợ, đi thủ tiêu ai đó, đi làm tình... Trăm bề ấy, nên lắm khi phải tìm cách nói khác. - thành phố mà nói đi đồng e không ổn. - nông thôn nói đi vê xê (WC) không xong, hơn nữa chữ Việt Cộng đọc tắt cũng có âm như vậy. Nói đi toa lét có vẻ văn minh, nhưng phải người ngọng thành toa nét nghe không lọt. Thế là mạnh ai nấy ấy, người đi đánh ruồi, người đi tìm sổ gạo, người đi tháo cống, người đi cầu tõm... Đi chơi với bạn gái * Bờ Hồ mà nghe nàng thỏ thẻ, anh ơi, em phải đi tự tử một cái, thì không phải nàng định lao xuống hồ, mà nàng buộc phải đi ấy * nhà vệ sinh công cộng. Nhiều từ khác cũng dễ tự mặc cảm như vậy, chối phắt nguồn gốc thật của mình, ỉm đi tên cúng cơm để mang danh khác. Lắm trường hợp biến hóa không sao lường được, muốn tra ngược về bản gốc để xác định nghĩa cũng đành bó tay. Đơn cử từ sinh hoạt trong sinh hoạt vợ chồng: để tránh lầm với nghĩa họp chi bộ trong sinh hoạt Đảng chẳng hạn, phải giải mã là vợ chồng ngủ với nhau, tức ăn nằm với nhau, tức ân ái, tức làm tình, tức đ., tức đờ, tức đì, tức đếch, tức đéo, tức địt, tức đù, tức đụ nhau. Ngôn ngữ ẩn dụ thế là toàn thịnh. Sự vật và sự việc không còn được gọi đích danh nữa và lùi dần khỏi tầm với của ta, hoá thân thành một kiếp khác. Một lúc nào đó ta thậm chí không gọi đúng tên mọi bộ phận trên người mình nữa. Thế là xong một cuộc tha hoá.

Con tàu tiếng Việt như vậy có có toa hạng nhất, toa hạng bét. Khi lăn bánh vào lãnh địa cao quý của văn chương, phải cắt toa hạng bét đi chăng? Chắc quý vị nhiều phần tán thành. Văn học sử Việt Nam cho đến giờ phút này cũng triệt để ủng hộ quý vị. Nếu Đỗ Kh. muốn nối toa đen, thì Đỗ Kh. phải viết trọn một bộ văn học sử khác thay vào đó đã. Bằng không, khi nào quý khách hạng nhất muốn giải trí, bằng bài chửi của bà hàng xóm mất gà chẳng hạn, thì sẽ được nghe ở quý bà nào quý ông nào ăn trộm gà nhà tôi thì ra đây xin mời xơi bộ phận sinh dục của tôi đây này, ăn xong đằng mồm thì đại tiện luôn đằng mồm, ăn để mà chết thân phụ của quý vị hay ăn để mà ân ái thân mẫu của quý vị...

Thế là đủ khôi hài để giải trí. Văn chương của chúng ta xem ra không phải chiếc ghế dài trong phòng trình tâm bệnh. Văn chương của chúng ta là hội hoá trang, cho những từ ngữ, những sự vật sự việc và tất cả mọi thứ, tất cả những ai mặc cảm rằng mình xấu đeo thật nhiều mặt nạ để đánh lận con đen. Ta chỉ còn biết cuộc rằng dưới lốt thỏi vàng rất có thể là một mẩu xúc xích, dưới đó nữa rất có thể là củ khoai, dưới đó nữa rất có thể là cục phân, dưới đó nữa rất có thể nguyên vẹn là cục cứt. Song đã là hội hoá trang thì ai đi tìm mặt thật làm gì. Người Việt ưa hội hè. Phải chăng hội hoá trang không có trong truyền thống lễ hội Việt thì lấy văn chương ra làm hội?

Nhưng một thế giới toàn lồn chóng chán thế nào thì toàn vàng cũng thế.

Vậy thì, quý vị hẳn đã rộng lòng với sự hoán chuyển của những thói quen. Chẳng phải dân Việt chỉ trong vòng một thế kỷ này thôi đã bị ném ít nhất bốn năm lần từ một tổng thể thói quen này sang một tổng thể thói quen khác, lần nào cũng tốn kém cả triệu mạng sống và vò nát vài thế hệ, lần nào cũng như một cơn ác mộng khổng lồ hay sao? Chẳng phải chỉ qua một đêm mà cùng một sự vật vừa mới bị phỉ nhổ đấy hốt nhiên được bốc thơm hôn hít sao? Chẳng phải nhiều người trong chúng ta từng bị xua như hủi, bỗng trở về như tiên, rồi rất có thể lại bị đuổi như ma, lại trở về như thánh sống...? Không có gì trên mảnh đất mẹ của ngôn ngữ Việt thọ hơn ba tháng, vậy sao một cái lồn bé xíu phải tục tĩu trọn đời? Không có gì nơi ấy còn một chút thiêng, vậy sao chính là văn chương phải là giáo đường vĩnh cửu? Hay một tổng thể các thói quen dễ thay hơn một thói quen nhỏ? Hay đã không cưỡng được những điên đảo lớn thì tóm chặt những giá trị be bé để xoa dịu lòng?

Song đáng tiếc là mọi điều tôi vừa trình bày có thể lọt lý mà vẫn vướng tình, lý thì ngay mà tình lại gian vậy. Nỗi phân vân của quý vị là có thật. Trước Linda, người ghét đạo đức giả trong quý vị bỗng lên giọng dạy dỗ, người phóng khoáng chịu chơi thấy xấu hổ, người phong trần dạn dĩ yêu cầu một giải thích, người học vấn uyên bác cũng băn khăn hoài. Số người thật sự được thuyết phục đếm trên đầu ngón tay. Đây là hoàn cảnh điển hình cho ta thốt lên câu thần chú: hãy chờ thời gian trả lời!, dù ta biết rõ rằng chính thời gian là kẻ hay nuốt lời hứa, hay quên trả lời nhất.

Tôi không cho rằng một cá nhân trong chúng ta có đủ thẩm quyền giải thích hiện tượng ấy. Như thể lý trí của chúng ta treo lơ lửng ở đầu này chiếc bập bênh, rất cao và rất vô dụng, còn toàn bộ những gì còn lại trong ta thì đè nặng ở đầu kia. Một chiếc bập bênh như bị ma ám.

Hãy lấy một ví dụ về cơ cấu kiểm duyệt: Trong mỗi chúng ta có một tay cảnh sát, được ta đối xử hoàn toàn khác cảnh sát thật ăn lương ngoài đời. Câu: Tôi tin ở mình, thực ra rất nên hiểu là: tôi tin ở gã cảnh sát trong tôi. Gã này đảm nhiệm mọi lãnh vực, là cục phản gián, là ủy ban an ninh quốc gia, là sở kiểm tục, là vụ đặc trách tội phạm nguy hiểm, là phòng an ninh kinh tế..., và không ngần ngại làm cả anh cớm quèn đi tuần nữa. Chúng ta chẳng coi cảnh sát ăn lương ra gì là phải. Tôi xin đánh bạo mở rộng, như chúng ta chê những nhà độc tài chuyên nghiệp, phải chăng cũng vì tên bạo chúa nghiệp dư trong ta đáng mặt hơn?

Văn chương vẫn luôn là địa bàn đi tuần hấp dẫn của gã cớm trong ta. - đó không hiếm khi gã còng tay một ả điếm để được nổi hứng thủ dâm với hạnh kiểm đã lâu không căng cứng của mình.

Thế thì chiếc bập bênh của chúng ta làm sao chuyển động được?

Có một gánh nặng khác cũng lại hùn về phe đã quá nặng của chiếc bập bênh: gánh nặng của tình ruột thịt. Người Việt trọng gia đình và ít sống độc thân nhất thế giới. Văn chương Việt có thể tự hào là được ruột thịt với người

đọc Việt như vậy, tới mức hoà làm một, nếu văn ho thì người đọc uống thuốc ho, văn trần trọc thì người đọc mất ngủ, văn gió mát trăng thanh thì người đọc lâng lâng êm ái, thật đồng điệu và đầy liên lụy. Cho nên chẳng có gì lạ, là chúng ta không có văn chương rùng rợn: trong nhà mà có ma thì gia đình ngay ngáy lo mời thày cúng. Ta đọc văn ma của Bồ Tùng Linh, văn quái của E.A.Poe, vì muốn thế nào họ cũng là người nước ngoài, là khách phương xa ghé chơi, bất quá cũng chỉ như cơn gió độc vào cửa trước ra cửa sau, không dây mơ rễ má gì. Giữa ta và cái văn ma văn quái ngoại quốc ấy có thể có một sự mê, nhưng khoảng cách an toàn giữa đôi bên lớn lắm, không gộp nhau vào làm một, không ràng buộc nhau, không sở hữu nhau. Khác máu tanh lòng là như vậy. Ta cũng không có văn chương tận thế, văn chương đống rác, văn chương tự tử, văn chương cởi truồng, văn chương điên, văn chương đâm chém, văn chương cứt đái, văn chương viễn tưởng, văn chương hải tặc, văn chương rừng rú... Tất cả những sản phẩm nghe đã phát khiếp này rủ nhau vào chiếm khá nhiều chỗ trong kho tàng văn học thế giới. Đấy là điều ta không thông cảm được.

Nhưng thế giới có thể điên, mà quả nhiên là nó rất điên, còn gia đình Việt thì yên ổn. Hoang đàng, phá tán, nổi loạn, mất dạy, nếu có thì chưa kịp nhú đã được người đọc lấy tình cốt nhục mà răn đe. Nếu người đọc mạt sát một bài thơ hư, thì chẳng qua là cha mẹ chửi mắng cho con nên người tử tế. Ta có thể vặn ông hàng xóm: ông là cái gì mà lên giọng dạy tôi? Nhưng không thể vặn cha mẹ mình như vậy. Văn chương Việt là đứa con hiếu thảo, thường bị cha mẹ đánh đau mà không khóc, một hôm bị đánh nhẹ lại oà khóc nức nở, vì thấy cha mẹ thế là đã già yếu không còn đủ sức cầm roi. Văn là đời, hoặc có tham vọng không rời đời, cho nên ta thấm thía vì sao ngoài đời nồi da Việt thường dùng để nấu thịt Việt. Miệng thế gian đã nói rồi: càng thân càng dần cho đau. Yêu cho roi cho vọt. Chỉ tình yêu mới tự cho mình những quyền ghê gớm như thế. Chỉ tình máu mủ mới vượt lên mọi thứ correctness mà nhân danh. Song ta tự vả vào mặt bằng lòng bàn tay thì lại tự xoa bằng mu bàn tay. Tư cách người nhà khiến văn chương Việt bị người đọc Việt nọc ra đánh đòn thế nào thì cũng được xuề xoà chiếu cố và bênh chằm chặp như vậy.

Tình nghĩa của người đọc Việt xem ra đủ để giữ văn chương Việt trong vòng tay chặt của mình, dưới mái nhà bình yên của mình, không thèm thuồng gì những chân trời quái đản. Tình ấy là tình buộc, không phải tình cởi, là tình đè, không phải tình thả nổi, là tình tĩnh của cái gọi là tạng Việt đối lại thứ tình động của ngoại nhân. Cho nên văn chương nào bay ào ào như phi cơ như tàu vũ trụ thì cứ bay và cứ nổ tan tành, văn chương Việt cứ làm con trâu đen màu bùn đất ngoan hiền tận tụy, đã quen bị dắt mũi đóng cọc không màng được thả rông, đã kéo cái gánh nặng của gia đình của tình yêu từ bao đời không buồn ngóc dậy, để- như câu thơ của ai đó bị làng văn đạo mạo chê là dở hơi- làm một con trâu trắng chầm chậm bay lên trời. May ra thì Đỗ Kh.

bị chê là dở hơi vậy.

Cho đến lúc này ta mới thử đi chưa hết một vòng quanh Linda. Muốn đi hết, chí ít phải vượt qua dấu hỏi lớn như chiếc thòng lọng treo ngược: thơ là gì?, thực ra để đi đến cái kết luận, bài *Linda mặt ngang* của Đỗ Kh. có phải là thơ không. Ai quả quyết đấy không phải thơ thì nhổ nước miếng rồi bỏ đi chỗ khác. Như thể chúng ta những Super Mario sau khi vượt qua bao trở ngại, phải lấy được một chiếc chìa khoá nhất định mới lọt vào cửa cuộc hành trình tiếp theo. Chiếc chìa khoá này đương nhiên treo trên giàn lửa, và một quái vật râu ria răng lợi nham nhở không ngừng chạy đi chạy lại canh chừng. Cơ may của Mario nhỏ lắm. Mà giả thử chìa có lấy được, biết đâu tra ngoáy lung tung chẳng ăn thua gì. Thí dụ, ta không thể coi cái công thức thơ = cái đẹp, cũng như ngôn ngữ thơ khác ngôn ngữ ngoài đời là câu trả lời dùng được. Đương nhiên nó đúng, cũng như bảo cá trong những món sushi là một nghệ thuật, là cá nhưng khác cá ngoài đời vậy. Song sushi cá không bắt buộc cho mọi thực đơn. Nghệ thuật ăn cá Hồ Tây ở Hà Nội năm 1996 là nhúng trước nửa đầu một con cá lớn vừa vớt dưới hồ, tuyệt không mổ ruột moi mang, vào chảo dầu thật nóng vài phút, thực khách vừa xơi phần thịt chín vừa thưởng ngoạn phần đuôi cá còn giãy đành đạch trên đĩa. Nếu miếng thịt chín cuối cùng vừa vặn với cái giãy cuối cùng để kịp thời nhúng nốt khúc đuôi vào chảo thì bữa tiệc thành công. Sự cách điệu trong miếng cá Hồ Tây cho ta nhiều cảm xúc về người Hà Nội cuối thế kỷ hai mươi chẳng kém thông điệp của shusi cá về người Nhật.

Vậy thì, chiếc chìa khoá thơ = cái đẹp chỉ có thể dùng được trong trường hợp duy nhất: hãy cho tôi biết quan niệm của bạn về cái đẹp, tôi sẽ bảo bạn là người như thế nào. Lý tưởng thẩm mỹ chung toàn nhân loại đã chết, chậm nhất là cùng một lượt với Thượng Đế. Đấy là một trong những điều chẳng mới mẻ gì mà thỉnh thoảng cứ phải đem ra nhắc, vì ta thích quên nó đi hơn ta tưởng. Đem văn chương nghệ thuật tựa vào một cái *Đẹp* đại đồng thì đổ, như những quốc gia toàn trị đã sụp ngã trên giấc mơ hay là cơn ác mộng nhân loại đại đồng. Nếu nghệ thuật quả thật đồng nghĩa với cái *Đẹp* thì đã từ lâu rồi nó thôi là một ngôi *Nhà Chung* cho mọi người cùng ra vào một cửa. Nỗi sợ mất định hướng là có thật, nhưng còn dễ thở hơn bị định hướng nhiều lần.

Bây giờ đến lượt ngôn ngữ thơ khác ngôn ngữ ngoài đời: công thức này chỉ dùng được nếu chúng ta chịu khó lật tiếp trang sau, để tránh kê toa thuốc nhân sâm cho con bệnh bị đau bụng: ở trang sau là hai chữ tắc tử. Ta lại tự nhủ, rằng quan niệm về *Khác* chí ít cũng trở nên phức tạp không thua gì quan niệm về *Đẹp*. Hai cái vú bề ngoài giống hệt nhau, nếu không được chua thêm là một cái thật, một cái bơm xi li côn, có thể đánh lộn sòng đối với đa số. Nghệ thuật quả nhiên sinh ra để khác với hiện thực. Song - tôi xin dẫn một nhận xét chí lí của Umberto Eco - nghệ thuật và tôn giáo là hai thứ dựa trên hư cấu mà lại vững tin đấy là chân lý, trong khi khoa học dựa trên chất liệu thật thì

luôn tự hoài nghi chất vấn mình. Nếu nghệ thuật là chỗ cho cái *Khác* cặp kè sống chết với cái *Như Thật* và *Thật* thì buông sõng một kết luận ngôn ngữ thơ khác ngôn ngữ ngoài đời chỉ là cách chạy nợ tạm bợ mà thôi. Nó lại càng không thể ngồi ghế chủ toạ chấm giải.

Nhọc lòng chạy rông, tôi xin làm một Mario phá luật chơi, vào thẳng với Linda mặt ngang xem sao.

Linda làm tôi xúc động ngay từ cái mặt ngang của nàng. Nếu nàng mất tích và Đỗ Kh. đi trình cảnh sát thì sở cẩm nhất định sẽ vẽ khống được một chân dung, trông không giống vợ ta ở nhà. Có những thi sĩ tả tỉ mỉ từ ngoài vào trong: mắt em môi em tóc em, màu áo em, mùi hương em, nhịp đập không đều của trái tim em, chiếc bớt nhỏ nơi đùi non bên trái cách thiên đường không xa... Đỗ Kh. không cần nhiều lời như vậy. Rồi tiếp tục dè sẻn, tác giả tiết lộ rằng Linda mặc quần lót rộng. Đồ lót tự chúng là cả một thế giới hiện thực. Hiện thực đó nhảy vào văn chương như mọi hiện thực, không ai cấm được. Song có những tác giả khuân chúng vào tác phẩm như rao hàng cho hãng đồ lót, lại có những tác giả sơ ý bỏ quên trang này một chiếc xú chiêng trang kia một chiếc xì líp như người nội trợ không cẩn trọng mà thôi. Tác giả loại nào thì vào độc giả loại ấy. Chiếc quần lót rộng được nhắc tới một lần duy nhất hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của Đỗ Kh. Nó đã từ bỏ nhiệm vụ chính là làm quần lót. Nó hiện diện để cho chúng ta một cảm xúc, một thông tin, một thông điệp. Cái rộng của chiếc quần lót này làm tôi mủi lòng nhớ tới những chiếc xì líp tự may bằng vải pha ni lông rẻ mạt khi tôi mới lớn ở Bắc Việt, muốn mặc kiểu gì quần và cái ở trong quần cũng lệch pha nhau. Khiến tôi thấy rõ mồn một trước mắt những phụ nữ bán thuốc lá ở Hồ Thuyền Quang, cứ thỉnh thoảng lại theo một khách xích lô lùi vào sau gốc cây lớn làm một quả tàu nhanh, và mắt vẫn canh chừng mẹt thuốc. Quần lót của họ phải là thứ hàng rộng. Quần ngoài của họ cũng rộng và không được phép khoá móc lỉnh kỉnh. Phụ nữ nông thôn Việt không đời nào chi tiền của nửa tạ thóc cho một chiếc quần lót thật là mini thật là ôm khít của hãng Đức Triumph đang khải hoàn ở Sài Gòn, Hà Nội. Vả lại, ở nông thôn Việt, đàn bà vẫn vén quần đái chứ không tụt quần, thế phải dùng hàng rộng. Quần lót, trong câu thơ của Đỗ Kh., không dùng để mặc, để bán, để sưu tầm, để ngửi, để tặng nhau..., mà để cho ai muốn biết thêm một chút về con người được biết. Song tôi cũng thừa nhận rằng, đối với những bộ lạc chỉ đóng khố một kiểu, thì câu thơ kia chẳng thanh chẳng tục, mà vô nghĩa.

Bây giờ tôi thử khảo sát loạt hình ảnh xung quanh cái được gọi là bộ phận sinh dục nữ trong bài. Ta đã biết rằng, tiếng Việt rất gợi cảm, song không rành mạch cho lắm. Những gì quen thuộc mà trực giác nắm bắt được ngay, thì phân biệt cụ thể, chính xác, thậm chí tỉ mỉ khủng khiếp. Thử trình độ một người ngoại quốc học tiếng Việt, chỉ cần yêu cầu người đó đóng bộ rồi lại thay ra là biết: mặc áo, khoác áo, choàng áo, đóng áo, diện áo, lên áo, cởi áo,

thay áo chứ không tháo áo/ quàng khăn, đeo khăn, vắt khăn, thắt khăn, không thể mặc khăn/ xỏ giày, đi giày, chứ mang giày đã là tây hoá/ đeo ba lô chứ không cõng ba lô... Cũng như vậy, ta không cởi mà bóc chuối, không rửa tóc mà gội đầu, không giặt gạo mà vo gạo, ta đóng nắp mà đậy vung, ta khoét, đào, moi, chọc lỗ chứ không tạo ra một cái lỗ...Song tiếng Việt lại tỏ ra xuề xoà dễ tính đến cẩu thả ở khu vực ngược lại: với những gì trừu tượng hoặc khuất mắt. Đỗ Kh. đã không lầm lẫn khi sử dụng ba từ khác nhau: lồn, cửa mình, âm đạo. Quả thật muốn tả chính xác kích thước của bộ phận này, phải nhờ một chút ở từ âm đạo. Nếu cố, có thể dịch thuần Việt là khe lồn. Song từ khe cũng không may mắn lắm, không cho ta hình dung chính xác về cái đạo dẫn sâu vào bên trong mà mắt thường không đo lường được. Không như bộ phận sinh dục của đàn ông, có thế nào thì bày ra thế ấy, ở đàn bà nó đòi phải đi sâu tìm hiểu hơn. Nếu tác giả cố tình tục sao không bê luôn lồn hoặc khe lồn vào đây, mà dùng âm đạo? Vì âm đạo là chuẩn nhất. Cái lý của âm đạo ở đây cũng như cái lý của chữ lồn thứ nhất và chữ lồn thứ hai, và chen vào là một cái cửa mình, tôi sẽ trình bày ở đoạn sau. Song cũng như chiếc quần lót ở trên, nhiệm vụ của âm đạo ở đây là cho ta một thông điệp. Một trong những câu hỏi hành hạ văn chương cổ kim là: lấy cái gì để nói về cái gì? Người tài có thể lấy một cái lông chân để dựng nên thiên hạ. Người tầm thường dùng cả nắm lông cũng không ra ngoài một cái lông. - đây, cái chật của âm đạo Linda, cũng như cái rộng của chiếc quần lót bên trên chứa đựng nhiều thông tin, về Linda, về tác giả, về cõi đời này, và nếu người đọc bắt gặp mình đang trôi vào những liên tưởng nào đó, thì nó hàm chứa cả thông tin về bản thân người đọc nữa. Tôi chẳng hạn, bất giác nhớ lại mẩu đối thoại với một người bạn nổi tiếng trăng hoa. Tôi khuyên anh bạn nên cẩn thận,Việt Nam cũng là ổ aids. Anh bạn đáp rằng, ối dào, lồn chúng nó rộng như quảng trường, cọ vào đâu được mà sợ! Anh bạn không dùng từ âm đạo, song cái mệnh đề sau, với động từ cọ, đã cho biết rằng anh đang nói về cái rộng ở bên trong. Vì sao Linda chật? - động đĩ Batàm mà chật, mà không biết làm mát xa, không biết hôn, không bú, không cho liếm, mà dễ nhột ở những chỗ lẽ ra đã chai lỳ, mà 17 tuổi, mà chẳng buồn nhớ nhà, mà ngồi trang trọng ngày quốc tế lao động!

Tất cả những phác họa rất cô đọng ấy là kết quả không phải chỉ của khiếu quan sát và tái hiện, mà còn là của một rung động vừa ngọt ngào vừa chua xót ở nhân vật xưng tôi, trong đó phần ngọt ngào dịu dàng dần nhường hẳn chỗ cho xót xa bất lực và một thoáng giễu cợt giận dữ. Đỗ Kh. hẳn là không lạ gì sự sáo của những gò bồng đảo với quả tuyết lê. Những thứ này có mặt như để nhắc ta về một thế giới khác mà ta đã biết và đã chán ngấy. Tôi thấy tác giả như chòng chành giữa những thế giới, những hiện thực khác nhau, những cách gọi tên khác nhau. Chữ lồn thứ nhất buột ra một cách bản năng, như thể đặt chân vào khung cảnh Batàm ấy người ta bất giác dùng từ ấy. Nhưng nó như chẳng nỡ, nó không tự chắc nên thử cậy vào bầy khái niệm sáo

rỗng đã biết. Song Linda như thế, Batàm như thế, thì trút nốt sự dịu dàng cuối cùng vào một bàn tay đẹp che lấy cửa mình nhan sắc, để rồi hạ chữ lồn thứ hai thật đàng hoàng và đầy trách nhiệm ở câu kết. Sẽ là phản bội Linda, nếu gọi cái công cụ lao động đó của nàng là cái âm hộ.

Nếu có chút gì tôi không ưng lắm trong bài thơ của Đỗ Kh. thì đấy là hai câu về sự không nứng nổi, như mưa mềm của nhân vật xưng tôi. Theo cảm nhận của tôi hai câu ấy có lẽ không cần thiết. Nó nhấn mạnh một lần nữa rằng, toàn bộ khung cảnh này tác động tới hắn, khách chơi động đĩ, nhân vật xưng tôi, có thể là tác giả, như thế nào. Có thể thật lắm. Song cái thật ấy không trình bày ra thì còn chỗ cho những cái thật không kém khác, chẳng hạn người khách ghé Batàm ấy bỗng bạo dâm thay vì không nứng nổi, bỗng trút nỗi xót xa vào việc dần tan nát Linda, để nàng thành một con điếm như mọi con điếm khác, ít ra để mà sống còn ở Batàm... Con người quả là phức tạp, không ai thậm chí lường được mình trong những tình huống khác thường. Có thể cái gu riêng của tôi không ưa một tí mùi mẫn nào nên cố chẻ hai câu ấy ra tìm chút cải lương chăng? Vậy mà, lẽ ra Đỗ Kh. phải viết hai chục câu như thế, bày tỏ thống thiết hơn nữa tình cảm của mình, chứ đừng xa xôi, đừng kiềm chế như vậy, phải hét to lên, cỡ: Đau đớn thay phận đàn bà!, thì sẽ không ai bảo đó là thơ bậy. Đỗ Kh. đưa người đọc đi Thái Lan mà khước từ nhiều bổn phận hướng dẫn du lịch, đã mang lấy nghiệp cầm bút mà không ngộ ra rằng, trong con voi lớn là văn chương Việt, chữ tài chỉ là cái đuôi đi sau chót. Sờ voi không ai sờ đuôi. Thì sờ Linda không sờ gì?

PHẠM THỊ HOÀI



BÙI THU THỦY

CHÁU LÀ HỌC TRÒ



Thầy giáo dạy toán lớp 10E trường Trần Phú năm ấy là một ông già nhỏ bé gầy guộc với cặp kính cận dày tới 5 di-ốp. Ông dạy tốt nhưng cái vẻ bề ngoài khắc khổ, giản dị và phong cách nghiêm khắc của ông khiến tụi học trò tuy sợ nhưng vẫn muốn trêu ông. Chúng gọi ông là "bố già nhìn đời bằng đáy chai". Giữa hai tiết học, ông thường gỡ cặp kính cận dày cộp của mình để bàn. Những lúc ấy trông ông cô đơn, bé nhỏ làm sao. Tụi học trò vô tư nghịch ngợm không để nhiều thời gian mũi lòng cho ông thầy già. Chúng nó chỉ mong thầy về hưu để được học thầy giáo trẻ hơn mà... chưa vợ thì càng tốt.

Bọn con gái lớp ấy học toán giỏi không kém gì con trai nhưng nghịch ngợm tới mức sau giờ toán thể nào cũng phải gần mười đứa bị ghi tên vào sổ thi đua. Những trang sổ ấy thường bị bọn con gái tẩy xóa hoặc xé đi để phi tang. Bọn con gái ngại ông nhưng vẫn muốn trêu ông một vố.

Một lần sau giờ nghỉ, ông giáo già phát hiện thấy một bên mắt kính trứ danh của mình bị nứt những vệt dài. Ông không điều tra được ai là thủ phạm đã gạt cặp kính ấy xuống đất. Bọn con gái cũng ngậm tăm.

Hai tuần liền ông giáo già lên lớp với cặp kính vỡ. Thỉnh thoảng ông lại gỡ kính ra để lau những giọt nước mắt ứa ra trên đôi mắt già nua. Những lúc đó ông không biết ở cuối lớp có một con bé trán dô đang lặng lẽ theo dõi cử chỉ của thầy. Những vết kính nứt như cứa vào lòng nó. Trên má nó cũng long lanh những giọt nước mắt.

Sau đó ông nghỉ hưu. Thầy giáo trẻ đẹp trai, chưa vợ lên dạy, thay. Tụi

con gái toại nguyện.

Nhưng hình như có một sự thay đổi lớn trong cái lũ con gái nghịch ngợm kia. Con bé trán dô ở cuối lớp - kẻ đầu têu mọi sự quậy phá trong lớp bỗng thuần tính một cách đáng ngờ. Không có kẻ cầm đầu, bọn nữ quái lớp đó cũng hết ra oai. Những tiết toán không còn cái vẻ sôi động vốn có.

Chiều chiều trán dô tách khỏi đám bạn bè. Nó rẽ ngang qua ngôi nhà nhỏ cách trường hai dãy phố. Nó dán mắt qua khe hở ở cổng lén nhìn một ông già bé nhỏ với cặp kính đục lờ đang ngồi trong bóng tối của lá vườn, cặp kính vỡ để trên đầu gối. Nó chăm chú nhìn ông già mà không sợ bị phát hiện vì nó biết ông già ấy không nhìn rõ nếu không có kính: hàng chục lần trán dô muốn đến gần ông già thú nhận chính nó là thủ phạm đã làm vỡ kính của ông. Nhưng trán dô không dám. Nó sợ.

Cuối mùa Xuân năm ấy ông già chuyể nhà đi nơi khác. Từ đó đến nay đã bốn năm rồi nó không gặp lại ông.

Bây giờ cô bé đã là sinh viên năm thứ hai khoa toán trường Tổng Hợp. Nó không còn nghịch ngợm như trước nữa. Nó lớn bổng thành một thiếu nữ xinh đẹp. Mái tóc rủ xuống che đi cái trán dô bướng bỉnh.

Đầu tháng mười năm nay, trán dô đi thăm một người bạn ở ngoại thành. Xuống đến bến xe, cô thấy, một ông già đeo kính đen chống gậy đi trông rất vất vả. Cô chạy ra đỡ ông đi vào trong bóng rợp của nhà xe. Ông già cười hiền lành, run rẩy nói:

- Bác cảm ơn cháu.

Cô gái giật mình. Gioọpng nói ấy gợi cho cô về một nỗi niềm trong quá khứ. Cô nhìn kỹ ông già rồi thốt lên:

- Ôi thầy. Thầu Chung Anh. Thầy có nhận ra em không? Em là Thủy, học sinh lớp 10E của thầy đây.

Ông già ngỡ ngàng quay cặp kính đen về phía cô gái. Giọng ông xúc động:

- Mắt bác không nhìn thấy nữa, nhưng bác vẫn nhận ra cháu. Bác biết cháu là học trò.

Cô gái òa khóc. Cô ôm chầm lấy bàn tay răn reo của thầy giáo cũ, giọng tắc nghẹn:

- Thầy ơi, ngày đó em thật có lỗi với thầy.

Ông già đưa tay vỗ vỗ vào lưng cô gái:

- Đừng khóc. Học trò ai không mắc lỗi. Thầy không giậm em đâu.

Ông không hỏi cô mắc lỗi gì mà chỉ dịu dàng hỏi:

- Nào, kể cho thầy nghe đi, dạo này em làm gì?

- Em là sinh viên khoa toán trường Tổng Hợp. - Thủy nức nở.

- Con gái học toán phải cứng rắn lên chứ. Thế còn các bạn khác?

- Tụi nó cũng thi đỗ đại học hết thầy ạ.

Khuôn mặt người thầy mù bừng sáng:

- Thầy biết, thầy biết. Học trò lớp ấy nghịch ngợm nhưng mặt mũi đứa

nào cũng sáng sủa cả. Các em rồi sẽ thành đạt. Thầy mừng cho các em.

Ô tô đến. Ông thầy nói:

- Tiếc quá, đã đến giờ thầy phải đi rồi.

Thủy cuống quít nói:

- Thầy ơi, ngày đó chính em là người đã làm rơi kính của thầy...

- Không sao, không sao. Thầy cũng không cần đến nó nữa.

Thủy càng khổ tâm. Cô gạn hỏi:

- Thầy ơi. Thầy không giận em thật chứ? Thầy tha thứ cho em thật chứ?

- Thật như những con số vậy em ạ.

Chiếc xe như một gã khổng lồ há miệng nuốt chửng ông già bé nhỏ. Dòng người đông nghẹt nhanh chónh che khuất người thầy giáo cũ của Thủy. Cửa xe khép lại. Thủy đứng trân trên đường. Xe chạy rồi cô mới nhớ ra mình chưa kịp hỏi bay giờ thầy ở đâu. Cô hốt hoảng chạy theo xe. Khói xe phả vào mặt cô mù mịt. Không cách gì làm cho chiếc xe ấy dừng lại. Cô rã rời ngồi phịch xuống vệ đường. Bến xe ầm ĩ và náo nhiệt nhưng Thủy không nghe thấy gì. Nước mắt cô lăn dài trên má. Cô nói thầm: "Biết đến bao giờ em mới gặp lại thầy?"

Vang vang bên tai cô lời dịu dàng của người thầy giáo cũ: "Mắt bác không còn nhìn thấy nữa nhưng bác vẫn nhận ra cháu. Bác biết cháu là học trò."

Cô rùng mình như bị lạnh. Cô gục mặt trên hai gối. Cô thầm nói: "Vâng, em mãi mãi là học trò của thầy như ngày ấy. Thầy ơi!"

BÙI THU THỦY
(Khoa báo Đại Học Tổng Hợp Hà Nội)





TRẦN MỘNG TÚ

nhớ đem theo bông hồng

Những người đàn bà
như những con công đực
khoe màu sắc trên vạt áo
ngắm nghía nữ trang trên người nhau

Những viên đá trên cổ tay
biết rõ công việc mình
hắt lên ánh sáng lấp lánh

Sợi kim tuyến trong thớ vải
gợn những đường sáng ngũ sắc

Những đôi giày cao gót dưới gầm bàn
khoe nhau lớp da bóng loáng

Những người đàn ông cho tay vào túi quần
hất mặt
nói chuyện chính trị văn chương
huyênh hoang những điều
họ không biết gì cả

Có nhà thơ đang giảng cho đám đông nghe
những chữ bí hiểm trong
thơ mình

Có người đang nói lời khen ngợi
với sự khinh miệt trong lòng

Có người bị nghe thơ với nụ cười
gượng trên môi

Có những nhân vật mang trên người
ba bốn chữ "sĩ"
đang đứng trên bục cao
đợi tiếng vỗ tay

Có bông hồng bị bỏ quên góc phòng
đang lặng lẽ
tỏa hương thơm cho chính mình
thưởng thức

Nếu bạn đến đây như một nhà đạo diễn
bạn sẽ tìm đủ nhân vật
cho một vỡ kịch

Thôi
về đi
và nhớ đem theo bông hồng ở góc phòng
đặt nó vào lòng bạn
sau khi vãn hát
tan tuồng

TRẦN MỘNG TÚ



NGUYỄN HƯƠNG

THÁNG SẦU RIÊNG, MÙA BỒ ĐỀ



MỘT

Hằng muốn đi trên một con đường như thế. Bà Tần mẹ Hằng kể hồi trẻ bà có lần theo cậu Hằng lên vùng biên giới Lào trông phu đắp đường. Chắc phải là đường đá. Đường đá cương đập nát, nện vào mặt đất, xanh lạnh, chạy mãi giữa cỏ cao khuất đầu. Lằn ranh giới kẻ đỏ trên địa đồ chìm hút vào cỏ. Chỉ cỏ.

Hằng ở thành phố. Dọc ngang đường tráng nhựa, chằng chịt ngõ hẻm khúc mắc, ổ gà. Quanh năm trời mưa trời nắng. Trừ khi phóng xe, còn thì không có gió. Chỉ tiếng xe nổ máy trong hẻm.

Buổi tối mẹ Hằng biểu:

"Rửa chén lẹ còn tắt đèn đi ngủ."

Hằng quậy xà bông bột, bọt trắng. Chén đũa chạm vào nhau lanh canh. Mấy rẻo hành bợn mỡ nổi lều bều. Hằng nghiêng thau đổ nước. Năm con dán bằng ngón chân cái trôi tuột xuống cống. Trí, tan xác, trôi tuột xuống cống. Có tiếng Thân ho nhà bên, gần gụi. Mùi sầu riêng cuối mùa quanh quẩn.

Mai Sa về.

HAI

Tối chủ nhật hôm Sa về, ăn cơm xong, bà Tần biểu:

"Rửa chén lẹ còn tắt đèn đi ngủ."

Sa phụ Hằng rửa chén. Có tiếng Thân tằng hắng nhà bên. Sa hỏi:

"Không còn nghĩa trang quân đội, anh Trí nằm đâu?"

"Còn gì mà lấy cốt. Thôi rửa chén lẹ còn đi ngủ."

Trí, tan xác trên nóc nhà thờ Quảng Trị năm 72, trôi tuột xuống cống.

Bà Tần ngồi nhà trên nhai trầu, quạt phành phạch, lật bài tứ sắc một mình. Bà gọi:

"Sa ngồi đây với dì. Xe pháo ngựa. Má ở bển khỏe không con? Má nói gởi tiền Dì mua máy giặt. Con Hằng sáng nào bốn giờ sáng cũng phải dậy giặt một thau đồ. Hồi đó mà cha con Hằng tử tế thì tao đâu phải khổ. Mèo mả gà đồng. Tướng sĩ tượng. Đã rồi đi cải tạo cho dì thăm nuôi. Phải hồi đó tao theo ông Biền."

Hằng lay Sa vào ngủ, giăng mùng, bật quạt bàn Trung Quốc có đèn chong. Sa móc gói Max Factor ra đưa cho Hằng. Hằng thử hai thỏi son. Thỏi đỏ bầm trước. Thỏi đỏ tươi sau. Hằng bặm môi. Sa nghẹo đầu ngắm. Hằng cười, tắt đèn nằm xuống cạnh Sa:

"Bữa mẹ chị nằm mơ thấy cá chết, đánh số đề không trúng. Bả sợ điềm gở, đi coi bói."

"Cá chết làm sao?"

"Mẹ thấy mẹ còn trẻ lắm, đứng tựa bờ dậu trông vào nhà ai đó. Thấp thoáng sau cửa là khuôn mặt ông Biền, áo sơ mi trắng, ngó lung ra vườn đêm. Ở giữa hai người là hồ nước tráng men. Cá chết nổi trắng mặt hồ."

Đêm trước Hằng thức khuya ngồi vẽ bồn cá tai tượng môi vều, những cặp môi tươi rói trên thịt cá ươn bủng trắng phếu.

Sa hỏi:

"Chị làm gì?"

"Chị đếm tiền, ghi sổ. Ba trăm ngàn một tháng. Chừng nào em lấy Viễn?"

Hằng nói đều, Sa nghe ù như động cơ máy bay. Nửa đêm chuột phóng rầm rầm trên mặt phản.

BA

Bà Ngát mẹ Viễn biểu:

"Chùm dâu da lát con cầm về ăn. Hồi còn con gái bác thích ăn chua. Thằng Viễn về mê lắm. Ngồi coi nó ăn mà bắt thèm."

Sa rùng mình thấy Viễn bấm lút móng tay út vào lớp vỏ vàng nhạt, khều nhẹ, đưa lên môi.

Bà Ngát nút tuột quả vào miệng. Bà Ngát chân mày lá liễu, mặc đồ bà ba lụa ngà. Bà khoảng tuổi dì Tần.

"Được cái Ba thằng Viễn suốt đời lo cho mẹ con bác. Cái ăn, cái mặc. Ba mươi năm đầm ấm. Con và Viễn định ngày chưa?" Bà Ngát bứt hai quả dâu,

ấn vào tay Sa. "Nóng quá hả con. Ăn chua cho giải nhiệt."

BỐN

Chiều Thứ Hai Quyền bên Công Ty Xây Lắp Số Một mời Sa, bà Ngát, bà Tần, và Hằng đi ăn cá trui ở Thanh Đa. Quyền nói với bà Ngát:

"Viễn nó hào phóng. Các em mê. Cháu không so được bác ạ."

Quyền gọi cô chủ quán:

"Huệ em cho anh con tai tượng năm kí, có khế với chuối xanh. Mắm nêm phải thơm, cho dứa vào." Quyền lên giọng, "Không anh giả lại."

Quyền quay sang Sa:

"Sa ăn có ngon không nhỉ. Sa thử rượu đế xem. Viễn về kỳ nào anh cũng dắt đi ăn cá trui. Đặc sản Nam bộ không ăn phí đấy."

Quyền lật quyển ca-ta-lô của hãng Viễn, Sa cầm về. Trang 67 chạy tít: "Western conveniences with a touch of the opulent East." Bên dưới đề: "Bồn tắm, bồn mặt, bồn cầu. Đá, đồng, men. Rô-bi-nê mạ vàng hình rồng hình cọp. Xứng đáng với người Việt Nam hiện đại."

"Viễn nói chắc chứ Sa? Chỉ giảm giá cho anh có 15 phần trăm thôi à. Gay cho anh đấy. Thế này thì anh cần thêm thời gian." Quyền hạ giọng: "Huệ này, thằng Bồ Đề đâu, bảo nó mai lên, anh có việc giao."

Con tai tượng năm kí nằm sóng ra giữa bàn. Quyền gợt da gắp bỏ vào chén bà Ngát.

Bà Ngát ngồi nhìn miếng cá trong chén.

Cá nướng trui ngày xưa có lần anh Biền đãi bạn. Anh nói đầu cá lóc tôi chỉ đập một lần. Cá chết không dẫy. Thịt cá cuốn bánh tráng có mùi khế. Trong chiến khu, lúc thiếu ăn, anh Thà, anh Hiếu tần mần nhắc món mắm nêm cá lóc của anh Biền.

Bà Tần bỉu môi:

"Chờ ảnh về trui cá cho ăn chắc."

"Ông Biền chết rồi."

Bà Tần nuốt ngụm bia hơi. Tai bà hơi ù:

"Không. Ảnh ra bưng rồi đi tập kết. Tôi mất liên lạc."

"Anh Biền chết từ năm 46."

Bà Tần cắm cúi cuốn. Khoanh chuối chát gẫy ba. Giọng bà Ngát nhỏ lại:

"Ảnh trốn Tây ngoài cù lao Rừng Sát. Tôi đi bộ từ phía Vũng Tàu. Nửa đêm thì tới. Anh Thà chèo thuyền cho tôi. Đêm chòng chành. Anh Biền ơi. Ngọn đèn bão lập lòe. Tiếng tôi dội lại giữa ngôi đình đổ. Bầy dơi rít lên bay túa ra đêm. Anh Thà giơ cao ngọn đèn bão. Anh Biền máu chảy đọng vũng từ màng tang bên trái. Anh Biền mắt mở."

"Tại sao bây giờ mày còn gạt tao hả Ngát?"

"Năm 46, tôi bỏ anh Biền khô khẩn, tan rữa vào sàn gạch tàu long lở, lúc trời gần ửng sáng. Năm 46, tao nhờ người tìm mày. Không ai lấy xác anh Biền về chôn. Anh Thà nói Tây rình."

Lát khế năm cánh vàng nhạt, ứa nước giữa lòng bàn tay Tần. Anh cho em ngôi sao nè Tần. Mai mốt hết giặc lấy anh làm chồng. Không. Biết chừng nào hết giặc. Anh đừng làm khổ tôi. Ngát giao liên đó, sẵn sàng tiêu thổ theo anh. Đi mà lấy cổ.

Lát Khế năm cánh vàng nhạt ứa nước. Con tai tượng mắt mở phẳng lì.

Trời tối. Cô chủ quán bật đèn xanh đỏ. Quyền gọi thêm rượu đế, uống một mình. Mấy cô phục vụ mặc áo cánh ngồi trong góc, cười với Quyền. Gió sông lùa vào mát rượi. Trăng soi dài một vệt trên sông, trông như Con Đường Sáng. Hằng nghĩ mình có thể phải đi rất lâu trên đó, một con đường như thế, trong bóng đêm. Chỉ đêm và đèn màu lập lòe quán nước Việt Nam, cuối thế kỷ.

Quyền hỏi:

"Chị Hằng chắc có cháu lớn rồi nhỉ?"

Hằng ngó ra sông:

"Chưa anh ạ."

"Anh ấy đâu sao không đi cùng?"

Sa bảo:

"Anh Trí chết năm 72. Chưa kịp cưới. Không có xác. Bây giờ không có mồ."

Quyền nói:

"Vảng, bạn anh, cũng chết năm 72. Mất xác trên Trường Sơn. Hắn ở sát bên nhà, lớn hơn anh Năm tuổi. Hắn bày anh ngồi cầu thang ôm đàn chờ cái Trâm mỗi đêm xách nước lên tầng ba.

Sa hỏi:

"Người chết mất xác thì về đâu?

Quyền nói:

"Bây giờ anh vẫn chưa biết đàn. Thằng khỉ gió, nó dấu nghề. Nó chết cái Trâm đêm nào cũng vừa đong nước vừa sụt sịt, mãi đến hết năm 72, Ních Xơn thả bom Hà Nội mới thôi."

Sa hỏi:

"Chị Hằng, anh Thân có đàn không?"

Hằng cười. Thân xưa cùng đơn vị với Trí, bị mất con mắt phải. Bây giờ Thân ở cạnh nhà Hằng, chết vợ, có con gái mười lăm tuổi tên Hà.

NĂM

Sáng Thứ Tư, Hằng ra nổ máy xe. Sa ngồi sau. Hà ngồi giữa. Hằng nói

Hà còn con nít, chở ba cảnh sát không thổi. Tiếng máy xe dội lại trong hẻm.
Đến nơi, Hằng dắt xe đi gởi. Sa dẫn Hà vào phòng nạo kế hoạch chờ phiên. Hằng đến ghi vào sổ: Nguyễn thị Bé Hai, 16 tuổi, nhà đường Nguyễn thị Sáu.
Đến lượt Hà, cô y tá hỏi:
"Mới bây lớn, làm sao mà để có bầu?"
Hà quay sang Sa, lầm bầm:
"Ừ thì sao."
Hà leo lên bàn khám. Cô y tá tay thọc vào người Hà, tay ấn bụng:
"Thai lớn, phải nạo. Đau đó. Thuốc tê thì làm trong giờ, năm chục ngàn. Gây mê phải ngoài giờ, một trăm năm chục ngàn."
Bốn giờ chiều Sa đến đóng tiền. Hành lang Kế Hoạch Gia Đình như nhóm chợ. Bác sĩ đến duyệt hồ sơ. Bác sĩ mặc áo xanh trời nhạt, cao giọng hỏi: Có cô nào đau tim đau phổi gì không? Bác sĩ khám theo phiếu thứ tự, giục: Cởi quần ra, lẹ.
Ba chục bệnh nhân sang cánh nạo. Chân rửa sạch, giày dép để ngoài với thân nhân.
Hằng và Sa ngồi chờ. Mỗi mươi phút có một người đàn bà được đẩy ra, quần bết máu. Lúc Hà sang phòng hồi sinh, trời nhá nhem tối. Con bé nằm cùng giường Hà vừa tỉnh đã co người rên. Sa xoa dầu khắp người Hà. Da Hà non ửng. Hằng nhúng nước khăn đắp lên trán Hà. Lúc vừa tỉnh, Hà còn ư ử. Lát sau, Hà chỉ mím môi. Sa hỏi:
"Có đau lắm không?"
Hà gằn:
"Thằng lông mi dài, 17 tuổi, con nhà giàu. Nó đòi nói má đi cưới cháu. Mà tội gì?"
Đường về Hằng chạy chậm. Đèn xe chao đảo. Hà hét trong gió:
"Cháu muốn bơi lộn giữa biển. Như cá."

SÁU

Chiều thứ bảy, Quyền mang xe cơ quan có tài xế đến rủ cả nhà Sa đi Vũng Tàu. Bà Tần nói ở giữ nhà. Sa xúi Hằng rủ Thân và bé Hà đi cùng.
Có chặng xe dằn xốc, Hà ôm bụng. Hằng loay hoay tìm chai dầu xanh. Thân ngó lơ ra ruộng muối trắng xác bên đường.
Đến nơi, nắng bắt đầu tắt. Mấy khúc đường nhựa nhá nhem, dậy bụi cát. Cả bọn đến ở nhà nghỉ mát mới xây của tên Dầu Khí bạn Quyền. Tiện nghi như mẫu mã trong ca-ta-lô của Viễn.
Quyền cho gọi thức ăn. Xong khui rượu mời Thân. Sa xích ghế ngồi dựa tường nhìn ra đường cái. Đèn đường mù mù. Dế kêu cồn cào, ra rả. Đêm hâm hấp nóng. Hà ra ngoài. Sa đứng dậy theo, Quyền kéo lại nói:

"Sa giúp anh một tay."

Vào bếp, Quyền nói nhỏ:

"Để chị Hằng anh Thân có chút thì giờ, Sa nhỉ?"

Quyền chuyền chén đũa cho Sa rửa, nhón nửa con còng rang muối còn lại trên dĩa cho vào miệng. Quyền áp người vào lưng Sa, nhai còng rào rạo. Quyền vòng tay qua người Sa, mân mê hai bàn tay Sa dưới rô-bi-nê mạ vàng nước chảy. Môi Quyền chạy theo tai Sa xuống cổ. Lần vải sau lưng Sa hâm hấp, dính vào da. Sa đứng yên nhìn nước rửa trôi từng mảng bọt xà bông trắng, rồi lách vai bỏ lên nhà trên. Hằng thấy Sa, kêu:

"Lại ngồi với chị. Anh Thân đang kể chuyện hành quân qua rừng mai."

Thân kể:

"Chiều cao nguyên yên lặng lắm. Bọn anh không dám nói gì. Mùi hoa lan theo, không dứt."

Hằng cười, bảo nghe giống nhạc Duy Khánh. Sa uống rượu, hỏi:

"Anh Thân, mình nhìn ngược vào họng súng thấy gì?"

Thân nói:

"Tối om thôi."

Quyền kéo cả bọn đi tắm biển đêm ở Bãi Sau. Mấy cô bán cà-phê-ôm dài theo đường Hoàng Hoa Thám đứng hát: "Sáu mươi năm làm gà..." Đèn xanh đỏ chớp tắt trong vườn xoài, vườn mận.

Quyền với Thân cầm đèn bấm đi moi còng. Cả hai loay hoay trên cát, dí đèn xuống lỗ săm soi, đào còng bỏ vào cái xô nhựa màu đỏ Quyền xách theo.

Bé Hà chạy dài theo mé nước một mình, đá nước tung tóe. Quyền gọi Sa đến xem còng. Sa lảng đi, đòi xuống tắm. Quyền bảo: Chờ anh một lát.

Sa kéo Hằng xuống nước. Hằng kêu:

"Coi chừng đạp phải dầu thô."

Những vệt dầu loang loáng, nhèm nhẹp dưới chân Sa. Không biết dầu này có bắt lửa không? Sa tưởng tượng mình có một que diêm.

Nước tới ngực, Hằng ngả ngửa ra thả nổi, cười:

"Phải hồi có con với Trí, bây giờ nó lớn, ngủ được với trai rồi đó. Như bé Hà."

Sa xoa bụng Hằng. Trời đầy sao. Hằng trông dải ngân hà giống đường đá cương xanh, chạy mãi vào đêm, sáng rỡ.

Sa không bơi, đi ra sâu đến cổ. Nước mơn man không bờ. Ngoài khơi là dàn khoan Thanh Long Bạch Hổ, là tầu chở dầu, là ống dẫn khí đốt. Phải bao nhiêu triệu năm sức ép, những lớp thịt xương, cỏ cây mục rữa mới thành viễn ảnh rồng hổ cho đất nước của Quyền. Máu ông Biền và xác cá của dì Tần, thịt xương của Trí của Vảng, cánh hoa mai và con mắt phải của Thân, bào thai của bé Hà và con cái chị Hằng sau này nữa.

Sa tưởng tượng mình có một que diêm khô. Tia lửa xẹt nở trong đêm như nụ bông ngọc lan thơm ngát trước hàng ba nhà Sa, chỗ ông cảnh sát mới ra

trường bị nhảy dù đá văng con mắt trái trên nền gạch tàu, ở thành phố này, giữa hai quả đồi Núi Lớn Núi Nhỏ, hai mươi mấy năm về trước.

Vết dầu lan mãi, theo ống dẫn vào lục địa, theo tàu trôi trên mặt biển. Biển của trái đất chảy vào nhau: Thái Bình, Đại Tây, Ấn Độ, vân vân. Ở thành phố này, giữa đêm nhiệt đới, biển có thể bắt lửa, sáng rực. Lửa ngùn ngụt khói đen, táp rát mặt, bỏng môi. Lửa chạy vào lục địa, lửa chạy trên biển khơi. Lửa sẽ đốt hết đêm ngày trên mặt đất.

Sa nghe tiếng Quyền nhai còng rào rạo nóng bên tai, tiếng dì Tần lầm bầm rửa chén lẹ còn tắt đèn đi ngủ, tiếng bé Hà cười như trăng vỡ. Nước ấm. Biển không cùng. Tối om.

BẢY

Quyền giới thiệu Hằng cho Kỷ. Kỷ giới thiệu Hằng vào tổ hoạt hình. Kỷ nói:

"Chị Hằng mà cho ra một Đôrêmôn Việt Nam là bọn mình phất."

5 tháng đầu Hằng vẽ bé Hà 10 tuổi, trong túi có vua Quang Trung bé tí xíu, bằng ngón tay út. Bé Hà nghỉ hè đi đâu cũng mang theo. Quang Trung thò đầu, bám vào mép túi áo vải lấm tấm hoa màu cà. Quang Trung hỏi đủ thứ. Quang Trung chưa xóa mù quốc ngữ. Hà phải đọc lung tung: "Quyết tâm lập thành tích hiện đại hóa công nghiệp hóa đất nước xây dựng xã hội công bằng văn minh tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc." À, cái này cũng giống sự nghiệp ta bỏ dở. Mưa Đàng Trong như vất đá vào mặt. Mấy cánh phượng đỏ lét trôi tuồn tuột xuống cống. Chơi trò điện tử Mortal Combat, à, thì chém đầu nó như vầy, máu phọt ra như vầy. Quang Trung nói cái này thì dễ, làm được. Hồi Nguyễn Nhạc chỉ bao nhiêu ngày mà chém tất bọn Tàu, xô sông. Dân Gia Định gớm không uống nước sông, không ăn cá tôm cả tháng. Hà đem Quang Trung bỏ vào hộp quẹt, đóng chặt, xong đem chôn giữa kẹt xi-măng dưới gốc cây trứng cá đầu hẻm.

Sách Hằng bán không được. Chương trình hoạt hình trên màn hình con nít người lớn đều không coi. Kỷ cằn nhằn nhu thế này thì công ty cóc có hy vọng cổ phần hóa.

5 tháng sau Hằng vẽ Astroboy và nhà bác học Taylor năm 2001. Taylor ăn lương nhà nước, thống kê và điều tra nguyên nhân tạo ra các thành phần tội phạm: giết người cướp giật, băng đảng bảo vệ sòng bạc phân phối ma túy, gái mại dâm, băng cao tốc, bọn mê tín, bọn phản động.

Astroboy ra định kỳ mỗi tuần một truyện hình trừ gian diệt bạo giá mười nghìn, và trên màn hình mỗi thứ Ba, lúc bảy giờ ba mươi tối. Dân quan, con nít người lớn nhốn nháo chờ, quên cả số đề. Xưởng phim Thiên Niên Kỷ đến cơ quan Hằng ký hợp đồng một trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam cho kịch

bản "Astroboy - Hậu Apocalypse."

Hằng siết lưng Thân: Sống rồi, anh ơi.

Hằng cho bác học Taylor ra công chế tạo cho Astroboy hóa thân thành người. Băng đảng cao tốc Bồ Đề mang súng bá cẩn xa cừ, tóc bồng bềnh chải ngược, theo săn Taylor ráo riết. Trên không có máy bay lên thẳng của cảnh sát Săn Bắt Cướp SBC, dưới đất có đội cơ động đi xe bọc sắt. Astroboy quần nhau với bọn Bồ Đề.

Băng Bồ Đề tóm cổ Taylor. Bắt quì dưới chân tượng Trần Hưng Đạo ngoài bến Bạch Đằng. Gã đầu xỏ Bồ Đề rút súng bá cẩn xa cừ, bóp cò vào đầu Taylor kiểu Nguyễn Ngọc Loan bắn Việt Cộng hồi thế kỷ trước. Hắn ngửa mặt gào:

"Thượng Đế đã chết."

Lúc đó là cuối tháng sầu riêng năm 2001. Mưa tuôn từng sợi.

Từ máy bay, cảnh sát SBC nhả đạn. Gã Bồ Đề ngã ngửa xuống bùn như thập giá.

Astroboy vĩnh viễn không hóa người. Astroboy, băng Bồ Đề, và SBC chia phe bảo vệ các ông lớn.

Kịch bản của Hằng đáng giá. Ở cơ quan, mặt ai cũng tươi tỉnh.

TÁM

Tối hôm Hằng hoàn tất kịch bản, Thân, Hằng và bé Hà chở nhau đi ăn chè ngoài bến Bạch Đằng. Sông Sài Gòn không còn cá. Sóng vỗ nhẹ. Đèn nê-ông xanh đỏ trên bảng hiệu Samsung, Toshiba, sáng loáng mặt sông Việt Nam, cuối thế kỷ. Hằng tìm tay Thân dưới gầm bàn, siết nhẹ. Mùi sầu riêng đầu mùa nưng nức.

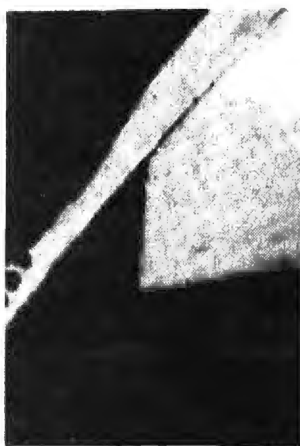
Hôm Sa chết đuối đến nay là mười tháng hai mươi chín ngày.

NGUYỄN HƯƠNG



BÙI HOÀNG VỊ

PHÒNG BỐN GIƯỜNG



Tôi nghĩ, cuối cùng, anh ấy đã rơi hẳn vào một dạng tồn tại vô nghĩa kinh khủng. Điều này suốt bao năm qua tôi vẫn sợ, và ngay cả khi nó đến tôi cũng chẳng muốn nhận ra. Tôi chỉ buộc phải nhận ra gần đây thôi, tình trạng của anh ấy hôm nay nên được hiểu như là một cái gì tất yếu.

Ban đầu, anh ấy cũng không dễ chấp nhận cái biên giới này của tồn tại đâu. (Mà có ai đã dễ chấp nhận nó, dù thái độ mỗi người một khác? Anh ấy cũng thế thôi) Vâng, anh ấy đã sửng sốt quá đỗi; bất bình nữa, khi nghe bảo, anh chẳng bị thương ở đâu cả, cũng chẳng đau yếu gì hết, chỉ có mỗi một sự kiện vô cùng đơn giản mà vô cùng khó hiểu, ấy là anh không thể sống nữa, và phải nằm đây chờ.

Thế, dễ cũng đã hơn ba tháng (hay cứ nói, hơn ba thế kỷ rồi, cũng chẳng có gì là khó tin) anh ấy nằm chờ ở đây, trong một góc phòng này của bệnh viện. Ngoài anh còn ba người khác: Một bà cụ thật đẹp lão, một ông cụ cũng đẹp lão nhưng kém hơn, và một thanh niên. Cả bốn người đều trắng: giường, drap, chăn gối, và quần áo. Cả bốn người đều không ăn uống, cũng chẳng bài tiết gì hết: Tất cả những việc đó được thực hiện nhờ những ống dẫn bằng nylon qua các khiếu trên cơ thể. Cũng không cả hít thở: Đã có những bình lớn đựng oxy ở ngay cạnh giường. Ngoài ra, còn thường trực một chai sérum, thong thả nhỏ giọt vào vein tay phải, và một chai máu - tay trái. (Cả thảy là bao nhiêu ống dẫn nhỉ? Thật dị dạng!)

Bà cụ đẹp lão kia nhất định sẽ thành tiên, một khi hồn lìa khỏi xác, tôi

dám đánh cuộc thế. Nhưng bây giờ thì chưa: Hai mắt cứ mở to, lặng lẽ nhìn ra bầu trời ban đêm ngoài cửa sổ, thỉnh thoảng lại thều thào: Đỏ, hay: Vàng. Ấy hẳn bên ngoài kia, một cái sao băng, hoặc, cũng rất có thể, một thiên thần, vừa bay vụt qua.

Ông cụ, cũng đẹp lão nhưng kém hơn, thì không một lời, mặc dù hai mắt cũng thao láo và cố nhiên là nom thấy tất. Không, ông ấy cũng chẳng buồn cả nháy mắt nữa, dẫu cho các thiên thể nọ có lao thẳng vào căn phòng này. Ông cụ có vẻ từng trải lắm rồi; rõ ràng trên đời chỉ còn mỗi một điều thôi, mà ông đang chờ đợi thể nghiệm, ngoài ra, đừng hòng chia trí ông bởi bất cứ lẽ gì khác.

Còn lại cậu thanh niên, trước sau mắt vẫn nhắm nghiền, nom hệt như chết rồi. Có một vệt đỏ tươi vẫn lấp loáng chảy từ mắt xuống thái dương cậu. Máu ư? Hay nước mắt?

*

Tôi (từ đầu vẫn ngồi đằng cuối giường bệnh, cạnh con gái) đã bảo, cái giá người ta phải trả cho những trò hề không thể lường được. Thoạt, anh ấy có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì. Con gái tôi cũng thế, không hiểu mấy; nói chuyện với mẹ, nó cứ hỏi suốt.

- Trò gì, hả mẹ?

- Trò hề, con ạ.

Một cô điều dưỡng nhún nhẩy đi vào phòng, ngón trỏ duyên dáng đặt lên môi, khẽ suỵt, đoạn đến bên một trong bốn cái giường, khéo léo lấy nhiệt, lấy mạch, thay kim, thay ống dẫn, hay là một cái gì đấy tương tự, xong, nhún nhẩy đi trở ra, không quên dặn tôi: Khi nào chai tiểu đầy, nhớ thay cho ông nhà, và, với con gái tôi: Đừng nói lớn nhé. Chỉ những lúc ấy, con bé mới sực nhớ đến và chúi mũi vào đống sách vở với cái cặp nó đem vào, để ngay dưới chân giường anh ấy nằm. (Nó đang dợt ôn thi chuyển cấp) Dù sao, chỉ một lát đã ngửng phắt lên:

- Mẹ bảo, trò gì cơ?

- Trò hề, con ạ?

*

Tôi vẫn ngờ, lầm lẫn lớn nhất của chúng tôi đã phạm phải là lấy nhau. Anh ấy chả hạnh phúc. Tôi cũng thế. Từ lâu lắm rồi, anh ấy đã được xem như là mất phản xạ.

Trong suốt một thời gian dài, chúng tôi hầu như không còn gì để trao đổi. Sự im lặng của anh ấy là điểm khiến tôi khó chịu nhất. Và tôi e, bây giờ, anh ấy cũng sẽ chẳng chối lắm đâu, nếu có ai cho rằng những ngày nằm ở đây, như thế này, mà lại hóa hay, vâng chứ đến như ngay trước hôm phải nhập

viện, tôi còn hòng làm anh mở miệng: Kẻ sĩ các anh hôm nay thật buồn. Cầm bút, đôi khi cầm phấn, rao giảng những chân lý đóng hộp, mà em ngờ đã từ lâu thiu thối rồi. Lắm lúc ồn ào về một chuyện gì, giả vờ như quan trọng lắm, lắm lúc lại im ắng, giả vờ như đang trầm mặc ghê gớm, song câu hỏi lớn nhất thì vẫn chẳng bao giờ dám động đến, thậm chí còn làm như không hề có. Cũng lại giả vờ, đúng không? Thật buồn. Rất có thể ngày mai anh sẽ được mời vào chân chính thức của một hội nào đấy. - Hội Cầm Bút? hay Hội Cầm Phấn? - được công nhận, được khẳng định, khen thưởng nữa. Nhưng mà em nghĩ, có lẽ một con vượn nào đấy, trên đà tiến hóa tất yếu của nó, cũng sẽ đảm đương được cái trò ấy, hay một người máy bất kỳ nào, trong tương lai, cũng sẽ thừa khả năng thay thế tốt hơn anh, vâng, nếu anh không thể tự trả lời cái câu hỏi này: "Tồn tại thế để làm gì?" hay: "Có thể nào làm khác đi không?" Mỗi người được tặng cho một trăm năm để kịp làm cái việc ấy, trước khi nhắm mắt; hắn có thể làm, và có thể làm sai, nhưng nếu khước từ, thì tốt hơn, hắn đừng tự nhận là con người nữa.

Dù thế nào, tôi vẫn thất bại: Anh ấy chẳng bảo sao cả. Thật đấy, từ lâu lắm rồi, anh ấy đã được xem như là mất phản xạ.

*

- Con không hiểu gì hết. Con gái tôi bảo.

- Con hãy mở mắt ra mà xem, ba cái giường kia kìa, - ba người đang nằm đấy. Họ là những con người, thật như đáng gọi, con hãy nhớ thế - những vai chính diện hiếm hoi, mà hôm nay thì nằm cả ở chỗ này. Đấy, cái giá người ta phải trả cho một trò hề đấy.

- Nhưng trò nào chứ, hả mẹ?

- Trò Bộ Quần Áo Mới Của Đức Vua.

- A, thế thì con biết. Chuyện ở tận bên Tây, xứ sở của ông tiên Andersen, phải không mẹ?

- Phải, nhưng không đơn giản như con hiểu đâu. Ngày trước bố mẹ cũng đã từng ở đấy: Một xứ sở vĩ đại, con biết không, ở đấy người ta chơi những trò vĩ đại, mà nhất là trò Bộ Quần Áo Mới này, cứ được tổ chức suốt, trong những Hí Viện Ảo Dị, vào mỗi mùa Festival hàng năm dành cho kịch và tuồng. Của đáng tội, lịch sử sân khấu đến giờ vẫn chưa đào đâu ra được một trò hơn thế. Cố nhiên không kể đến trò Đóng Đinh Giê- Xu - Gia Tô, hay trò Người Ta Chỉ Đọc Một Quyển Sách, mà ở đâu và thời nào cũng thật ăn khách. Phải, không kể làm gì đến hai trò ấy; chỉ riêng một trò này cũng đã quá đủ rồi. Người ta bảo, ấy là trò vĩ đại nhất trong các trò vĩ đại. Nhưng mà, con hiểu không, cái giá phải trả cho nó thì không thể lường được đâu. Thật, chưa có trò nào làm lãng phí và kiệt quệ của cải lẫn con người cho bằng: Nó quần tụ hẳn một đám 90% là thiếu trí năng, còn lại 10% là kém lương tri, hay

vô sỉ thì cũng thế, - một đám quần thần tranh ăn và tranh nịnh, một đám công hầu khanh tướng vênh váo, háo danh và trục lợi một cách thô thiển, - tất cả đều xúm xít vào đấy, om xòm tâng bốc cái bộ cánh vô hình mà hai tên đại bịp nó khoác lên mình vua. Còn Đức Vua ấy à? Chẳng phải nói, bao giờ ông ấy cũng nghèo thông minh và thẩm mỹ đến lộ liễu.

- Nhưng rồi sau thì sao, hả mẹ?

- Sao ấy à? Khán giả bị cuốn hút đến nỗi chẳng mấy chốc tham gia luôn cả vào đấy. Cả rạp thoắt một cái biến thành sân khấu, và chỉ kết thúc khi mọi thứ đã tan tành thành một bãi vô hình thù, chả còn ai biết phải gọi là cái gì nữa.

- Ồ, thế thì tuyệt thật đấy, mẹ ạ. Ước gì con được đi xem. Cặp mắt con bé nom mới long lanh chứ. Rõ ràng, lần này tôi cũng lại thất bại, đúng không? Tôi giận kinh khủng.

- Con sẽ không bao giờ đi xem một trò như thế. Tôi bảo nó.

- Không sao đâu mẹ, con sẽ chỉ đứng ngoài cửa rạp. Nó cũng ghê lắm, làm như cái Hí Viện kia ở ngay đâu đây ấy.

-Không ai lại đứng ở cửa rạp. Tôi suýt hét lên. Không ai cho phép mày thế cả. Mẹ bảo trước, với cái trò ấy, khốn cho đứa nào hòng đứng ngoài. Thật đấy, con cứ trông ba cái giường kia hẵng. Phải, chính họ đấy, họ cũng đã từng ở cái xứ sở ấy, từng dại dột đi xem cái trò hề ấy, mà lại không chịu a dua vào. Bà cụ, con biết không, dạo ấy còn trẻ hơn bây giờ nhiều cơ, ngay từ đầu đã bảo: Lại trò bịp đấy. Trên đời này chả làm gì có một thứ vải như thế. Quân ấy nó bịp đấy, các người ạ. Thật, chẳng hiểu nên bảo bà cụ là can đảm hay rồ dại nữa, nhưng mà chắc một điều là không gì có thể được xem xúc phạm hơn thế, đối với cái đám đông kiêu căng ấy. Rõ ràng là bà cụ đã vi phạm luật chơi, và hậu quả, như hôm nay con thấy đấy, thật khắc nghiệt.

- Nhưng mà... Con bé dậm chân. Nó còn là một đứa rất bướng.

- Con không tin, thì hỏi bố.

- Thế còn ông cụ? Cố nhiên, óc tò mò của nó lại là chuyện khác, tôi biết.

- Ông cụ ư? Ngày ấy còn tráng kiện nhiều, con ạ, nhưng số phận thì cũng chẳng khá gì hơn: Đang giữa buổi, chả cần như người ta, viện cớ đi tiểu đi giải gì cả, cứ việc nghiễm nhiên đứng phắt lên, đòi về: Lão chẳng trông thấy gì sất. Chẳng có vải vóc gì ở cái khung cửi ấy sất. Xúm cả lại đấy xem, đạp cả vào nhau, để làm gì mới được kia? Ồ, con không biết, cái đám quần thần vô lại ở đấy nó phẫn nộ mới khiếp chứ. Dễ thường có bị ai nhổ nước bọt vào mặt, xem ra họ còn dễ chịu hơn. Mẹ cứ tưởng ông cụ ít nhất cũng phải tan thành tro bụi rồi ấy. Ai ngờ còn được đến giờ, thật chỉ có phép lạ.

- Khổ thân. Cầu Chúa phù hộ cho ông ấy. Lúc này, có thể tin là nó nghiêm túc đấy... Còn người thứ ba này thì sao, hả mẹ?

- Ai? Cậu thanh niên này ư? À, phải rồi, nhưng dạo ấy chỉ là một thằng bé thôi, phải bố mẹ dắt đi kia.

- Cậu ấy cũng đòi về chứ?

- Không, con ạ. Có điều đến chỗ đám rước, thì lại... A, mà nhất định con có biết cậu ta. Phải!

- Con? Mẹ bảo sao?

- Chứ sao? Con đã đọc cái chuyện ấy của Andersen nhiều lần rồi, đúng không? Đoạn kể thằng bé, con nhớ không?

- Thằng bé nào? Ờ... À, phải, con nhớ ra rồi: Đến chỗ đám rước, có thằng bé bỗng kêu lên: Kìa, Đức Vua ở truồng! phải không mẹ? Nhưng chả lẽ chính là cậu ấy? Thế người ta cũng...?

- Không, chẳng ai làm gì nhiều hết; cậu ấy còn bé. Có điều đủ cho cậu ấy chết khiếp đi.

- Nhưng sao mắt cậu ấy lại thế? Cậu ấy làm con sợ.

- Đấy là nước mắt, con ạ. Đôi khi đỏ, vì có máu.

- Nhưng sao lại thế?

- Mẹ không biết. Mẹ chỉ lạ là sao lại gặp ở đây. Rõ quả đất tròn.

Con bé im một lát.

- Còn bố, hả mẹ?

Nhưng tôi không trả lời.

*

Ban nãy có một cái sao băng qua cửa sổ. Mầu xanh, (Nhưng bà cụ đẹp lão kia lại thều thào: Đỏ!) Chẳng hiểu ấy là linh hồn của ai trong số những kẻ đang nằm chờ trong cái bệnh viện này. Nhưng chắc chắn nó không phải là của anh ấy; nếu của anh, anh ấy tin, phải là màu hổ phách, hoặc màu xanh lục. (Tôi cũng tin thế) Tôi đã không trỏ cái sao cho con gái. Không kịp, vả, tôi không muốn nó chia trí.

Con bé đã lại chúi mũi vào đống sách vở với cái cặp. (Thế nào nó cũng cần qua cho bằng được đợt thi chuyển cấp này, phải không?) Nó thật ngây ngô. Tôi nghĩ, vừa rồi, chắc nó tin cái chuyện kia là thật. Không, tôi không bảo cái trò Bộ Quần Áo Mới mà trên đời ai cũng biết cả rồi; tôi chỉ muốn nói đến những thứ còn lại ấy. Anh hẳn cho tôi là quá quắt, thật đấy. Bình thường anh ấy vẫn không thể hiểu, những chuyện như thế tôi đã học được ở đâu. Tôi chẳng thà nghiền ngẫm tất cả những món bị thiên hạ hôm nay phế thải, những món bị bán ký, bán đại hạ giá, hay bán đổ bán tháo. Chỉ những thứ ấy là còn trông cậy được, còn hy vọng đem lại một chút gì dinh dưỡng, một câu trả lời. Mà những thứ ấy thì chả bao giờ hòng có trong những thư viện, những hàn lâm viện của anh, đúng không?

Dù sao, anh ấy cũng không mở miệng đâu, tôi biết. Ngay cả nếu tôi có trả lời câu hỏi ban nãy của con bé, rằng: Bố chơi trò kẻ sĩ đi nữa, cũng vậy thôi. Anh ấy đã trung thành với cái vai sắm sửa suốt ngần ấy năm, thì đến giờ, có

lý do gì lại phản bội? Nhất là trong tình huống này, khi mà sự im lặng chẳng những được phép mà lại còn tối cần thiết? Vâng, anh ấy không thể không biết điều ấy. Bởi thế, tôi bắt đầu ngờ rằng, cuối cùng, anh ấy đã tìm được cho mình một dạng tồn tại thích hợp hơn cả, mặc dầu đối với kẻ khác, ấy có thể chẳng qua chỉ là một cái chết dài nhất và xa hoa nhất, đồng thời cũng nhảm nhí, vô nghĩa nhất.

*

Hóa ra cái màu xanh ban nãy là của ông cụ. Nhưng chỉ khi nghe mùi hoa huệ phảng phất từ phía giường ông nằm, tôi mới chợt hiểu và, hơi ngơ ngác, đánh rơi cả cái kim đan xuống đất. Ông cụ đi lặng lẽ, hai mắt nhắm lại tự bao giờ, chẳng cần ai vuốt. Chắc chắn trên đời này chẳng còn gì đáng nữa cho ông đợi chờ thể nghiệm. Tôi đã không gọi cô điều dưỡng, chỉ quờ tay nắm lấy con gái, mắt vẫn không rời ông ấy. Con bé cũng hiểu ra thật nhanh, mặt nó vụt trắng. (Ấy là lần thứ nhất nó thấy người chết) Nhưng tôi không muốn nó hiểu sai ý tôi:

- Ông cụ là thánh, con ạ. Hãy đến mà xem.

Tôi khẽ ẩy nó đến phía ấy, và nó đến, đứng ở chân giường, im lặng... Chỉ lát sau cô điều dưỡng đã vào, vẫn nhún nhẩy như bao giờ, và cũng ngón trỏ duyên dáng đặt trên môi, khẽ suỵt, đoạn đến bên giường, khéo léo lấy nhiệt, lấy mạch, rồi lắc đầu, khóa các ống dẫn vào thân thể ông cụ, không quên hỏi con gái tôi: Em quen người này? Con bé lắc. Nó vẫn đứng đấy, còn cô ấy thì nhún vai một cái, xong, nhún nhẩy đi trở ra, gọi bác sĩ...

... Con bé quay lại, mặt trắng bệch.

- Ai cũng phải một lần thế, hả mẹ? Nó đến sát tôi, gần như thì thào.

- Phải, nếu là thánh, con ạ. Tôi cũng thế, gần như thì thào.

- Còn người thường, hả mẹ?

- Người thường thì phải nhiều lần, trước khi chết thật.

Tôi nói, và bỗng dưng buồn bã kinh khủng ở trong lòng. Cái vệt đỏ tươi vẫn chảy từ mắt xuống thái dương cậu thanh niên, lấp loáng hơn bao giờ hết... Đúng lúc ấy, bà cụ đẹp lão lại thều thào: Vàng! Một cái sao nữa vừa lặng lẽ băng qua bầu trời đêm ngoài cửa sổ. Một cái sao màu hổ phách. Vâng, đúng là mầu hổ phách. Tôi chỉ kịp nhìn thấy nó khi vừa ngẩng lên, và bật khóc. Dù sao, tôi cũng yêu anh ấy, hiểu không?

BÙI HOẰNG VỊ

LỬA ĐỐT NGOÀI GIỚI HẠN
thơ CAO ĐÔNG KHÁNH.



ĐINH LINH

vệ sinh

Nhạc chướng, đây là trường hợp thật sự đáng chết:
Một người đàn ông nào đó ăn mặc lố lăng
Một người đàn bà nào đó vẽ bức tranh bẩn
Và kẻ nào đó không bao giờ đánh răng

Đã 20 năm
Đó là thứ giáo luật, như chừng, trẻ con, truyền rằng,
sẽ bị nấu chín và ăn thịt
Những cuốn sách báng bổ đáng bị báng bổ và máy bay bay trên
vận động trường sẽ rải bom hàng loạt trong giờ nghỉ giải lao.

hygiene

Discordant music shall be punishable by death.
Here are the actual cases:
A man who wears dots with stripes;
A woman who paints bad pictures,
And whose teeth haven't been cleaned
In about twenty years;
Disciples of this religion and that.
Children, as prescribed, shall be cooked and eaten
And confusing books shall be banished from the library.
The new planes shall fly over the new stadium.
Many bombs will be dropped during halftime.

bóng tối

Tắm năm ngày một lần. Xúc miệng
Bôi nhọ đầy mình. Làm hồi phục
Màu sắc tự nhiên
Nhưng cái vẻ đần độn, những con mắt lạ thường
Hẳn là không thực
Ngay cả tính tinh ma của lũ sóc: bộ tịch, lâm ly
Cũng đáng cho một phát đạn
Tâm trí ôi à, là thứ ống nhổ, đừng quên nhé, giá rẻ hơn một bẹ cải
Cái lưỡi đong đưa một nửa bài thơ
Và hát chỉ bằng một thứ tiếng. Những chiếc răng khiêu khích
Không bị khiêu khích.

shadow

A bath every five days. A mouth wash.
Soot all over the body will help to restore
The natural color. Lumps of coal around the ass.
These eyes are weird. They're not quite real.
The cunnings they possess are the cunnings of squirrels':
Amateurish, pathetic, deserving of a bullet.
This brain is a repository of insults it will not forget.
This brain is worth less than a cauliflower.
This lolling tongue can recite half a poem
And sing in one language. These teeth will sever,
Unprovoked.

LTT chuyển dịch



DU TỬ LÊ

giả thuyết ly coke

giác quan mộng vỡ sâu ghềng thất, lỡ
nhiệt hứng/hè/đêm/dựng thẳng chông chênh
chó bêu rếu những ngày em xổng, lạc
máu tha nhân hay ly *coke*
u tình.

giả thuyết đất lợ

sinh sổi mãi những niềm vui tẻ, nhạt
khai khẩn em: vùng đất lợ, thiên đàng
sông tuyệt tự hô hào ta đứng dậy
dang tay ra tựa chúa
kẹt chân tường.

giả thuyết vỏ ốc

đá nứt, nẻ cười đám đông cục súc
điều chỉnh ta bằng vết rạn địa cầu
đêm chôn sống mọi giấc mơ cựa quậy
chôn luôn ta vỏ ốc
cẩn chia, lìa.

giả thuyết mười giờ, t & d.

sáng thẳng thốt treo ta trên đỉnh gió
chuyến xe đời vun vút giữa thinh, không
ngày lúc nhúc những mặt người hôn, ám
em nở bung
từng đóa hướng dương.

du tử le
(7.97)



HOÀI KHANH

tình chợt hoang mang

em về một sớm mưa mây
ngọn thu đông thổi đầy tay mong chờ
đợi người tóc cũng se khô
ôi trời hư tưởng ôi giờ chiêm bao
tóc em bay nhẹ cõi nào
mắt em hoang rợp mấy màu lưu ly
mai kia trên bến phân kỳ
con đường đất lạ kể gì sương phong
mai kia chết cả bụi hồng
mong manh nắng lụa chiều đông ngút ngàn
mai kia tình chợt hoang mang
tìm trong cõi mộng vô vàn biển dâu

HOÀI KHANH

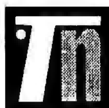
TRẦN BÁT NHÃ

tự tử 2

ngả nghiêng em vẫn nụ cười
xui tôi mê mệt dáng người hồng nhan
bàn tay ngọc - cụm hoa vàng
cho hương da thịt nồng nàn gió trăng

mê người quên ngủ quên ăn
chỉ mơ làm áo phong trần cho em
mơ làmdây nịt thắt lưng
buộc em ở lại để gần tôi luôn
tôi mơ (mơ rất tầm thường)
sao em lại nỡ giữa đường buông tay

TRẦN BÁT NHA
(New Orleans)



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

TẶNG PHẨM



Xe lên tới đỉnh núi thì trời đổ mưa.

Vào mùa hè, mưa xối xả, thẳng thốt, cuồng loạn. Chiếc xe quay một nửa vòng tròn, đậu giữa hai lằn sơn vàng trên một nền xi-măng bắt đầu úng nước. Cảnh vật ngoài cửa xe thoáng chốc bị nhận chìm mất dấu, như đã có một tấm lưới vừa bủa vây. Một tấm lưới đan kín những mũi nghiêng, ướt át và vật vã.

"Nếu không mưa lớn, ngồi ở đây mình có thể thấy được toàn cảnh của thành phố nằm dưới chân núi".

Người đàn bà nói. Cô mở máy cassette, nhạc trổi lên, đi loanh quanh trong phạm vi chật hẹp và như biết giao hưởng với tiếng mưa luôn vỗ về trên trần xe. Người đàn ông tháo giây an toàn rồi sửa lại thế ngồi. Ở xa xăm, mù mờ những đốm đèn vàng nhòe sáng, trông như tín hiệu của con tàu liều thân hạ thủy giữa một ngày biển động. Anh ngã đầu vào thành ghế, nhắm mắt giây lâu:

"Có lẻ chẳng thấy gì cả mà lại hay. Như giờ này đây nếu được ngủ một giấc dưới mưa thì chẳng còn gì thú vị hơn".

"Thật không?"

Người đàn bà hỏi, đưa tay điều chỉnh lại âm thanh nơi máy hát. Những ngón tay ấy đã ôm giữ "vô-lăng" và điều khiển xe chạy lên đỉnh cao của sự quạnh quẻ. Những ngón tay đã ôm hờ hững bờ vai anh khi anh xuống bến xe giữa một trạng thái bần thần, dáo dác.

"Mưa ở đâu chắc cũng giống nhau. Ở thành phố kia thời tiết ra sao?"

"Nắng ráo, nhiều gió và bụi bặm".

Người đàn ông trả lời. Trí nhớ anh đi ngược lui sáu tiếng đồng hồ, khi đó anh băng qua một khoảng sân rộng để tiến tới chiếc xe đò đang sửa soạn rời bến. Gió khoắng bụi lên, đâm vào mắt xốn xang và gió thổi lật chiếc váy rộng của người con gái đi trước trong bước chân lúng túng. Mây bay vội vã trên cao, gửi xuống đất loang loáng những bóng đen, trông như những cánh chim vần vện chạy đuổi cùng bóng nắng và rồi thì nó đâm thốc vào chiếc quần lót trắng tinh của cô thiếu nữ vừa leo lên xe. Anh ngồi cạnh ghế người mặc váy rộng. Tóc cô ta vàng như biết phát quang. Cô ăn táo xanh nghe kiêng răng và đầu cúi xuống nhìn vào cuốn sách mở rộng đặt giữa đùi. Anh đọc cọp được trong đó một câu mà khả năng ngoại ngữ của anh cho phép: "If I could change the alphabet, it would be u and i closer together".

Người đàn ông chép miệng:

"Khoảng cách chỉ có mấy tiếng đi về, giữa hai thành phố đã không cùng hưởng chung một khí hậu".

"Nó giống như chúng ta. Người mạng Hỏa và kẻ kia là mạng Thủy. Đúng không?"

Khi nói, người đàn bà nhìn mặt mình trong kính chiếu hậu. Một gương mặt không trang điểm, trông rõ sự dửng dưng và mưa bên ngoài như biết tạt lên da thịt kia chút xanh xao. Người đàn ông nhìn qua khuôn mặt gần gũi ấy, anh thấy một lỗ thủng nhỏ dưới trái tai và anh tự hỏi có nên mua tặng cô ta một đôi bông tai? Đứa con gái ngồi trên xe đò cũng đeo lủng lẳng dưới tai một vật trang sức, chiếc thánh giá bằng bạc luôn rung động làm bắt mắt nhìn và nếu anh là ma cà rồng anh sẽ chẳng sợ hãi gì mà không dán chặt miệng mình vào cái cổ trắng ngần ấy. Đàn bà, người ta cần tới bao nhiêu đôi bông tai để thay đổi? Chỉ có một lỗ thủng và người ta hết xâu cặp này vào lại xỏ cặp kia vô. Nếu là con gái, anh sẽ tẩn mẩn soi gương để xem thử cái lỗ ấy ngày có mỗi một lớn rộng hơn ra?

"Lâu nay anh sống ra sao?"

"Chẳng sao cả".

"Nghĩa là mọi chuyện đều êm đẹp?"

"Thế nào là êm đẹp?"

"Là thủy đi với thủy, hỏa đi với hỏa... Hoặc nói khác đi là thuận buồm xuôi gió".

Người đàn ông nhìn ra màn mưa, cửa gương mù hơi và nó không cho anh thấy những đốm đèn màu trước đó còn lẩn khuất dưới núi. Anh ngó qua người đàn bà, nhìn chùm chìa khóa còn cắm trong ổ và anh nghĩ tới sự bất cẩn của người lái. Chiếc xe phóng xuống vực sâu, không gặp vật cản trở, thuận buồm xuôi gió và sau cùng chứng minh được một điều: Thủy với Hỏa sẽ suốt đời sống chung hòa bình với nhau.

"Không, tôi chẳng có ghe thuyền gì ráo. Và nếu có thì tội gì sắm thuyền buồm. Với máy móc người ta có thể đi ngược chiều gió".

Người đàn bà cười:

"Nghĩ lại đôi khi chúng ta sống như những đứa con nít. Vụng về và sợ hãi khi đối mặt với những vấn nạn".

"Vụng về thì có, sợ hãi thì không. Tường thấy không, những kẻ buồn nản cuộc sống thường là những đứa chẳng sợ cái chết. Và tự tử là một việc làm vụng về".

"Có thể kể cho Tường nghe về người bạn mới của anh không?"

"Chẳng có chuyện gì để kể... bởi vì đúng như Tường nói, cô ta chỉ là bạn, và rất mới".

"Chỉ vậy thôi?"

"Khi có kẻ giúp mình tìm ra việc làm thì mình phải có một thái độ tương xứng nào đó. Một cách tri ân, Tường hiểu không? Lợi dụng là chữ mà ai cũng ghét. Một người bạn tốt, chừng đó không đủ sao?"

Người đàn bà sửa lại kính chiếu hậu. Chiếc dù che mưa màu tím và cái túi xách của người đàn ông nằm sánh đôi trên băng ghế sau.

"Sao không hỏi điều gì về Tường?"

"Điều muốn hỏi trước tiên là liệu chúng ta có thể ngồi với nhau như thế này suốt đêm không?"

"Không. Chắc chắn là không".

Người đàn bà mở máy. Hai cái gạt nước cào lên mặt gương rít rát. Nó vẽ ra một khung cảnh hình cánh quạt chẳng được rõ nét mặc dù nó lao động cần cù với thứ tiếng như người ngủ say mang tật nghiến răng.

"Đi đâu bây giờ? Kiếm một cốc cà-phê chăng?"

"Không. Đi tìm một khách sạn, ở đó thì muốn thứ gì cũng đều có".

Xe chạy theo đường uốn lượn đào xắn bên hông núi. Xe đổ dốc và ánh đèn làm vỡ vụn những hạt kim cương tung tóe trước mũi xe. Giàu có, độ lượng. Mưa thì bao giờ cũng hơn nắng, ở cái chỗ là nó biết thẩm thấu vào lòng người một nỗi niềm, chảy lai láng. Người ta có thể mềm lòng bất chợt, có thể vị tha, có thể nén bớt những thứ mà trời nắng nóng nó dễ xúi dục cho người ta đâm cau có bẳn gắt. Người đàn ông đưa tay kiểm soát lại túi quần:

"Khách sạn? Giờ này có sớm lắm không để vào chốn ấy?"

"Tường bận nhiều việc và Tường không đủ nhẫn tâm vất anh một mình giữa phố phường".

Người đàn ông nhìn những tảng đá trơn láng trôi dạt lui sau, màu lục sẫm, trầy trụa bên ngoài khung cửa:

"Tường làm tôi nhớ tới câu "vất con bỏ chợ". Ngày xưa, hồi còn bé, tôi luôn khóc như trời mưa hôm nay vì mấy lời chọc ghẹo của các ông anh bà chị".

"Họ đùa nghịch chuyện gì?"

"Họ bảo một đêm giông tố, ba má tôi đi ngang một cái miếu hoang và nghe được tiếng khóc của con nít đang khát sữa. Động lòng quá, không đấn

đo bàn tính gì cả hai người vội ẵm đứa nhỏ về nhà. Anh chị tôi tuyên bố: Mi là đứa con nít vô thừa nhận đó và cái miệng của mi thời ấy được bú cả chục cái vú khác nhau".

Xe dừng lại ở ngã tư đèn đỏ. Nước trên núi chảy ồ ạt xuống một lỗ cống nằm gần cây xăng Esso. Phía bên kia đường là một giáo đường, cánh cửa gỗ dầy nặng đang mở rộng và từ trong thâm u có những người mặc áo quần đen tuyền bước ra. Một tang lễ hay một cuộc họp mặt với Chúa mà những lời cầu xin đều bị khước từ? Ai nấy đều rầu rầu vẻ mặt, thần sắc bơ phờ.

"Bây giờ sống ở đây, tôi đúng là một đứa con hoang, chỉ có khác biệt là không bú được nhiều vú và không khóc thét lên khi ý thức mình là kẻ ngoại tộc".

"Có ẩn ý gì trong câu nói ấy không?"

"Ẩn ý? Sao Tường lại hỏi vậy?"

"Eric là một người Gia-nã-đại, nhưng Tường không nhìn thấy ở anh ta sự khác biệt nào cả. Và thú thật, có những điều mà đàn ông con trai Việt-nam cần học hỏi thêm ở Eric".

"Thật sao?"

"Eric muốn gặp mặt anh. Tường không hứa hẹn được vì chưa biết thái độ của anh".

"Có lẻ chui vào khách sạn để ngủ say một giấc e thần thái nó dễ chịu hơn".

"Thấy chưa! Cởi mở thì dù gì cũng hơn là bế môn tỏa cảng kiểu ấy".

"Phải. Có rất nhiều thứ mà tôi cần phải học hỏi thêm. Bao giờ tôi cũng tự coi mình là cóc ngồi đáy giếng cả".

"Đừng có nói vậy. Và cố chấp là điều không tốt đâu".

"Trong sự va chạm hằng ngày có biết bao nhiêu là những gặp gỡ không cần thiết đã xẩy đến với chúng ta, Tường có thấy vậy không?"

"Thôi bỏ đi. Chẳng có gì nghiêm trọng để phải bàn cãi".

"Và muộn màng nữa, đúng không?"

Chiếc xe rẽ vào con đường trồng nhiều cây. Xe dằn xóc không ngừng như thể chạy trên một căn nhà bị phá sập và người lái thì tựa hồ chẳng màng tới những chướng ngại vật. Người đàn ông nhìn qua, quan sát ngầm, nhận xét thầm và sau cùng anh nói chậm rãi:

"Tường có được hạnh phúc không?"

"Hạnh phúc? Thực sự thì chữ ấy nhằm nói lên điều gì? Đi ăn đám cưới nghe người ta chúc nhau hạnh phúc. Đi vào nhà quàng nghe người ta an ủi với những kẻ mặc đồ tang: Thực tâm thì chết như anh ấy vậy mà hạnh phúc. Người chị nói với cô em: Khoan lấy chồng đã em, sống độc thân như thế là hạnh phúc nhất hạng. Chà, thằng này hạnh phúc quá ta, mới đổi chiếc xe xong bây giờ lại tậu thêm cái nhà lớn... Hạnh phúc, thật là khôi hài!"

"Đó là vì người ta không biết cách giữ mình. Người ta ôm đồm, người ta quá tham lam. Một ông quan chẳng tham nhũng, không ăn hối lộ và ông hài

lòng với cảnh sống thanh đạm ấy thì mình không nên ngờ vực về chữ hạnh phúc mà ông ta nói".

"Lẩm cẩm! Giống như câu hỏi mình bắt gặp hằng ngày: Khỏe không? Đó là một câu hỏi dở nhất thiên hạ. Khỏe thì sao mà không khỏe thì chuyện gì sẽ xẩy tới sau đó? Không ai biết được mình sẽ như thế nào ở cái đời sống trước mặt cả. Mỗi một phút giây đang xê dịch tới gần đều ẩn chứa trong đó những thay đổi lớn lao".

Người đàn ông cười thầm, cười một mình. Anh cất tiếng nói nhưng một chiếc xe đi lấy rác án trước đường đã vừa lấy luôn những lời lẻ của anh bằng tất cả thứ tiếng động ồn ào nó vừa dấy lên, khua vang một chuỗi hợp với cái vẻ bề thế và cồng kềnh của chiếc xe dơ bẩn. Có người phu vệ sinh mặc áo mưa vàng chói đưa bàn tay mang găng ngăn lại. Người đàn bà thắng đứng xe.

"Có thấy ngôi nhà đằng trước không? Ngôi nhà với tấm bảng hiệu màu xanh treo dưới mái hiên".

"Thấy".

"Nhìn ra chút quen thuộc nào ở đó không?"

"Không".

"Trí nhớ thật tệ! Cái hồi mà bọn mình đặt chân lên xứ này, thời gian đầu chính phủ đã cho ở tạm trong cái khách sạn Métropolitain. Đã nhớ chưa? Khách sạn trước mặt chẳng hiểu sao mà cũng hệt một lối kiến trúc như vậy".

"Và Tường quyết định lựa nó để cho tôi trú tạm đêm nay?"

"Tại sao không?"

"Một thứ ôn cố tri tân hay sao?"

"Có những kỷ niệm cần nhận chìm cho mất dấu và ngược lại có những thứ nên giữ gìn. Tựa như giờ một cuốn album nhét ảnh lựa chọn vậy".

"Ảnh xấu thì xé vụn đi, chừa trang giấy trắng. Ảnh đẹp thì cứ để nguyên?"

"Cũng gần giống như thế".

Chiếc xe lấy rác đã nép mình nhường lối đi. Người đàn bà nhấn ga vội vã chẳng cần một dấu hiệu từ bàn tay mang găng đang buông xuôi. Xe vọt tới trước, như chậm rãi từ tốn thì khách sạn sẽ đóng cửa không tiếp khách. Và rồi thì "cuốn album" của người đàn bà sẽ mãi chừa sạch một trang giấy trống?

Người đàn bà mở dù che cho cả hai. Dù không lớn và một vai người đàn ông chịu ướt nước, ở cái chỗ trĩu nặng bởi túi hành lý đang quàng lên đó. Sống xứ Canada hơn mười năm, anh chưa bao giờ có ý nghĩ sắm cho mình một cây dù, bởi vì sự tiện lợi của nó như dành cho một ai khác. Anh đi chậm rãi và thích thú vì chuyện ấy đã làm cho người đàn bà trì hoãn những bước chân sải mau. Đi trong mưa dầu gì thì cũng hơn là ngồi trong khách sạn. Khô ráo, sạch sẽ, tiện nghi, thoải mái, ấm cúng là những thứ mà người đàn ông chưa muốn gặp gỡ, đón nhận ở giờ phút này.

Đoạn đường quá ngắn, nó giết oan uổng một lời đề nghị vừa mới ló trong

trí óc chậm phản ứng của anh. Người đàn bà xếp gọn cây dù, rãy ít cái trước khi xô cánh cửa gương ra. Cô lại phía quầy tiếp khách, nơi có người đàn ông đứng tuổi ngồi nhìn sững sờ vào máy computer. Ở một góc phòng kê cái tủ lạnh bán nước ngọt tự động, sát nó là cỗ máy với hàng chữ Street Fighter luôn gây tiếng động. Người đàn ông lửng thửng lại gần, nhìn thằng bé đang xuất hồn với trò chơi có nhiều máu me. Mai sau nó sẽ là một đứa rất giỏi về môn điện toán, và mai sau nó là đứa thật dửng dưng khi chứng kiến cảnh người ta bị u đầu sức trán.

"Phòng Bốn lẻ năm. Tường thuê cho anh hai ngày".

Người đàn bà nói với chiếc chìa khóa lay động trước mặt anh. Nó không khua tiếng bởi lẻ nó đơn độc, vỏn vẹn một chìa. Nó sẽ mở ra một căn phòng, chiếc giường nệm êm ái đập vào mắt, khăn trải trắng tinh không một nếp nhăn, một chiếc ghế, một cái bàn viết, một điện thoại, một cuốn niên giám, một cục xà-phòng, một cái khăn lông. Và còn gì nữa?

"Thang máy nằm đằng này".

Người đàn bà bước đi. Anh nhìn phía sau lưng và như thấy rõ những cái nốt ruồi son trốn sau chiếc áo đang rung động.

"Anh tính ở lại đây bao lâu?"

"Chưa tính qua. Có thể hồi nào hết mưa thì lên đường".

"Kỳ cục! Chẳng bao giờ tự mình có được một quyết định dứt khoát".

"Mưa mùa hè thường chóng ngưng. Tường đừng ngại".

Cửa thang máy mở, mang thân xác nhẹ hẫng của hai người lên cao. Cửa phòng 405 mở, người đàn ông bước vào, ngại ngần như thể một cô dâu trước giờ động phòng. Anh đứng ngó quanh quất và sau cùng đặt đít xuống chiếc ghế kê đơn lẻ gần đầu giường. Vách tường sơn màu mỡ gà, nhám hột. Không tranh ảnh và chẳng một cây đinh nào cắm vào lớp bê-tông đó. Anh để túi hành lý lên mặt bàn, nhẹ nhàng cẩn trọng như trong đó chứa đầy ly tách thủy tinh hoặc đựng nhiều chất nổ. Người đàn bà đóng cửa phòng, tiếng động như va lên trán anh làm nhăn nhó những đường hằn. Mười năm trước, hình như việc đầu tiên khi vào phòng trọ là anh buông thân xuống tấm nệm dầy để nằm nghe cơ thể tìm lại được sự thăng bằng sau cả ngàn dặm đường chông gai vừa dẫm bước qua. Mười năm trước, Tường chạy vào phòng tắm và ở trong đó gửi ra tràng cười cố nén: "Thật kinh khủng. Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tàu và cả tiếng Việt. Họ xem bọn mình là kẻ lạc hậu hay sao đây? Nè, vào mà nhìn tấm poster lạ lùng nhất thế giới: Khi tắm, xi n quý vị nhớ kéo tấm màn ny-lông lại và khi đại tiện xin quý vị ngồi ở tư thế giống như hình vẽ sau đây".

Giờ này, Tường cũng vào chỗ ấy trước tiên. Tường không cười, Tường làm mưa rơi một trận nhỏ. Cửa không đóng, nghe rõ thứ âm thanh làm nhột lỗ tai và nó đủ sức lôi kéo đôi mắt anh tìm về. Đôi giày đen, quần xanh kéo xuống ngang đầu gối, khoảng da thịt trắng và đường thẳng đứng của cánh cửa nuốt

hết phần còn lại. Anh chẳng thấy toàn phần nhân dáng Tường nhưng rõ ràng đó là một thế ngồi không giống kiểu ngồi bộ đội. Người đàn bà thôi giải thủy, cô rửa tay và ngó mặt trong gương hồi lâu. Những ngọn đèn có trong phòng đều cháy sáng thứ sắc màu tái xanh. Người đàn bà vặn thỏi son, tô lên môi một chút hồng, cô mím miệng, nghiêng đầu, vuốt vuốt đôi ba sợi tóc buông trước trán và sau cùng cầm chiếc xách tay bước ra. Xách không lớn, nó dùng để chứa những thứ vặt vảnh dành cho đàn bà, anh thấy một thỏi kẹo cao su, một miếng bông vệ sinh Lightdays khi Tường lôi từ trong xách ra một tờ giấy gấp làm tư.

"Với Tường, chẳng có gì quan trọng nhưng đây là ý muốn của Eric".

Tờ giấy trải thẳng giữa mặt bàn. Người đàn bà ghé mông xuống mặt nệm và nhìn người đàn ông ngồi trên ghế với tư thế không mấy thoải mái. Đầu tóc anh ta có hơi ướt với thứ khuôn mặt của một kẻ mất ngủ nhiều ngày. Hai ống tay áo xắn cao và hàng vải sẫm màu còn đọng một bên vai, chưa khô nước mưa. Người đàn bà ngó cây viết cắm trong túi áo:

"Vẫn viết đều chứ?"

"Vẫn".

"Eric rất ngạc nhiên khi biết anh là nhà văn".

Người đàn ông cúi nhìn vào những con chữ in trên tờ giấy trắng. Những con chữ lạ mặt. Ai là kẻ đã sáng tạo ra nó?

"Anh ký vào bên góc phải tờ giấy".

Cây viết cầm ở tay nhưng ngòi viết còn trốn trong nắp. Giọng người đàn bà khô ráo:

"Tưởng tượng như anh ký tên vào trang đầu cuốn sách để tặng cho một đọc giả ái mộ vậy".

"Giản dị có thế thôi?"

"Phải, rất giản dị. Mà nói cho ngay thì những chữ khó khăn, dễ dãi đều do mình tự bày đặt ra cả".

Người đàn ông mở nắp viết, anh đặt tay vẽ một đường mực liền lạc vào chỗ trống mà người đàn bà đã chỉ. Tai anh như nghe rõ tiếng giấy cựa mình đau đớn dưới cái tên họ anh vừa cày xới lên một đường ngoằn nghèo.

"Cám ơn anh. Chiếc nhẫn này giờ không còn vừa với Tường nữa. Tường gầy đi nhiều, anh thấy không? Biết đâu nó lại thích hợp với cô bạn mới của anh?"

Người đàn bà thu cất tờ giấy vào xách tay và hoán đổi lại giữa mặt bàn một vòng tròn nhỏ. Chiếc nhẫn quay đảo trước khi nằm yên. Nó giống như đồng xu mà người ta dùng để chơi trò may rủi nơi hai mặt sấp ngửa.

"Tường đợi chờ giây phút này đã lâu và băn khoăn không biết mình nên lựa mua một thứ gì làm tặng vật cuối cùng?"

Người đàn ông thắp một điếu thuốc. Anh rời ánh mắt từ mặt bàn, di chuyển và đậu lại trên trái tai người đàn bà. Vẫn là một lỗ thủng nhỏ để trống.

Thấp bên dưới, phần ngực người đàn bà lộ ra sau hạt nút áo không cài. Khói thuốc làm cay mắt.

"Sao anh chẳng nói một điều gì?"

Người đàn ông không tìm thấy cái gạt tàn. Anh đi vào phòng vệ sinh và ném điếu thuốc xuống chỗ người đàn bà đã ngồi đái. Anh rửa mặt, phát hiện những sợi tóc bạc ẩn trốn ở hai bên mai. Trong gương soi, anh nhìn thấy một góc giường và người đàn bà đang nằm ngửa giữa mặt nệm.

"Hãy ngã lưng một lát. Nằm xuống đây đi".

Người đàn bà vung tay làm hiệu khi anh bước ra.

"Tường tự hỏi là có bao giờ anh ghét bỏ một cái truyện ngắn mà anh cho là dở? Và mất bao lâu thì anh sẽ quên nó đi?"

Người đàn ông ngồi ở góc giường. Anh thấy trống trải nên ôm siết một chiếc gối trong đôi vòng tay.

"Không biết. Tôi chưa bao giờ có lối trắc nghiệm ấy cả. Vì sao Tường hỏi vậy?"

"Vì Tường muốn được anh xem Tường như là cái truyện viết thật tệ hại đó".

"Xưa nay người ta vẫn ví von đàn bà là một cuốn sách khó hiểu, chưa ai nghĩ tới đó là một trang sách dở cả. Và khó hiểu thì người ta nên đọc, nên suy gẫm để có ngày sẽ hiểu".

"Anh hiểu Tường không?"

"Không. Một tờ đơn ly dị và một chữ ký. Ích gì những thứ ấy?'

Người đàn bà ngồi dậy.

"Thôi Tường về".

"Không thể cùng nhau đi ăn một bữa cuối, không thể nằm bên nhau một lần sau cùng?"

"Ích gì những thứ ấy?"

Người đàn bà trả lời khi bước tới cửa. Cây dù màu tím dựng ở đó, phía dưới nó, nước loang một vũng nhỏ. Người đàn ông cúi nhặt cây dù lên:

"Tôi đưa Tường xuống dưới và đừng nói tới sự có ích hay không?"

Mưa vẫn rỉ rả khi hai người bước ra cửa khách sạn. Không gian nhỏ bé bởi thứ sắc màu đen đúa vây quanh. Những ngọn đèn vàng như đứng run trong gió, buồn bã chiếu không rõ hình thù những chiếc xe đậu bên dưới.

"Tạm biệt".

Người đàn bà nói trong khi mở cửa xe. Người đàn ông đứng buông xuôi, anh có vẻ yếu đuối khi nghe rõ hai chữ ấy. Anh trao cây dù cho người đàn bà.

"Anh giữ lấy đi. Gọi là tặng phẩm hay kỷ niệm cũng được. Có vui lòng cất giữ không?"

Người đàn ông ngập ngừng.

"Tường".

"Chuyện gì?". Người đàn bà hỏi trong khi bóc một thỏi kẹo cao su để nhai.

"Tự nhiên tôi muốn được hôn Tường một lần chót".

"Đừng bày vẽ... ngày mai Tường sẽ trở lại".

"Tường là một cuốn sách đã vừa lật giở sang trang khác. Đúng thế không?

"Trở lên đi, kẻo lạnh. Và nhớ ngủ yên một giấc cho tỉnh táo".

Cánh cửa xe đóng lại. Người đàn ông không thấy gì ngoài những hạt nước mưa bám trên mặt kính, chảy ngoằn nghèo. Xe run lên, húng hắng ho và lẩy bẩy chạy dạt ra xa. Anh nhìn theo cho đến hồi những con mắt đỏ nằm sau xe nhạt nhòa mất dấu.

Sẵn dù cầm tay, người đàn ông bước loanh quanh giữa khoảng đất trống. Anh tìm kiếm cái hướng tập trung nhiều ánh điện thắp để rảo đôi chân tới phía ấy. Mất khoảng mười lăm phút anh nhìn thấy mục tiêu và may cho anh cô hàng cà-phê là một cô gái có khuôn mặt thật thân thiện, không khấu ó nhăn nhó như những con mẹ phục vụ trong mấy quán nằm bên hông trạm xe đò liên tỉnh.

Anh gọi một tô cà-phê. Thứ tô mà ở tiệm bán phở gọi là tô nhỏ. Cà-phê thì không thể có size xe lửa được, bởi chưa ai phát minh ra cái máy lọc lớn bằng một cây xăng.

"Trời xấu quá, phải không ông?"

"Ừ, xấu thật".

Người con gái mang cà-phê tới. Cô mang theo một mùi hương, thứ hương mùi mà gió luôn cuốn theo giữa ruộng đồng bát ngát; dễ choáng ngộp.

"Ông có cây dù thật xinh".

"Cám ơn. Nhưng nó không phải của tôi. Màu tím, cô thấy đó".

Cánh tay nhiều lông măng, vàng óng như phấn hoa. Người đàn ông nhìn lên ngực áo, ở cái miếng kim loại nhấp nháy dưới ánh đèn. Anh đọc thầm tên Stéphanie.

"Cô biết bến xe đò có nằm gần đây không?"

"Xe đò? Không, chỗ ấy nằm ở trung tâm thành phố. Nếu ông đi tàu lửa thì khác, đằng sau cái cao ốc kia là nhà ga. Ngồi ở đây thỉnh thoảng ông sẽ nghe tiếng còi tàu".

"Cám ơn".

"Không có chi. Hình như mười giờ sẽ có chuyến tàu khởi hành. Vấn đề là tôi không biết nó sẽ chạy tới nơi nào".

Người đàn ông uống hết tô cà-phê. Anh trả tiền và pha trò:

"Cô liệu tôi sẽ trằn trọc được bao nhiêu đêm?"

"Chỉ cần một đêm người ta cũng đủ xuống sắc rồi. Ông tin không?"

"Mấy giờ thì cửa tiệm đóng cửa?"

"Tám".

Người đàn ông nhìn đồng hồ. Quán vắng, những chiếc ghế phía trong cùng đã lộn nhào úp mặt lên trên bàn. Ở đấy, có người đàn ông đeo tạp dề

đang cong lưng chùi cái nền lót gạch hoa láng bóng.

"Tôi có thể ngồi nán thêm mười phút không?"

"Tại sao không? Tùy ở ông?"

"Tôi không biết làm cách gì để tiêu phí hết giờ giấc. Tới mười giờ xe lửa mới khởi hành, đúng thế không?"

"Có lẽ vậy. Ông uống thêm cốc cà-phê này đi."

Cô gái rót vào tách sóng sánh chất nước đen. Bình cà-phê còn dư, cô đổ hắt ra thềm mưa.

"Xong. Lại hết một ngày. Sạch sẽ!"

Giọng cô ta ráo hoảnh. Không lộ ra sự mừng vui hay biểu tỏ ở đó chút thở than.

"Tôi đóng cửa đây". Người đàn ông đứng lên. Anh bước ra khỏi cái đường rảnh mà chốc nữa cánh cửa xếp sẽ đứng chắn ở đó.

"Chào ông".

"Chào Stéphanie. Cô giữ chiếc dù này đi, cám ơn tách cà-phê cuối ngày".

Anh trao cây dù khi cánh cửa gần đóng kín.

"Đâu được. Tôi không thể nhận nó".

"Tôi cũng vậy. Tôi không xài đồ của phụ nữ được".

"Đừng đùa".

"Tôi nói thật. Stéphanie cứ xem đó là tặng phẩm hay kỷ niệm gì cũng được. Của một người khách chẳng được bình thường. Vậy đi nhé? "

"Cám ơn ông nhiều... Và chúc ông lên đường bình an, may mắn".

Cánh cửa sắt đóng sập lại. Rít róng, bàng hoàng. Người đàn ông thắp thuốc hút, đứng thở khói dưới thềm mưa. Đêm chưa khuya nhưng hoang vu đến độ nổi da gà. Người đàn ông thu hai tay vô túi với nỗi trống trải vừa ùa tới. Anh nhớ tới cái xách đeo vai còn để ở khách sạn và anh rụt cổ tìm lối trở về. Phía sau lưng, hồi còi tàu khản giọng hét lên thảng thốt. Người anh lao đao, như thể đường tên bay vừa cắm lút vào thân thể. Đớn đau, nhẹ nhàng, bay bổng.

HỒ ĐÌNH NGHIÊM.



HOÀNG XUÂN SƠN

ai hát

Ai hát ru à ơi buổi chiều mơ vọng
chiều tím giăng tiếc không đi về
em điểm hóa tự đồng sương lúa
trăng trắng mùa mê
mắt còn sớt chuôi dao lìm lịm
mà bàn chân nay đã qua khe
ngón chàm xanh nửa đường vết xước
ám thị hồn bưng cả vực thề

thuở xuân

Thu vén lại
đất trời tóc tai buổi sớm
nhân lên bợi số hương lành
cảm một điều xưa từng biết
xưa từng đắm say nguyên trạng
chim
đất và hoa sương
bừng trong mỗi mỗi
uống mật đời
ngây
phải thoát xác lúc hồn u ám
về đâu cành sơ sinh
nghệch ngờ vui sướng.

HOÀNG XUÂN SƠN



LÊ THÁNH THƯ

sonnet

Chiều phiên phiến thôi
tôi vô tư với rượu tắc kè
với khô cá chỉ vàng nướng vội
ít tiền, rượu chưa đã say
tôi xoắn lá cuộn làm kèn
hun hút thổi, tiếng chó sủa hòa âm
em thăm thẳm
chân thả nụ dương cầm

Người chẳng đủ chìm
tôi nổi lên mặt chiều thánh hóa
tiếng kèn lá vang sau gáy
để lại bóng cây dương hoa
ai thủng thẳng nõn nà
động cả vườn sau.

bài ký thác

Em ký thác nơi nào
khi lời sấm muộn tuyên ra
thần khí nhạt nhòa bước và trôi đi

Em hôm qua không nói gì
Tôi ra nhìn sông trắng quá
con nước bảy ngày dồn lại
dưới vầng trăng đen
đêm trở nên thân thiết
chúc em
ngựa non tìm về núi
đồng cỏ trên cao kia
xanh tơ

qua thương khó
ai loan tin vui
em hiển vinh
trên nền áo lụa.

LÊ THÁNH THƯ



NGUYỄN NAM AN

thổi nến hạnh phúc

về đâu sợi tóc xanh đưa
xưa thơ ấu ngọn nến vừa chục cây
theo ngày bom đạn trên tay
môi thâm thở khói thuốc bày cuộc chơi
bước hụt hẫng giữa mù trời
đôi chân mép vực xưa đời tóc xanh
tay ngàn vạt nắng mong manh
tay núi chân đất tuổi thành chất vai
khi đêm bóng nến tôi dài
chúm môi em thổi một hai thêm ngày

nửa đêm

trên nóc building cao trăng về phố
theo xa lộ bắc nam trăng mờ mờ
đêm nhớ về em trăng bỡ ngỡ
anh giờ đứng chờ trăng nửa đêm...

NGUYỄN NAM AN



BÙI THẠC CHUYÊN

THẰNG DỞ HƠI



I

Hắn nằm sấp, áp mặt xuống thảm cỏ mịn màng. Thảm cỏ trên triền đê thoai thoải hứng gió sông mát lạnh làm hắn sung sướng. Hắn có thể nằm chơi như thế rất lâu, chân tay thẳng thượt, cho đến tận sẩm tối. Đừng tưởng là vô bổ. Dưới lớp cỏ xanh mượt có lũ kiến càng. Chú nào chú nấy đen bóng, có bộ hàm to gớm ghiếc. Bình thường chúng hiền lành nhưng cũng dễ bị kích động. Chỉ cần thả hai con vào lòng bàn tay, úp tay kia lên, xóc xóc mấy cái, mở tay ra đã thấy hai con vật lộn cắn xé nhau. Hắn cũng hay chơi trò ấy lắm, nhưng hôm nay hắn không muốn. Hắn lùa ngón tay vào đám cỏ, lũ kiến chạy tán loạn. Hắn bắt một con, nằm ngửa ra, thả con kiến lên cái bụng căng tròn của hắn. Con kiến bò vòng vèo xung quanh rốn, râu ngoáy loạn tìm đường. Bất ngờ hắn nhảy dựng lên vì bị con kiến ngoạm cho một miếng, hắn định trừng trị kẻ hỗn láo nhưng lại thôi. Hắn phải về nhà. Mẹ hắn dặn hôm nay phải về sớm...

Hắn kéo tấm phên cửa hàng rào thấp lè tè sang một bên, bước vào sân. Con chó vàng gầy mõ chạy ra vẫy đuôi mừng. Cả nhà hắn ai cũng gầy, mẹ hắn, thằng Nhung, con chó... Nhà hắn nghèo nhất làng, làng hắn nghèo nhất vùng. Lo kiếm miếng ăn đến rạc người nên dân làng cũng toàn người gầy cả. Chỉ có mình hắn béo vì hắn vô lo. Người làng bảo hắn dở hơi, hơn hai mươi tuổi mà suy nghĩ như thằng lên năm.

Nhưng hôm nay đến lượt hắn phải lo, lo đến nỗi không đi "tè" nổi... Ngày mai mẹ bắt hắn phải lên thành phố bán bưởi. Phải nhờ đến hạng như hắn là

cùng quẫn lắm...

II

Đang kéo gầu làm ngụm nước giếng, hắn nghe thấy tiếng xe đạp lạch xạch. Hắn vội trốn ra đằng sau đống rơm. Mẹ hắn từ nhà chú Tâm về, phờ phạc, dắt theo một cái xe đạp thổ tả.

Hắn lo quá. Trước đây hắn có đi bán bưởi trên Hà Nội mấy lần, nhưng là đi cùng với thằng Nhung. Mà tất cả cũng toàn thằng Nhung làm hết, hắn có biết gì đâu. Ngày mai, mẹ hắn bắt hắn đi một mình...

Từ sau đống rơm, hắn ghé mắt nhìn ra. Mẹ hắn đang buộc cái sọt vào xe rồi đi vào bếp bê ra những trái bưởi vàng rộm, cuống bôi vôi trắng. Mẹ gọi:

- Sâm.

Hắn vội thụt vào. Bà lại gọi:

- Mày đang ở sau đống rơm... Ra mẹ bảo.

Hắn đành phải ra khỏi chỗ nấp, mặt xị ra. Mẹ hắn vẫy.

- Lại đây con.

Hắn lại gần. Bà dịu dàng:

- Xếp bưởi vào sọt đi con... Vừa xếp vừa đếm.

Hắn đếm:

- 1, 2, 3... 19, 20. Hết.

- Mấy quả?

- 20 quả.

Bà lấy ra một tờ bạc 500 đồng giở cho hắn xem.

- Đây là mấy đồng?

- 1000 đồng.

- Sai rồi.

Hắn nhìn kỹ hơn.

- 500 đồng.

Bà gật đầu. Một tay cầm quả bưởi, tay kia cầm đồng tiền.

- 1 quả, 1 tờ rõ chưa?

Hắn gật. Bà nói tiếp:

- 20 quả, 20 tờ rõ chưa?

- Con ứ đi đâu - Hắn lắc đầu quầy quậy. Bảo thằng Nhung nó đi.

- Em nó đang ốm, không đi được.

- Con muốn đi chơi với lũ kiến cơ - Hắn vạch rốn khoe - Hôm nay con kiến cắn con một phát, đau lắm, nhưng con không khóc.

- Con giỏi lắm.

- Con ứ đi Hà Nội đâu... xa lắm.

Bà mẹ ôm lấy hắn như ôm một đứa trẻ.

- Nghe đây Sâm. Con không đi thì không có tiền mua thuốc cho em. Mẹ cũng đang ốm. Nếu không, mẹ chẳng cần nhờ con. Nào, ngoan, nghe mẹ... Bà lại giở tờ 500 đồng ra.

- Đây là mấy?

- 1000 đồng... à không 500 - Hắn sụt sịt khóc.

- Có mấy quả?

- 20 quả.

- Mấy tờ?

- 20 tờ.

- Giỏi lắm...

III

Lần đầu tiên trong đời. Đêm đó hắn không ngủ được. Mẹ phải ru mãi, hắn mới chịu ngủ. Trong giấc mơ hắn cũng lẩm bẩm: 20 quả, 20 tờ...

IV

sáng sớm hôm sau, mẹ gọi hắn dậy thì trời còn mờ tối. Mẹ đưa cho hắn gói cơm muối vừng và một tờ 500 đồng.

- Buổi trưa con ăn cơm rồi mua một cốc nước mà uống... Đến khoảng 2 giờ thì về - Giọng bà xót xa.

- Vâng! - Hắn ngoan ngoãn. Hắn ra giếng kéo gầu nước lên để uống. Nước mát lạnh làm hắn rùng mình. Chụp cái mũ lá lên đầu, hắn lên xe đạp đi, miệng vẫn lẩm bẩm: 20 quả, 20 tờ.

Bà mẹ đứng nhìn theo con mãi. Trông nó cũng ra dáng lắm.

V

Mãi gần trưa, hắn mới ra đến thành phố.

Hắn tìm đến cái chợ ngày xưa thằng Nhung vẫn đến bán bưởi cho mẹ. Với hắn điều gì đã nhớ được một lần là không bao giờ hắn quên. Cái cột tròn, phía trên có gắn cái mẹt bằng sắt vàng vàng đỏ đỏ, trước hắn hay ngồi xổm trên xe, tay bám vào đấy. Nhưng bây giờ, xung quanh cái cột có hàng mấy chục người. Hàng xôi, hàng cháo sườn, hàng trứng vịt lộn, rồi khách hàng ăn uống ngồi kín vỉa hè, ra đến gần rãnh thoát nước đen ngòm. Vậy mà người ta vẫn ăn uống ngon lành. Nhưng hắn còn biết chỗ nào nữa đâu. Hắn đạp xe đến, vừa chạm chân xuống đất, lập tức bà cháo sườn quát mở màn, giọng the thé:

- Xe thồ! Ra chỗ khác bán đi. Sao bịt mặt người khác thế,

Đó chỉ là câu lĩnh xướng. Sau đó là dàn đồng ca của các bà trứng vịt lộn, xôi, sữa đậu nành choe chóe, khàn khàn, ồm ồm. Dàn đồng ca khủng khiếp

đã đủ sức tống khứ 100 thằng thành phố khôn ngoan chứ đừng nói là một thằng nhà quê dở hơi như hắn. Hắn vội dời đi ngay, ngơ ngơ ngác ngác.

Hắn thất thểu đi dọc phố chợ.

Không phải là lần đầu tiên hắn thấy nhiều người cùng một chỗ như thế. Làng hắn ngày hội cũng đông người lắm, sao hắn không thấy sợ, chỉ thấy vui. Bây giờ chắc hắn cũng vui lắm nếu hắn không phải đổi 20 quả bưởi lấy 20 tờ đỏ ấy. Các hàng quán chen chúc nhau, chen lấn nhau, chẳng có nổi một chỗ hở nào. Chỗ nào hắn cũng bị xua đuổi. Hắn tủi thân, một chút nữa thôi là hắn òa khóc. Hắn muốn quay xe về nhà ngay. Nhưng nhớ đến mẹ, hắn không dám, sợ mẹ buồn!

Hắn đành liều dừng lại trước một cái cột điện cuối chợ. Tai dỏng lên nghe ngóng bốn phía xem có ai đuổi không. Chẳng có tiếng chửi nào cả. Hắn đỡ sợ phần nào. Hắn nhấc cái mẹt đậy sọt bưởi ra. Chẳng phải chờ lâu, đã có một bà già dừng lại:

- Bưởi bán thế nào?

Hắn chìa ra tờ 500 đ.

- Một quả một tờ - Hắn đọc thuộc bài.

- Bốn trăm nhé. - Bà già mặc cả.

Hắn lắc đầu:

- Một quả, một tờ - Hắn nhắc lại - hai mươi quả hai mươi tờ.

Bà già nhìn hắn cảnh giác. Nhưng thấy mặt hắn hiền lành, bà yên tâm.

- Cho một quả.

Hắn sướng ra mặt. Trong khi bà già đang nắn bóp xem xét những trái bưởi thì có ai đập vào vai hắn. Hắn quay lại. Vỉa hè phía sau hắn một quãng có một hàng bán những cái ảnh xanh đỏ cho trẻ con. Những bức ảnh treo thành hàng trên mấy sợi dây. Gió thổi làm chúng xoay tít. Chủ hàng là một gã đàn ông khoảng 40 tuổi, trông rất cục cằn. Một tay gã đập đập lên vai hắn, tay kia cầm một cái gậy, miệng ú ớ không thành tiếng. Sở dĩ hắn không bị chửi vì gả bán ảnh bị câm. Nhưng cái gậy đã thay cho tiếng nói. Gã hất hất đầu gậy ra hiệu cho hắn đi chỗ khác. Nhưng cái đầu lên năm của hắn sao hiểu được thứ ngôn ngữ tượng hình ấy. Bà già nọ sợ hãi vội bỏ đi. Hắn đang ngơ ngác thì gã bán ảnh giơ cao cái gậy phang thẳng vào cái sọt của hắn. Đến đây thì hắn hiểu. Hắn cuống quít sợ hãi dắt xe đi đánh rơi cái mẹt mà không dám quay lại nhặt. Tiếng động bất thường khiến hàng phố ngoái xem. Một bà hàng hương gọi hắn:

- Này! Chỗ này còn trống này... Đứng vào đây.

Như chết đuối vớ được cọc, hắn hấp tấp đứng vào chỗ ấy. Cuối cùng thì cũng có người tốt với hắn. Sự biết ơn làm hắn nghẹn lại. Mọi người phì cười trước vẻ tần ngần, nghền nghệt của hắn, Một người phải nhắc:

- Bầy hàng lên, mời chào khách đi chứ.

Hắn đang bận ghi nhớ chỗ hắn đang đứng. Hắn đứng đối diện với một bà

hàng rau, bên phải là bà hàng hương tốt bụng, bên trái là một chị dưa lê. Lần sau, nếu phải đi bán hàng, hắn sẽ đến thẳng đây. Trong lúc bộ nhớ của hắn đang làm việc miệt mài thì cả chợ bỗng nhốn nháo cả lên. Đầu phố, người ta rùng rùng bê hàng hóa chạy về cuối phố, tản vào trong các ngõ ngách hai bên đường. Chị dưa lê và bà hàng hương đã chạy mất từ lúc nào. Một cảnh sát xuất hiện. Cả phố chợ phút chốc quang quẻ hẳn. Còn trơ ra mỗi mình hắn, vẫn đứng nguyên ở chỗ cũ.

Bà hàng hương tốt bụng tất tả chạy lại:

- Thằng hâm này, người ta bắt hàng bây giờ - Bà hét lên - Theo tao.

Bà túm áo hắn kéo xềnh xệch. Hắn bất đắc dĩ phải đi theo bà hàng hương nhưng vẫn ngoái nhìn tiếc cái chỗ. Nhưng sao giờ chả ai giữ chỗ nữa? Hai người chạy vào một ngõ nhỏ khuất nẻo. Đã có mấy người cùng hàng hóa ở trong đó. Họ im lặng chờ. Người công an đi qua. Mọi người thở phào:

- Thoát rồi.

Một người đi ra đầu ngõ, thò đầu ra thám thính. Có một cảnh giằng co ở cuối chợ. Gã câm bán ảnh không kịp chạy, bị người công an tịch thu hàng hóa cho lên xe xích lô chở đi. Mọi người lại chui ra từ các ngõ ngách, trở về chỗ cũ. Phút chốc chợ vỉa hè lại ồn ào náo nhiệt.

Hắn bao giờ cũng chậm chân. Chỗ của hắn đã có một mụ hàng xén ngồi vào.

Chửi nhau hắn không biết, đánh nhau thì không thể. Hai khả năng tối quan trọng trong trường hợp này hắn đều không có. Người ta chẳng hơi đâu chửi nhau hộ hắn. Bà hàng hương nói giúp mấy câu nhưng mụ hàng xén ngồi ì ra, bà cũng thôi. Nơi này, kẻ yếu luôn phải chịu thiệt thòi.

Mụ hàng chanh tai quái nửa đùa nửa thật, chỉ lên cái cầu vượt dành cho tàu hỏa chạy ngang qua đầu chợ, bảo hắn:

- Đằng kia còn nhiều chỗ lắm, lên đấy mà bán.

Không ngờ hắn dắt xe đi về phía ấy thật. Mọi người cười bảo:

- Không hiểu nhà ai cho thằng dở đi buôn.

VI

Hắn khệ nệ vác cái xe leo lên những bậc đá. Cái cầu vượt tàu hỏa nổi trên mặt đường khoảng hai mét, được làm từ thời Pháp. Nó như con rắn bò qua thành phố. Rìa đường có hàng lan can bằng sắt, 100 mét lại phình ra một chỗ trống chừng 1m2 dành cho những người tuần đường tránh tàu. Quả là đường này vắng thật. Hắn thở phào - Hắn sẽ không bị ai đuổi nữa... Hắn nghĩ... Chỉ mỗi tội nó không được bằng phẳng cho lắm, toàn đá củ đậu. Hắn dắt cái xe đi dọc đường tàu tìm chỗ để bán hàng... Thế mà không biết chỗ này từ đầu...

Có một đoàn tàu đã vượt qua cầu Long Biên, đang bò vào thành phố. hắn vẫn mải tìm, không biết tai họa đang đến gần. Cả cầu vượt rung lên cùng với

nhịp bánh tàu.

"Đây rồi, khoảng trống này vừa vặn". Hắn nghĩ. Đoàn tàu lao nhanh trên đường ray. Những hành khách đang thò đầu qua cửa sổ tàu hoảng hồn khi thấy một người đang đứng giữa đường tàu. Họ đồng thanh rú lên kinh hoàng.

Hắn phấn khởi ghếch cái đít xe vào chỗ trống thì vừa lúc đoàn tàu vèo qua, sơ sểnh trong gang tấc. Nhiều người trên tàu suýt ngất đi vì sợ hãi. Còn hắn, nhìn theo đoàn tàu, tiếc trên ấy có nhiều người thế mà chẳng ai kịp dừng lại mua cho hắn một quả.

VII

Hắn đứng đến trưa.

Nhớ lời mẹ dặn, hắn bỏ nắm cơm ra ăn. Rồi hắn xuống quán mua một cốc chè uống. Xong xuôi, lại lên đường tàu đứng.

Hắn đợi, đợi mãi... Chẳng bán được quả nào.

Chỉ có những đoàn tàu chạy qua.

Hắn buồn lắm.

Cuối cùng thì cũng có một người xuất hiện. Đó là người tuần đường đeo băng đỏ, tay cầm cái choòng. Thấy có người, hắn hy vọng. Người ấy đến, nhìn hắn chăm chú:

- Mầy đứng đây làm gì thế này? Bán hàng thì xuống chợ mà bán. Đứng đây bán cho ma à?

"Lại bị đuổi". Hắn nghĩ. Nhưng hắn không thấy sợ như trước.

- Xuống kia đi - Người tuần đường cáu - Tàu hỏa kẹp chết bây giờ... Thằng dở hơi này.

"... Mình đã đứng từ sáng đến giờ có ai đuổi đâu mà bây giờ người này đuổi mình. Mà như ông ta chẳng định bán gì cả..." Hắn thầm suy tính và quyết định phản kháng. Hắn không chịu nhúc nhích. Người tuần đường kéo xe hắn, hắn giằng lại cương quyết. Hắn khỏe lắm. Người tuần đường bất lực...

Chợt hắn nhìn thấy trên tay người tuần đường có cái gì sang sáng. Hắn hỏi:

- Chú ơi! mấy giờ rồi ạ?

- Hai giờ.

Hắn vội vã dời chỗ. Mẹ dặn hai giờ phải về. Hắn vác xe tụt xuống những bậc thang. Người tuần đường nhìn hắn ngán ngẩm.

Xuống đến đường nhựa, hắn ngơ ngơ như quên điều gì. Hắn thọc tay vào cái sọt, đếm:

- 1, 2, 3... 19, 20.

Không đổi được một tờ nào... Mẹ hắn cần những tờ ấy lắm... Mẹ hắn sẽ buồn... Hắn òa khóc rồi lên xe đạp đi.

VIII

Đến ngã tư, hắn một tay quệt nước mắt, rẽ trái. "Ầm" một chiếc xe ASTREA đen không kịp phanh, đâm phải hắn. Cả hai cùng ngã lăn ra đường. Những quả bưởi lăn lông lốc.

- Tiên sư mày, đi thế à?

Gã đi xe máy lồm cồm bò dậy, chửi. Đèn pha xe máy vỡ tan, những mảnh vụn kính vương vãi, anh ta cáu quá xông lại đánh hắn túi bụi. Hắn chui đầu vào cái sọt trốn. Ầm ĩ cả đường phố. Người ta xúm lại xem rất đông. Có một người giữ tay gã đi xe máy lại, đẩy gã ra. Người đó mặc bộ bà ba nâu, đi dép đúc, mặt đầy sẹo trông rất dữ tợn. Gã đi xe máy định sừng sộ, nhưng khi nhìn thấy bộ mặt lạnh tanh của người mặt sẹo, gã nhũn ngay.

- Thằng nhà quê này rẽ không xin đường, nó làm vỡ đèn pha của em.

Người mặt sẹo lôi đầu hắn ra khỏi cái sọt. Mặt hắn đầm đìa nước mắt, nước mũi, méo mó biến dạng vì sợ hãi đến cùng cực. Người mặt sẹo nói:

- Nó dở hơi mà mày nỡ đánh nó à? Lương tâm mày để đâu?

Người mặt sẹo vừa buông hắn ra, hắn lại chui ngay vào sọt. Gã xe máy không dám nói gì, lẳng lặng dựng xe máy lên, nổ máy định đi. Người mặt sẹo ngăn lại:

- Khoan...

- Sao ạ?

- Mày kệ người ta thế à?

- Nhưng lỗi do nó chứ không phải em. - Tao đ. cần biết. Mày đi xe máy thì cái sai thuộc về mày.

- Nhưng mà... - Gã xe máy định cãi, nhưng thấy người mặt sẹo tháo đồng hồ ra cất vào túi, anh ta vội đổi giọng:

- Em phải làm gì?

- Mày phải đền cho người ta.

Gã xe máy bắt đắc dĩ mở cái cặp đen bên mình. Trong đó có rất nhiều tiền. Gã chọn tập tiền bé nhất loại 500 đồng. Gã bắt đầu đếm:

- 1, 2, 3... 19, 20... - Gã ngừng đếm, định cất tiền đi nhưng người mặt sẹo ra lệnh:

- Tiếp.

- ...21, 22, 23... 38, 39, 40. - Gã lại ngừng, không thấy người mặt sẹo nói gì, gã vội vã lên xe máy phóng đi. Mọi người giải tán hết. Người mặt sẹo đến gần, cất tiền vào túi cho hắn rồi bỏ đi. Một lúc sau hắn chui đầu ra khỏi cái sọt, vẫn chưa hết run. hắn bỗng thèm đến cháy lòng được nằm soài trên triền đê quê hắn, áp mặt xuống đất mát lạnh, được cho con kiến càng bò quanh lỗ rốn... hắn đang ở đâu đây?

Hắn trấn tĩnh dần, nhặt những quả bưởi cho vào sọt. Chỉ có một quả dập nát bét... Chợt thấy cộm trong túi, hắn lấy ra. TIỀN.

Trời sẩm tối. Mẹ hắn đứng ở hàng hiên ngóng đợi. Hắn hét váng khi về

đến cổng:

- Mẹ ơi... 1 quả, 40 tờ... 1 quả, 40 tờ...

IX

Trưa ngày hôm sau.

... Ngã tư ấy đây rồi, hắn nhớ lắm. Cái gì hắn đã nhớ một lần thì không bao giờ hắn quên. Quả bưởi dập vẫn còn kia, dưới cống...

Hắn dừng xe sát vỉa hè, miệng lẩm bẩm:

- 1 quả, 40 tờ - Hắn nhớ mẹ đã vui mừng thế nào khi cầm những đồng tiền hắn đưa. Hắn nhìn chăm chú về phía cuối phố. Những chiếc xe máy đi lại nườm nượp. Không phải chiếc này... không phải chiếc này... cũng không phải... 1 quả, 40 tờ mẹ ơi...

Cuối phố một chiếc xe ASTREA màu đen xuất hiện. Hắn nghển cổ nhìn:

- Đúng rồi, đúng là chiếc này... Chỉ đau một tí thôi, bằng con kiến cắn rốn... mình sẽ không khóc.

Hắn dắt xe ra vệ đường. Đợi chiếc xe máy đến gần, hắn lao xe đạp ra...

*

Người ta xúm lại xem tai nạn giao thông.

Hắn nằm giữa đường, chân tay thẳng thượt như nằm trên thảm cỏ xanh mịn màng ở triền đê quê hắn... cùng những chú kiến càng đen bóng đang bò đi bò lại quanh mình. Người ta thấy hắn lẩm bẩm câu gì đó, mỉm cười sung sướng, người ta dựng hắn dậy. Hắn oằn oài vì đau, nhưng miệng vẫn líu ríu:

- Giả đây, một quả bốn mươi tờ, một quả bốn mươi tờ!

BÙI THẠC CHUYÊN



PHẠM MẠNH HIÊN

đi câu gặp mưa thình lình

Tại trời tại nắng tại mưa
Tại con cá lội gió mùa lang thang
hỏi chi một tiếng sấm ngàn
Giật mình tưởng bóng chiều tan nổi khùng

em quê

Thị thành nắng dính nón quê
Sầu nghiêng bụi lấm lên bờ chiêm bao
Gót bùn bủa rộng âm hao
Đèn soi bóng chật phương nào hởi em

nắng mai

Nắng mai anh thở phập phồng
Phiêu phiêi sương muối như không cõi mù
Chạm lên mái tóc mờ ru
Xuống vai em thấy thiên thu lót nằm

những sợi tóc

Quá chừng tóc đổ màu hoang
Soi thân rụng giữa ngút ngàn tịch liêu
Chân đi lã dặm nắng chiều
Tăm tăm bóng nhỏ tôi liều trời cao

đêm ngồi ngó mây

Đêm ngồi dán mắt ngó mây
Thốt ra hồn đã rũ đầy trần gian
Cớ chi trăng hóa trầm luân
Khua vào cô tịch xin đừng gọi nhau

PHẠM NẠNH HIÊN



LÂM CHƯƠNG

lạy phật xin thơ

tôi đã từng làm nhiều chuyện bá láp
không chuyện nào bá láp bằng chuyện làm thơ
mỗi năm sản xuất thơ vài gánh
nhưng người đời vẫn cứ thờ ơ

tôi vào chùa đốt nhang lạy phật
xin cho con một mớ thơ thiền
càng lập dị thơ càng giá trị
để người đời biết đến họ tên

phật mách bảo về nhà ăn chay nằm đất
mở kinh ra đọc tới đọc lui
nhớ loáng thoáng vài câu thần chú
rồi kiên trì đọc ngược đọc xuôi

đã tới lúc chín muồi thi hứng
chữ nghĩa xoay điên đảo mơ hồ
miệng nói xàm nhập ma tẩu hỏa
phật cười rằng có thể làm thơ:

thiên nhai

ngó em xuân nữ ở truồng
hoát nhiên đại ngộ giữa sương sa mù
niết bàn tìm kiếm đâu xa
thiên nhai cửa ấy vào ra phiêu bồng

LÂM CHƯƠNG



LÊ THỊ THẤM VÂN

nơi em ở

Bên trái nhà em,
khu vườn hoang
với những cột điện cao thế
bọc hàng rào kẽm gai,
treo tấm bảng cấm ngặt trẻ con lẻn vào chơi
em thường đứng tựa cửa
đếm từng nóc cột điện,
suy tư
và mơ.

Những người thân trong nhà khó hiểu, kỳ bí như những người hàng xóm.

Ba bỏ báo sáu năm nay
mỗi sáng rời nhà từ ba giờ
sáu năm không bệnh không ngày lễ
350 tờ báo phải quẳng đủ 350 căn nhà
khuôn mặt ba quanh năm phờ phạc
thiếu ngủ
350 căn nhà trong thành phố đọc báo
chỉ trừ ba.

Má em,
trung thành với xe bus từ ngày đầu đến Mỹ
sáng tinh mơ ra đầu ngỏ đứng chờ chở thẳng tới
nhà người Nhật giàu,
coi con người ta
nấu ăn cho người ta
dọn dẹp sạch sẽ nhà người ta
về đến nhà 8 giờ tối, ăn uống vội vã, nói qua loa vài câu vô nghĩa
với chồng con, thắp hương bàn thờ ông bà, tiếp tục dán mắt
vào cuốn phim bộ dở dang đêm trước.

Anh trai,
17 tuổi
một sáng em vào phòng hút bụi
thấy tờ báo
giấu sâu, sâu dưới gầm giường
tò mò lật
xem. Hình ảnh những người đàn ông làm tình
đủ trò, đủ kiểu, đủ cách.

Chị gái,
hai năm bỏ nhà đi & về cả thảy năm lần
mỗi lần chị về
ba má nhận rõ hơn sự bất lực.
Còn chị
là những cái mím môi toan tính cho chuyến đi tới.

Nơi em ở,
đối diện là gia đình người Mễ có bốn đứa con, hai trai hai gái
đứa nhỏ nhất tập cưỡi xe ba bánh
đứa lớn nhất đang tập hát nhạc Rap
hai ông bà mập mạp nét mặt hiền từ như nhau
người chồng luôn cỡi tay cầm lon bia uống dở
người mẹ miệng liên hồi la rầy đàn con.
Mỗi sáng chủ nhật cả nhà dậy sớm
đi nhà thờ
con gái đầm xòe bẩy màu
vợ giầy trắng cao gót
chồng áo bỏ trong quần
con trai tóc xịt keo chải ngược.
Hình ảnh đẹp.

Sau lưng là gia đình người Lào đông con nhất chung cư,
bà vợ quanh năm bận váy phủ gót, tóc bới cao, tay lúc nào cũng bế con
mắt lặng lẽ nhìn trời hoặc đất
chẳng bao giờ nhìn quanh.

Bên phải
là những người đàn bà da đen độc thân

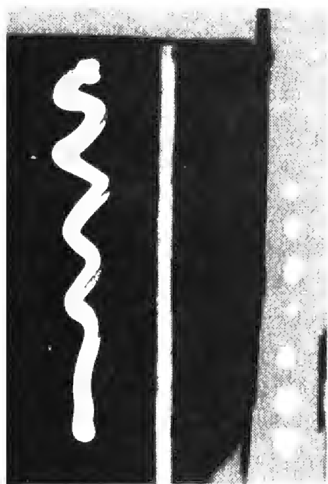
cửa luôn đóng
im lìm.
Hàng đêm
tiếng gõ cửa
tiếng mở cửa
đều đặn...
thỉnh thoảng cảnh sát ập tới
những người sống chung quanh
mắt cùng,
cố đâm thủng bên trong bức tường trắng đục
bán drug? động đĩ? thanh toán nhau?
nhưng...
hôm sau cánh cửa
vẫn im lìm
đóng.

Bên trái nhà em,
mảnh vườn hoang
với những cột đèn cao thế
bọc hàng rào kẽm gai
treo tấm bảng cấm ngặt trẻ con lẻn vào chơi.
Em thường đứng tựa cửa
đếm từng nóc cột điện
suy tư
và mơ.

LÊ THỊ THẤM VÂN

NGUYỄN MAI

ẨM ƯỚT NHỮNG CƠN MƯA



Vô tình tôi đi qua quán sách cũ buổi chiều hôm ấy. Sau cơn bão vừa tạt qua thành phố vài bữa trước, trời đang lặng yên, bỗng như chưa hả, đổ xúông một trận ào ào. Tốt hơn cả là chạy vào quán sách, vừa nhân thể chào cô bạn chủ quán, vừa tìm một cúôn gì về đọc cúôi tuần. Thời tiết xấu, thiên hạ bớt ra phô. Nhất là sau những ngày lễ tết cúôi năm, túi tiền vơi hẳn, lại thuế má rượt đuổi sau lưng. Mọi người đâm sợ la cà nơi hàng quán.

Cô bạn đang lui hui xếp lại mớ sách trải đầy trên sàn gỗ, nghe tiếng tôi gọi sung sướng cười toe. A, hóa ra bạn đang ế khách, có người nói chuyện hẳn thích đó thôi. Thường thường giờ này, đủ hạng người, già trẻ lớn bé, nhất là học trò sinh viên, chen nhau trong cái phòng không được bốn chục mét vuông. Sách trên kệ, dưới sàn, trên bàn, và cả những bực thang dẫn lên căn gác, nơi uống trà đọc sách của các khách nhàn nhã.

Nhưng tôi nhầm, niềm vui không vì thế. Cô ta chẳng chút buồn tình, còn đang mừng có dịp xếp dọn lại mớ hàng hoá vô cùng bừa bộn sau những ngày Tết mà thiên hạ đổ nhào đến mua sách cũ làm quà. Ngày xưa, tôi không nhét nổi vào đầu cái ý nghĩ có thể gói lại trong giấy bóng một cuốn sách, nếu không đến nổi cũ mèm, thì cũng cong góc, nhạt màu bìa, để đem tặng ai đó. Sau này, đôi lần, phải chạy cùng mòn hơi để tìm ra một quyển sách đã tuyệt bản, mới thấy thế nào là quý. Chưa kể đến giá tiền rất khiêm nhường của chúng.

Nhớ ngày con bạn ngồi gọn lỏn trong chiếc ghế bành với hai đứa con nhỏ,

đứa ôm cổ, đứa kéo tay. Một mình sau đám tang ông chồng, phải tìm cách sinh sống. Nó lắc mái tóc buộc gọn sau vai: - Tao bán nhà, lấy tiền mở tiệm sách. Tự nhiên tôi bật cười: - Sách gì, khoa học, văn chương? Mày biết chi mà buôn với bán! Nó ngửng lên mở to đôi mắt ngạc nhiên, thất vọng. Tôi nhận ra ngay câu nói vô duyên của mình. Lâu rồi, tôi quá quen nơi nó, hình ảnh một bà nội trợ có ông chồng chức phận, ở nhà nuôi con và quản lý cái trang trại lớn. Tôi quên hẳn đi con bạn mình vốn có một kiến thức tổng quát trên xa mức trung bình. Ít nhất, có thể là thầy của cái đầu chật hẹp, là tôi. Cái vốn này thật quí giá và cần thiết để mở một cửa hàng sách, nhất là sách cũ, thứ giang sơn của mọi nền văn hóa, vượt cả thời gian, không còn giới hạn.

Hai đứa tôi rủ nhau lên gác, tâm sự đủ chuyện. Tôi mới hay, cô bạn vừa mở thêm một phòng triển lãm tranh trên con phố gần đây. Trời dứt cơn mưa, chỉ còn vài giọt lất phất, ngoài kia gió đã ngừng. Tôi đẩy cửa ra về, con bạn nhắn theo: - Nhớ ghé qua xem tranh, chắc mày sẽ thích lắm!, kèm theo một nụ cười có vẻ khác thường. Tôi không do dự, giờ này về cũng thu tròn đọc sách, đi xem phòng tranh mới của hắn thôi.

Phòng tranh trên con đường phố cổ chật hẹp, không được bốn mét bề ngang, một chiếc xe chạy qua là đủ nghẹt, cũng chẳng có vỉa hè. Những ngôi nhà hai bên trầm ngâm màu gạch cũ, không rong rêu nhưng đượm nét u hoài với các ô cửa kính cong cong và những mái ngói sậm màu. Chỉ một vài khu phố như thế còn sót sau thế chiến, các nơi khác trong thành phố đã được xây dựng lại.

Tôi đứng ngoài cửa kính một chốc. Tật tôi vẫn thế, thích có cái nhìn bao quát trước khi vào một phòng tranh nhỏ. Chừng hơn chục tấm xếp đặt mỹ thuật trên ba bức tường không thẳng góc. Con bạn cho biết trước, đây là một họa sĩ mới trong vùng. Một người đàn ông đang đứng xem tranh phía trái, tóc dài chấm vai. Màu lá mạ của chiếc áo pull sáng lên trước nền xanh dương đan những vạch trắng và đốm nâu của bức tranh trừu tượng. Anh ta có vẻ chăm chú, lại gần rồi lùi xa. Ở cái bàn trong góc phải, cô tiếp tân đang chúi đầu vào một cuốn sách. Tất cả yên ắng. Đã đặt tay vào nắm cửa nhưng tôi bỗng ngại ngần không dám mở ra, sợ làm rộn người khách đang xem. Buông tay quay lưng định đi, quả nắm kêu lên tiếng động nhỏ. Người đàn ông quay lại hơi nhíu mày, nhưng liền sau đó, bắt gặp sự lúng túng của tôi, anh ta mỉm cười. Tôi thoáng thấy đôi mắt xanh như mặt hồ thật dịu.

Đã lỡ rồi, tôi quyết định không vào. Chút ánh sáng cuối ngày vừa biến đi trên con đường nhỏ. Trời lại sắp đổ mưa.

Chẳng ngờ, tôi gặp lại người đàn ông tóc dài ấy ba bốn tháng sau, nơi một quán ăn gần biển. Cũng cô bạn hàng sách bày têu nhân ngày sinh nhật. Cô và tôi, chẳng hiểu tiền định thế nào, sinh cùng ngày cùng tháng. Lần này, cô gọi: - Đừng ngồi nhà, sửa soạn theo tao đến chỗ này. Giọng cô reo lên như hứa hẹn một điều gì thú vị.

Từ biển quay vào thành phô, hết làng mạc là những cánh đồng thẳng tắp. Vào mùa hạ, những hoa cây gai dệt vải xanh lung linh, bềnh bồng lan khắp chân trời. Lúc này cúôi đông đầu xuân biển thường hay động, từng bầy hải âu oang oác rủ nhau vào đất liền, theo chiều gió. Xe qua vài con đường nhỏ viền hai hàng bạch dương, chúng tôi dừng lại trước ngõ dẫn vào một quán ăn khuất lấp sau lùm cây nguyệt quế. Vừa bước xúông xe, tôi ngạc nhiên bật cười, một tấm biển nhỏ dựng cạnh bụi cây, kẻ chữ hồng: Chiếc vali tham ăn. Tôi đưa mắt thầm cám ơn con bạn đã dành cho những thích thú kiểu này.

Lối đi trải đầy sỏi trắng đưa đến một căn nhà tường phủ sọc gỗ nâu, tiêu biểu của vùng tôi ở. Hôm ấy trời đầy mây u ám. Có ngọn gió đông bắc lùa về căm căm. Vào tháng tư không được rời một sợi vải, câu ngạn ngữ kỳ cục của vùng này xem vậy mà đúng. Dù ban ngày, sau cửa kính thấp thoáng ánh đèn ấm áp. Tôi không chờ cô bạn đang lúi húi khóa xe, hấp tấp mở cửa đi vào, như bị cuốn hút bởi không khí ấm bên trong. Nhưng tôi đã khựng lại ở ngưỡng cửa một phòng ăn có mấy cái bàn phủ khăn hồng nhạt làm nổi bật những chiếc đĩa màu rượu chát. Ánh pha lê từ các cái ly cao cổ lung linh dưới ánh đèn. Cành hoa trắng trong chiếc bình thấp đặt ở mỗi bàn mang vẻ cô độc nhưng thanh lịch. Trên hai bức tường đá vôi là hai bức tranh sơn dầu khổ lớn. Ngoài ra chẳng còn gì khác. Tôi chưa nói đâu, về những tấm tranh này, vì điều đã khiến tôi không thể bước thêm bước nào chính là người đàn ông đứng gần quầy rượu. Anh ta đó, chàng tóc dài xem tranh chiều mưa nọ.

Tiếng chân cô bạn phía sau, anh chàng nở nụ cười rạng rỡ. Tôi thấy đôi mắt rất dịu lần trước sáng hẳn lên. Hóa ra, anh cười với cô bạn tôi.

Trưa ấy trong tuần, vắng khách, người bồi phụ trách hai bàn khách xa hơn. Chúng tôi được chính chủ quán tiếp món ăn. Con bạn giới thiệu đây là bạn thân của người họa sĩ triển lãm hômnào. Tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Bạn rất thân, mà sao anh ta đến xem tranh với phong cách của khách thưởng lãm không quen. Kỳ lạ!

Chàng tóc dài hôm nay vẻ ngoài có khác, một bộ complet cắt khéo, trịnh trọng ông chủ nhà hàng, nhưng không che đi màu tím nhạt của chiếc sơ mi cũng nhẹ nhàng như màu áo lá mạ bữa ở phòng tranh. Anh rất hoạt bát, nói đủ thứ chuyện một cách dễ dàng. Tôi vừa nghe vừa đảo mắt nhìn quanh. Tất cả nơi đây toát ra một không khí ấm cúng và lịch sự. Đối diện lối vào có hai khung cửa mở rộng ra khu vườn, những nhánh phong đã bắt đầu trổ lá. Cây hoa đào rủ cành, hồng thắm góc sân. Bức tường sau quầy rượu treo tấm tranh vẽ một ngôi nhà cổ cheo leo bên triền núi, có một thứ nắng trời rực rỡ chiếu sáng các bờ đá và những cành cây mọc nghiêng trong không. Nhưng khi mắt dừng lại ở tấm tranh thứ hai thì tôi như bị một luồng điện mạnh chạy qua. Những mảng mầu đập vào nhau, bắn ra như máu, như nước, như lửa cùng một lúc. Nó làm hồn tôi bấn loạn. Cô bạn như nhìn thấy đưa mắt hỏi anh chàng tóc dài:

- Hắn đâu?
- Dưới bếp, để gọi lên.

Vài phút sau, hắn đó. Một dáng người to cao vững vàng, chiếc áo ca rô xanh hài hòa với màu quần xám, bên ngoài còn khoác cái tạp xề đầu bếp. Người mới đến ôm hôn cô bạn túi bụi, rồi quay lại chìa tay cho tôi, bàn tay ấm nhưng mềm mại. Bạn tôi giới thiệu: - G., đầu bếp tham ăn, họa sĩ cuồng! G. cười hiền lành. Tôi vẫn có tật hay nhìn vào đôi mắt người đối diện. Mắt anh ta lại thản nhiên kỳ lạ. Con bạn và hai người đàn ông nói chuyện vui vẻ, thân thiện, tôi đóng vai thính giả chăm chú ngồi nghe. G. ít nói nhưng rất ý nhị. Chàng tóc dài hài hước vui tếu hơn. Có lúc, anh ta đặt một tay lên đùi, tay kia choàng qua vai G. kéo lại gần. Họ nhìn nhau, ánh mắt trao đổi, trìu mến. Và tôi ngớ người ra trong giây phút. Con bạn tinh ý đá chân tôi dưới gầm bàn, cười tủm tỉm. Hoá ra hắn cố tình đưa tôi đến đây.

Chúng tôi ngồi lại rất lâu sau bữa cơm. Khi bước ra khỏi chiếc vali thì trời đã tối. Một mùi hương thơm bay phả trong không, hình như là mùi thủy tiên dưới những gốc cây lẫn với mùi biển. Tôi kéo cao cổ áo, ngửng đầunhìn trời. Một mảnh trăng trên đầu, lẻ loi trong vắt. Rùng mình thấm lạnh, và không hiểu vì sao, tôi bỗng ngoái lại nhìn. Sau cửa kính, hai người đàn ông quàng sát vai nhau vẫn đứng đấy, đưa tay vẫy chào. Ánh đèn sau lưng họ vô cùng ấm áp.

Từ đó, tôi trở thành bạn. Cô hàng sách và hai người chủ chiếc vali tham ăn thường tụ họp gặp nhau vào những ngày nghỉ, và tôi được mời nhập bọn. Tôi cũng thường ghé qua quán ăn mỗi lần ra biển, có khi mời thêm ai đó, có lúc một mình. Tôi gọi họ là tóc dài và họa sĩ. Hình như với thế giới bên ngoài, G. vẫn luôn ít nói, hình như lời nói của anh đã là màu là sơn cọ, là mùi thơm và cách bày biện mỹ thuật những món ăn. Còn với không gian sâu kín hơn, anh dành để nói với tóc dài bằng những cái nhìn dịu dàng. Tôi dần quen với những cử chỉ rất thân mật đôi khi táo bạo, có phần lộ liễu của họ. Trong tôi không còn hình ảnh những anh chàng gay mặc áo màu yểu điệu, với hai bàn tay thích xoè từng ngón, vung vẩy trong mỗi bước đi.

Chàng tóc dài kể tôi nghe về cuộc đời của họ. G. sinh trưởng tại miền biển này. Ở tuổi thiếu niên đang lớn, G. sẵn có cái vẻ đẹp mạnh mẽ, rắn rỏi và một tâm hồn bồng bềnh nghệ sĩ. Nhưng ngay từ thủa ấy, anh hất hủi tất cả những cô gái cố tình chạy theo. Cha mẹ G. ngạc nhiên, nhưng không quá bận tâm, cho rằncg con mình mê hội họa hơn mê gái, thế thôi. Nhưng đến khi hàng xóm láng giềng cùng các cô gái đồn đại quá sức thì G. không chịu đựng nổi tiếng thở dài của mẹ, cặp mắt vừa dò hỏi vừa đau xót của cha. Anh bỏ nhà ra đi, về thành phố lớn. Ở đó, G. đã có cơ hội học hỏi thêm và phát triển tài năng. Để kiếm sống và có tiền mua sơn cọ, anh làm bồi bàn trong một tiệm ăn nổi tiếng, tự nhiên khám phá thêm năng khiếu nấu ăn đặc biệt. Từ bồi bàn, G. xin làm phụ bếp để học nghề.

Riêng tóc dài là con nhà giàu, học hành rất giỏi. Sau cao học luật, anh học thêm về chính trị, rồi làm việc trong ngành ngoại giao khi vừa hai mươi sáu tuổi. Hai người gặp nhau ở hiệu ăn G. làm. Hình như nơi những người như họ, cái cú sấm sét trời giáng thường vô cùng quyết liệt. G. vẫn tiếp tục nấu ăn và vẽ, trong khi tóc dài di chuyển nơi này nơi khác, anh đi cùng tứ xứ. Những chuyến đi như thế chẳng thú vị gì mà lắm khi là một khổ hình. Trong nghề nghiệp anh ta, bắt buộc phải che dấu cái giới tính bị xem là nghịch đời. Anh kể, có lần, một nhà ngoại giao Nhật Bổn đãi anh một buổi tiệc có những nàng geisha chuyên nghiệp. Rượu saké chuốc từ đầu bữa đến tàn đêm. Các cô lơi lả, ông Nhật say mèm sốt ruột, chỉ muốn được vào phòng bên. Nhưng anh là khách, và anh vẫn ngồi yên tự tại, mặc cho các nàng có ý giục giã. Nhà ngoại giao khổ sở chịu trận. Cuối cùng ông ta không còn đủ kiên nhẫn đợi thêm, nên nói thẳng:

- Nếu ông không thích những cô gái kiểu này, chúng tôi có thể mời các nàng điệu nghệ khác. Tôi gọi vào cho ông chọn nhé!

Tóc dài chẳng còn cách gì khác hơn là vội vã đứng dậy chắp tay:

- Thưa ngài, xin miễn cho, chả là ...hôm nay là ngày kỷ niệm đám cưới vợ chồng tôi, và...tôi rất yêu nàng. Ông Nhật cười ha hả:

- Không ngờ, không ngờ! Tây phương các ông lại có người lịch sự với vợ đến thế! Bái phục!

Khi những thứ cực hình kiểu đó và kiểu khác đã quá sức, tóc dài bàn với G. tìm nơi nào đó định cư và làm cái gì khác. G. cũng chán ngán thành phố lớn ồn ào, thèm muốn trở về với biển. Tôi nghĩ rằng, trong nghĩa nào đó, họ đã tìm ra niềm hạnh phúc bình yên, có phải? Khách đến quán vali tham ăn, nếu chẳng biết gì, thì khen ngợi khẩu vị của các món ăn cùng vẻ thơ mộng của nơi chôn. Còn biết chuyện, họ đến lần đầu như kẻ tò mò, không chấp nhận thì ghé vào một lần thôi. Số còn lại trở thành khách quen cởi mở, chia xẻ, đồng tình. Có nhiều người mua tranh G., và cũng có nhiều bà nhiều cô mê mệt phong cách lịch lãm, duyên dáng trong lời ăn tiếng nói của tóc dài.

Một lần, tôi hỏi G. tại sao anh thích nấu bếp. G. trả lời:

- Tôi thích mọi thứ nghệ thuật. Nấu ăn là một trong những thứ ấy, có phần đặc biệt hơn, nó giúp tôi giữ được thăng bằng trong con người. Nhờ nó, tôi tự trấn tĩnh, kìm hãm những sôi sục điên đảo thường khi đẩy tôi đến bờ vực. Tâm tôi vốn chẳng mấy bình an. Tranh tôi có lúc hiền hòa, lại có khi tôi trút cả bức xúc, ấn ức, giận dữ vào đó. Trước khung bố, tôi không bao giờ biết trước rồi bức tranh đang vẽ sẽ ra sao, vì tôi không thể kiềm giữ được trạng thái tâm hồn mình. Mà những thứ xúc động cao điểm ấy là một trong những cá tính của những thằng đồng tính luyến ái như tôi. Có người che dấu được, có người càng đậy điệm càng bùng nổ. Còn nấu ăn, một nghệ thuật có qui tắc. Người nấu ăn không thể tùy tiện, dù cho óc sáng tạo cũng là điều vô cùng cần thiết, chẳng kém gì trong các ngành nghệ thuật khác. Khi nấu ăn, tôi phải

điềm tĩnh, tính toán. Canh chừng luộc nhánh rau thế nào cho xanh, cho mớ nui mềm vừa phải. Quậy món sôt nhanh tay lúc đầu nhẹ tay phút cuối...

Rồi tôi cũng đem thắc mắc về buổi gặp gỡ đầu tiên nơi phòng tranh hỏi tóc dài. Anh cười bảo: - G. vẽ tranh và tôi mê tranh, nhưng tôi không bao giờ nhìn hắn đang vẽ. Giản dị, chỉ vì tôi biết tôi sẽ can thiệp vào việc làm của G. Tôi xem hắn như một người vợ, và có thói xấu là luôn luôn thích bảo vệ phái yếu. Đó dường như là tính chất của bọn chúng tôi, hoặc nương dựa bám víu, hoặc làm chủ tình thế. Tôi nghe tóc dài, gật gù ra vẻ thông hiểu, nhưng vẫn thấy có gì ngược ngạo, trục trặc. Hai người này họ đã chẳng bình thường, lại càng nghịch lý hơn khi G. vạm vỡ to con lại được che chở bởi cái anh chàng mảnh dẻ thư sinh có đôi mắt dịu dàng trong suốt.

Tôi quen họ một thời gian chẳng biết bao lâu. Và không có gì ngăn cản tôi yêu thích sự có mặt ấy trong cuộc sống của mình. Đôi lần họ tổ chức họp mặt giữa những người đồng cảnh, và mời tôi đến chơi. Tôi hăng hái nhận lời. Nhưng lần đầu tiên, ngồi lên xe rồi, sắp mở máy, tự nhiên tôi tự hỏi: khùng quá chăng, khi mình đàn bà lạc vào giữa một bọn đàn ông đồng tình luyến ái? Cũng có hơi lo, rồi buổi họp sẽ đi đến đâu, làm sao chuồn về nếu họ đi quá đà sau đó? Nhưng lỡ hứa rồi, phải đi. Cuối cùng, tôi thấy mình nhầm. Tối hôm ấy, ngoài mấy cặp bạn trai còn có một đôi bạn gái. Mọi người đón tôi tự nhiên cởi mở. Một bữa ăn thanh thản, vui vẻ như những bữa tiệc ngoài đời. Tôi đã mỉm cười chế nhạo cái đầu óc tưởng tượng phong phú của mình trước khi đến đây.

Một trong hai cô gái mang tên Lise mà tôi rất thích. Dáng người cô cao và cân đối, một cô gái đẹp. Người bạn Lise mập mạp hơn, bộ ngực khá đồ sộ, mặt tròn nhưng có nụ cười thiên thần, hàm răng trắng bóng. Lise và cô bạn khi ngồi gần nắm tay, lúc ngồi xa gửi vài cái hôn gió. Cho mãi đến khuya, tôi đứng dậy cáo lỗi ra về thì sự cố xảy ra. Đang từ biệt G. và tóc dài ở thềm cửa, tôi nghe hai cô gái to tiếng với nhau. Lise trách cô kia điều chi đó, và cô bạn ngúng nguẩy quay đi. Lise ào tới vật cô ta ngã dài - chẳng ngờ Lise mạnh đến thế - ôm chầm lấy, cào cấu dữ dội. Mặt Lise đầm đìa nước mắt. Dường như cô bạn động lòng nên ôm lấy Lise, rồi họ hôn nhau mê mải.

Tôi bước ra khỏi cửa. Lại một lần nữa tâm hồn tôi mất hẳn bình an.

Trên đường đêm, ngồi trong xe, qua những cánh đồng rạ tối, tôi nghĩ về tôi, về G. và chàng tóc dài, rồi về hai cô gái. Hình ảnh Lise chúi mặt vào khuôn ngực dầy của người bạn hệt như một đứa trẻ tìm vú mẹ. Những nhà tâm lý thường cho đó là hậu quả của thứ tuổi thơ thiếu tình mẫu tử. Không thể che dấu rằng, sự vuốt ve trao đổi giữa hai cô gái ấy làm tôi gai người. Khác hẳn những lần tôi thản nhiên trước cử chỉ âu yếm của cặp vợ chồng chiếc vali tham ăn, đã xem đó như chuyện bình thường, không khó chịu. Tại sao trong tôi lại có sự phân biệt giữa hai cặp tình nhân ấy? Vì sao tôi chấp nhận phái này mà không là phái kia? Tại hai người đàn ông vốn đã là bạn

quen, còn hai cô kia là người lạ mặt?

Đường đêm hun hút, thỉnh thoảng vài con thỏ hoang băng ngang dưới ánh đèn xe, rồi biến vào phía bên kia bờ ruộng. Con đường này có những khúc quanh khá nguy hiểm, cần thận trọng. Nhưng đầu óc tôi chẳng rời được những suy nghĩ miên man. Cứ mỗi lần đôi môi Lise trơn ướt, cặp mắt Lise lóng lánh nhìn cô gái nọ hiện ra, là mỗi lần tôi rờn rợn thịt da.

Cuối cùng tôi cũng về tới nhà. Tắt máy, xuống xe, tôi tự nhủ: - chẳng có chi lạ, không chấp nhận hình ảnh hai cô gái kia chỉ vì mình là một thứ đàn bà bình thường, cứ tưởng như một người đàn bà khác đang làm những động tác ấy trên chính mình, nên sờ sợ, thế thôi.

Tôi không có dịp gặp lại Lise sau đó. Cô hàng sách ngày mỗi bận bịu, mở thêm gian hàng mới, giao thiệp với họa sĩ, điêu khắc từ các nơi đến triển lãm. Hơn nữa, có một khuôn mặt mới vừa xuất hiện bên đời cô. Nên dù tôi vẫn vào mua sách, nhưng chúng tôi ít hàn huyên tâm sự. Tôi hay ghé phòng tranh vào những chiều cuối tuần, hoặc một mình hay với tóc dài, trong khi G. sửa soạn các món ăn.

G. vẫn vẽ. Nhưng có điều gì đó nơi G. làm tôi lo âu. Mỗi lần xem một bức tranh vừa hoàn tất của anh ta là hồn tôi nếu không hỗn loạn thì trĩu xuống. Tranh G. càng ngày càng táo bạo. Có khi, một con đường sâu hun hút với một hình nhân trần truồng nửa chạy nửa bay, rất thơ nhưng rất lạnh. Có khi, lại những tảng màu đổ ra như máu, không hình không thể, mà thường, tôi chẳng thể chịu đựng lâu hơn. Tôi sợ và nói điều đó với tóc dài.

Một thời gian sau, tôi nằm bệnh viện. Tóc dài vào thăm buổi chiều hôm ấy. Trời mưa. Tôi với anh ta cùng những cơn mưa ướt át như thể có duyên hội ngộ. Sau các thăm hỏi về bệnh tình, anh kiếm một cái ghế nơi góc phòng, mệt mỏi buông người xuống. Thời gian như dừng lại. Tôi không nói gì, và anh cũng im lặng nhìn ra ngoài trời. Một lúc lâu, không thể kéo dài, tôi gọi nhỏ tên anh. Tóc dài quay lại, tôi chẳng thể nào tả nổi cái màu đùng đục, nhờ nhờ buồn thảm trong đôi mắt. Anh thở dài:

- Có lẽ bọn này đóng cửa cái vali!

Chẳng chờ tôi phản ứng, anh tiếp luôn một tràng như thể một đập nước vỡ bờ:

- G. nó điên rồi. Không thể nào chịu nổi! Nó nấu nướng bậy bạ, cháy khét vô chừng, trong khi khách hàng càng lúc càng đông. Bảo kiếm đầu bếp thay, nó không chịu. Tranh thì cọ quẹt tưng bừng loạn đảo, chẳng cái gì ra cái gì! Tôi cũng điên mất.

Ngực tôi nhói đau, nửa do cơn bệnh, nửa vì lời nói của anh ta. Tóc dài ấm ức kể thêm những sự việc đã xảy ra trong đời sông của họ, những bất mãn của khách hàng, những cãi cọ đạp đổ hằng ngày của G. Cơn giận làm tóc dài nhổm lên ngồi xuống, khua tay vò đầu. Tôi không còn thấy đâu hình ảnh người đàn ông lịch lãm từ tốn, bông đùa quen thuộc. Cuối cùng thấm mệt,

anh ngồi lại, hai bàn tay không ngừng vuốt mái tóc rất mềm, vàng óng ả. Lại im lặng. Rồi tôi cũng phải nói câu gì chứ! Cũng chẳng phải đơn giản là một câu nói, bởi tôi linh cảm anh ta chưa kể hết sự thực, cái sự thực đã làm anh bức xúc điên cuồng. Tôi nhẹ nhàng hỏi: - Còn chi nữa không? Tóc dài lặng thinh, hai vai rung nhè nhẹ. Tôi với cái áo khoác, bước ra khỏi giường, đến gần đặt tay lên mái tóc anh ta. Một lúc sau, anh buông thõng:

- G. nó trốn tôi, nhất định không cho tôi đụng đến người hắn nữa.

Tôi có cám tưởng cả mớ ruột anh ta đã trút hết ra ngoài. Cái thân người rũ rượi trên ghế kia hoàn toàn trông rỗng. Tôi hiểu sự đau đớn, tuyệt vọng trong anh. Dường như những người thuộc thế giới anh có những đòi hỏi tình dục khác hẳn. Đối với họ, đôi khi không đơn giản là một yêu cầu thỏa mãn sinh lý, mà hơn thế, đó là phương cách biểu lộ và xác định sự hiện hữu khác người của mình với cuộc đời chung quanh. Cái cuộc đời vốn xem chuyện yêu đương đồng phái là một chứng bệnh. Hoặc thứ gien, không làm chi khác được, hoặc một hội chứng tâm lý bất bình thường, phản xã hội. Nếu không phải là một chứng bệnh, thì là một sự vật biến thái. Họ phải phản kháng ý tưởng bị xem là vật bất thường. Cách chống đối có khi dẫn đến thái độ công khai bộc lộ giới tính của mình trước thế gian, như một thách thức, một hành động đôi lúc do tiềm thức.

Chẳng bao lâu, một ngày cuối hè, tôi vừa đi xa về, đẩy cửa vào nhà chưa kịp đặt hành lý, chuông điện thoại reo. Cô hàng sách báo tin G. vừa mất. Hai hôm trước, sau khi đập nát một lô bát đĩa trong hiệu ăn, G. bỏ ra vườn, ngồi đấy rất lâu, rồi đứng dậy lái xe đi. Tóc dài không có đó. G. đi dọc bờ biển lên phiá Bắc. Vùng này có những vực sâu, xe G. đã lao xuống một bờ biển cao và dốc.

Tôi không còn nhớ gì, hay trí óc đã từ chối ghi nhận những điều xảy ra sau đó.

Thời gian qua đi lâu lắm, tôi không hề ra biển, mãi đến một lần đi đón khách phương xa. Lúc quay về, tôi chẳng ngừng được nữa, rẽ xe vào con đường có hai hàng bạch dương. Bụi nguyệt quế ở cổng mọc um tùm che gần hết đường vào. Tấm bảng kẻ chữ hồng đã bong sơn nhưng vẫn còn đó. Lối sỏi bắt đầu mọc rêu, và màu nâu của những thanh gỗ bọc tường đã bạc đi vì gió biển. Cửa đóng then cài. Tôi bùi ngùi, cảnh cũ nhưng người xưa không còn. Và lạ lùng chưa, hạ đến lâu rồi mà còn lấm tấm vài bông hoa đào cuối góc vườn kia. Lá rụng đã mấy mùa thu rã ra với mưa nắng, phủ đầy trên các lối đi. Nhớ còn người bạn ngồi đợi trong xe, đành trở ra. Nửa chừng không ngăn nổi, tôi ngoái lại. Mắt bỗng nhiên nhòa đi, mấy cánh cửa hình như đang từ từ mở ra, có ánh đèn vừa thắp lên trong ấy. Và sau ô kính, tôi thấy hai người đàn ông âu yếm đứng sát bên nhau đưa tay vẫy vẫy.

Tóc dài đã bặt tin từ độ ấy. Cái quán ăn không bán lại cho ai, đóng cửa bỏ

hoang chẳng biết đến bao giờ. Tôi sững sờ nhận ra, một quãng đời hằn dấu ấn của mình vừa chấm dứt.

Ôi, sao G. bỏ thế gian này, bỏ những bức tranh vô hình vô thể với những nhát màu làm khủng hoảng hồn tôi. Và tóc dài thì đang ở đâu? Anh ta có lượm lại được mớ ruột của mình để nhào nặn nó thành một sự sống khác được chăng? Tại sao các người đến đây? Đem thứ tình yêu khủng khiếp của các người làm hỗn loạn, phá vỡ cái trật tự bình thường trong tâm hồn ta, rồi vội vã bỏ đi.

..Chắc M. nghĩ tôi đã chết ở một bờ bụi nào rồi, nếu không cũng nằm trong một viện tâm thần đâu đó. Chẳng thể nào kể hết được cho M. những gì tôi đã sống, đã làm trong quãng thời gian qua.

Những ngày tháng đầu, tôi tự hiểu phải bỏ tất cả ra đi. Đi khắp nơi như hồi tôi ở trong ngoại giao, nhưng không cùng mục đích, một công việc. Tôi đi tìm nơi tụ tập của những kẻ như tôi, như G. Một thứ xã hội nhỏ nhoi trong cái xã hội mênh mông của loài người. Vì chỉ ở nơi ấy, tôi mới tìm ra được cho mình câu trả lời về những ngày cuối cùng của G. Ngày nào, tôi chưa hiểu nguyên nhân những đau khổ ấy, mà tình thương tâm thành của tôi đã chẳng làm được gì cho G., thì tôi chẳng thể tiếp tục sống bình yên. Và tôi đã tìm ra M. ạ, ít nhất, tôi tin là như vậy.

Đơn giản thôi, chỉ do một thái độ chấp nhận hay là không. Tôi chấp nhận con người tôi, nên tôi yêu cuộc đời này. G. thì bị dằng co, mặc cảm. Nhất là từ ngày trở về vùng biển tuổi thơ ấy. Có lần chúng tôi đi ngang qua ngôi nhà ngày xưa của G., nay đã thuộc về chủ khác. Cha mẹ G. dọn về L., quê ngoại, sau khi G. bỏ nhà ra đi. Tôi cao hứng hỏi G. về khu vườn, về cái xích đu sét rỉ ở đầu hiên v..v.. Nhưng G. không muốn nhìn và giục tôi lăn bánh. Tôi đã chẳng nhận ra kịp thời những điều như vậy, thêm thái độ sống bông lông đùa cợt của tôi chẳng đem lại chia xẻ sâu xa nào cho G. cả.

Tôi lang thang đó đây, thay đổi cảnh, thay đổi người tình để lắng dịu những ngọn lửa bừng bừng thể xác mà tôi đã bắt buộc ủ đi từ ngày G. chẳng tha thiết gì với cuộc sống chung. Tất cả mọi điều phải có cái thời của nó, và cũng chỉ có một thời mà thôi. Muốn rút ngắn con đường cũng chẳng được nào. Muốn đổi thay, làm một cuộc cách mạng cũng phải chờ cái thời này đi qua, cái thời kia sẽ đến.

M. thân, tấm thiệp kèm đây, M. đủ hiểu tôi đang ở xa thành phố M., nơi G. say ngủ, cả ngàn vạn dặm. Nhưng tôi không còn như buổi chiều vào bệnh viện thăm M. Chẳng phải tôi đang sung sướng, chỉ là một sự bình lặng của mặt nước hồ sau cơn giông.

Hắn M. ngạc nhiên khi biết tôi đang sống chung với Lise trong cùng căn nhà. Trên con đường tìm kiếm, tôi đã gặp lại Lise, cũng lang thang thất thểu. Cô bạn Lise đã có người tình khác. Riêng tôi, sau những trận tình vội vã ở những hộp đêm, những buổi tiệc xô bồ, tôi bắt đầu mỏi mệt. Tôi cần một người bạn cuối ngày, một trái tim nhạy cảm, như Lise. Có đôi lần, tôi nghĩ, chả lẽ mình không thể xúc động trước một người đàn bà đẹp như Lise? Và chúng tôi đã thử. Kết qủa, không là thiên đường, cũng chẳng là địa ngục.

Lise đã trải qua một thời làm vợ bị tên chồng hành xác. Vì thế, nàng đi tìm một người nữ biết dịu dàng với thể xác nàng hơn. Cùng một phái, hiểu tận tường ngõ ngách cơ thể và cách truyền giao cảm xúc, dễ cùng nhau đi đến vùng trời mà ở đấy con người không còn đau đớn nữa.

Tôi và Lise cho nhau chẳng được nhiều. Mọi thứ tự nó có giới hạn. Nhưng chúng tôi nhìn nhau an tâm. Hiện thời Lise làm việc trong một nhà trẻ. Tuổi thơ cô bầm dập trong một gia đình mà cả cha lẫn mẹ đều nghiện rượu, đập nhau choang choảng suốt ngày. Nhìn Lise với đám trẻ con quấn quít, tôi cứ tưởng như cô nàng Bạch Tuyết giữa mấy chú lùn đang tranh nhau tắm rửa kỳ cọ để lấy lòng người đẹp. Còn tôi, cả đời chưa từng mó tay vào bếp, thì hiện giờ đang xoay nồi xoay chảo, linh tinh kiểu bánh này, món thịt nọ.

M. hiểu rồi, phải không? Chúng tôi sẽ về, mở lại chiếc vali. Làm sao đóng nó một đời trong ẩm ướt của những cơn mưa và hơi biển mặn. Nhất là, tôi đã đem về ấp ủ trong đó tất cả những tấm tranh mà M. vẫn bảo là cuồng điên, trước lúc ra đi...

NGUYỄN MAI NINH



THÀNH TÔN

dạm mặt ai

1. hình như có một người
đâu đây trong cuộc sống
nhìn thấy dung nhan quen
trong hằng hằng ảo mộng
tìm kiếm ta nơi trí nhớ ai
bắt gặp chính mình trong ý kẻ
tay vuốt mặt lem nhem điều đã thấy
lòng ung dung chờ đón tình ngoài

quay mặt tránh gương đời hắt bóng
tân trí nào nguôi một bản thân

như một kẻ truy tầm hạnh phúc
ta hoài hoàn hụt hẩng bóng ta
suốt một đời người, gương chúc ngược
soi gì trong lớp thủy mơ hồ

soi gì trong cái vòng lẩn quẩn
bóng lập lờ từ một bản thân
soi gì trong nét mặt phẳng lì
của một trần gian khi kế cận

vô phúc thay một kẻ tiên tri
thấy rực rỡ chính đời sống hắn

vô phúc thay một tiếng chuông ngân
âm hưởng của một hồi dội lại

vô phúc thay phút giây sự sống
chết dần trong giây phút bồi hồi

vô phúc thay tình yêu khác phái
khác dần trong năm tháng ù lì

3. đập thành kiến truy tầm nhân ảnh
thành kiến đổi màu nhân ảnh mù sương
chiếc bóng thu về thôi nhật nguyệt
âm dương mòn muốn thuyết vô cùng

THÀNH TÔN



LƯU HY LẠC

ngủ đi

Bụi chim
bụi chuối
bên nhà

bụi trăng xóm nhỏ
bụi cà muối tương

bụi chồm hổm
khóc tha phương

bụi chân duỗi bỏ
chân giường
tối qua

buọ lòa xòa
vốn đôi ta

bụi em nức nở
thì ra
cuối đời

LƯU HY LẠC



PHÙNG NGUYỄN

YÊU NGƯỜI



Tin ông ngã bệnh đến với tôi qua điện thư của một người bạn. “Nghe nói tình trạng của ông ấy có vẻ trầm trọng,” người bạn bảo. Chính người bạn cũng không biết rõ chi tiết về bệnh tình của ông ấy. Tôi gọi điện thoại đến tòa soạn nơi ông ấy làm việc và nghe được giọng nói của ông trong máy trả lời, “Đây là tòa soạn tạp chí Quê Hương, xin quý vị ...” Tôi nói vào máy lời nhắn của mình, đại ý là tôi rất lo lắng về tình trạng sức khỏe của ông và mong được ông gọi lại tôi ở số điện thoại ... khi nhận được lời nhắn tin của tôi. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm vào lúc này.

Tôi gặp ông lần đầu trong một cuộc triển lãm hội họa do một trường Đại Học ở vùng lân cận bảo trợ. Cuộc triển lãm quy tụ nhiều họa sĩ tên tuổi của người Việt Nam ở nước ngoài. Tôi chú ý đến tranh của ông không phải vì sự vượt trội về mặt nghệ thuật của chúng so với tranh của các họa sĩ khác (tôi cho rằng nét vẽ của ông chưa tinh tế bằng một số người có tác phẩm chưng bày trong cuộc triển lãm nữa là đằng khác) mà chính vì vẻ táo bạo của chúng. Hình như ông không cố gắng để diễn đạt mà trái lại chỉ để phủ nhận một (hay nhiều) điều gì đó. Ông có nhiều tranh khỏa thân, nhưng bức tranh tôi thích nhất lại không thuộc về loại này. Đó là chân dung của một cô gái. Phần hậu cảnh trông u ám, và khuôn mặt cô gái bị cắt dọc bởi những chấn song cửa sổ, trông giống như cô đang ở trong một xà lim hơn là trong một căn phòng bình thường. Khuôn mặt cô gái trống rỗng ngoại trừ đôi mắt đen như đang lùng

sục điều gì đó phía trước, ở phía ngoài song cửa. Hình như cô đang muốn xua đuổi (hay réo gọi?) một ai đó, một vật gì đó ngoài kia.

"Tôi là Hải Bằng." Ông ấy bắt đầu câu chuyện như vậy. Tôi xưng tên, và khoảng năm phút sau đó, chúng tôi bắt đầu xưng hô "chú, cháu" với nhau. Điều này cũng hợp lý thôi. Năm đó tôi chưa đầy hai mươi lăm tuổi, mới ra trường và đi làm được hơn một năm. Hải Bằng là một người đàn ông trung niên — ông lớn hơn tôi đến những hai mươi tuổi— khỏe mạnh và hơi đỏm dáng. Khi tôi bảo ông là tôi thích nhất bức tranh có khuôn mặt trống rỗng của cô thiếu nữ sau những chấn song cửa, ông hỏi tôi với vẻ nghi ngờ "Cháu thích bức tranh đó thực sao?" Khi tôi hỏi về ý nghĩa của bức tranh, ông giải thích rằng cô gái trong tranh đang muốn xua đuổi khát vọng của mình đi thật xa. "Khát vọng gì?" Tôi hỏi. Ông nhún vai, lập lại hai chữ "khát vọng" mà không giải thích thêm tiếng nào.

Tôi gặp lại ông nhiều lần sau đó. Ông thường đưa tôi đi ăn ở một quán ăn nhỏ ở một góc xa của thành phố ông cư ngụ. Cà phê ở đây thực ngon. Thường thì ông nói nhiều hơn tôi trong cuộc đối thoại. Câu chuyện phần đông xoay quanh các vấn đề có liên quan đến nghệ thuật. Nói cho đúng hơn, câu chuyện xoay quanh quan niệm của ông ấy về nghệ thuật, kể cả hội họa. Ngoài việc vẽ tranh, ông còn chăm sóc một tạp chí văn chương, và chính ông cũng sáng tác khá nhiều. Nói chung, ông hơi có chút trịch thượng khi nói về mình. Sau này tôi có nghe một số phê phán về tính cao ngạo của ông, nhưng tôi chẳng quan tâm gì mấy. Tôi lúc nào cũng cảm thấy thú vị được trò chuyện cùng ông ấy, ngay cả khi ông kể cho tôi nghe một cách kiêu căng về cuộc sống tình cảm đầy giông bão và rối rắm của mình. Ông đang có chuyện rắc rối với người vợ hiện tại, và hai người đang ở trong tình trạng nhập nhằng giữa ly thân và ... ly dị. Ông cũng kể cho tôi nghe về những cuộc tình đã qua, những đứa con của ông với người này người nọ. "Tôi có nhiều con rơi quá, có khi không biết hết mặt mũi tụi nó," ông tuyên bố một cách kiêu hãnh. Tôi chỉ còn biết lắc đầu cười, than thở "chú thiệt là ..."

Vào một buổi tối, ông không đưa tôi đến quán ăn quen thuộc như mọi lần. Chúng tôi đến một quán ăn khác ở một thành phố lân cận. Ngôi quán tọa lạc trên một đỉnh đồi, Đồi Cam. Sau bữa ăn, chúng tôi dời ra phía ngoài lan can, uống cocktail và ngắm khu đô thị lấp lánh ánh đèn nhiều như sao trời ở phía dưới. "Quán này chỉ dành cho tình nhân," ông bảo tôi. "Thế còn chúng ta?" Tôi hỏi một cách thách thức. Cho đến mãi về sau này, tôi chưa hề hối hận đã hỏi ông ấy câu hỏi có tính cách mở đường này. Ông hôn tôi sau đó, và lòng tôi dâng tràn một nỗi hạnh phúc êm đềm khi được tựa đầu vào vai ông và nhắm mắt lại để nghe mình trôi bồng bềnh trong vòng tay ông, điều mà tôi đã mơ ước mãi trước đó.

Chúng tôi trở lại quán Đồi Cam nhiều lần, nhưng không bao giờ đi xa hơn. Không phải là tôi không muốn tiến xa hơn trong quan hệ tình cảm với ông ấy. Chính ông là người đã quyết định không bước đi xa hơn nữa. Nhiều lần, một mình trên đường về sau những lần hẹn hò cùng ông, tôi vừa buồn vừa tức. Cái người đàn ông ăn chơi phóng đãng, dan díu với hàng tá người đàn bà khác lại có thể chống chọi được với cơ thể hừng hực xuân thì của tôi. Tôi trẻ trung, khỏe mạnh, và xinh đẹp. Tôi tập thể dục hàng ngày. Tôi thích bơi lội, hiking. Và ông thì vô cùng hãnh diện khi đi cùng tôi. Tôi có thể đọc thấy vẻ tự hào một cách độ lượng của ông khi những cặp mắt thán phục của đám trai trẻ dán lên người tôi. Vậy mà ông chưa hề chiếm đoạt ở tôi điều mà tôi sẵn sàng dâng hiến! Tôi tự hỏi những người đàn bà đã đi qua đời ông, đã ân ái với ông có điều gì mà tôi không có. Phải chăng chỉ vì họ là ... đàn bà, còn tôi chỉ là một cô bé nhỏ dại, ít nhất trong cách nhìn của ông. Lẽ ra ông phải hiểu tôi đã đủ lớn để có một đời sống tình cảm phong phú và độc lập. Tôi có nhiều bạn, trai lẫn gái, và trong số đó có nhiều người có cảm tình sâu đậm với tôi. Nếu muốn, tôi có thể — và đã từng — nằm trong vòng tay của người bạn trai nào đó trong một tình huống (mà tôi cho là thích hợp) nào đó. Và nếu giữa con gái và đàn bà cần thiết phải có một người đàn ông, thì tôi đã là đàn bà, dù là đàn bà trẻ. Có điều tôi chưa bao giờ dám thố lộ với ông ấy những suy nghĩ của mình. Tôi hy vọng rằng ông là người từng trải tất phải hiểu điều đó.

Những ngày tháng sau đó, những lần hò hẹn giữa ông và tôi tự dưng thưa hẳn đi. Tôi không nhớ ai trong chúng tôi đã viện dẫn một lý do nào đó để từ chối lời mời mọc của người kia. Có thể là ông ấy, mà cũng có thể là tôi. Tôi cũng không rõ ông ấy có nghĩ nhiều về tôi trong khoảng thời gian giữa hai lần gặp. Tôi thì vẫn thường nghĩ về ông ấy. Mà có muốn khác đi cũng khó. Bởi vì có nhiều điều khiến tôi nhớ đến ông. Chẳng hạn như tạp chí văn chương ra hàng tháng "Quê Hương" mà tôi là độc giả dài hạn. Tôi bắt gặp ông trong đó, ở trang bìa nơi bức tranh khỏa thân mới nhất của ông nằm chễm chệ. Tôi gặp ông ở trang cuối, nơi ông chê người này, khen kẻ nọ, hay chỉ "huênh hoang" về một vài điều rất chi là vô tích sự (ông ấy có lần kênh kiệu bảo tôi như vậy). Cũng có khi ông nằm ở trang giữa với một sáng tác mới trong đó nhân vật của ông ăn uống, nói năng, hít thở, làm tình, sinh đẻ, và giết người một cách hung bạo, táo tợn. Có điều tôi biết rõ (hoặc ít nhất tôi cho rằng tôi biết rõ) là ông chưa hề là một nhân vật trong truyện của mình. Cả tôi cũng chưa hề là nhân vật trong truyện của ông. Chúng tôi và mối tình của chúng tôi (hay chỉ là của mình tôi?) nhất định đã thuộc về một nơi nào khác, một nơi mà những điều táo tợn và hung bạo chưa hề bén mảng đến.

Lần sau cùng gặp ông, tôi không đi một mình. Hai người bạn ở xa của tôi dự định đến thăm ông và tôi bảo họ là tôi muốn tháp tùng. "Tôi cũng là chỗ quen biết của ông Hải Bằng," tôi bảo họ như vậy. Tôi có thể nhận ra ngay là

ông ấy vô cùng lúng lúng khi gặp lại tôi một cách bất ngờ. Chúng tôi lại xưng hô "chú cháu" với nhau trước mặt hai người bạn của tôi, và lòng tôi bỗng dưng cảm thấy hạnh phúc quá đỗi khi bắt gặp ông đang cố gắng che dấu nỗi xúc động của mình. "Kể ra cũng đáng công mình lặn lội đi thăm ông ấy," tôi reo khẽ trong lòng. Cả bọn kéo nhau ra một quán cà phê lộ thiên gần đó. Tôi có dịp nhìn thẳng vào mắt ông khá lâu nhân dịp hai người bạn của mình đang mãi tranh luận với nhau về một điều gì tôi chẳng hề quan tâm đến. Tôi nhìn ông chăm chú đến độ cả khuôn mặt ông nhòa đi, chỉ còn lại đôi mắt ông mở trừng trừng, mỗi lúc một phóng lớn ra trước mắt tôi. Và tôi nhìn thấy những chấn song sắt xiêu vẹo trong đó.

Tôi đến dự tang lễ của ông theo như giờ giấc đã được thông báo. Thực ra, tôi đến nhưng không "tham dự" theo cái nghĩa thông thường của nó. Tôi đứng ở một khu cao ráo của nghĩa trang nhìn đoàn xe tang tiến vào. Buổi sáng tôi trang điểm kỹ lưỡng, và hài lòng nhìn thấy mình già dặn hẳn ra trong tấm gương soi. Hôm nay là ngày chôn cất người tình của tôi chứ không phải ông chú họ nào đó! Tang lễ được cử hành trong một khoảng thời gian vừa phải, không dài quá cũng không ngắn quá. Tôi cố giữ cho mình bình thản cho đến khi người ta bắt đầu hạ huyệt quan tài của ông. Tôi chỉ muốn chạy ào xuống để ném cho ông đóa hoa hồng tôi đã cầm chặt trong bàn tay tê điếng của mình từ sáng đến giờ. Nhưng tôi cứ đứng yên ở nơi tôi vẫn đứng, hai chân run rẩy và gò má nhột nhạt bởi những giọt nước mắt lặng lẽ.

Cuối cùng thì mọi người cũng ra về, kể cả người đàn bà mặc bộ đồ tang cổ truyền và đứa bé gái khoảng chín, mười tuổi. Tôi bước xuống, tiến lại nơi mộ huyệt của ông và nhẹ nhàng đặt cành hồng bên cạnh những bó hoa khác nằm đầy trên mộ. Bây giờ thì ông hoàn toàn thuộc về tôi. Có khu nghĩa trang yên tĩnh và những con chim sẻ ríu rít trong một lùm cây gần đó làm chứng điều này. Tôi nghe tiếng mình vang lên dịu dàng, "Em yêu anh," và lòng cảm thấy bình yên quá đỗi. Tôi chào từ biệt ông rồi quay ra phía bãi đậu xe gần cổng vào nghĩa trang, định bụng sẽ ghé tiệm mua một cái khung thật đẹp cho bức tranh ông ấy gởi tặng tôi một tuần trước ngày ông qua đời. Bức tranh vẽ hình một cô gái với khuôn mặt trống rỗng, ngoại trừ đôi mắt thật đen, thật lớn, thật mời gọi. Và trước mặt cô là những chấn song gẫy nát, không còn có thể ngăn trở được điều gì.

PHÙNG NGUYỄN
03.97



VÕ ĐÌNH TUYẾT

trường phái bud weis er

gửi khế iêm

Tay cầm
lon Bus weis er,
Uống
ừng ực
ợ
Của giờ
động cơn.
Đi nhai
Đứng
ngậm
Ngồi cười.
Thế là
trăm họ
ở người
chui ra.
Thôi thì bỏ
quách
đi Ba!
Cái làm
ta sướng
là Cha
Sự đời.

VÕ ĐÌNH TUYẾT



ĐỖ PHƯỚC TIẾN

MIỀN QUÊ YÊU DẤU



Tôi gặp Khon ngay đêm lễ cầu phúc bắt đầu. Cô đứng sau một cái bàn cao bằng gỗ tạp, sau những chồng ly tách, hộp sắt tây và chai xi rô xanh đỏ. Quán nước của Khon đơn sơ, quay lưng về phía con mương cạn, lẻ loi với ánh đèn dầu và chơ vơ vì không có mái che.

Từ chỗ chúng tôi muốn đến đây phải lội qua hai khúc sông hẹp nhưng sâu và đầy bùn, một khoảng đồng trống đôi chỗ đất còn mềm, tua tủa gốc rạ. Ở quê tôi, khi đã tạm no đủ, người ta chỉ mong ước có được những đêm vui hội hè. Say sưa nhất có lẽ là bọn trai trẻ chúng tôi, bất kể Khmer hay Việt, khi túi đã rủng rỉnh từ vụ thu hoạch mùa thu, rất muốn được vui chơi thỏa thích, khoe mã và tỏ ra vương giả trước mặt đám con gái. Để giữ quần áo được tươm tất, chúng tôi gói tất cả vào tấm thảm thân tròng qua cổ, vượt đường xa với mỗi chiếc quần đùi, rồi rửa ráy cẩn thận ở con kênh thủy lợi đầu xóm.

Trên mảnh ruộng biền đã được dọn sạch dùng làm nơi biểu diễn của đoàn văn công Khmer xã, một cảnh chợ đêm nông thôn giữ vị trí chủ đạo trong phối cảnh đầy bóng tối, sẫm, chập choạng với vô số đèn dầu hỏa. Người ta chiên bánh cóng, nướng bánh tráng bằng lửa rơm, róc những cây mía thanh, dịu màu đỏ pha tím, bán nước giải khát và những món thịt xào với rượu thốt nốt đựng trong những bình rượu con con. Sân khấu là những mảnh ván khô rộng xốp trên những thùng phi dùng chứa dầu trong những dịp hỏa táng, tô điểm thêm bằng hai bức màn lớn màu vàng sẫm đã loang lổ nhiều vì kiếp phong trần dầu dãi. Phía sau sân khấu lộ thiên, vượt lên trên hàng trâm bầu cao lớn dày đặc trên bờ mương, một mái chùa kiêu hãnh màu xanh ẩm ướt có chóp nhọn mạ vàng.

Chúng tôi đến, trong những bộ quần áo tốt nhất, cùng tham dự đêm vui, chia sẻ những giọt nước mặn đầu tiên trong năm lấy từ đồng khô, đúng cung cách những người láng giềng hào hiệp, tốt bụng.

Cà phê Khon pha rất xoàng. Còn bột đậu nành thì quá loãng. Nhưng điều đó không đáng kể. Những chiếc thảm thần được mở ra, hóa thành chiếc chiếu đệm trải trên nền đất lồi lõm. Khi đoàn văn công diễn tới đoạn Lý Thông cướp công Thạch Sanh, mưu toan hãm hại bạn hiền thì tôi đã uống đến ấm trà thứ tư. Với mô-típ của người Khmer thì thay vì phải chiến đấu với trăn tinh, Thạch Sanh sẽ gặp con rắn có chín đầu. Vào thời điểm mà hành động tiến công thay cho nỗi niềm ấp ủ đã thực sự chín muồi, tôi vào cuộc với tài khôn vặt.

- Nếu nghe bằng tiếng Việt, em có hiểu chi tiết như vậy không?

- Ít thôi. Khon trả lời bằng tiếng Khmer.

- Ít, nhưng có hiểu, vậy là tốt lắm rồi. Tôi sốt sắng động viên cô. Tôi cũng thích nói chuyện bằng tiếng Miên, vui và đơn giản hơn.

- Nhưng chuyện gì kia? Vẫn tiếng Khmer, thánh thót.

- À, bao nhiêu là chuyện. Tôi lúng túng một chút. Chẳng hạn như là tên của em.

- Tôi à? Khon.

Qua ánh lửa rơm nhảy múa, một vệt thẫm từ từ lan rộng trên vầng trán màu mật ong của cô gái.

- Còn tôi là Sáng. Tôi ở Bettôn.

- Tôi có biết anh. Lễ rước đám năm ngoái anh giữ lái phải không?

- Đúng rồi! Tôi sung sướng kéo miệng đến tận dái tai. Chúng tôi đã tập dợt gian khổ như những chiến binh. Chỉ tiếc là chúng tôi không được gặp may... Nhưng đâu phải lỗi tại tôi, phải không?

Trên sân khấu bỗng có tiếng rú mừng rỡ của lão vua già khi nhìn thấy xác mềm oặt của con rắng chín đầu bằng vải nhồi rơm.

- Không phải lỗi tại anh. Khon gật đầu công nhận. Cô sử dụng tiếng Việt nhanh và cứng, như cách phát âm của người Hoa. Nhưng nếu giữ lái là người khác thì ghe ngo Bettôn đã không đâm phải trụ cầu.

Màn một kết thúc. Tôi đánh bài chuồn rất đúng lúc, khi bên cạnh cô gái xuất hiện một tên khổng lồ có mái tóc xoăn tít và khuôn mặt của Ác vương Nayan.

Tuổi hai mươi với bắp thịt săn chắc, giấc ngủ không trở mình, chúng tôi có bao nhiêu công việc trong một năm. Khi nắng hạn đã làm khô nẻ lối cộ ngoằn ngoèo trâu kéo lúa đồng xa, tôi với Masin chạy lồng khắp nơi như những con ngựa trời, ra sức lùng sục như những tên lái lúa thực sự. Từ xóm trong Bettôn của người Khmer cho đến tận xóm ngoài Rạch Ghê của người Việt, từ những sân phơi bạc màu của ấp đến tận bờ lúa phủ cót của mỗi hộ còn hăng nồng mùi rơm mới, trừ những ngày thứ năm và chủ nhật, tôi chỉ

mất bốn giờ buổi sáng thực hiện nghĩa vụ giảng dạy trong trường cơ sở chùa ấp.

Chúng tôi chất đầy chiếc ghe lườn mười một tấn lúa huy động nghĩa vụ của tập đoàn chỉ mất một buổi trưa, và lên đường khi mồ hôi còn chưa kịp khô trên cánh mũi. Rạng sáng hôm sau, chúng tôi từ trạm trung chuyển lương thực huyện trở về, đèn pin cột trước mũi ghe. Trong màn sương muối mờ đục như váng sữa, chúng tôi trình diễn vũ điệu lămthon-thơ-mây trên con lạch đầy chướng ngại vật, với men rượu ngất ngưỡng và tiếng nổ bập bập đều đặn của cái Koler 12 dầy dạn gió sương của bố tôi.

Tháng tư trở lại với đồng quê bằng những cơn mưa đầu mùa dữ dằn, mang theo trong lòng nó cả không gian oằn oại vì những cuộc thăm viếng thô bạo của thần sấm sét. Chúng tôi vác cày ra đồng khi mưa đã làm mềm đất nẻ. Cũng như tôi, đôi trâu có già hơn năm ngoái một chút, thẫn thờ nhìn đồng nước sau những ngày dài phải nhai cỏ khô. Và cũng như tôi, chúng chuyển động những bước ngắn chậm chạp, khởi đầu cho một vụ mùa mới. Dưới bầu trời màu xám tro luôn gầm gào và trên mỗi lát cày đám mạ lúa sớm, tôi đều nhớ tới Khon. Đôi má màu đất tươi non của cô gái Khmer lai Triều Châu ấy đã khiến tôi ngơ ngẩn tháng ngày. Những đêm lễ hội cầu phúc đáng nhớ ấy, tôi chẳng làm được gì cho xứng mặt nam nhi, mặc dù tôi chẳng xa lạ gì với những âm điệu lảnh lót trong ngôn ngữ Khmer và lượng nước tôi tự cung cấp cho dạ dày không ít hơn đêm đầu chút nào.

Tháng năm là thời gian gieo mạ lúa sớm, và tháng năm cũng là thời gian cá trạch di chuyển nơi cư trú khi dòng sông ngầu đục đất phèn từ trên đồng đổ xuống. Đó là thời gian ngắn ngủi để chúng tôi bổ sung nguồn dự trữ cho tương lai, trong những ngày dọn đồng sắp tới.

Đêm đêm, miệt mài giữa hai con nước, tôi gạn lọc dòng sông bằng lưới mắt một phân, có thể kiếm được hàng chục ký cái thứ sinh vật suốt đời sống dưới bùn ấy. Vài ngày tôi lại theo mẹ ra chợ thị trấn, trên vai gánh hai thùng đầy cá trạch, ở đó có thể đổi lấy mọi thứ, kể cả những tờ nhật trình in từ mười năm trước, nay chỉ dùng để cuốn thuốc lá.

Những ngày hè âm ấm gió Tây từ Vinh Châu thổi sang, khi đã được giải phóng một cách trung thực khỏi lớp học dột nát vấy bẩn vết mực và những đứa học trò chân tay khẳng khiu bám đầy phèn, tôi dắt trâu qua đồng Đai súa cày thuê. Bằng cách ấy tôi có thể đạt được cùng lúc hai mục đích: trang bị kinh nghiệm cho đôi trâu tơ và chờ gặp Khon. Mờ sáng, tôi cho trâu ăn cỏ bên bờ giếng trồng dưa rồi đón cô gánh mạ trên đám ruộng đầu xóm. Đôi lúc tôi cũng đạt được một vài triển vọng nhỏ nhoi khi cố thuyết phục Khon tin rằng tôi cũng là một chàng trai siêng năng đức hạnh không thua kém bất cứ ai. Nhưng nhiều lần tôi phải cuốn gói tháo thân hoặc không lộ diện khi vấp phải ông anh hộ pháp hay những cô nàng cùng xóm ưa soi mói.

Một ngày quần quật trên cánh đồng, đôi khi khản cổ vì tiếng "da, họ" gọi

trâu, nhưng đêm xuống là chúng tôi đã gặp lại nhau trong căn chòi xùm xụp như tổ cú mèo của tôi, vừa cất vó vừa nướng cá bằng những thanh tre vót nhọn. Chúng tôi nói chuyện đồng cao chưa ngập nước, chuyện đồng sâu đầy cỏ dừa khiến mạ non không chen nổi, tán dương những nàng thôn nữ tóc đen, động viên nhau và cùng nguyền rủa kẻ thù. Đôi khi chúng tôi tóm được cả cua biển, và những lúc như vậy, khi niềm phấn khích nâng lên dào dạt, nước mắm me và rượu thốt nốt đã thấm đến tận tim, chúng tôi gào lên dưới trăng những bản tình ca boléro cũ rích bằng tiếng Việt lẫn tiếng Khmer. Khi cao hứng, Ma Sin hướng dẫn tôi phương pháp cầm máu bằng cách ngậm cả ngón tay bị cua kẹp của tôi vào miệng hắn, rồi sau đó lôi cây đàn cò tự chế bằng gáo dừa của hắn ra, màn độc tấu bi ai bắt đầu. Những lúc như vậy, để không phải nghe cái âm điệu não ruột đáng ngờ ấy, tôi bơi xuồng tam bản ra thật xa, đến tận cây cầu sắt nối liền xóm ấp với con lộ đất ra thị trấn. Ở đó, một mình với mảnh trăng non, lòng đầy sầu muộn, tôi ngắm nhìn dòng sông ánh bạc. Khi tiếng cồng trong chùa ngân nga dưới những cây cọ cao vút đứng trầm tư, thì tôi đã ngủ rất say trên cầu, một chân lơ lửng giữa trời nước. Đám bạn tôi cũng vậy, mặc cho tro bay đầy bến sông, mặc cho lục bình trôi lấp đầy miệng vó, tắt nghẽn một khúc sông và mặc cho những lời chửi rủa vang động cả bình minh của chuyến đò khách buổi sáng đi thị xã.

Tháng Mười êm ái như trong giấc mộng đêm thu, có nắng vàng soi dấu chân lẻ loi của chú cò ma trên bãi đất thổ mộ và lễ rước nước với những cuộc đua ghe hào hứng. Tôi đến nhà Khon vào một buổi sáng cuối thu. Bên kia sông, đồng nước lấp loáng màu xanh trong nắng mai. Tôi đi rất nhanh, trên bờ ruộng đầy cỏ lác, với quyết tâm không hề lay chuyển. Trong tiếng trở mình thổn thức của hàng dừa nước và tiếng vỗ oàm oạp của gàu sòng tát cá, tôi như phân biệt được cả tiếng thở dài phiền muộn của thời gian. Chú cò ma sục sạo tìm nhái bầu trên bờ cạn, còn tôi, tôi đi kiếm một điều thanh cao gấp ngàn lần những miếng ăn nhỏ mọn!

Khon không có nhà, nhưng tôi phát hiện ra cô trong liếp mía. Khon làm việc một mình, đơn độc và mảnh mai đến cảm động. Tôi phải mất rất lâu để thuyết phục Khon rằng không cần thiết phải vào nhà, và để khỏi nhụt chí, tôi tuôn liền một mạch những gì đã xếp sẵn trong đầu. Tôi nói rất nhiều, triền miên trong nỗi hào hứng tuyệt vọng. Tôi nói về những điều xa xưa nhưng không bao giờ cũ, tôi bày tỏ những ngày dài khắc khoải đã qua và niềm chờ mong ở hiện tại. Khon im lặng, đầu cúi gằm, nhưng cô vẫn nghe, bởi vì cuối cùng cô đã trả lời tôi.

- Tôi không giúp gì được cho anh đâu! Khon nói bằng tiếng Khmer.

- Tôi cũng không mong được em giúp đỡ. Tôi vò nát một nắm lá mía trong tay cho đỡ run. Sự gắn bó chỉ trông cậy ở lòng tự nguyện mà thôi.

- Tự nguyện tôi cũng chẳng có.

- Rồi sẽ có. Tôi chưa bao giờ phải bắt buộc ai phải quyết định ngay lập

tức bất cứ điều gì.

- Anh lầm rồi, tôi đã quyết định ngay từ lúc đầu kia. Bây giờ một là anh vào nhà, chúng ta sẽ nói chuyện như những người láng giềng đến thăm viếng nhau, hai là anh đi về. Tôi chỉ nói một lần, tôi không yêu anh.

- Tại sao vậy? Tôi choáng váng đến mức không còn nhận ra sự ngớ ngẩn của mình.

- Có thể giải thích được vì sao người ta không yêu à?

Những lời đó được Khon phát âm bằng tiếng Việt với một giọng nhát gừng nhưng rành rọt.

- Khon, em nghe tôi nói đã. Tôi chìa bàn tay rướm máu, đầy phấn mía của mình ra. Còn rất nhiều thời gian để em xem xét lòng trong sạch của tôi, hết mùa thu này tôi sẽ có nhiều dịp gặp lại em. Cha ông chúng ta đã cùng sống rất hòa thuận trên đất này từ lâu rồi. Có thể tôi với em đã từng ăn những con cá lóc cùng lớn lên từ một bầy lông rông. Vậy thì cái gì ngăn cản chúng ta?

- Cùng sống với nhau, đúng vậy- Khon gật đầu xác nhận, như đêm nào ở lễ hội cầu phước, khi cô muốn khiêu khích tôi - Nhưng như vậy đâu có nghĩa là có thể thành vợ thành chồng?

- Em nên tỏ ra hợp lý hơn mới đúng, cái gì khiến em nghi ngờ?

- Tôi không nghi ngờ. Anh rất tốt, và đẹp nữa, nhưng anh là người Việt.

- Người Việt? Tôi lắp bắp. Người Việt thì có gì xấu?

Khon không trả lời, cô im lặng lột tiếp những chiếc lá già dưới từng gốc mía. Còn tôi, trong buổi sáng mùa thu nắng đẹp ấy, lần thứ hai tôi trình diễn bản bi ca Chóc Chơ run với nhịp điệu mỗi lúc một thêm não nề ai oán, cố dồn vào mỗi trọng âm tất cả nỗ lực còn lại. Tôi khẳng định quan niệm của Khon là sai lầm nghiêm trọng. Rằng tôi, dù đã được giáo dục đầy đủ hơn đám bạn cùng lứa trong làng, nhưng tôi đã sinh ra và lớn lên ở đây. Dù tôi là một thầy đồ quèn, nhưng tôi cũng đã lao động cực nhọc qua mỗi vụ mùa bằng sức khỏe và tài tháo vát của một nông dân cần cù. Tôi đã dạy cho đứa nhỏ Khmer biết đọc tiếng Việt và nếu cần kể thêm thì đây, chẳng phải dòng máu của tôi đã từng đọng trên đầu lưỡi của một người Khmer đó sao? Bấy nhiêu chưa đủ chứng minh cho sự gắn bó tốt đẹp chăng?

- Em đừng quên rằng chính em cũng không phải là người Khmer thực sự.

Lần đầu tiên trong suốt buổi nói chuyện Khon ngẩng nhìn tôi. Khuôn mặt cô che kín sau tấm khăn kẻ sọc đen đỏ dệt bằng vải thô, có lẽ để tránh gai lá mía, chỉ chừa một khoảng hẹp giữa chân mày đến sống mũi, qua đó tôi nhìn thấy một đôi mắt màu nâu sẫm, sáng rực một cách dữ dội.

- Anh nên giữ lời.

- Tại sao tôi phải giữ lời trong khi em hoàn toàn không tôn trọng tôi? Đến đây thì tôi nổi khùng. Trên đường đến nhà Khon, tôi đã dừng lại rất lâu ngắm nhìn cánh đồng thần nông trải dài theo con kênh thủy lợi. Những bông lúa trĩu hạt căng tròn điểm những sọc đỏ chỉ mới chớm vàng, tôi biết rằng vội vã

vô ích nếu bây giờ đã tính đến chuyện thu hoạch. Đành là vậy, nhưng ít ra trước khi tới đây tôi đã không hề chuẩn bị để nghe những lời lẽ thẳng thừng như vậy, bởi nó còn hơn những lời sỉ nhục nặng nề nhất. Tất cả những lý do của em đều vô nghĩa, tôi cay cú nói tiếp, điều đó chứng tỏ em đã hấp thụ quá cẩn thận một tập tục lỗi thời, một thứ văn hóa kỳ thị chủng tộc. Hãy tin tôi đi, tư tưởng đó rõ ràng phi đạo lý và chắc chắn không còn đất sống nữa đâu!

Rồi tôi đùng đùng bỏ về.

Tháng chạp dần tàn trong tiếng cu cu rúc tha thiết gọi mời. Bông so đũa rụng trắng trên rẫy đậu khô cằn trong khi lá hoa súng dưới mương dần dần sẫm lại, quanh viền lá lốm đốm những giọt sâu cỏ úa. Khi lúa mùa cao sản bước vào giai đoạn chín rộ và đồng xa gióng giả tiếng kẻng xua chim thì Khon đi lấy chồng, tất nhiên là một gã Khmer, cao lêu đêu như cây sậy và thuộc loại nhánh rễ quyến tộc của cô ta.

Kỷ niệm xót xa nhưng cũng rất đổi ngọt ngào của đêm lễ cầu phúc năm xưa chưa bao giờ phai nhạt trong tôi.

Những đêm xuân yên tĩnh, trên những cánh đồng mênh mông chỉ còn trơ gốc rạ và sau những lùm cây đen thẫm lặng lẽ, tiếng đàn ngũ âm thánh thót vút lên, dội vào bầu trời thăm thẳm màu xanh xám, còn ở xa kia, tận tít chân trời, thỉnh thoảng lại bùng lên vầng trăng sáng cầu vồng màu vàng chanh. Bạn hãy lắng nghe, rất trong và rất thánh thót, đó là lúc tâm hồn thoát xác để hòa nhịp với thiên nhiên hiền hòa. Rồi ở đây nữa, từ rất sâu trong bóng tối trầm mặc ẩn náu giữa những cây tràm u uất, cây so đũa mảnh dẻ và cây bần ổi già nua run rẩy, bỗng xuất hiện như từ dưới đất mọc lên, những nghệ sĩ miền thôn dã, sáng hơn cả bầy đom đóm và mộc mạc hơn những đóa hoa rau muống tím nhạt mọc bên bờ mương. Chúng tôi, những chàng trai áo sơ mi đóng nút sắt, tay gẩy đàn thùng và đôi chân trần dẫm trên con đường làng nện đất nung. Chúng tôi, thế hệ lớn lên từ đồng quê heo hút, vô tư nếm tải cuộc đời như những ẩn sĩ vô danh. Sẽ không có gì thay đổi được cuộc sống ở đây, như dòng nước sông Hậu lững lờ trôi ra biển, nếu không có một dư âm nào vọng lại, dù rất khẽ, từ bên kia lớp bụi phồn hoa.

ĐỖ PHƯỚC TIẾN



ĐỖ QUANG

GỬI

Buổi chiều chúng mình quen nhau
Phòng nhỏ
Thu thả nắng vàng do dự
Hà Nội không ồn ào như bây giờ
Em không nói nhớ nhưng anh biết
Em hiền như thu.

Em không nói với anh lời thề
Khi chúng mình xa nhau
Em chỉ viết cho anh hàng ngày
Về Hà Nội
Hà Nội nạo vét Hồ Gươm
Hà Nội quét vôi tháp Rùa cho mới
Bạn bè và những đám cưới
Chúng mình không đi được cùng nhau
Em viết
Như chỉ ngày mai chúng mình gặp lại
Anh nghe lòng anh đau.

Anh không nói với em lời thề
Anh biết là anh không thể.
Anh biết mình vẫn thế.
Như khi em về với anh.
Anh đã nói với em về một mùa đông dài hơn tuổi
Về ao ước ngây ngô làm anh chới với
Dưới một vầng trăng lạnh mùa xa
Một vầng trăng vô cảm
Mắt em nhòa.

Không thắt buộc nhau bằng một lời thề nào
Chúng mình đi bên nhau.
28. 11. 1996

ĐỖ QUANG



ĐÔNG HOÀNG

TRONG CHỐN HOANG VU



Người con gái dẫn tôi lên căn phòng thật nhỏ nằm ngay đầu cầu thang tối om. Nàng mở tủ lạnh lấy cho tôi lon bia rồi ngả người ra chiếc ghế dài sờn rách. Tiếng nhạc Mễ từ dưới lầu văng vẳng vọng lên.

- Sao anh qua đây không học kỹ sư, bác sĩ mà lại đi làm nhà báo?

- Tại tôi thích vậy.

- OK. Bây giờ anh muốn biết gì về tôi đây?

- Động lực nào đã đưa đẩy cô đi làm nghề này?

- Tiền vô tương đối khá! Tôi đang cần tiền.

- Nếu cô đi làm gái gọi ở Mỹ thì cũng có tiền vậy? Có nhiều nữa!

- Tôi không đủ sexy, lại không có connection để làm gái hạng sang. Còn hạng tồi thì tôi không thèm.

- Nhưng còn đỡ hơn...

- Đỡ hơn ở chỗ nào? Anh nên nhớ là hiện giờ tôi không hề làm điếm. Tôi chưa hề ngủ với người đàn ông nào từ khi nhận làm tại đây.

*

Đã mấy ngày nay, trời cứ mưa tầm tả không dứt. Con suối nhỏ thường khi chỉ róc rách nay đã trương rộng ra gấp đôi, cuồn cuộn đổ dòng nước đục ngầu về phía bãi biển. Những thân dừa chơi vơi nghiêng ngả sau làn mây khói mờ mịt. Trực và Thùy ngồi bó gối bên nhau trên cái chõng đóng sơ sài bằng

thân cây rừng. Trên đầu họ, những giọt nước lạnh ngắt chốc chốc lại rơi xuyên qua tấm bạt cũ được dùng để che mưa che nắng. Thằng Tiến đang nằm quấn mình trong cái chăn mỏng, mắt vẫn nhắm nghiền, người nóng ran. Hồi sáng, bác sĩ Thành có ghé qua thăm, nói có lẽ nó bị sốt thương hàn. Đến chiều, trời hơi tạnh mưa. Thằng Tiến bỗng lên cơn tiêu chảy, trong đống phân có lẫn chút máu. Trực lo lắng chạy qua hỏi bác sĩ. Ông ta suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Bệnh thương hàn cơ thể tự đề kháng được. Nhưng nếu thằng bé quá suy yếu thì...

- Vậy vợ chồng tôi phải làm sao đây hả bác sĩ?

- Tôi đề nghị ông năn nỉ tụi lính xem tụi nó có thuốc trụ sinh hay không? Tụi nó đóng ở đây lâu, chắc là phải có thuốc men. Cứ đút lót chút đỉnh đi...

*

Người con gái tỏ ra rất thành thật mặc dầu tôi và nàng chỉ mới gặp nhau hồi ban trưa.

- Con trai tôi bị đủ thứ bịnh lạ lùng, cứ phải thuốc men điều trị liên miên. Bao nhiêu của cũng phải lở.

- Cháu hiện giờ đang ở đâu?

- Ở Cali với ba nó.

- ?

- Chúng tôi ly dị khi vừa đặt chân tới đất Mỹ được nửa năm.

- Sao cô không giữ con?

- Dựa trên lời tố cáo của chồng tôi, tòa cho rằng tôi không xứng đáng để hoàn thành bổn phận làm mẹ.

- !

- Chồng tôi cũng ráng lo cho con nhưng ổng kham không nổi. Ổng lại tự ái, đưa con trốn biệt không cho tôi biết ở đâu.

- Rồi sao?

- Tôi vẫn tìm ra. Tôi biết bà vú nuôi của con tôi. Mấy năm nay tôi bí mật đưa tiền cho bả để lo cho thằng nhỏ, nhưng không dám làm lộ liễu vì sợ ba nó lại dẫn con trốn đi mất.

*

Hôm sau, hai người lính tên C. và F. đi ghe nhỏ đến chuyển cho đám tị nạn mấy lon đồ hộp, vài túi gạo, và cặp cá tươi. Khi trời gần tối, C. và F. cầm đèn bấm đi rảo một vòng xem xét sinh hoạt của đám thuyền nhân. Đến chỗ ở của Trực, họ chỉa ánh đèn vào mặt hai vợ chồng. Thùy sợ hãi cúi mặt xuống. Trực đánh bạo lên tiếng:

- Con tôi đang bị sốt. Ở đây hai ông có thuốc trụ sinh không?

Hai người lính đưa mắt nhìn nhau, đoạn nhìn đứa bé đang nằm co ro trên chõng bên cạnh mẹ.

- Chúng tôi sẽ về hỏi lại với gã y-tá.

- Các ông làm ơn giúp dùm, vợ chồng tôi xin hậu tạ...

Chiều hôm sau, khi Trực ra suối tắm, chàng thấy tên C. đang ngồi hút thuốc trên một phiến đá, người hắn xoay trần để lộ những bắp thịt chắc nịch. C. lim dim tỏ vẻ không chú ý đến Trực. Chàng lội xuống con suối, lấy lon múc nước xối lên người, đưa tay kỳ cọ lớp cáu ghét trên da thịt. Ở đảo mới có một thời gian ngắn mà da chàng đã rám nắng đen thui. Trực tắm nhanh rồi leo lên bờ, lau người cho khô bằng mảnh vải vụn chỉ to bằng cái khăn mù soa. Đúng lúc đó, C. chợt đứng lên. Hắn đến ngay trước mặt Trực và mỉm cười:

- Con của anh hôm nay có đỡ hơn không?

Trực lắc đầu. C. lấy trong túi áo ra mấy viên thuốc đưa cho Trực.

- Đây là vi-ta-min C. Đưa cho con anh uống tạm để có sức. Còn thuốc trụ sinh thì...

Mắt Trực sáng lên, chàng nhìn người lính, chờ đợi.

- Anh nói là sẽ có hậu tạ phải không?

- Dạ vâng!

C. đưa bao thuốc ra mời Trực rồi bật diêm đốt một điếu. Hắn mím môi ra vẻ như đang cân nhắc chuyện gì.

- Đổi một chỉ vàng, chịu không?

- Dạ, xin hỏi. Thuốc của ông hiệu gì? Ông cho tôi được bao nhiêu viên?

- Hà hà! Tôi không bóc lột anh một cách vô lối đâu mà lo! Chỉ có điều là... tôi còn muốn...

- ?

- Anh có rảnh không? Mình ra kia ngồi nói chuyện một chút.

Trực cảm thấy lo lo trong lòng nhưng cũng đánh bạo đi theo C. Hắn ngồi xuống một thân dừa bị xô ngã, trầm ngâm phì phà điếu thuốc, mắt nhìn Trực như thể đang đánh giá đối thủ.

- Anh biết không, hồi trước khi vào lính, tôi có mộng đi học ngành tâm lý.

- Tôi cũng thích ngành đó lắm.

Trực giả vờ nói hùa theo C. Hắn chợt nhìn chòng chọc vào mắt Trực.

- Anh thương con anh đến cỡ nào?

- Nhiều lắm.

- Anh có dám hi sinh cho con anh không?

- Dĩ nhiên là dám!

C. cười ngạo mạn như có vẻ không tin.

- Con anh đang bệnh nặng, có thể chết bất cứ lúc nào, đúng không?

- Đúng vậy.

- Anh cần thuốc trụ sinh để cứu con anh, phải không?

- Phải!

- Hà hà. Anh nghe cho rõ đây. Nếu tôi ra điều kiện rằng vợ anh phải ngủ với thằng F. một đêm, anh có chịu không?

Trực thấy ớn lạnh dọc theo xương sống, tay chân chàng tê lại. C. tiếp tục:

- Thế nào?

Trực nắm chặt hai tay. Chàng cúi đầu cắn chặt môi, mồ hôi chàng vả ra như tắm hai bên thái dương. C. kiên nhẫn ngồi đợi. Vài phút sau, hắn bỗng bật cười.

- Hà hà. Chỉ thử vậy thôi mà. Tha cho vợ anh đó...

- ...

- Để giúp anh, bây giờ tôi cho anh một điều kiện khác tương đối dễ hơn. Tôi là người đồng tính. Anh có biết đồng tính là gì không hả? Biết chớ gì! Tốt lắm. Tôi thích anh lắm. Tôi muốn... với anh.

Tim Trực giựt thót lại. Máu trong các động mạch của chàng vọt chạy lung tung. Chàng choáng váng suýt té nhào.

- Tôi không đùa đâu! Tôi đã để ý anh từ lúc anh mới đến đây... Tối nay có trăng sáng, hẹn anh ngoài này... 8 giờ.

Trực không muốn nghe thêm một lời nào nữa phát ra từ miệng hắn. Chàng đứng lên quay đầu đi một mạch trở về lán.

Đêm đó, thằng Tiến lại bị đi lỏng, kỳ này máu ra nhiều hơn. Quá nửa đêm, người nó giựt giựt như lên kinh phong. Thùy ngồi bên cạnh con suốt đêm, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng.

- Anh ráng hỏi xin mua thuốc trụ sinh lẹ lẹ lên nghe anh! Cứ lấy mấy chiếc nhẫn vàng của mình đi... Để lâu em sợ...

Trực cúi mặt không dám nhìn vợ con. Chàng đứng lên, bỏ đi ra ngoài. Trên nền trời đen, ánh trăng vàng tỏa sáng vằng vặc. Gương mặt của C. như nhảy múa giữa cái khung tròn đó.

- Không bao giờ!

Trực thét lên trong lòng. Chàng sẽ không bao giờ chấp nhận chuyện đó! Không bao giờ! Thà chết chứ... Trực nhớ lại hình ảnh của thằng Tiến. Chàng chết thì đã đành, chàng thà chết còn hơn bị làm nhục. Chuyện đó dễ ợt. Nhưng còn con? Chẳng lẽ để nó chết ở đây hay sao? Chẳng lẽ lại để nó chết ở ngưỡng cửa tự do hay sao? Trực ngồi xuống đất, áp mặt vào hai đầu gối. Chàng không muốn suy nghĩ gì nữa cả.

- Anh...

Trực không nhìn lên. Chàng cảm được hơi nóng của Thùy bên cạnh chàng. Bàn tay mềm mại, mát rượi của nàng vuốt nhẹ lên vai Trực. Trực ngẩng nhìn vợ. Dưới ánh trăng mơ màng, nàng đẹp như một cô tiên trong chuyện cổ tích. Giá mà không có cơn bệnh quái ác của thằng Tiến thì đêm nay chàng sẽ ôm hôn nàng và vòi vĩnh ân ái với nàng. Trực kéo Thùy ngồi xuống bên cạnh rồi kể lại sự việc xảy ra hồi chiều giữa chàng và C. ở ngoài

bờ suối.

*

Còn vài phút nữa là show bắt đầu. Đám khán giả người Mỹ và Nhật đã ngồi chật các dãy bàn bên dưới, khói thuốc bay mù mịt. Nhìn cách ăn mặc, đa số bọn họ có lẽ là dân khá giả. Họ lặn lội đến tận thị trấn nhỏ bé này của xứ Mễ Tây Cơ để được tận mắt xem một trò vui hiếm thấy. Tôi ẩn mình trong bóng tối sau hậu trường. Người con gái đứng cạnh tôi, vai khoác hờ chiếc áo choàng tắm.

- Cô hồi hộp không?

- Quen rồi.

- Có mắc cở không? Lỡ gặp người Việt Nam trong đám khán giả thì sao?

- Kệ họ. Miễn cho nhiều tiền tip là OK.

*

Thùy đứng đối diện với C. nơi khoảng rừng vắng. C. lấy điếu thuốc ra khỏi bao rồi lại cất vào lại. Mắt hắn nhìn nàng thương hại.

- Rất tiếc! Tôi không cần cô! Hai dòng nước mắt bắt đầu chảy xuống má Thùy. Nàng bật lên khóc thành tiếng. C. bỏ đi, mặc cho Thùy khóc thật lâu.

- Thôi nín đi!

Huyền dụi mắt nhìn lên. Không phải C. mà là F. đang đứng trước mặt nàng.

- C. là một thằng faggot ngu như heo! Người đẹp như vầy mà lại chê! Nó không giúp cô thì còn có tôi... OK?

Thùy gật đầu. F. mở ba-lô ra sục sạo một hồi rồi ném cho nàng một lọ thuốc nhỏ. Hắn bước đến bên Thùy. Nàng cắn chặt môi, mắt nhìn đi nơi khác. Hắn đưa hai tay nắn bóp thân thể Thùy một cách sàm sỡ, vồ vập với sự cuồng nhiệt man dại của loài hổ báo đói mồi lâu ngày. Mặt hắn trẻ măng, có lẽ chỉ đáng tuổi em út của nàng. Cơn bão táp xác thịt diễn ra ngay trên mặt đất lầy lội nơi bìa rừng.

*

Người con gái tiếp tục câu chuyện một cách bình thản. Mắt nàng không nhìn tôi mà nhìn ra sân khấu tối đen.

- Thằng F. chưa chịu thỏa mãn. Nó còn cho con chó béc-giê của nó dùng tôi để giải quyết sinh lý.

- !!!

- Tôi cắn răng chịu đựng, mong mọi việc qua cho mau. Chỉ có điều là...

?

- Loài chó khi giao hợp, phía dưới gốc của cái đó nở ra rất to. Một khi đã đưa vào âm hộ rồi là kẹt luôn, phải đợi cho đến lúc nó nhỏ lại mới rút ra được.

- !!!

- Tôi bị dính với con chó cả nửa tiếng, không gở ra được. Tự nhiên trong lúc đó, anh Trực bổng từ đâu hớt hơ hớt hãi chạy tìm tôi.

Người con gái bổng phì cười gượng gạo. Nàng cố làm ra vẻ tự nhiên.

- Anh phải nhìn mặt ảnh lúc đó thì mới biết.

- !

- Nhưng nhờ đó mà thằng Tiến có thuốc, lành bệnh, còn sống qua Mỹ để... bệnh tiếp.

Chương trình đã bắt đầu. Đám khán giả tò mò bổng im phăng phắc. Không biết đây là lần thứ mấy chục mấy trăm, Thùy biểu diễn giao hợp với Danny, chú chó to lớn có bộ lông vàng. Bốn chân Danny đều được mang vớ để khỏi làm trầy da cô nữ diễn viên. Nàng thành thạo dùng tay kích thích dương vật con thú cho cương cứng lên. Thùy ngã người xuống, con Danny chồm tới, thân thể nó nhập vào người nàng. Đám khán giả đứng lên la hét thích thú.

*

Trước khi chia tay với tôi, người con gái vừa vuốt đầu Danny vừa nói:

- Ở đây Thùy thật sự chỉ có Danny là bạn. Chưa nói tới việc nó giúp cho Thùy hái ra tiền để lo cho con.

Nàng chợt nheo mắt bởn cợt và hạ giọng thì thầm như trêu chọc tôi:

- Danny làm tình rất khá. Lúc nào cũng cho Thùy vài lần khoái cảm.

- !!!

- Nói đùa vậy thôi. Khoái cảm thì cũng có đó. Nhưng không gì bằng trái tim và vòng tay của người đàn ông mình yêu đâu!

Tôi chào nàng ra về. Một tháng sau, tôi gọi lại Thùy và lái xe qua Mễ. Tôi mời nàng đi ăn tối và xem kịch bằng tiếng Tây Ban Nha.

ĐỒNG HOÀNG



PHỐ THỊ NGỌC NI

ngước lên thèm cái long lanh

Giọt rơi tí tách
trong veo
Từ khe ngọc
giục anh theo lên nguồn
Khí rừng; khí núi
tà dương
Thổi cho mát mặt
trăm đường tóc bay
Giọt rơi thánh thót,
cũng đầy
Chồn chân anh
rớt xuống
trầy chiếc thân
Xuýt xoa
bỏ
chắc không đành
Ngước lên
thèm cái long lanh mắt
cười

bản thanh tục

Lom khom
phía dưới anh
Ngồi. Bờ môi đẫm ướt tóc trôi bồng bềnh
Giữa trời. Giữa đất
mông mênh
Hồn anh vọt chảy trắng
lênh láng
cành

Tóc thề xổ rối
cỏ xanh
Anh phong lưu cúi xuống thành tình nhân
Dấn sâu vào
miếng thiên thần
tiếng đau của máu

đỏ oằn oại
da
Dịu dàng bẻ một nhành hoa
trái tim hồn hển lăn qua
cuộc tình
Nguyệt treo trong lá
thu, rình
coi em truồng
ngủ trên mình mẩy
anh.

PHỐ THỊ NGỌC NI
(gửi Nguyễn Thị Hoàng Bắc)



PHAN NHIÊN HẠO

mưa

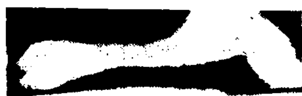
Mưa và mưa và mưa
trên dù gõ nhiều tiếng nhỏ
nghe được mỗi lúc vắng xe
tôi đi bộ hai dặm quanh Westwood
mây xuống ngang tầng nhà thứ năm
đầu tôi tỏa khói
tôi tìm cái gì, tôi đứng lại đôi khi
rồi tôi vô rạp coi phim có mấy tên mập làm trò
hai đứa nhỏ ngồi ăn popcorn cười ngặt nghẽo
tôi vương giả chiếm hết hai ghế
tôi là một ông hoàng chẳng lo nghĩ ngày mai
chẳng nhớ gì hôm qua nữa cũng
chẳng muốn làm gì hôm nay
trời mưa và tôi có một đồng tiền xanh trong túi
đồng tiền cuối cùng của một thế giới lo toan
thôi tôi xếp dù
mua vé vô ngồi cạnh mấy đứa nhỏ ăn popcorn
cùng cười ngặt nghẽo.

PHAN NHIÊN HẠO



PHẠM NGỌC TIẾN

HUYỀN DIỆU







Hạnh là con út trong một gia đình khá giả. Lại là con trai duy nhất. Hai chị gái Hạnh đều yên bề gia thất. Chị đầu, kỹ sư xây dựng, lấy chồng cùng nghề. Cả hai đều làm cai thầu, tiền bạc tất nhiên không thiếu. Chị áp, bác sĩ lấy chồng là kỹ sư điện. Không giầu nhưng cũng có nhà riêng, tiện nghi vừa đủ. Hạnh ở với bố mẹ đã về hưu trong một căn hộ xinh xắn ba buồng ở khu tập thể Trung Tự. Người mảnh dẻ, khuôn mặt đẹp như con gái, thông minh và rất có duyên, dĩ nhiên Hạnh là đối tượng chú ý của phái đẹp. Mới đấy, Hạnh vừa lĩnh tấm bằng ưu cử nhân văn khoa ở trường Tổng hợp. Con đường tương lai mở trước mặt Hạnh thẳng tắp và sáng sủa. Một tờ báo lớn, sau khi kiểm tra trình độ đã đồng ý tiếp nhận Hạnh làm phóng viên tập sự. Trong bữa tiệc gia đình mừng cậu út, ông bác sĩ già từng nhiều năm làm chuyên gia nước ngoài, cả đời không biết uống rượu nhưng trước niềm vui lớn đã cạn hẳn một ly đầy Whisky. Thứ rượu mạnh chỉ người nghiện mới dám xài. Ông bảo:

- Việc thằng Hạnh thế là xong. - Ông quay sang vợ - Đấy, bà cứ chê cái tên con gái của nó. Nào, nó đã đáng mặt đàn ông chưa. Cứ gọi là còn khướt mới theo được nó.

Cả nhà ngập tiếng cười. Ly chạm ly sóng sánh.

*

Bỗng nhiên Hạnh mắc một căn bệnh kỳ lạ. Hồn phách liêu xiêu tận đẩu, tận đâu. Người cứ thờ thẫn, thờ thẫn. Vào, ra như một hồn ma, bặt cả tiếng nói. Ai hỏi mặc kệ. Hạnh đi đâu, về đâu, cả nhà tịnh không ai biết. Có ngày Hạnh ngồi đọc sách liền tù tì mấy tiếng đồng hồ nhưng lạ là chẳng giở một

trang. Lại có ngày Hạnh lang thang cuốc bộ, về đến nhà rõ khuya, người rũ ra như tờ giấy gặp nước. Lạ nhất là hành động hạ từ gác xép chiếc xe đạp cuốc của thời sinh viên đã được cất đi làm kỷ niệm. Sáng sáng, Hạnh lắp vào khung ngang chiếc cặp tay rồi phóng đi đến chạng vạng mới về. Động tác lặp lại hệt như thời còn đi học.

Cả nhà nháo lên. Ông bố và bác sĩ chị làm một cuộc hội chẩn gia đình. Không tìm được nguyên nhân phát bệnh. Triệu chứng bệnh cũng không rõ. Hạnh vẫn ăn, ngủ đều đều. Đưa đi bệnh viện làm các xét nghiệm cũng không tìm được điều gì khả dĩ. Bà mẹ và vợ chồng chị cai thầu nghĩ đến một hướng khác. Một thầy cúng ê a hát và gõ chập cheng đủ ba ngày đêm vẫn không xua được tà ma đang vận vào người Hạnh. Cực chẳng đã, vị thầy cúng có tiếng là nhiều thuật pháp kia đâm bỏ của chạy lấy người. Chưa nản, mấy người tìm đến không sót các nơi đền, phủ có tiếng linh thiêng, bày đặt lễ vật hậu hĩnh mong tai qua, nạn khỏi. Tiền bỏ ra tốn đến bạc triệu. Người bình thản trước mọi cố gắng của gia đình vẫn duy nhất là Hạnh.

Bệnh tình ngày một nặng thêm. Hạnh bắt đầu biếng ăn, biếng ngủ, cũng không im lặng được nữa. Lảm nhảm suốt ngày, toàn những điều không ai hiểu. Bạn bè đến thăm, Hạnh vẫn nhận biết được, đôi lúc còn giữ được cả tính lịch sự từ trước. Song vẫn không ai moi được một tý gì từ Hạnh.

Bệnh tiếp tục trầm trọng. Hạnh không lảm nhảm nữa mà la hét. Ăn ngủ thất thường, người Hạnh rạc đi trông thấy. Hãi nhất là xuất hiện những cơn đập phá bất kỳ. Hạnh từ nhỏ vốn nhu mì, được chiều chuộng đủ mọi thứ nhưng thuần tính, người trên nói gì cũng ngoan ngoãn vâng lời. Xảy ra tình trạng này hẳn phải có cái gì kịch phát rất lớn trong Hạnh. Cả nhà gồng lên gánh chịu.

Đến một hôm, lúc giáp mặt bác sĩ chị, chợt mắt Hạnh lóe sáng. Từ ngày mắc bệnh, mắt Hạnh dài dại, lờ đờ như thiếu nữ say tình. Luồng sáng sắc lạnh kia xoáy vào cái bụng lùm lùm của chị ruột. Chị áp của Hạnh đang mang thai tháng thứ ba. Bất ngờ, Hạnh sấn đến đạp mạnh. May mà đạp trượt. Hạn đạp tiếp. Mọi người ùa vào giữ kịp. Quá xót vợ, anh rể Hạnh không kìm được, tát em một cái nảy đom đóm mắt. Chẳng ngờ Hạnh ôm mặt. Thấy nước mắt túa ra và giọng tỉnh như sáo sậu:

-Em xin lỗi.

Cả nhà không trừ một ai đều quay mặt lau nước mắt. Sau hôm ấy buộc phải đưa Hạnh vào bệnh viện tâm thần.

*

Hạnh được điều trị trong một phòng riêng. Bệnh tình vẫn ngày một trầm trọng. Các cơn thao cuồng dày dần. Hạnh đập phá mọi thứ trong phòng. Chiếc giường sắt là nạn nhân hàng ngày của Hạnh. Hạnh tự rải chiếu ngủ dưới sàn. Không biết nguyên cớ gì mà Hạnh căm ghét cái giường đến thế. Có

lần Hạnh chốt chặt cửa cố thủ trong phòng, không cho bất cứ ai vào. Dễ đến ba ngày đêm. Sau nhân viên bệnh viện phải phá cửa, kịp cứu thoát Hạnh. Cũng vẫn có những lúc Hạnh tỉnh. Rất hiền lành và ngoan ngcãn. Bác sĩ điều trị cố tận dụng những cơ hội này để xác định nguyên nhân phát bệnh. Song kết quả chẳng được bao nhiêu. Đại loại:

- Cháu thích gì bây giờ?
- Thì cũng như mọi người - Hạnh chặc lưỡi.
- Cháu muốn xem sách không, để chú lấy.
- Cháu cám ơn.

Thoáng nghĩ đế một hướng nghi ngờ, ông bác sĩ tấn công:

- Cháu có người yêu chưa?
- Bây giờ thì không - Hạnh cười.
- Cháu có nhu cầu tình dục không?
- Đến chú cũng có!

Hạnh cười to hơn khiến ông bác sĩ và cô y tá đỏ cả mặt. Mọi biện pháp tâm lý xem ra chẳng ăn thua gì. Hạnh là một ca bệnh tương đối nan giải và cá biệt. Tiền sử gia đình cũng chưa có ai mắc chứng bệnh này của Hạnh. Hỏi kỹ, đúng là Hạnh đang không yêu ai thật. Trong bệnh án của Hạnh bệnh viện kết luận: Bệnh nhân bị tâm thần phân liệt. Ở mục nguyên nhân, viện đến cả khoa học trắc nghiệm cũng chịu đành phải bỏ trống. Không còn cách nào khác, bệnh viện buộc phải sử dụng phương pháp điều trị đơn giản tiêm Aminazin và cho uống Gardenan liều cao để an thần mỗi khi bệnh Hạnh kịch phát. Vẫn biết phương pháp tâm lý có hiệu quả cao trong chữa chạy tâm thần nhưng không thể áp dụng được với Hạnh. Kín bưng như một chiếc boong ke, Hạnh ngày một tàn tạ và suy sụp.

Cả nhà thay nhau ở bệnh viện chăm sóc Hạnh. Đặc biệt mấy anh rể được dịp thể hiện tình yêu của mình đối với vợ thông qua trách nhiệm với Hạnh. Bạn bè cũng đến đông lắm. Nhưng càng ngày Hạnh càng thờ ơ với người thân của mình. Về sau, Hạnh đóng cửa im ỉm suốt ngày không tiếp bất cứ một ai. Điều này tối kỵ với loại bệnh của Hạnh. Thể lực Hạnh kiệt đến mức bắt đầu có những cơn mê sản kéo dài. Bác sĩ điều trị đã buồn bã lắc đầu. Ông chấp nhận thất bại trước căn bệnh của Hạnh. Ông đồng ý với đề nghị của gia đình đưa Hạnh về chăm sóc tại nhà. Mọi hy vọng đã tắt ngấm.

Ý định đưa Hạnh về nhà chưa kịp thực hiện thì có một đôi khách đến thăm. Cả hai đều rất trẻ chạc tuổi Hạnh. Vừa trông thấy cô gái, chị áp của Hạnh đã òa lên:

- Lương ơi, thằng Hạnh...

Lương là bạn học từ thời phổ thông của Hạnh. Cô bối rối:

- Em mới đi công tác ở miền trong về. Vừa hay tin.

Lúc ấy Hạnh đang mê man. Miệng lắp bắp gọi tên ai đó. Mắt Lương đỏ hoe vì thương bạn. Lương áp tay mình vào tay Hạnh. Thật không thể tin cái

hình hài ốm eo, tượi tã kia là Hạnh. Mới chỉ có vài tháng. Trước chuyến công tác, Hạnh còn ngồi với Lương kể bao nhiêu chuyện. Lúc ấy, Lương nhớ rõ Hạnh chỉ mới buồn buồn. Gặng mãi Hạnh mới cho Lương hay. Nghe kể bệnh tình Hạnh, Lương giật mình. Thôi chết, lẽ nào lại chuyện đấy. Nghĩ thế, Lương vuốt vuốt đám tóc lòa xòa trên trán Hạnh và ghé sát vào tai bạn thì thầm. Lương nói những gì lâu lắm. Mọi người trong phòng bệnh đều ngạc nhiên trước cử chỉ lạ lùng của Lương. Riêng cậu bạn trai đi cùng Lương, nhíu mày tỏ vẻ khó chịu trước sự thân mật thái quá. Biết thế, Lương bảo:

- Em đã nói rồi. Đây là cậu bạn thân của em. Có lẽ anh về trước đi.

Chị áp Hạnh hỏi:

-Ai đấy?

Chờ cho chàng trai vùng vằn khuất khỏi sân Lương mới trả lời:

-Bạn. Đang ở giai đoạn "lườm mặt" thôi. Hay ghen lắm.

Chị áp Hạnh thở dài. Lương cũng thở dài. Cô tiếp tục thì thầm vào tai Hạnh. Chợt thấy mi mắt Hạnh động đậy. Mọi người sửng sốt. Mắt Hạnh vẫn dại nhưng cũng còn chút sinh khí. Môi Hạnh mấp máy thành tiếng:

-Thảo, Thảo...

Lương khẽ gật. Hơi thở của Lương xõa nóng mặt Hạnh. Lương cũng lào thào:

- Vâng. Em đây. Thảo đây.

Ngần ngừ một giây, Lương đặt rất nhanh môi mình vào môi Hạnh. Thấy mặt Hạnh giãn ra. Mắt mở to, có ánh cười trong đồng tử. Tay Hạnh quờ quạng. Yếu sức không nhất nổi nhưng rõ ràng Hạnh đang muốn điều gì đấy. Lương lại đặt tiếp một cái hôn nhẹ nữa. Lần này mắt Hạnh sáng hẳn. Từ khóe mắt Hạnh long lanh chắt ra giọt nước tròn mọng. Giây lát Hạnh lại thiếp đi. Mặt vẫn giữ những nét rạng rỡ. Những người có mặt quá bất ngờ, sững sờ hóa tượng hết lượt. Ông bác sĩ điều trị lẩm bẩm:

- Quái lạ. Rõ ràng thằng bé tỉnh.

Lương vừa qua cơn xúc động mạnh, hổn hển:

- Đúng rồi. Tôi biết vì sao Hạnh điên rồi. Tội nghiệp!

- Cái gì? - Ông bác sĩ điều trị hỏi giật giọng.

- Cậu ấy điên vì tình!

*

Ngày cuối phổ thông, quả thật Lương có thầm yêu Hạnh. Chẳng ai cấm chuyện thầm yêu, trộm nhớ. Nhưng tuổi học trò vô tư những chuyện ấy chỉ là viển vông. Tựa như ngọn gió mát thổi giữa trưa hè nóng rực rồi thôi. Cùng tuổi, con trai bao giờ cũng thấp hẳn con gái một cái đầu. Đấy là nói về tình cảm lãng mạn. Không tỏ bày được chuyện kia song hai người vẫn thân thiết nhau lắm. Vào đại học, mỗi đứa một trường, tình bạn vẫn bền chặt. Mến

Hạnh nhưng Lương không có dịp để nói. Thân quá cũng có những cái bất lợi. Vả lại, tiếng đã giải phóng phụ nữ song chuyện tỏ tình chưa thể bình đẳng được. Việc ấy vẫn thuộc về phái mạnh. Chuyện rồi cũng qua. Năm thứ ba đại học, Hạnh yêu một cô gái cùng lớp. Người rất xinh quê ở Cao Bằng. Vì gốc gác, thành thử tình đầu của Hạnh bị trắc trở. Gia đình trí thức không làm ầm ĩ song mọi người đều tỏ ý không bằng lòng. Nhất là mấy chị gái mặn nhạt ra mặt. Đã nói, Hạnh tuy được chiều chuộng nhưng gia đình khuôn phép nên rất biết vâng lời. Thêm nữa, Hạnh mới mười chín, hai mươi miệng còn đặc sữa, ngu ngơ chưa biết gì nên chuyện tình tọt cũng chả mấy quan trọng. Cô Cao Bằng ý thức ngay từ đầu tình thế bất lợi của mình, hơn nữa cô đã ít nhiều kinh nghiệm ở vài cuộc tình trước, vì thế cuộc chia tay không mấy nặng nề nếu không muốn nói là vui vẻ. Năm thứ tư Hạnh tấn công một cô cùng khóa nhưng khác khoa. Cú này Hạnh say đòn thật sự. Thảo, đầy đủ mọi tiêu chuẩn. Hơn tất cả là sắc đẹp đến mê hồn. Mặt Thảo mịn màng lúc nào cũng phừng phừng như tẩm rượu. Mắt lúng liếng, liếc đến đâu ngọt bén đến đấy. Người như thế khác gì khối nam châm. Đàn ông tựa như đám mạt sắc, sao mà tránh khỏi bị hút chặt. Vây quanh Thảo vô số bọn đàn ông ham hố. Hạnh thắng. Áo quần bảnh chọe, ngất ngư trên chiếc xe mới tậu đời 91, nom Hạnh uých ra phết. Hạnh lả lướt, mũi phổng như tỏi tươi vừa dỡ. Có lần đang âu yếm. Thảo hỏi:

- Biết vì sao em "chết" anh không?

Mắt liếc vào chiếc xe máy và thoáng nghĩ đến khuôn mặt điển trai của mình nhưng Hạnh nín bặt không dám nói gì vì sợ Thảo giận.

Thảo tinh lắm, cười khanh khách:

- Ngốc lắm. Xe này nhà tớ có bốn chiếc để đắp chiếu. Ham giầu đã chả đến lượt đằng ấy. Còn mặt kia, khối đám trơ lông đỏ da hơn nhiều, tớ chưa thèm duyệt.

- Thế vì cái gì? Hạnh hoang mang.

- Ngốc ơi là ngốc. Vì thơ đấy.

Hạnh toát mồ hôi, xương sống lạnh ngắt. Ra thế, thơ ca ai bảo là đồ vô tích sự. Hạnh tuy còn tập tọe nhưng cũng đã rải rác in báo được mươi lăm bài. Lại tham gia nhóm thơ Thanh Xuân, thơ trẻ Hội văn nghệ cũng gọi là có tiếng. Nếu không bị mấy bà chị phản đối, cấm vận Hạnh đã ra được một tập hẳn hoi. Hai triệu còm là xong chứ mấy. Sau hôm ấy, đêm nào Hạnh cũng miệt mài tìm tứ, rèn câu, làm thơ tặng Thảo. Tính cả thời gian tấn công, Hạnh có với Thảo được đúng một học kỳ. Chi li, đi chơi với nhau được hai chục bận. Thậm chí Thảo chưa một lần ra mắt nhà Hạnh. Bởi vậy, không một ai trong gia đình biết đến chuyện này. Đúng lúc tốt nghiệp xong thì Thảo lảng. Hạnh cuồng lên, cố tìm gặp dàn xếp. Không xong. Lúc hai người ôm nhau trong công viên Thảo bảo:

- Em sắp lấy chồng. Anh đừng gắng nữa vô ích.

- Cái gì? - Hạnh lắp bắp.

Thảo cười khanh khách:

- Đồ ngốc - Thảo kéo tay Hạnh cho sờ ti và xoa bụng - đấy thấy chưa, ba tháng rồi.

Hãi quá. Chuyện ấy từ ngày yêu Thảo, Hạnh thực chưa dám nghĩ đến, vậy mà Thảo... Hạnh hỏi một câu mít đặc:

- Với ai?

- Thì với chồng chứ còn với ai nữa.

Suýt thì Hạnh gầm lên. May kìm được chỉ buột ra mỗi một từ:

- Đồ...

Thảo vẫn cười:

- Ngốc ạ. Thế là đằng ấy bẫm rồi. Yêu là một chuyện, lấy chồng lại là chuyện khác. Cũng như thơ ca ấy mà. Yêu nhau thì được nhưng thâm thủy sống với nó có mà nhăn răng. Thôi ngốc ơi, hôn đi rồi phắn.

Hạnh rũ xuống như bù bình rơm mất gậy. Một tuần sau Thảo đi lấy chồng. Một tháng sau, Hạnh bắt đầu phát bệnh.

*

Hy vọng lóe lên. Sự xuất hiện của Lương làm bệnh tình Hạnh có phần thuyên giảm. Vẫn lú lẫn, nhầm tưởng nhưng Hạnh đã bớt dần mê sảng. Mọi người thống nhất phương án lấy độc trị độc. Điên tình thì chữa bằng tình. Nhưng kiếm đâu ra người thủ vai. Ai mà dám rúc đầu vào rọ kẻ điên điên, khùng khùng. Mãi sau, theo kế của chị cả cai thầu, vợ chồng chị áp cầm một món tiền về quê. Thương đi, lượng lại rồi cũng tìm được một cô tàm tạm.

Mặt mũi nhìn được. Gần như là hợp đồng, nhà gái cầm số tiền kia. Không khỏi coi như hòa. Còn nếu khỏi, bắt buộc phải cưới, thành vợ, thành chồng. Cũng được, coi như xong một việc lớn. Cô gái quê được dặn dò kỹ lưỡng mọi điều. Cũng thì thầm, hôn hít đủ cả. Nhưng chẳng đạt kết quả gì. Lúc tỉnh, Hạnh lại mắc chứng thao cuồng, có lần nhổ phì phì và đấm đá vào mặt cô gái quê tội nghiệp. Việc thế là đổ bể. Thử một vài người nữa đều hỏng cả. Chỉ có Lương đến thì Hạnh chấp nhận. Thế mới biết người điên cũng khối thứ khôn chán.

Lương lâm vào tình thế khó xử. Người bạn trai tuy chưa chính thức nhưng cũng đã theo đuổi Lương một thời gian dài. Nếu không vướng chuyện Hạnh chắc Lương đã nhận lời cầu hôn. Không thể đang tâm bỏ mặc Hạnh. Cũng không thể gạt chuyện hệ trọng của đời mình. Dàn xếp mãi vẫn không xong. Người bạn trai khăng khăng:

- Hoặc là tôi hoặc là người điên. Chỉ một!

Lương khóc. Cô buồn bã đi đến bệnh viện. Mọi việc sau đó trôi chảy. Lương vào vai Thảo thành công đến mức khó tin. Hạnh hồi phục rất nhanh. Sức trai, ăn được, ngủ được, chả mấy đã lại người.

Ít tháng sau, Hạnh hoàn toàn bình phục. Lúc ra viện, nhìn Hạnh không ai dám bảo đấy từng là một người bị tâm thần phân liệt đã ngấp nghé bước đến cửa tử. Duy có mỗi một điều làm mọi người còn lo ngại. Với Lương, Hạnh vẫn coi là Thảo. Điểm u mê duy nhất này, biết đâu lại chả là mầm bệnh của cơn tái phát sau này. Ngại là phải.

Ngày ngày Hạnh quấn quít bên Lương. Những lúc kề cận âu yếm. Lương không khỏi buồn phiền. Không biết có ai cũng ở vào tình cảnh trớ trêu này như Lương không? Trong vòng tay Hạnh, Lương đã sống lại những tình cảm thuở học trò. Hơn thế, nó mãnh liệt, Lương như lạc vào một cánh rừng bí ẩn, đam mê. Không còn nghi ngờ gì nữa, từ tình thương bè bạn, Lương biết mình đã thật sự yêu Hạnh. Nhưng buồn thay, Lương vẫn chỉ là Thảo. Chẳng nhẽ suốt đời mãi mãi phải thế này?

Một hôm, Hạnh đưa cho Lương bài thơ mới làm còn tinh khôi mầu mực. Bài thơ đề: Tặng Thảo. Không kìm giữ được, Lương òa lên khóc. Sau phút ngỡ ngàng, Hạnh choàng lấy Lương. Không còn khoảng cách gìn giữ, cả Hạnh và Lương chập thành một khối xóa nhòa ranh giới giữa u mê và tỉnh táo. Trong phút chốc Lương đã dâng trinh trắng cho Hạnh. Lương cắn răng cố nuốt nước mắt vào trong. Đúng lúc ấy chợt Hạnh choàng tỉnh. Như có một phép lạ làm sáng bừng u mê của Hạnh. Hạnh quỳ xuống bên Lương:

- Trời ơi, tôi đã làm gì thế này. Lương, Lương.. bạn tôi.

Lương ôm chặt lấy Hạnh. Trong cô mênh mang niềm sung sướng vô bờ. Cuối cùng thì Hạnh đã thật sự trở lại.

Đám cưới tiến hành sau đó rất vui vẻ. Chị cả cai thầu nhận chi phí toàn bộ đám cưới. Chị áp, bác sĩ, yếu hơn vẫn hăng hái đòi trang bị cho cô dâu. Số tiền nghe nói cũng khá. Còn vợ chồng ông bác sĩ già thì khỏi nói. Ai cũng mừng. Đến người dưng cũng mừng. Người bạn trai của Lương mang đến tặng Hạnh một lẳng hoa lớn. Hai người đàn ông ôm nhau, mừng mừng, tủi tủi. Kết quả của lần Hạnh nhận ra Lương là một đứa con trai bụ bẫm. Tờ báo nọ từ chối Hạnh vì cái phốt kinh khủng kia. Song Hạnh lại được nhận vào làm tuyên truyền ở một cơ quan kinh tế. Hạnh trở thành một công chức cần mẫn. Còn điều này, Hạnh vẫn tiếp tục làm thơ. Chưa ra được tập vì các bà chị vẫn phản đối kịch liệt.

Hạnh và Lương sống rất hạnh phúc. Trận "thập tử nhất sinh" của Hạnh không còn ai nhắc. Đến cả Hạnh, đôi lúc nhớ cũng không tin mình từng bị như thế.

Câu chuyện này hoàn toàn có thật. Tin hay không tùy ở bạn đọc. Nó thật đến mức, tác giả buộc phải phá bỏ điều cấm kỵ trong phép viết truyện ngắn để nói tuột ra những lời này: Tình yêu của con người đó chính là phép mầu huyện diệu có thể chữa lành mọi căn bệnh.

PHẠM NGỌC TIẾN.



NGUYỄN NHƯ MÂY

gửi người dương thế

Tôi không vĩnh biệt cuộc đời
chỉ đi khuất ánh mặt trời trần gian
người yêu ơi, chớ khóc than
tim tôi vẫn đập nhịp nhàng trong Em
tôi về sống với đêm đen
để im lặng ngắm cõi miền trống không
và nghe rõ giọt máu hồng
lắng hồn cát bụi, tan cùng lẻ loi...
Người yêu! hãy cất tiếng cười
khi đưa tôi đến chỗ tôi sẽ nằm
chiếc nôi của tuổi trăm năm
từ thiên cổ vẫn để dành cho tôi...
Xin em đừng khóc, hãy cười
coi như trăng đã lặn rồi - phía Tây!
(Bệnh viện Saigon)

tìm em

Anh tìm Em, tìm Em
cây dọc đường, đã mỏi
gió kéo dài cơn đói
đuổi không kịp lá vàng

Anh tìm Em, lang thang
mắt đau từng góc phố
chân lê dài nắng đỏ
hồn nghiêng ngã, bơ phờ

Vòng tay anh sóng xô
vỡ từng trang kỷ niệm
vết bầm xưa lên tím
chưa quen bước giang hồ

Anh đếm từng hơn ho
xé rách chiều lưu lạc
che tay mồi điếu thuốc
anh thèm cốc rượu tàn

Em nào biết thu sang
anh nằm, không ánh lửa
ngoài trời ai trở gió
làm rớt mảng trăng khuya...

ga rừng

Đêm đông lạnh hơn dao cắt
gió núi chợt làm phong ba
tàu khuya quen đời lưu lạc
bỏ đi như kẻ không nhà

Ta còn nửa ly rượu đắng
co ro bếp lửa ga rừng
gió bụi dọc đường lẻ bạn
ta thèm một chỗ ngồi chung!

Ai người vô danh trôi nổi
ghé ta uống chút rượu tàn
rồi mai mỗi người một ngả
- tàu qua, ta về phương nam

Ga rừng, ta làm lữ khách
độc ẩm ga rừng trống không
ta đành sương núi bềnh bồng...

NGUYỄN NHƯ MÂY



NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

CHUYẾN ĐÒ TỐC HÀNH



Tôi ngồi bó gối trong khoang đò tốc hành Sông Đốc - Cà Mau, nhìn đám người lố nhố bán buôn trên bến và những hành khách lần lượt xuống đò, chợt thấy Yến với Hằng khệ nệ xách hai túi đồ xuống sau cùng. Hai đứa đứng trước cửa đảo mắt ngó quanh quất trong khoang tìm chỗ ngồi. Vừa thấy tôi, hai đứa cố chen lấn đám hành khách vô khoảng giữa để ngồi kế tôi cho bằng được. Cả ba lần gặp Yến và Hằng hoàn toàn do sự ngẫu nhiên, vậy mà hai đứa xem tôi như người quen thân từ lâu lắm. Đò chật nức, chen mông ngồi chưa đụng sạp, Hằng mở miệng định hỏi gì đó nhưng Yến đã nhanh miệng hớt lời:

- Chú đi đâu vậy?
- Mỹ Tho.
- Chừng nào chú dìa bển?
- Tuần tới.

Bây giờ Hằng mới được chen vào, hỏi:

- Rồi bao lâu chú mới dìa nữa?
- Có lẽ vài ba năm.
- Chừng nào dìa chú ghé nhà con chơi.

Tôi ừ hử cho qua chuyện, nào ngờ hai đứa cắm cúi ghi địa chỉ đưa cho tôi còn căn đi dặn lại biểu tôi đừng quên. Khi đò tách bến ra giữa dòng, gã thanh niên ngồi bên cạnh day qua, hỏi:

- Tụi mầy chừng nào trở xuống nữa?

Thấy cả hai đứa không trả lời, gã bèn bồi thêm một câu:

- Tụi mầy mà bỏ đi thì "Hương Biển" sẽ ế!

Bây giờ tôi mới nhìn kỹ gã thanh niên. Hắn bận áo sơ mi trắng, hở cổ khoe sợi dây chuyền vàng mặt mỏ neo, quần màu xám tro, tay ôm cặp táp. Có lẽ anh ta là cán bộ huyện hoặc cán bộ xã gì đây? Thấy tôi nhìn, gã nở nụ cười đều đưa ba bốn cái răng vàng như thầm nói với tôi: "Đừng tưởng hai con nhỏ đó hiền mà lầm!". Yến và Hằng vòng tay bó chưn, càm kê lên đầu gối giống như hai con trút cuốn tròn, mắt long lanh muốn khóc!

Sự yên lặng của Yến và Hằng làm tôi áy náy, tôi lơ lãng ngó mặt ra dòng sông. Chiếc đò lướt nước ào ào qua mặt những chiếc xuồng chèo. Nhiều cô thôn nữ áo bà ba đủ màu, quần đen mượt, đầu đội nón lá, hai tay ghì chặt cán chèo đưa đẩy, xuồng nhẹ nhàng lướt nước theo nhịp của mái chèo. Hình ảnh người con trai đứng chèo, chở cô thôn nữ trên chiếc xuồng ba lá làm tôi bồi hồi nhớ lại tuổi đôi mươi.

À, đây là cảnh quê hương thanh bình mà tôi đã mơ ước trong những năm dài lưu lạc! Nhưng khi nhìn Yến và Hằng, tôi lại nhớ đến những ngày về bên dòng sông cũ. Và một ý nghĩ lạ len vào tâm tư. Phải rồi, cái ý nghĩa của sự thanh bình đâu chỉ đơn giản trên một dòng sông!...

*

Đúng ra lần này, tôi trở về Sông Đốc cũng được, hổng về cũng chẳng sao. Vì những việc còn lại sau đám ma của má tôi anh Bảy và chị Năm tôi ở nhà lo cũng được. Nhưng hôm chị sáu sửa soạn về Úc, chỉ có dặn tôi:

- Chị có nhờ anh Hai ở Mỹ Tho đặt trên thành phố làm tấm bia, em chịu khó lên trển lấy, gắn xong cho má rồi hả dìa bển.

Ngày trước vì hoàn cảnh chiến tranh, ba má tôi phải phiêu bạt xuống miệt này. Mãi đến ngày ba tôi giải ngũ, ông bà mới dắt nhau dìa xứ thì nội ngoại tôi đã qua đời. Mang ân hận ở trong lòng, nên mỗi khi nhớ tới, hai người tủi thân sụt sùi rơi nước mắt nói: "Giàu đặng trung đặng hiếu, nghèo mất thảo mất ngay". Riêng tôi không phải vì sự nghèo khổ mà không về xứ, có lẽ do máu giang hồ hay sự bạc bẽo nào đó? Nếu má tôi không mất thì tôi cũng hổng về đây để làm gì. Cũng vì lẽ đó mà anh chị em trong gia đình xem tôi như người con bất hiếu. Sợ tôi mang mặc cảm tội lỗi, hễ có dịp tỏ lòng hiếu thảo thì anh chị em nhường cho tôi làm. Theo tôi, chuyện hiếu thảo là chuyện của tấm lòng chớ không phải là hình thức bề ngoài. Tuy nhiên tôi đồng ý đi hàng trăm cây số lấy tấm bia là vì tôi nhận thấy việc làm này có ẩn chứa một ý nghĩa thiêng liêng nào đó.

Cũng như những tấm bia mộ khác, có khắc tên họ, ngày tháng năm sanh và ngày tháng năm từ trần. Cuối cùng có hàng chữ "các con lập mộ". Đại khái vậy thôi, nhưng ở suối vàng, má tôi mà biết được chắc bà sẽ hài lòng vì

khi bà mất, các con tản lạc tứ xứ đã tụ hết về đây cùng góp phần xây mộ cho bà. Thấy chân dung cẩn trên tấm bia hơi mờ, tôi thắc mắc hỏi. Người anh bạn dì ở Mỹ Tho giải thích: "Hình chụp cẩn vô đá không được rõ như hình lộng trong khung kiếng, nhưng ảnh cẩn trong bia không phai mờ vì mưa gió". Anh nói sao tôi nghe vậy, chớ thiệt ra tôi thấy bên Mỹ và Âu Châu những thợ cẩn kiểu nầy đứng ngoài đường phố, chụp ảnh khách hàng rồi cẩn liền tại chỗ vô tách, ly, dĩa bằng sành hoặc sứ, để người ta đem về nhà chưng chơi trong tủ kiếng. Hình ảnh màu sắc rõ ràng, chớ đâu mờ câm như chiếc bóng, mà còn phải đạt làm tuốt trên Sài Gòn mới có.

Tuy nhiên tôi cũng gói tấm bia lại, bỏ vô bao cẩn thận. Đêm hôm đó tôi ngủ lại nhà anh Hai, rạng sáng hôm sau tôi ra bến xe liên tỉnh đi thẳng một lèo về tới bến xe Cà Mau. Sau đó tôi mới đi xe lôi xuống bến đò.

Không quen cách sinh hoạt nơi đây nên khi đổi tiền, tôi nhét đầy túi quần túi áo. Mỗi lần chen chúc vô đám đông, tôi có cảm tưởng chung quanh tôi ai cũng là dân chôm chĩa. Chốc lát tôi cứ rờ túi thăm chừng. Thật ra chỉ vì ở Âu Châu không khi nào tôi bỏ tiền nhiều trong túi nên bị ấn tượng đó thôi chớ xứ sở này chắc đâu đến đổi tệ dữ vậy.

Xe lôi vừa đổ tôi xuống bến đò, tức thì cả đạo quân phu đò vây quanh mời la chói lói. Người này hỏi: "Anh dìa Khánh Hưng, Đá Bạc hả? Xuống đây chạy liền", kẻ nọ hỏi: "Anh dìa Bà Kẹo, Cái Đôi hả? Xuống đây chạy liền". Tôi nói: "Tui dìa Sông Đốc Vàm". Tức thì một anh chòm tới hô lớn:

- Sông Đốc hả? Sông Đốc vàm, xuống đây, xuống đây chạy liền!

Anh ta vừa nói vừa giơ tay chỉ xuống chiếc vỏ lải đậu dưới bến. Những ngày đầu tôi rất khó chịu cảnh giành giựt khách của mấy anh lơ xe, phu đò và sự bán buôn mời mọc, nhưng dần dà tôi cảm thấy vui vui. Để khỏi lôi thôi mất thời giờ, tôi nói với anh ta:

- Được rồi, tui sẽ đi đò anh, nhưng tui chưa xuống bây giờ, tui ngồi ở quán cơm bên kia đường, chừng nào đò anh "chạy liền" anh qua đó kêu tui thì tui xuống liền!

Có lẽ nhận được sự dí dỏm của tôi nên anh ta cười một cái, rồi ân cần bước theo tiễn tôi một đoạn đường ngắn, xong anh quay lại bến đò. Có một chiếc xe lôi mới đổ người xuống, cũng những giọng ban nãy: "Khánh Hưng, Đá Bạc chạy liền", "Bà Kẹo, Cái Đôi chạy liền" và có cả tiếng anh phu đò của tôi: "Sông Đốc chạy liền"...

Tôi băng qua lộ ghé vô quán cơm, cái quán hôm mới về tôi thấy một cô gái duyên dáng ngồi bán, nhưng bây giờ lại là một bà già và một bé gái trạc tuổi mười ba, mười bốn chạy bàn. Thấy tôi bước vô, em đi đến miệng tía lia:

- Chú chú, mời chú vô trong kia ngồi.

Tôi theo em đi vô trong góc quán ngồi xuống cái ghế nơi có chiếc bàn trống.

- Chú ăn gì?

Chưa đợi tôi mở miệng thì cô bé đã kể vanh vách:

- Ở đây có cơm sườn, thịt nướng và cháo lòng; nước uống có cà phê đá, nước đá me, nước chanh... Cô bé còn muốn kể thêm nhưng tôi chận:

- Ở đây có rượu chớ cô bé?

- Dạ, dạ có, chú uống rượu đế hả chú?

- Ừ cho chú một xi và một dĩa sườn nướng.

- Dạ, chú ăn cơm hông chú?

- Không cưng.

Cô bé đi vô trong tự tay gắp thịt bỏ lên lò nướng. Sẵn than đương đỏ, mỡ sườn nhiểu xuống, lửa phựt xèo xèo, mùi gia vị bốc lên thơm lừng.

Tiếng la ó như ong vỡ tổ bên ngoài làm tôi giựt mình ngó ra. Một chiếc tàu đò vừa cập bến. Người lên kẻ xuống lao xao, mấy anh khuân vác chuyền nhau những bao bố nặng trịch. Tôi đoán chừng, đó là những bao cá khô đồng được chở ra từ miệt trong U Minh.

Cô bé khệ nệ bưng mâm rượu và thức ăn ra để lên bàn, sắp ngay ngắn, rồi nói:

- Mời chú.

Tôi cám ơn rồi rót rượu ra nhâm nhi. Những phần ăn dành cho khách đường xa nơi nào cũng hấp tấp, vội vã, thiếu vệ sinh. Rượu pha nước nhiều quá nên lạt nhách lạt nhẽo, sườn nướng bủng xỉ, bủng xịch, nước mắm chế biến làm sao mà hương vị như nước muối pha đường.

- Anh ơi anh, xuống đò tới giờ chạy rồi!

Tôi ngó ra, thấy anh phu đò hồi nãy giơ tay ngoắc ngoắc, miệng hối lia hối lịa. Tôi hớp vội hớp rượu cuối cùng, xếp lại đồ đạc, kêu cô bé tính tiền và thưởng cho cô phần tiền dư. Tôi nhìn xuống đồng hồ tay, hơn ba giờ rưỡi. Tính ra từ lúc anh phu đò mời tôi đến khi đò "chạy liền" mất đâu hơn một giờ đồng hồ.

Người xuống cuối cùng là tôi, nên khi tôi ngồi ngay ngắn trong khoang, thì đò đã de ra khỏi bến. Máy xe hơi được tân trang và gắn thêm đuôi tôm, đặt xuống chiếc vỏ lải làm đò tốc hành, chạy xé nước ào ào. Tôi thích thú ngồi ngó lên dãy nhà bên bờ sông giựt lùi. Chẳng bao lâu đò đã ra khỏi ngã ba Tắc Thủ và rẽ ra sông Ông Đốc. Đây con sông rộng, hai bên ruộng lúa, chen lẫn vài tán rừng, xa xa vài cụm vườn dừa. Sóng nước chập chờn tạt vô khoang. Chủ đò liền buông rèm xuống. Ngắm cảnh không được nữa, tôi mới day người lại dựa vô be đò. Hành khách trong khoang không đông lắm, nên ngồi rất thoải mái. Những người dân quê lên tỉnh trở về trông người nào cũng mệt mỏi, có vài người lim dim ngủ gà ngủ vịt, một bà mẹ ngồi vạch vú cho con bú rất tự nhiên. Ngồi cạnh bên tôi có hai cô gái trạc mười sáu mười bảy tuổi. Cô bận áo màu xanh lá cây, cổ tròn, quần đen đọc chầm chậm: "Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không duyên, đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành...". Cô bận đồ bông ngồi cắm cúi ghi ghi chép chép bài hát xuống quyển sổ học

trò kê trên bắp đùi. Nhìn hai cô gái hồn nhiên với bài hát của tuổi yêu đương, tôi cũng vui lây và nhớ lại mình hồi thời mới lớn.

Đợi cô bận áo xanh đọc hết câu, tôi hỏi:

- Cô tên gì vậy?

Cô bé lễ phép trả lời:

- Dạ, con tên Yến chú.

- Còn cô kia?

Nghe tôi hỏi cô bận bộ đồ bông đương đọc rà lại bài hát ngưng ngang, ngước lên trả lời:

- Dạ, con tên Hằng.

- Quê của hai cô ở Sông Đốc vàm hả?

Yến đáp:

- Dạ không, tụi cháu quê ở Long An, xuống thăm bà chị bán quán ở Sông Đốc vàm.

Bắt được chuyện tôi bèn hỏi tiếp:

- Quán của chị cháu nằm ở khu nào vậy?

- Dạ, vì mới xuống đây lần đầu nên cháu cũng hổng biết nữa, bà chị có dặn tới sông Đốc vàm hỏi quán Hương Biển thì nhiều người biết.

- Hương Biển... tên nghe hay lắm.

Hằng chen vô, hỏi:

- Mà chú biết hôn chú?

- Rất tiếc, chú đi mần ăn xa lâu lắm rồi chú mới dìa nên chú hổng biết.

Chuyện vãn trời trăng mây nước một hồi, thì đò đã tới bến huyện. Chúng tôi mua bánh mì thịt, nước đá chanh chia nhau ăn uống. Nhờ trên đò có bạn đồng hành, tôi cảm thấy đường sông rút ngắn lại. Chẳng bao lâu đò đã đến Sông Đốc vàm, tôi từ giã suông hai đứa, bước lên bến và không nghĩ sẽ gặp lại dầu bất cứ ở nơi đâu.

*

Xong chuyện mồ mả, tính ra tôi còn lưu lại Sông Đốc được hơn hai tuần lễ. Trong thời gian nầy tôi có thể thăm bạn bè và viếng cảnh quê hương. Nhưng trước tiên tôi cần phải nghỉ ngơi cho khỏe sau những ngày tang chế, đi tới đi lui mệt mỏi. Chiều hôm đó tắm rửa, cơm nước xong tôi lên giường đánh một giấc thẳng cẳng...

Đương mê man trong giấc ngủ chợt nghe như có tiếng nổ cạnh bên. Phản ứng của hai mươi năm trước trở về không ngờ, tôi bật dậy như chiếc lò xo bung bước xuống giường. Nhưng sự yên lặng trong nhà làm tôi bình tĩnh lại, ngồi lắng tai nghe kỹ. Thì ra quán cà phê cạnh bên nhà mở máy hát gì mà như sấm sét làm tôi lầm lẫn với tiếng pháo kích năm xưa. Dòm đồng hồ tay mới có năm giờ sáng. Nằm xuống định ngủ lại, nhưng không làm sao chợp

mắt được vì máy cứ hát hết liên khúc nầy tới liên khúc khác...

Trời vừa sáng, thằng Hiếu với thằng Chiến vô nhà rủ tôi ra phố uống cà phê. Uống chưa hết tách cà phê thì thằng Hân tới, như đã hẹn trước, tụi nó đứng dậy trả tiền cà phê, rồi kéo tôi xuống bến sông kêu đò đi qua vàm xẻo Quau.

Tôi thắc mắc hỏi:

- Mới tảng sáng mà tụi mầy qua xẻo mần gì? Bộ muốn bắt ba khía hả?

Thằng Hân giọng có vẻ hãnh diện, nói:

- Xẻo Quau bây giờ hổng có rừng rú như hồi trước nữa đâu nghe mậy.

- Có gì ở bển?

- Thì qua bển đi rồi sẽ biết.

Xẻo quau ngày trước là một thẻo đất với rừng cây dà, cây dá, cây mắm, cây dẹt mọc tạp nhạp. Hai bên rạch xẻo ô rô, cóc kèn đan chằng chịt với nhau. Nhờ rừng rú âm u rất thuận tiện cho cá tôm sanh sôi nảy nở, đỡ khổ rất nhiều dân nghèo còn chưn ướt, chưn ráo tới đây lập nghiệp. Gia đình tôi cũng có một thời gian sống nhờ tài nguyên của con xẻo nầy.

Bây giờ thì khác hơn xưa nhiều lắm, nhà cửa chen nhau san sát, nhà sàn dựng lên lổm chổm ven sông. Đò cặp vô một nhà sàn rộng, lúc chưa bước lên tôi ngỡ nơi đây là một vựa cá tôm khô gì đó. Nhưng sao không nghe mùi khăn khẳn quen thuộc? Sự thắc mắc của tôi chưa được giải đáp, thì sự ngạc nhiên tràn tới. Vừa bước lên bến cầu, một chị phấn son lòe loẹt từ trong buồng đi ra vồn vã chào mời:

- Lâu rồi mới thấy mấy anh qua chơi.

Đoạn chị ta day qua tôi, nói:

- Mấy anh nầy thì quen quá rồi, còn anh tui ngờ ngợ đã gặp ở đâu rồi.

Cái kiểu nói dóc một cách "lịch sự" trơn tru như vầy tôi không mấy gì ngạc nhiên. Tôi gượng cười và nói:

- Ờ, gặp nhau hồi mười mấy năm trước ở đâu đó.

Chị ta cười một cái:

- Mấy anh chờ chút.

Chị ta vô trong một lát, trở ra tay cầm hai cái ghế xếp để dựa bên vách, rồi nhờ mấy bạn tôi rinh bàn ghế sắp ra khoảng trống ở bên trái. Tôi thì khoanh tay đứng nhìn. Bên phải có một căn buồng che bốn phía bằng những tấm màn bông, đoán chừng có một nhóm người đương ăn nhậu ở trỏng vì có tiếng cười nói lào xào. Như thể xác định sự thắc mắc của tôi, một người đàn ông đứng tuổi, bận quân phục, vai mang quân hàm đỏ tươi, từ trong vẹt màn đi ra. Mặt ông ta đanh cứng, không ngó ai, ông ta đi thẳng ra sàn cầu, đứng vạch quần đái lỏn tỏn xuống dòng sông.

sau khi các bạn sắp bàn ghế xong, tôi vừa ngồi xuống tức thì cái chị hồi nãy kéo rẹt rẹt bốn tấm màn bông treo lại. Trong nháy mắt chúng tôi ngồi trọn lỏn trong căn buồng dã chiến. Tôi hơi sửng sốt, không ngờ ở nơi mà lòng

tôi luôn nghĩ là khỉ ho cò gáy lại có chuyện lạ như vầy. Liền đó Yến cùng với ba cô gái khác ăn bận hở hang, lòe loẹt, mặt trét phấn, môi thoa son như sắp sửa ra tuồng, mỗi cô cầm một chai bia khui sẵn và một cái ly. Cái chị hồi nãy bưng ra một dĩa đậu phộng để lên bàn, rồi phân chia mỗi cô ngồi cạnh một chàng. Tôi từ xa mới về được các bạn nhường cho cô trẻ nhứt là Yến. Chị nọ xong việc rồi đi ra ngoài, nhưng chị ta cũng không quên chúc bọn tôi ăn chơi vui vẻ.

Mọi chuyện diễn biến quá nhanh làm tôi cứng mình không kịp phản ứng gì hết. Bạn bè đặt đâu tôi ngồi đó, rủ uống tôi uống, mời ăn tôi ăn. Thằng Chiến nhướng mắt ra hiệu biểu tôi "làm gì" với Yến đi... Đời tôi phiêu bạt đã nhiều và nhớ quê nhà cũng lắm, hơn nữa tôi trở về đây đâu phải vì ba cái chuyện tầm bậy tầm bạ nầy. Cho nên tâm trí tôi lúc nào cũng quay về người xưa cảnh cũ. Giả dụ bây giờ là một đêm đầy trăng, dưới dòng ngập tràn ánh lung linh, hiện tại đều biến mất, còn lại một chòi lá xác xơ, mơ màng bên khu rừng tạp nhạp. Tôi sẵn dàng làm chú bảy Chài, bác tư Cua hay ông năm đặt lộp... Rồi tôi sẽ kể cho con Yến nghe những câu chuyện về người dân trước đây với hai bàn tay trắng, nhờ sự tương ái với nhau mỗi khi tắt lửa tối đèn, họ khai hoang rừng rậm lập lên làng xã. Cũng từ đó, dòng sông mới có tiếng hát hò của những gái trai miệt nầy cất lên giữa đêm khuya thanh vắng...

Có lẽ thấy tôi không bộp chộp nên Yến mới rụt rè, bưng ly lên, nói:

- Mời chú.

Bất chợt thằng Chiến nổi quạu móc tiền chìa qua cho Yến rồi quát:

- Nè, cầm lấy rồi đi ra ngoài!

Tôi ngạc nhiên day qua hỏi:

- Cái gì vậy mậy?

Nó trả lời với vẻ bất bình:

- Bộ mầy hổng thấy nó kêu mầy bằng chú hả?

Tôi nói:

- Tưởng chuyện gì, chớ tao thấy Yên cũng cỡ tuổi cháu tao ở nhà.

- Nhưng mà chỗ này thì khác, mầy ở ngoải mới đìa hổng biết chớ chơi với mấy đứa này mà thật thà quá nó lờn mặt.

Tôi cười. Bạn bè rủ mình đi chơi vậy mà uống chưa hết ly bia đã muốn gây lộn với người ta rồi. Tôi định nói ý mình cho nó nghe, nhưng thấy không tiện nên mới xoa dịu:

- Thôi, tao biết rồi cho tao xin đương vui vẻ mà.

Đoạn tôi day qua Yến, nói:

- Cháu tự nhiên, thằng bạn chú nó hơi khó tánh.

Nói xong tôi mới bung ly lên mời bà con vô một cái. Có như vậy thằng Chiến mới im cái miệng và nhét tiền vô túi. Thằng Hiếu không biết nghĩ gì cứ nhìn tôi cười cười, lâu lâu hớp một ngụm bia, nuốt ực rồi day qua con nhỏ ngồi bên hun cái chụt. Còn thằng Hân vô mấy chai sần sần, nổi hứng ôm con

nhỏ kế bên, vừa hun vừa bóp vú như thể chết thèm đâu từ đời kiếp nào vậy.

Tôi kiếm chuyện giả lả với Yến để cho mấy thằng bạn "dân chơi" miệt biển của tôi khỏi bận tâm rầy rà.

Tôi hỏi:

- Cháu bao nhiêu tuổi?

- Dạ, mười bảy.

- Mười bảy bẻ gãy sừng trâu.

Yến cười duyên rồi ngã đầu lên vai tôi. Nhìn con nhỏ, tôi cảm thấy mình chìm ngập trong một nỗi buồn. Mấy đứa cháu tôi ở nhà cũng cùng trang lứa, tuy không giàu có nhưng chúng nó may mắn đủ cơm ăn áo mặc, có cha mẹ lo lắng đàng hoàng. Còn Yến cha mẹ ra sao mà mới tuổi nầy đã lao vào cuộc sống trụy lạc như vầy. Tôi muốn hỏi về gia cảnh của Yến nhưng ngại giữa chốn nầy, nơi người ta đến để mua vui mà mình cứ điều tra lý lịch, thì chỉ làm mất lòng bè bạn.

Yến thấy tôi cứ mãi trầm ngâm nên cô ta mới gợi chuyện:

- Bộ chú là Việt-kiều hả chú?

- Ờ.

- Dậy mà hồi gặp chú tới bây giờ con mới biết.

- Dậy hả.

Tôi không muốn đem chuyện Việt-kiều ra bàn nên hỏi trớ:

- Còn cô gì đi chung với Yến đâu rồi?

- Con Hằng hả, nó đang ngồi hát bên kia kìa.

Tôi lắng tai nghe phía buồng bên kia, có tiếng đũa gõ vô chén dĩa lóc cóc leng keng nhịp theo tiếng hát điệu dân ca: "Trèo lên... lên trèo lên... lên em cởi cởi nút quần...". Tiếng hát dứt ngang, tiếp theo tiếng ai ái của người con gái và tiếng cười rộ của mấy gã đàn ông...

Âm thanh bên kia buồng như gợi hứng cho mấy thằng bạn của tôi. Bây giờ tụi nó không còn ra vẻ sành sỏi để lưu ý tôi nữa, mạnh đứa nào nấy vạch vú của mấy con nhỏ vừa bóp vừa hun. Bên trong kia có một cái buồng kín, cứ một lát lại nghe dội nước rào rào. Chưa đầy mười một giờ sáng nắng đã tỏa vàng trên mặt sông và gió đông hiu hiu thổi, vậy mà không khí trong phòng ngột ngạt làm sao. Tôi đứng dậy, móc túi giơ cho Yến tờ giấy bạc, Yến cầm lấy nói lời cám ơn trong cổ họng. Mấy bạn tôi giựt mình, buông mấy cái "vú" ra và hỏi tôi tại sao chưa "chơi" gì hết mà định bỏ đi đâu. Tôi viện cớ, cần về nhà bàn với anh tôi chút chuyện. Hiếu đề nghị Chiến và Hân ở lại tiếp tục chơi, rồi câu vai tôi ra bến gọi đò.

Khi đò vừa de ra khỏi bến, tôi ngó lên thấy trên vách có tấm bảng nền xanh đề chữ màu đỏ: cà phê Hương Biển. Tôi đã sống lặn lội đó đây, rất dễ thích nghi với hoàn cảnh bất cứ nơi nào, vậy mà về lại nơi chôn nhau cắt rún tôi phải cố gắng hòa hợp với mọi người như đến một xứ lạ. Tôi bị lạc loài ngay trên chính quê quán ngỡ còn mộc mạc của mình. Đò ra giữa dòng, chợt Hiếu

hỏi tôi:

- Mầy còn nhớ Lệ Hương không?

- Nhớ chớ.

Một kỷ niệm đẹp thoáng về, tôi liên tưởng ngay đến một cô hàng quán, duyên dáng, khuôn mặt tròn trịa, mắt đen, chưn mày rậm, không thoa son nhưng môi lúc nào cũng đỏ. Tóc Lệ Hương dài tới mông, nàng thường bận áo cổ rộng, đeo dây chuyền vàng mặt cẩm thạch kiểu trái tim ôm vừa cổ trắng nõn tráng nà. Tôi và Hiếu có thể đến nhậu bất cứ lúc nào và ký sổ bao nhiêu cũng được. Hai đứa đều mê Lệ Hương, nhưng nàng thương Trung Hiếu vì nó đẹp trai hơn tôi rất nhiều.

Tôi hỏi:

- Lệ Hương dạo nầy ra sao?

Hiếu trả lời một cách bình thản:

- Cô ta bây giờ làm "chị đĩ" ở ngoài đê, mầy muốn hông? Tao dẫn mầy đi!

Như bị tát thêm ly nước lạnh vô mặt, tôi nói một câu không cần phải dè dặt nữa:

- Đủ rồi, chắc tao hổng còn gì để thăm và cũng chẳng còn gì để lưu luyến...

- Mầy nói sao?

- ...

Những gương mặt hiền lành, những tên gọi chất phác tôi giữ ở trong lòng những năm lưu lạc xứ người, giờ đây đã tan biến. Làm sao những địa danh mộc mạc như rạch Ruộng, rạch Bần, xẻo Quau... lại có thể ăn nhập với những từ hoa mỹ như Hương Biển, quán Trầm, quán Gió... khiêu gợi hơn nữa có quán Ba Cô? Chợt nhiên tôi thấy lòng mình trống trải, không là nỗi trống trải của dòng sông dài và rộng trước mặt, mà là sự trống vắng của biển đêm đen đặc, mênh mông.

*

Chiếc vỏ lãi cứ lướt nước ào ào. Sông Đốc vàm từ từ biến khuất vào con doi thứ nhứt. Quê hương tôi chỉ còn lố nhố những ngọn ăng-ten. Tôi day lại, thấy Yến và Hằng vẫn ngồi co ro gục mặt lên đầu gối. Gã thanh niên bây giờ chọc ghẹo hai đứa bằng những lời thô tục... Trong những hành khách ngồi chung quanh, có người thản nhiên, có kẻ mỉm cười khinh bỉ. Tôi muốn nói vài câu chận lời gã để Yến và Hằng có thể ngước mặt lên nói chuyện bình thường như mọi người. Nhưng quai hàm tê cứng, tôi ngồi đó ấm ức như một người câm.

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG



LƯU NGUYỄN

tâm không

Cửa không đôi cánh khép
gõ mãi chẳng lời thưa
ngại ngần khung cửa hẹp
chẳng chấp lòng dây dưa

Cửa không trút giày dép
vứt bỏ phiền trược chưa?
mà chân không khép nép
mà đôi tay cũng vừa...

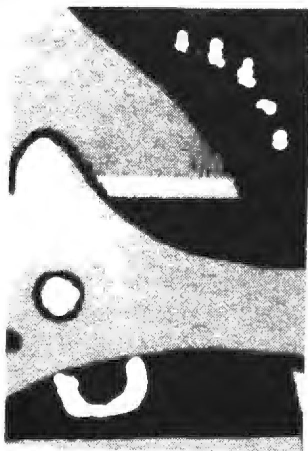
Tâm không vào cửa không
rũ bụi trần huyễn mộng
cắt bỏ sợi sắc không
xách bị đi hành giả
tụng mòn nghìn tạng kinh
đêm về mơ hóa bướm
sáng cởi áo nâu sồng
mặc tiếng cười trào lộng
về đốt nốt pho kinh
hong khô nấm đất lạnh
về xé toạt trang kinh
hát ca dao đồng vọng
gói trọn một tấm lòng
tâm không vào cửa không

LƯU NGUYỄN



NGÔ THỊ KIM CÚC

KHÔNG THỜI GIAN



Mỗi tuần có một lần nàng được bay lên vào tối chủ nhật, khi đến với anh. Anh luôn chờ trước ở điểm hẹn, và khi nàng vừa xuất hiện đã ôm siết lấy nàng hôn đắm đuối và giữ nàng trong tay hàng mươi phút không để nàng kịp thở. Nàng mặc sức cho anh vuốt ve âu yếm, hưởng thụ cơn mê say cuồng nhiệt từ anh, nhập vào nỗi điên rồ hạnh phúc chỉ có ở những người tin chắc rằng tình yêu của mình là duy nhất. Họ cứ đứng ôm nhau như thế, tìm lại thân thể người yêu và thân thể mình sau một tuần thất lạc, rồi chậm rãi dìu nhau qua những con đường vắng, thầm thì những câu hỏi, lời đáp, những chuyện kể chẳng đâu vào đâu luôn bị cắt ngang bởi những nụ hôn không kìm nén, ngất ngây trong một men say khiến nàng quên sạch mọi nỗi lo toan buồn phiền của cả một tuần nặng nhọc. Họ sẽ tìm chiếc ghế đá trống nào đó ngồi xuống và không còn để ý gì đến thời gian nữa, cho đến khi những chiếc xe đón công nhân ca ba xuất hiện, nhắc họ rằng đã đến lúc phải chia tay. Nàng luôn quấn quýt, bịn rịn, tưởng có thể chết vì nhớ mong khi nghĩ đến việc lại phải xa cách nhau. Đôi khi nàng thút thít khóc khiến anh phải dỗ dành. Rồi anh đưa nàng đến đầu hẻm và nàng đi vào một mình, mang cái tài sản quý là thân thể trinh trắng của nàng trở lại nhà, vẹn nguyên, như một nỗi ân hận khôn nguôi.

Tối nay không thấy vóc dáng lênh khênh của anh ở cái góc quen thuộc. Nàng thế vào chỗ ấy. Chưa kịp lấy lại nhịp thở đã thấy một gã lùng gái rà xe lại.

- Đi?

Nàng cau mặt. Bóng tối không cho hắn thấy cái cau mặt đó.

- Bao nhiêu? - Miệng hỏi, tay hắn làm một động tác hết sức tục tĩu. - Tới

đàng kia đi! - Hắn hất hàm về phía góc tường, nơi những đám cỏ hoang um tùm luôn sẵn sàng làm đồng lõa cho những cuộc bán mua chớp nhoáng kiểu ấy.

Nàng không thèm đáp, hất mặt lên, bỏ đi. Hắn kè xe chạy theo, vui vẻ huýt sáo một bài lính chiến rẻ tiền. Hiểu rằng hắn tưởng lầm mình đồng ý, nàng quay ngoắt lại, cắm đầu bước như chạy. Hắn chưng hửng nhìn lui, xùy một tiếng khinh thị rồi lừ đừ đạp tiếp. Chờ hắn đi khuất, nàng trở lại chỗ cũ, thụt sâu thêm vào bóng tối. Nhưng những cặp mắt cú quen với bóng đen của bọn đàn ông vẫn sục ra nàng. Những câu thăm dò, trả giá liên tiếp ném vào nàng. Nàng tức đến phát khóc lên. Sao anh vẫn chưa đến? Nàng không tin rằng anh có thể quên. Bởi niềm vui duy nhất họ có được trong cuộc sống thảm hại nầy là được nhìn thấy nhau.

- Ê, áo xanh, lên đây! - Hai gã thanh niên chở nhau trên xe máy dừng lại - Cả đêm, bao nhiêu?

Nàng nhìn chúng. Có lẽ chúng chỉ chừng mười tám hai mươi. Lũ trẻ ranh này đang qua mặt cha anh chúng với những trò động đất động trời mà người lớn không bao giờ hình dung nổi. Nhưng hai thằng này trông có vẻ mới tập tò. Nàng trả lời chúng, giọng đãi đớt:

- Một giờ năm triệu. Có giờ có tiền.

- Bao nhiêu, nói lại coi! - Thằng lái chồm người tới trước.

Năm triệu một giờ - Nàng nhấn mạnh, suýt phì cười trước vẻ mặt ngẩn ngơ của hắn nhưng cố làm tỉnh, đong đưa người, lúc lắc đầu vẻ đàng điếm.

- Năm đồng? Năm đồng cứng à? - Hắn gặng lại.

- Năm triệu! Có điếc không? - Nàng quát lên hết sức xấc xược.

- Điên hả? Bộ mắc xi đa rồi à? - Chúng cười ầm lên sau câu trả đũa, rồ ga chạy mất.

Nàng ngẩn người nhìn theo chúng. Anh sẽ bỏ mặc nàng ở đây đến bao giờ? Nhưng nàng sẽ không bỏ đi đâu. Nàng cứ chờ, chờ cho đến lúc không thể chờ được nữa. Sẽ không bao giờ nàng là người bội tín. Cho dù nàng đang trở thành gái điếm trong mắt bao nhiêu đàn ông khác.

Đang rũ người với nỗi buồn phiền, nàng bỗng giật nảy mình. Một cánh tay mạnh mẽ từ phía sau ôm quàng lấy nàng, gnì lại. Nàng hét lên, và thấy gương mặt anh kề sát bên mình.

- Trời ơi, anh cứ sợ em bỏ về rồi.

- Thôi đi. Bắt người ta chờ cả tiếng đồng hồ - Nàng phụng phịu, nước mắt tủi thân đã ràn rụa trên má.

Anh hôn lên mắt nàng, giụi mũi khắp mặt và nhận ra nàng đang khóc.

- Đừng khóc nữa em. Có phải anh muốn trễ đâu. Em xem này.

Anh cầm tay nàng, áp lên má mình. Nàng nhận rõ trong lòng bàn tay những vết thương nham nhám. Nuốt nước mắt, nàng hỏi dồn:

- Anh làm sao vậy? Có đau lắm không? - Nàng áp má mình lên má anh,

bằng cách đó vuốt ve vết thương còn mới.

- Ba anh làm đó. Ổng không chịu cho anh đi, túm lại, cào xé. Cho đến lúc ổng mệt đừ, buông ra, anh mới đổ thuốc cho ổng rồi chạy tới đây. Chỉ sợ không còn gặp được em.

Anh siết chặt nàng, cắn lên vành tai. Còn nàng run lên, nép sát vào anh hơn. Người đàn ông này là của nàng. Mái tóc dày biếng chải này, đôi mắt khép hờ này, bờ vai cứng cáp này, đôi môi ham hố này, trái tim đang đập dồng trên ngực nàng này... Nàng có thể làm gì cho anh? Cồn cào trong nàng một nỗi xót thương quay quắt. Nàng hình dung cảnh anh trân mình chịu đựng cơn bạo ác của ông già bệnh hoạn kia, con người nghiện rượu sau tai biến mạch máu não chỉ còn thứ tri giác duy nhất là đòi ăn, bắt kể giờ giấc, bất kể no đói... Đồng lương còm cõi của anh và cả số tiền làm thêm hình như chui tọt cả vào mồm ông, để chỉ được nhận lại những cơn điên vô duyên cớ, và những khổ hình dường như chỉ dành cho các bậc thánh nhân. Nàng đã chia sẻ với anh, chịu đựng cùng anh tất cả, nhưng đến bao giờ mới có thể thoát ra...?

Nàng để anh dìu đi, qua rất nhiều con đường thiếu điện. Bao nhiêu đàn ông đàn bà đang mê mải chìm vào nhau. Có lẽ hầu hết là những khách tìm hoa và những cô gái ăn sương. Họ tìm được một ghế trống và ngồi xuống. Nàng ngã vào lòng anh, thấy sức lực như vợi hẳn. Người ta có thể sẵn sàng đương đầu với mọi tai ương nếu còn hy vọng thoát. Còn anh và nàng? Có lẽ chỉ đến lúc cha anh, ông già khủng khiếp đó, chết đi...

- Cố vui lên em. Có vui thì mới đủ sức mà sống - Anh thì thào - Dù sao, ổng cũng là ba anh...

Nàng vít đầu anh xuống, khép mắt lại. Không, nàng không muốn nói gì nữa hết. Tình yêu trong nàng không thể diễn đạt bằng lời. Nàng hôn anh, nước mắt đầm đìa. Cuộc hẹn lại chấm dứt bằng nước mắt, nhiều hơn những lần trước.

Họ lại chia tay ở đầu hẻm và nàng bước gập ghềnh một mình vào trong tối. Lúc nàng sắp đến nhà, ánh đèn lóe lên từ một cửa nhà kèm với một cái nhìn dò xét. Nàng vấp vào tia nhìn đó, suýt ngã vào cái bóng của mình. Nàng chốt ngay cửa, đứng yên một lúc lâu để cảm nhận được sự yên ổn khi ở trong nhà, cho dù trong căn nhà ván liền vách này, nông và trống trải đến nỗi cả ngày lẫn đêm nàng đều sống trong cảm giác bị theo dõi bởi những cặp mắt hàng xóm tò mò. Nàng thay quần áo trong tối, bật đèn, rồi đến bên giường em quỳ xuống. Mắt nhìn vào gương mặt trắng bệch bạc, hốc mắt sâu hõm, cái mũi xanh tái và khóe môi vô cảm của em, nàng những muốn tỏ bày cùng em tất cả những gì đang ngổn ngang trong lòng. Rằng nàng yêu anh, yêu đến mức có thể chết được nếu thiếu anh. Nhưng nàng chẳng biết phải ra khỏi tình thế tuyệt vọng này bằng cách nào. Em nàng đã từng yêu, hẳn em nàng có thể hiểu được.

Bốn năm rồi, em nàng đã nằm đây, xóa sạch khỏi ký ức của cuộc ống hình ảnh một cô gái xinh đẹp và một tình yêu ngỡ rằng lý tưởng. Cô y tá trẻ đã yêu điên cuồng một gã bác sĩ đáng tuổi cha mình. Cô dễ dàng để gã đàn ông đó chiếm đoạt trinh tiết và dẫn cô đến những khách sạn nổi tiếng trụy lạc ở khắp nước. Cuối cùng, hắn đưa cô xem loạt hình cô trần truồng trong các tư thế kinh khủng nhất mà hắn đã chụp sau những bữa rượu. Hắn định dùng loạt hình đó để khống chế cô thay vì làm lễ cưới như cô vẫn tưởng tượng. Cô gái đã kể cho chị nghe tất cả và chấm dứt bằng câu “Em giết hắn nghe chị?”. Nàng đã cản ngăn, đã nói rằng hắn đáng tội chết thật nhưng hãy để người khác làm việc ấy, chắc chắn sẽ có những nạn nhân khác thực hiện điều em nàng mong mỏi. Còn chị em nàng, những kẻ duy nhất còn sót lại của nhau thì hãy cố sống và cố quên chuyện đó đi. Em nàng chỉ lặng thinh lắng nghe. Nhưng sau đó, cô đã rình hắn với một lon a-xít và đã tạt trượt. Rồi hắn biến mất.

Một đêm kia, nàng giật mình thức giấc vì những tiếng động lạ. Mùng mền tung tóe trên giường còn em nàng thì quằn quại như một giun bị giày xéo. Nàng đưa em đến bệnh viện. Nhưng lượng thuốc ngủ cộng với clorokin được tính toán kỹ đã ngấm gần hết vào lục phủ ngũ tạng cô gái hai mươi tuổi. Nàng đưa về nhà một xác người hoàn toàn bất động, chỉ tồn tại bằng những muỗng thức ăn loãng được đưa vào tận miệng. Chính trong những ngày ở bệnh viện, anh và nàng đã quen nhau. Đó là sự đặt định của mệnh số, nàng vẫn nghĩ như thế.

Nàng kéo bàn tay lạnh ngắt của em ủ trong tay mình. Trời ơi, phải chi em nàng có thể hiểu được dù chỉ một câu nói của nàng, vào đúng lúc này. Nàng nhẹ nhàng lau những dòng nước mắt chẳng biết vì sao ngày nào cũng trào ra từ đôi mắt vô hồn của em, rồi nàng đứng lên, lặng lẽ trở lại giường. Theo thói quen, nàng lại nhìn đồng hồ. Kim giờ đã mất, chẳng biết mấy giờ. Chiếc đồng hồ cũ kỹ của gia đình, vật duy nhất không bị mang bán để chạy chữa cho em nàng vẫn tiếp tục những vòng quay với cây kim phút và kim giây còn lại, để nhắc nhở rằng thời gian vẫn đang trôi, thúc nàng đừng để vuột mất thời xuân xanh. Nàng đã hai mươi bảy tuổi.

Trăn trở mãi, nàng vẫn không sao ngủ được. Cuộc hẹn hò vẫn chưa hề qua với nàng. Bàn tay anh vẫn còn ấm nóng trên ngực và môi anh vẫn còn gắn chặt trên môi nàng. Nàng nhắm mắt lại, tan nát ra vì nhớ anh, như chưa bao giờ nhớ đến thế. Anh đang làm gì, đúng lúc này đây? Nàng thì thầm: “Trời ơi em nhớ anh, nhớ anh quá. Sao anh không đến với em...”.

Chập chờn trên đường biên mù mờ giữa thức và ngủ, nàng chợt nhận ra anh. Anh đã có mặt, theo lời nàng gọi. Nàng vò rối tóc anh, miên man: “Em yêu anh, yêu anh, yêu anh...”. Anh chỉ mỉm cười, thở vào tóc nàng. Những cái hôn thay cho lời đáp. Từ thân thể anh, những đợt sóng dào dạt, êm ái tràn vào thân thể nàng. Nàng kêu lên, tiếng kêu không còn thuộc về mình. Cả thân

thể nàng loãng tan ra, bay lên. Nàng không còn thở, không còn hiện hữu nữa...

Nàng ngủ quên và dậy trễ. Ở phòng làm việc, khi chạm phải đôi mắt nheo nheo của lão giám đốc, người nàng muốn rúm lại. Mặt nàng nóng bừng, cảm giác như lão đọc thấu được chuyện xảy ra với nàng hồi đêm trước giấc ngủ. Dưới mắt lão già nhìn thấy ở đâu cũng toàn chuyện mây mưa ấy, bao giờ nàng cũng là một phụ nữ phóng đãng không muốn ràng buộc chồng con để nhằm hưởng đến tối đa những thú vui vật dục. Nàng không cải chính mà còn củng cố thêm sự đánh giá ấy nơi lão. Bởi nàng biết lão thích tin vào sự bợm bãi hơn là sự trong trắng. Và nếu biết được sự thực tình yêu của nàng, chắc lão sẽ cho rằng họ là một thứ không bình thường, một dạng bệnh lý.

Khi công việc đã được giải quyết phần lớn, trong căn phòng vắng, nàng sẵn sàng đương đầu với lão.

- Sao, cô Yên, chủ nhật rồi thế nào? - Giọng lão hăm hở, suồng sã.

- Dạ, buổi sáng bọn em lên khu du lịch Đông Hải bơi thuyền, còn chiều thì về nhà ảnh nhậu qua loa - Nàng nói nhỏ nhẹ.

- Chỉ nhậu suông à? Đừng có giấu tôi nghe - Lão cười một cách rất cáo.

- Thì thủ trưởng đã biết phải có gì rồi, đâu cần em phải kể nữa - Nàng mủm mỉm cười, làm bộ lấp liếm, e lệ.

- Có định cưới không đó? Tôi thấy để vậy hơi lâu à nghe.

- Dạ... thì cũng phải cưới chớ thủ trưởng, có điều để từ từ...

Nàng trả lời, tức sôi lên. Đâu phải ai cũng phủ phê thừa mứa như lão. Chiều nào sau giờ làm việc, lão cũng cùng một đám thân cận sà vào các nhà hàng, quán nhậu có gái, tiêu hàng triệu đồng và hối hả tận hưởng những gì mà lão còn có cơ để hưởng. Đời sống của lão làm bằng những thú vui tiếp nối ngày qua ngày, làm sao lão cảm thông được tình yêu đầy cơ cực, bất trắc của nàng.

Một người không gõ cửa, điềm nhiên bước vào phòng. Đó là một cán bộ vẫn cộng tác làm ăn với lão. Họ nói với nhau ngắn gọn vài chuyện bán mua, còn sau đó chỉ rặt chuyện gái và gái. Sự có mặt của nàng không gây trở ngại nào cho họ. Đối với họ, cô thư ký xoàng xĩnh cả về nhan sắc lẫn gốc gác chẳng có gì đáng để quan tâm.

Nàng giận điên lên khi nghe hai lão nhắc tới một lão giàu sụ nào đó với ngôi biệt thự có những phòng toàn kính dành riêng để đón gái, và những thứ thuốc kích dục giúp lão già sắp hưu đó ăn nằm cùng với ba cô gái trẻ ngay trước mũi bao nhiêu người khác. Rồi lão giám đốc của nàng hào hứng kể tiếp chuyện một con bé mười sáu dưới quê lên thành phố bán trinh. Nó đã được gặp người môi giới với giá thỏa thuận là hai chỉ, được nhận sau một tuần mua bán. Nhưng chỉ tới ngày thứ ba, con bé không chịu nổi đã phải bỏ trốn, chẳng

lấy được đồng xu teng nào cả. Lão kể xong, cười ha hả, mắt tít lại.

- Tôi đố ông rồi tiền bạc được thanh toán thế nào?

- Chắc phải trừ bớt phần trăm chớ. Có đúng bảy ngày như hợp đồng đâu mà.

Những tiếng cười thỏa thích lại vang lên. Lũ chó má, nàng chửi thầm, thế mà cười được. Đột nhiên tiếng cười ngưng, rồi lão giám đốc quay sang nàng:

- Cô Yên đừng để ý mấy chuyện bọn tôi nói vui nghe. Tại coi cô là người nhà nên bọn tôi mới tự nhiên như vậy.

- Dạ không sao đâu thủ trưởng. Em còn đọc trên mấy tờ báo bá láp nhiều chuyện tệ hại hơn nhiều.

Nàng cúi xuống chiếc máy chữ, giữ vẻ mặt bình thản như đang rất bận rộn, trong khi chỉ muốn đứng phắt dậy sập cửa ra khỏi phòng. Nhưng nàng đâu được phép làm thế. Đồng lương chẳng đáng một suất nhậu của lão dẫu sao vẫn rất lớn đối với nàng, dù nàng đã phải đánh máy thuê thêm đến mờ cả mắt mới kiếm đủ tiền đong gạo, mua thuốc cho em và may quần áo. Nàng rất cần cái chân thư ký ở đây, bởi nếu mất việc nàng sẽ không biết phải làm gì. Ngay cả với nghề bia ôm, người ta cũng chỉ tuyển những cô gái từ mười sáu tới hai lăm tuổi.

Tối chủ nhật. Nàng lại là người đến trước. Không thèm để ý gì tới bọn đàn ông cứ xán đến như ruồi, nàng ngóng như muốn rơi cả mắt về phía đầu đường, mừng hụt cả trăm lần khi tưởng đã trông thấy anh. Nàng đi đi lại lại như một kẻ chán đời đang rình lúc nhảy sông, muốn khóc mà không khóc được, muốn bỏ đi mà không cách nào giở chân lên nổi. Cuối cùng, những chiếc xe đón công nhân ca ba chạy qua và nàng hiểu rằng đã hết hy vọng. Cổ họng đắng ngắt, nàng trù trừ một lúc trước khi quyết định đi đến nhà anh. Nàng không tin rằng ngay cả chủ nhật anh cũng đi làm thêm. Có lẽ anh lại đang giằng co với ông già điên loạn đó. Nàng sẽ gọi anh ra và nói thẳng với anh tất cả những gì mà chưa bao giờ nàng để buột ra mồm từ khi họ bắt đầu yêu nhau. Rằng nàng đã quá mệt mỏi với cái tình yêu hầu như không có đoạn kết này, vì những sỉ nhục khi hẹn hò nhau ngoài đường sá như những kẻ mèo mả gà đồng, và dù nàng không hề có ý định cũng như không thể yêu ai khác ngoài anh thì nàng cũng sẽ không tiếp tục những gì khiến nàng phải khốn khổ như buổi tối này. Phải, nàng sẽ nói đúng như thế, cho dù nàng biết sẽ khiến anh hết sức khổ tâm và có lẽ sẽ nghi ngờ mình.

Nàng vừa đi vừa chạy trên những con đường không điện đã vắng. Quãng cuối con hẻm nhà anh, người ta đang xúm đông xúm đỏ. Không còn thấy căn nhà gỗ bé nhỏ của cha con anh nữa. Thay vào đó là một đống tro than tan hoang. Hai chân nàng hầu như biến mất. Nàng tấp lại phía sau những người đang bàn tán, cố hiểu nhưng chẳng hiểu được những gì họ đang nói. Phải một

lúc lâu nàng mới có thể mở miệng để hỏi người bên cạnh:

- Chuyện gì vậy hả dì?

Người đàn bà không nhìn nàng, đáp to vẻ quan trọng:

- Đốt nhà chớ gì. Cái ông già nằm liệt đó không biết mắc chứng gì mà liệng đổ cây đèn dầu, bắt cháy cả nhà. Đã vậy, ổng còn níu chặt vô giường, không chịu cho cứu. Thằng con trì kéo với ổng cũng bị cháy luôn.

- Cháy luôn rồi hả? Trời ơi...! - Nàng run như cầy sấy.

- Có điều chưa chết, đem vô nhà thương rồi... Còn ông già kia kìa, có tới coi thì coi!

Chân nàng bước từng bước nhỏ về hướng người đàn bà đang chỉ. Trên một đống tro than và giữa những người tò mò, cái xác phồng nứt, khét lẹt, co quắp lại dưới đất. Nàng quỳ xuống nhưng không dám nhìn thẳng vào ông già. Từng có lúc hình như nàng đã cầu mong ông chết đi. Vậy mà, giờ đây, trước cái chết thực hiển nhiên này, nàng chẳng thấy chút mừng vui nào cả. Trong nàng trĩu nặng nỗi buồn thương không duyên cớ. Hình như ông không hề liên can và vì thế chẳng chịu trách nhiệm gì trước nỗi bất hạnh của nàng.

Nước mắt trào ra, nàng khóc một cách lén lút, không để ai nhìn thấy. Ôi, tội nghiệp cho ông, cái xác đói ăn đã nằm dài suốt bốn năm qua với những cơn đói chưa bao giờ được thỏa. Tội nghiệp cái xác cháy đen nứt toác như củi than này. Suốt cuộc đời ông, liệu đã có được ngày nào vui sướng? Tội nghiệp ông, tội nghiệp anh, tội nghiệp em nàng, tội nghiệp chính nàng...

Nàng nói thầm: "Xin bác tha lỗi cho con, tha lỗi cho anh ấy". Rồi nàng chậm rãi đứng dậy, chậm rãi lách khỏi đám đông, bước ra. Nhiều người nhìn theo nàng, vẻ hiếu kỳ, dò xét. họ hoàn toàn không hiểu được thái độ của cô gái rõ ràng xa lạ.

Nàng không còn đủ sức để đi bộ. Ra đến đường, nàng gọi một chiếc xích lô, bảo chạy đến bệnh viện. Rồi nàng ngồi lên, úp mặt vào lòng tay và khóc.

Nỗi buồn của nàng còn lớn hơn tất cả những tháng ngày vừa qua cộng lại.

NGÔ THỊ KIM CÚC



SỬ MẶC

cười

Cuối xuống cười nhỏ vào tai
mình đi
nhé!...!

gió tình

Gió ban ngày uống thêm
bài thơ rụng nắng

đôi mắt

Đôi mắt chàng
hung
như một con bọ xít.

rượng

Đêm rồng nguyên đại
con rồng cái
rượng cái.

may ra

Ở cứ làm người tình lang chạ
may ra
còn chút tình nồng

nhầm

Mà ai chả có lúc nhầm
ở đời những con nhím
leo lên rồi
tụt xuống.

SỬ MẶC



THỤY KHUÊ

NÓI CHUYỆN VỚI HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG VỀ BIẾN CỐ MẬU THÂN Ở HUẾ

(RFI, 12 tháng 7, 1997)



- Thưa anh Hoàng Phủ Ngọc Tường, đây là lần đầu tiên anh đến Pháp? Lý do gì đã khiến anh đư(r)c đi? Xin anh cho biết cảm tưởng của anh.

- Đúng là lần đầu tiên tôi tới Pháp. Tôi sang Pháp qua cửa ngõ của nước Đức, ở đấy tôi đã nhận đư(r)c sự bảo tr(r) của hiệp hội Schmitz Stiftung để đi dự tuần Việt Nam của tổ chức "Chung Một Thế Giới" ở thành phố Freiberg. Tiếp theo tôi đi dự hội thảo Euro-Việt III tại Amsterdam. Và sau đó tôi sang Pháp chơi. Ấn tượng mạnh nhất của tôi sau gần một tháng lãng du bên Tây là như thế này: Trước mắt tôi là một cuốn sách mà tưởng chừng như tôi đã biết hết mọi cái ở trong đó, nhưng chính lúc này tôi lại đang giở ra những trang đầu. Cuốn sách đó tên gọi là Châu Âu.

- Thưa anh, nhân dịp này xin hỏi anh một vài vấn đề liên quan đến biến cố Mậu Thân ở Huế mà từ bao nhiêu năm nay, anh đã bị một số dư luận xem như anh có dính líu vào, hoặc anh là một trong những "thủ phạm" vụ Mậu Thân. Trước hết, xin anh cho biết: Mọi việc thực sự đã xẩy ra như thế nào?

- Hàng chục năm nay, mỗi năm cứ tới dịp 30 tháng 4, hoặc dịp Tết thì nhiều tờ báo hải ngoại lại đưa tên tôi ra làm con vật tế thần, bằng cách nói đi nói lại, y như thật, rằng tôi là một tên đồ tể Mậu Thân ở Huế. Thực ra thì đó là một sự bịa đặt, mang ý định vu khống hoàn toàn. Sự thực là tôi đã từ giã

Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966, và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu Thân 1968, tôi không có mặt ở Huế. Sau năm 1975, ít ra là đã có ba tài liệu sau đây xác nhận rằng tôi không có mặt ở Huế hồi Mậu Thân:

1. Nhiều người hay nhớ lõm bõm bài trả lời phỏng vấn của anh Lê Văn Hảo trên báo Quê Mẹ, xuất bản ở Paris, để buộc tội tôi. Thực ra thì trong bài này, tôi đã đọc kỹ, thấy anh Hảo nói rất đúng rằng, hồi Tết Mậu Thân, cả anh Hảo và tôi đều đang ở trên một vùng núi, cách xa Huế gần 50 cây số, và không hề có chuyện tôi về Huế để giết người.

2. Bài viết của anh Đặng Tiến đăng trên báo Thông Luận, Paris, trong đó Đặng Tiến dẫn chứng nhiều nguồn tư liệu đã công bố ở trong nước, do nhiều nhân vật khác nhau cung cấp, bác bỏ những lời lẽ xảo ngôn lệnh sắc trên báo Thông Luận buộc tội tôi về chuyện giết người ở Huế trong năm Mậu Thân.

3. Trong cuốn *Giải Khăn Sô Cho Huế*, của Nhã Ca in sau biến cố Mậu Thân, tác giả cũng nói rằng: *Phủ (tức là tôi), không về Huế, và nếu có về thì chắc cũng không giết người.* Tôi thành thật cảm ơn chị Nhã Ca đã dành cho tôi điều nhìn nhận khách quan rất quan trọng này, dù trong cảnh tượng máu lửa hỗn quan hỗn quân của Huế Mậu Thân. Đã không có mặt ở Huế thì làm sao tôi - Hoàng Phủ Ngọc Tường- lại có thể làm cái việc ghê gớm gọi là "đồ tể" Mậu Thân ở Huế được?

- Như vậy thì anh đã làm gì trong thời gian Tết Mậu Thân? Anh ở đâu? Anh làm những chức vụ gì?

- Có một tổ chức chính trị của các lực lượng đấu tranh của phong trào Huế ra đời trong bối cảnh xuân Mậu Thân, ấy là Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc Dân Chủ Và Hòa Bình Thành Phố Huế, do anh Lê Văn Hảo làm chủ tịch, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và bà Nguyễn Đình Chi làm phó chủ tịch. Với tư cách Tổng thư ký, tôi luôn luôn có mặt bên cạnh các vị kể trên để làm công tác chính trị của Liên Minh, tuyệt nhiên không dính líu gì đến chuyện nhúng tay vào máu ở Huế. Trụ sở chiến dịch của Liên Minh là một địa đạo Trường Sơn, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, Huế. Trụ sở này, đã được mô tả đầy đủ trên báo Lao Động, ở trong nước cách đây hai tháng.

- Nhìn từ phía những dữ kiện lịch sử mà anh nắm bắt được, diễn biến Mậu Thân đã xẩy ra trong một trình tự như thế nào?

- Huế Mậu Thân đã xẩy ra cách đây gần 30 năm. Sách vở, tài liệu đã được công bố từ nhiều phía của cuộc chiến, khá đầy đủ, có thể làm cơ sở cho những phân tích khoa học để giải phẫu một cuộc chiến mà thật ra, không thể đơn giản tách riêng ra trong biến cố Mậu Thân. Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bầy ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là

nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. *Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được,* nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng. Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế, chứ không phải một chính sách toàn cục của cách mạng. Bởi vì tình trạng giết chóc bừa bãi như vậy, đã không xẩy ra ở những địa phương khác trong Mậu Thân, ngay cả trên một địa bàn rộng lớn với tình trạng xen kẽ giữa những lực lượng đối địch rất phức tạp như ở Sài Gòn thời ấy.

- Vậy, theo anh, ai trách nhiệm những thảm sát ở Huế?

- Tôi không đủ thẩm quyền để phán xét bất cứ cá nhân nào. Xin trích dẫn theo trí nhớ một ý tưởng trong hồi ký của chính ông Lê Minh, tư lệnh chiến dịch Huế Mậu Thân: *Dù bởi lý do nào đi nữa, thì trách nhiệm vẫn thuộc về những người lãnh đạo mặt trận Mậu Thân, trước hết là trách nhiệm của tôi.* Qua bài hồi ký tâm huyết này, đã được công bố trên tạp chí Sông Hương, Huế, và sau đó, nếu tôi không nhớ lầm, đã được dịch và in toàn bộ trên báo Mỹ Newsweek, tác giả, Lê Minh (lúc đó đã nghỉ hưu), còn nhắc nhở rằng, điều quan trọng có thể làm, và phải làm bây giờ, là những người lãnh đạo kế nhiệm ở Huế, phải thi hành chính sách minh oan cho những gia đình nạn nhân Mậu Thân, trả lại công bằng trong sáng và những quyền công dân chính đáng cho thân nhân của họ.

- Ngoài ra anh còn "được" hay "bị" là nhân vật của nhiều tiểu thuyết, đặc biệt là Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác. Tường trong tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác và anh, có chỗ nào giống nhau? Chỗ nào khác nhau?

- Có lẽ chỉ giống nhau ở cái nốt ruồi ở góc cằm, như Nguyễn Mộng Giác đã lưu ý độc giả vào cuối bộ sách. Ngoài ra thì không nên nói đến một sự giống hoặc khác nhau nào giữa một nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết và một con người thực đang sống ở ngoài đời là tôi. Nhưng có điều khác nhau rất quan trọng là: *Tôi, Hoàng Phủ Ngọc Tường, thì không có mặt trong Mậu Thân ở Huế* như nhân vật trong tiểu thuyết của anh Nguyễn Mộng Giác. Và tôi cũng chưa bao giờ biết làm công việc của một tên chỉ điểm hèn hạ để hại bạn như là cái thằng Tường trong sách của anh Giác. À mà anh Nguyễn Mộng Giác này, chán chi tên mà tại sao anh lại lấy tên tôi để đặt cho cái nhân vật khốn khổ tội nghiệp của anh, khiến những kẻ độc miệng cứ nhè vào tôi mà vu khống, mà nguyền rủa mãi như vậy? Nếu nhân vật trong Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác mang một cái tên nào khác, thí dụ như Vách, Phên chẳng hạn, chắc chắn là không có gì dính líu tới Tường này cả.

- Anh nghĩ sao về Giải Khăn Sô Cho Huế *của chị Nhã Ca?*

- Dù có một số sự việc không đúng sự thực, do có hoặc không có dụng ý của tác giả, *Giải Khăn Sô Cho Huế* đối với tôi, vẫn là một bút ký hay, viết về Huế Mậu Thân; hàng chục năm qua đọc lại, tôi vẫn còn thấy quặn lòng. Chị Nhã Ca làm tôi liên tưởng tới *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh.

- Về một lời tuyên bố của anh trong một phóng sự chiếu trên đài truyền hình Mỹ, Anh, Pháp... mà nhiều người đã dựa vào đó để đả kích anh. Anh đã tuyên bố những lời ấy trong trường hợp như thế nào? Tại sao?

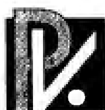
- Hồi đó, ông Burchett và đoàn làm phim "Việt Nam một thiên lịch sử truyền hình" tới Huế, chọn tôi để chất vấn về chuyện tang tóc của Huế Mậu Thân. Tôi nhớ một cách đại thể, là tôi đã nói về ba thành phần nạn nhân khác nhau: 1) Những người chết do hành động trừng phạt của quân giải phóng dành cho những người thực sự có tội. 2) Những người bị giết oan. 3) Những nạn nhân chết do Mỹ ném bom vào đám đông hoặc quân chính phủ bắn giết trả đũa khi phản kích. Cả ba trường hợp này đều có thực, chết nằm xen kẽ nhau trên các đường phố Huế Mậu Thân. Lâu rồi, trả lời ứng khẩu thế thôi, tôi không nhớ thật cụ thể những điều đã nói, và cũng không có dịp xem lại nguyên bản phim như nó đã được chiếu ở nước ngoài; nên không biết cuốn phim có tái hiện trung thành những ý tưởng của tôi hay không.

- Xin anh một lời kết cho buổi nói chuyện hôm nay. Đối với những người đã "kết tội" anh, anh nghĩ sao? Và nói rộng ra đến tình trạng chung của các sự ước đoán và quy kết.?

- Xin cám ơn đài RFI và chị Thụy Khuê đã dành cho tôi một cơ hội để tự bạch trước thính giả mà lâu nay, chắc có không ít người đã căm hận tôi, do tin lầm vào những lời vu khống của người khác. Người đời thường tình, dễ nghe, dễ tin, không nói làm gì; ở đây lại là những người cầm bút, là nhà văn, là nhà báo, họ chưa quen biết tôi, và tôi cũng chưa quen biết họ bao giờ. Sao người ta lại cứ mải say mê trong hành động vu khống kẻ khác như vậy. Sự lên án hoặc buộc tội là quyền chọn cách nhìn cuộc chiến, nhưng sự vu khống lại thuộc về nhân cách của người cầm bút. Tôi đã nói hết sự thật trong một lần. Xin thưa, từ nay đừng bắt tôi phải chịu trách nhiệm những tội lỗi mà tôi không hề đụng tay tới bao giờ, và mọi sự phán xét xin hãy dành cho những kẻ thích tạo dựng tên tuổi bằng cách lấy nhọ nồi bôi vào trán người khác. Tôi xin chân thành biết ơn sự quan tâm của quý vị thính giả dành cho câu chuyện có phần nào liên quan tới lương tâm và danh dự của tôi, và xin bạn hữu ở khắp bốn phương trời, hãy giữ trọn vẹn lòng tin vào thằng bạn ngày xưa của mình, rằng Tường vẫn là một con người tính bản thiện.

- Xin cám ơn anh Hoàng Phủ Ngọc Tường.

THỤY KHUÊ



MARY THIÊN YÊN LÊ thực hiện

PHỎNG VẤN THẾ UYÊN



nhà văn Thế Uyên tại chùa Thiên Mụ, Huế, tháng 7,1996

LTS- *Mary Thiên Yên Lê thuộc thế hệ đến nước Mỹ khi còn ít tuổi, lớn lên và trưởng thành trong hệ thống giáo dục Hoa kỳ. Cô cùng các bạn gốc Việt cùng hoàn cảnh lập ra tờ* Viet Magnet *xuất bản tại Porland. Trên nguyên tắc đây là một tờ báo song ngữ như tờ* Thế kỷ 21 *ở Little Saigon, Calif., nhưng ngược chiều, nghĩa là chỉ có một vài bài Việt ngữ trên mỗi số Viet Magnet. Khi nhà văn Thế Uyên cho xuất bản tập truyện ngắn "Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù"*

(Xuân Thu xb, 1995, Calif., USA), cô thấy truyện ngắn mang tên "Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù" hay, nên cho đăng lại nguyên văn tiếng Việt trên Viet Magnet. *Ngay sau đó* Viet Magnet *gặp một phản ứng hơi mạnh từ một giới độc giả nhất định. Phản ứng này làm cô ngạc nhiên vì theo quan điểm của cô, đây chỉ là một truyện tình hay. Cô liền đi kiếm nhà văn Thế Uyên để phỏng vấn vào lúc tác giả này đang chuẩn bị lên đường đi Việt Nam làm cố vấn giáo dục cho một hệ thống đại học quốc tế. Do thời gian hạn chế, Mary Thiên Yên đặt câu hỏi bằng Anh ngữ, Thế Uyên trả lời bằng Việt ngữ cho nhanh - nhà văn này khả năng Anh ngữ, như chính ông đã có lần xác nhận trong một bài văn, là còn hạn chế lắm. Tuy thế ông vẫn sử dụng một số từ ngữ Anh văn, cốt để khi chuyển sang Anh ngữ, người dịch sẽ dùng đúng từ tác giả muốn. Toà soạn đã giữ nguyên văn không dịch những từ ngữ này vì thế. Sau khi phỏng vấn Thế Uyên, Mary Thiên Yên Lê đã phỏng vấn nhà văn Nguyễn Huy Thiệp khi nhà văn này từ Việt Nam đến thăm nước Mỹ theo lời mời của một tổ chức văn hoá giáo dục Hoa kỳ.*

HỢP LƯU

*

Xin cho biết ngày, nơi sinh, tên thực, học trình, tác phẩm đầu tiên xuất bản năm nào?

Sinh năm 1935 tại Hà nội (khai sinh: Hải phòng), tên thực Nguyễn Kim Dũng. Tốt nghiệp Trung học Chu văn An Sài gòn, học Đại học Văn Khoa và Đại học Sư Phạm Sài gòn, làm giáo sư Quốc văn tại miền nam Việt nam trong 12 năm. Bị động viên năm 1962, tình nguyện bộ binh tác chiến và kể từ đó cho tới 30 tháng 4, 1975 cuộc sống là xen kẽ giữa đi lính, dạy học, viết văn, làm xuất bản, lập nhóm Văn hoá Thái Độ chủ trương làm một cuộc cách mạng không Cộng sản cho miền Nam. Sau tháng 4, 1975 bị đảng CSVN bắt đi tập trung cải tạo trong ba năm với tư cách trung úy. Sau khi được tha về, học trường Sư Phạm Bồi dưỡng TP Hồ Chí Minh, dạy Quốc văn thêm 3 niên học trước khi xin từ chức về bán café cho đến năm 1987 cùng gia đình đến Mỹ. Định cư tại tiểu bang WA, vừa viết văn vừa cùng vợ con theo học các đại học ở Olympia: Associate in Arts, South Puget Sound Community College (1990), B.A. Khoa học Xã hội tại The Evergreen State College (1992). Sau khi được grant của The Social Science Resear ch Council (NY) về Việt nam sưu khảo văn học quốc ngữ Nam kỳ thời sơ khai, dạy Việt ngữ Việt văn tại University of Washington (Seattle). Kể từ 1994 làm cố vấn cho EF International Language Schools tại Mỹ và Việt nam. Cuốn sách đầu tiên xuất bản 1962 là tập truyện ngắn Những Hạt Cát do nhà Thời Mới của Võ Phiến tại

Sài gòn.

Cảm hứng và chủ đề của tác phẩm này là gì? Lúc đó ông bao nhiêu tuổi?

Năm đó tôi 27 tuổi. Tôi viết không hẳn là do cảm hứng, mà do một thúc đẩy nội tâm. Tôi bị thôi thúc là phải viết văn, khá mạnh, như một cách thế hiện hữu ở đời. Hồi ấy tôi còn trẻ và mới được hưởng những năm thanh bình hiếm hoi cuả Việt nam nên chủ đề của những truyện ngắn đầu tiên ấy xoay quanh những vấn đề của tuổi trẻ, nhất là tình yêu và cách thế yêu đương của lớp trẻ thành thị vào thời kỳ ấy . Khỏi nói các anh chị cũng biết viết như thế tôi đã được lớp trẻ hoan nghênh: lớp trẻ chúng tôi hồi đó đã yêu nhau theo cách thế khác với cách thế yêu đương thời trước 1945, thí dụ như kiểu đã được diễn tả trong các tác phẩm của Tự lực văn đoàn. Cũng bởi thế Những hạt cát đã được tái bản nhiều lần và in lại ở Hoa kỳ.

*Ông được mọi người coi như là một nhà văn tiên phong trong văn chương dục tình (*the avant-garde writer of eroticism*), điều đó có chính xác không? Kể từ khi nào sự tò mò về tình dục làm ông bắt đầu tìm hiểu sâu xa hơn bằng cách viết những truyện về loại này? Ngoài ông ra, có những nhà văn khác tương tự không?*

Tôi không có hân hạnh làm "avant-garde writer of eroticism" của văn học Việt nam như một người khi điểm truyện dài Khu vườn muà mưa" của tôi gần đây trên một tạp chí văn học ở California đã tấn phong cho. Từ những thế kỷ trước đã có những người đưa tình dục vào văn chương mình, như Nguyễn Du (*Đoạn trường Tân thanh*), Nguyễn Gia Thiều (*Cung oán ngâm khúc*)...và nữ đã có Hồ Xuân Hương. Và song hành và có trước những vị này là các tác giả ca dao erotic cuả Việt nam. Sang đến đầu thế kỷ 20, trong khi các tác giả của miền Bắc còn chịu ảnh hưởng nặng của trường phái lãng mạn Trung hoa và Âu châu cho đến tận 1940, thì ở miền Nam đã có những Lê Hoằng Mưu, Hồ Biểu Chánh...viết văn có sex một cách thoải mái. Còn về phần tôi thì ngay từ lúc đầu viết văn không hề có ý định khám phá thế giới tình dục bằng văn chương mình. Tôi sinh trong một gia đình có ông bố là một người văn hoá Pháp cao, là một ký giả khá playboy thời giữa hai thế chiến, có bà mẹ là một phụ nữ hiểu biết và bao dung, nên không bị bất cứ một dồn nén nào về phương diện sex. Cả bố lẫn mẹ đều coi sự lớn dần của con trai con gái mình cùng với sự nẩy nở rồi trưởng thành về sex là truyện tự nhiên, như cây mọc mầm đơm hoa rồi kết trái thôi. Không ai đặt vấn đề sex là tội lỗi, như trong một gia đình công giáo, hay là một thứ dục vọng không nên có, như

trong một gia đình Phật tử thuần thành. Tiện đây cũng nói luôn là đạo Khổng không coi sex tự bản thân là xấu là tội lỗi như một số người đã ngộ nhận. Khổng Mạnh chỉ đặt vấn đề tiết chế, điều hoà cho sex, tạo sự quân bình tốt nhất cho con nguời và xã hội thôi.

Trong văn chương tôi dứt khoát là có hiện diện của sex, nhưng nguyên do là tại tôi muốn văn chương phải đạt được sự trung thực và toàn diện về con người. Một đôi nam nữ yêu nhau, họ trải qua thời kỳ lãng mạn với thơ nhạc và hoa lá, những bữa ăn trưa bên bờ suối và những bữa ăn tối dưới ánh nến lung linh...Nhưng rồi họ đâu có ngừng ở đó phải không? Dĩ nhiên các nhà văn viết truyện cho nhi đồng và tuổi xanh thì ngưng ở đó, cái kiểu "hoàng tử lấy công chuá rồi sống với nhau hạnh phúc mãi mãi". Còn tôi, tôi đâu viết truyện cho nhi đồng , vậy tôi đương nhiên tả giai đọan kế tiếp: chàng và nàng dù có cưới hoiũ hay không thì trước sau cũng đi tới chỗ having sex hay making love với nhau, phải khám phá thân xác của nhau với tất cảụ mật ngọt mật đắng của nhau.

Theo nhận xét chủ quan, thì cái tiếng là avant-garde writer of eroticism chỉ đúng một phần cho nửa sau của văn học miền Nam Việt nam 1954-1975 vì ba lý do. Thứ nhất tại tôi viết văn khá quyến rũ độc giả (viết tồi thì chẳng có tác động gì cả, dù có tải đạo cao đẹp hay tải...dâm tình). Thứ hai thứ tình yêu và một số nhân sinh quan trong văn chương tôi đáp ứng, hay phản ảnh được tâm tư tâm trạng tâm tình cuả thế hệ trẻ thời kỳ đó. Thứ ba có lẽ tại tôi viết ra một thứ như tuyên ngôn như sau, đăng lần đầu trên tạp chí VĂN, khoảng 1962:

"...Khi cho những nhân vật yêu nhau trong những truyện ngắn đầu tiên, tôi tự hỏi: Sự thực, ngoài đời, tình yêu có phải chỉ toàn những nhớ nhung tơ tưởng, mộng mơ? yêu nhau có phải chỉ là viết thư ngắm trăng, hái hoa, im lặng nhìn nhau qua lớp cỏ may rung rinh dưới gió? Tự hỏi như vậy làm tôi nhận thấy thực rõ rệt nhiều nhà văn lớp trước, khi viết, đã tự đánh lừa mình một cách kỳ cục và trình bầy đời sống, tình yêu một cách phiến diện...Trong các tác phẩm cổ điển, ít khi tôi thấy nhân vật nào nhìn ngắm toàn thể cơ thể người yêu chứ đừng nói gì đến những việc khác (Cũng may ngoài đời mọi người không yêu đương kiểu đó, nếu không, chắc loài người đã tuyệt chủng).

"Nhận xét như vậy nên khi bắt đầu viết, tôi đưa những con người ngoài đời thực với đầy đủ đặc tính căn bản vào văn chương. Trong đời sống, một người con trai yêu một người con gái qua thư, ánh mắt nụ cười, những lời nói êm dịu nhưng đồng thời cũng yêu qua cá tính cuả cái giống. Nhìn tà áo bay, mơ mộng tới những đôi cánh nàng tiên trong cổ tích nhưng đồng thời cũng thèm muốn hôn lên bộ ngực căng mịn, thèm muốn ôm cả thân thể để chiếm đoạt đến cùng. Trong văn chương lãng mạn cổ điển, các nhân vật chỉ sống có một nửa. Hai người hôn nhau thì nhất định chỉ cảm thấy toàn trăng sao hoa lá, còn thân thể

cương quyết chẳng cảm thấy gì cả, trơ như đá vững như đồng..." (Mười ngày phép của một người lính, Nam Sơn xb, Saigon 1964)

Đồng thời với tôi ở nội địa trước tháng 4,75 các nhà văn viết văn có sex tương tự như tôi, tạm gọi là *trường phái Nguyễn Du* để phân biệt với những người viết văn không có sex, tạm gọi là *trường phái Nguyễn Đình Chiểu*, hiện diện khá nhiều, như Nhất Linh già (Nhất Linh già viết khác Nhất Linh trẻ), Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên, Nguyễn Thụy Long, Chu Tử...Phiá nữ dông đảo không kém và gây dư luận về tình dục trong văn chương hơn tôi nhiều: Tuý Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ...Ở hải ngoại, sex trong văn Thế Uyên e không hơn gì nổi các Kiệt Tấn, Dương Như Nguyện, Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Quỳnh N.H....và thua xa các Trần Vũ, Đỗ Kh. và Khánh Trường.

Vậy tại sao cứ lâu lâu một lần lại có luận bàn dị nghị về tính erotic trong văn chương Thế Uyên?

Nguyên nhân thực sự của sự kiện ấy là các lý do và động cơ chính trị, ý thức hệ, kỳ thị dịa phương và đôi khi cả tôn giáo nữa. Thí dụ như trước năm 1975, bổng dưng xuất hiện các bài báo của Nguyễn Trọng Văn, Lữ Phương và tạp chí của Nguyễn Ngọc Lương đả kích Thế Uyên viết văn dâm ô, tiêu biểu là truyện dài *Tiền Đồn*. Tôi có đọc nhũng bài đó cho biết nhưng không quan tâm vì còn lâu *Tiền Đồn* mới là dâm thư, nhưng không hiểu tại sao lại xuất hiện một chiến dịch như vậy. Khoảng 1978, tôi đang theo học trường Sư Phạm Bồi dưỡng ở Sài gòn thì bị lôi ra "tố khổ". Trước cử toạ khá đông, hai cán bộ từ ngoài Bắc vào hùng hổ ném ra mặt bàn trước mặt tôi hai cuốn *Đoạn Đường Chiến Binh* và *Tiền Đồn.* Người thứ nhất tố: Thấy Cách mạng nhiều lần kêu gọi anh trên đài (phát thanh), chúng tôi đoán là anh là người có tài. Bây giờ được đọc *Đoạn Đường Chiến Binh,* thấy anh viết hay đấy nhưng cả cuốn không bài nào không phản động! Người thứ hai tố dữ dằn hơn, dằn giọng hỏi, tôi còn nhớ gần như nguyên văn: *"Chúng tôi hỏi anh Thế Uyên điều này: Riêng một cuốn* Tiền Đồn *thôi, thử hỏi anh có mấy cái đầu mới đủ tạ tội với Cách Mạng?"*

Dĩ nhiên sau đó là cả một thời kỳ sóng gió với các kiểm điểm này nọ theo thủ tục đã áp dụng từ lâu bên Trung quốc và miền Bắc Việt Nam. Cán bộ chính phụ trách vụ kiểm điểm tôi đã lật ngửa lá bài ra mà tố: Thế Uyên phải cắt nghiã tại sao khi viết *Tiền Đồn*, lại tả cuộc *"kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược" như là một cuộc nội chiến giữa người Việt quốc gia và người Việt Cộng sản...* Khỏi nói tôi đã vất vả lắm, lăng ba vi bộ tối đa mới ra thoát vụ tố khổ văn hoá này, khỏi bị bắt đi cải tạo tập trung lần nữa vì "tội làm nhà văn Thế Uyên" ! (Với một số cán bộ bảo thủ cực đoan miền Bắc, ba năm cải tạo tôi đã trải qua mới chỉ là "trả nợ máu với tư cách một trung úy ngụy"). Dĩ nhiên vào thời điểm này những Nguyễn Trọng Văn, Lữ Phương ...đã xuất hiện công khai như cán bộ từ đã lâu năm của MTGPMN, nếu họ đã có chụp

mũ dâm ô này nọ cho tôi trước kia thì chẳng qua làm theo lệnh trên, nhằm triệt hạ uy tín Thế Uyên , nhất là chủ trương cách mạng xã hội không Cộng sản của nhóm văn hoá Thái Độ. Kh i tôi được tha khỏi trại cải tạo, họ đã tương tự như Lý Chánh Trung, vui vẻ đón tiếp và duy trì tình bằng hữu, dù thời kỳ ấy tôi bị chế độ dìm xuống đất đen. Cũng vì thế tôi không hề giận họ:từ năm 92 tới gần đây, mỗi khi về Việt nam, tôi vẫn cùng những người này café bia rượu nói chuyện trời đất cổ kim như những cố tri. Bởi vì xét cho cùng họ là những nhà văn, trí thức tốt, nếu trước đây họ có đi theo MTGPMN/Đảng CSVN thì chỉ vì họ đã tưởng đó là đường lối tốt mang lại chế độ tốt cho dân tộc Việt nam...Hơn nữa, từ khi lớn lên, về giao tế, tôi vẫn theo đường lối: cứ ai tốt là tôi kết giao, không phân biệt chính giaó với ma giáo , Công giáo hay Phật giáo, quốc gia hay cộng sản. Từ lâu bạn bè vẫn hay gọi đùa tôi là "Lệnh Hồ Xung" vì thế.

Bây giờ ở hải ngoại cũng vậy thôi. Chỉ cần đọc tập truyện ngắn *Nhà Văn Già Vàcô Bé Gù* không thôi, các anh chị đã thấy không ít người tức giận với tôi vì truyện *"Người Lính Già Chân Đài Tưởng Niệm"* (nếu là cựu quân nhân di tản 1975) hoặc khó chịu vì truyện *"Đi Tìm Vu Lan Trong Mùa Xuân"* (nếu là Phật tử đấu tranh quá khích), hoặc *"Không Ơn Thiên Sủng"* (nếu là công giáo bảo thủ hẹp hòi). Cũng như ở Việt Nam trước đây, và một phần nào hiện nay nữa, không bằng lòng mà không tiện nói thẳng, thì đánh xéo, gièm pha, chụp mũ, vậy thôi.

Có phải những truyện được gọi là dâm tình ấy (so-called erotic) là biểu hiện của sự nổi dậy chống đối lại nền văn hoá Khổng giáo và vân vân hay không?

Hồi trẻ thì không để ý, nhưng về sau thì quả một phần có là như thế. Lý do chính: Mọi công cuộc vận động tư tưởng mới, giải phóng con người, nhất là phụ nữ, đều bắt đầu từ cơ bản là địa hạt tình yêu nam nữ và tính dục. Chúng ta, tôi muốn nói người Việt hải ngoại cũng như nội địa, đang cần một công cuộc giải phóng tư tưởng cho mỗi cá nhân. Việt Nam tụt hậu, so với các nước trong khu vực Đông Nam Á thôi, từ hai mươi đến ba mươi năm. Sở dĩ có hiện tượng đó là vì tư tưởng, khả năng tư duy của người Việt bị khống chế, bị phóng thể quá lâu, bởi: Thứ nhất bởi *Khổng giáo nông nghiệp,* thứ nhì bởi tinh thần *thanh giáo trung cổ* của Công giaó Việt nam (chứ không phải là giáo hội Công giáo La mã và giáo lý này nói chung), thứ ba là do chủ nghĩa *thanh giáo xã hội chủ nghĩa,* thanh giáo cộng sản. Những Marx, Lenine, Staline...chống tôn giáo về phương diện thần học, chính trị và kinh tế thôi. Còn về luân lý, mấy ông này đã giữ nguyên luân lý Thiên chúa giáo, gia giảm và gọi bằng từ mới, rồi biến thành đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế đạo đức đòi hỏi nơi một linh mục và nơi một cán bộ của đảng Cộng sản

đã trùng hợp nhau ở hầu hết các điểm chính. Và xét những tiêu chuẩn về đạo đức mà đảng CSVN đã và đang đòi hỏi người dân nội địa phải noi theo gần đây, thấy không khác cho lắm những đòi hỏi của chính quyền Công giáo thời đệ I Cộng hòa 1956-1963.

Bị khống chế bởi tới ba vòng kiềm tỏa như thế nên *xét chung người Việt thiếu can đảm về phương diện tư duy, không mấy ai dám phóng ra phía trước để tìm tòi, nếu không một hệ tư tưởng mới, thì ít nhất một đường lối, một nhân sinh quan cho riêng mình.* Sự phản kháng của tôi qua văn chương từ bao nhiêu năm nay có một khía cạnh là *tìm cách giải phóng cho cá nhân con người Việt nam, đặc biệt là về phương diện tư duy.* Đã đến lúc phải trên không sợ bất cứ thần linh nào, dưới không né bất cứ ông Mác ông Mao ông Hồ hay các giáo lý này nọ của các tôn giáo khác nhau. Cái mà dân Việt thành phần elite, trí thức các loại đang cần, là tinh thần khai phóng, thứ spirit của pioneer, tinh thần entrepreneur của Hoa kỳ trong mọi địa hạt tư duy.

Chúng ta chưa sợ một thái độ như thế sẽ làm con người chìm đắm vào cá nhân chủ nghĩa, không có lợi cho cơ cấu gia đình và tổ chức xã hội. Cá nhân người Việt chưa được giải phóng đủ mức để khai triển tất cả khả năng của mình, như dân tộc Mỹ đã làm được từ lâu, đưa dân tộc tiến về đằng trước và khá lên, vậy còn lâu mới tới chặng cá nhân thái qúa có hại cho cơ cấu gia đình như xã hội Mỹ hiện nay.

Xét về lý luận thì nói vậy, còn về thực tế, tôi không hề e ngại sự kiện phá tung lũy tre già bưng bít, đi xuyên qua ba vòng kiềm tỏa đã nói trên, sẽ làm cho dân Việt nam mất gốc, bơ vơ và đồi trụy. Cứ nhìn dân tộc Nhật, rồi kế đó là Nam Hàn, Thái Lan, Đài loan...Những dân tộc này đã duy tân tối đa, Tây phương hóa thẳng thừng, mỗi nước làm theo cách thức của mình, bây giờ dân họ đã giầu nước họ đã mạnh, mà có thấy dân tộc nào trong những dân tộc đó mất văn hoá riêng và bản sắc dân tộc đâu. Tôi đã từng lang thang nhiều ngày nhiều nơi trên nước Nhật và thấy rõ từ phi trường cầu cống đường xá kiến trúc thành phố... ảnh hưởng của Mỹ thật rõ ràng, nhưng người Nhật thì vẫn cứ Nhật không thể nào chịu nổi.

Xin cho biết phản ứng của độc giả sau khi ông cho in truyện dâm tình đầu tiên (first erotic story)?

Tôi chưa bao giờ cố tình viết một truyện erotic. Còn phản ứng đầu tiên chỉ xẩy ra cho truyện dài "Tiền đồn" và như thế nào thì tôi đã nói rồi, và chỉ có vậy trước 1975. Còn ở hải ngoại thì chỉ có tạp chí văn học thuộc trường phái Nguyễn Đình Chiểu ở California, là có phản ứng một chút sau khi truyện dài *Khu Vườn Muà Mưa* và tập truyện ngắn *Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù* được xuất bản. Cũng không có gì nhiều ngoài một lời "điểm sách" đại

kháiù: Truyện nhiều sex, vậy đương nhiên không có giá trị gì, không đáng để ý....

Tùy theo chủ đề của tôi mà truyện nhiều hay ít sex, hoặc không có sex luôn. Đa số truyện tôi viết không có sex, nhưng khi đã có thì thường là vừa erotic vừa trữ tình, quyến rũ độc giảỞtôi mà viết dở, thì đâu có nhà văn Thế Uyên, chẳng còn vấn đề gì đặt ra nữa. Thực tế ra mà nói, các anh chị đều tốt nghiệp Đại học Mỹ gần đây như tôi nên đều biết đó: Mức độ sex trong văn chương Thế Uyên đâu có thấm vào đâu so với những nhà văn Mỹ và Âu châu và Nhật bản hiện đại.

Buổi đối thoại của chúng ta đã xoay quanh vấn đề sex và văn chương, thì thôi, bàn luôn cho tới đáy vấn đề. Gần đây tôi có viết một proposal về đề tài "Vietnamese Women: Love and Sex in Literature" (chủ đề:*Tình yêu và Tính dục qua những nhân vật nữ trong văn học Việt nam*) đệ nạp Social Science Research Council ở New York để xin một grant mới. Trong phần Point of View, tôi đã có những nhận định sau, xin chép lại dưới đây để tạm thời chấm dứt mục sex một chút - các anh chị còn nhiều điều để hỏi tôi lắm phải không?

"...

"3. Những nhân vật nổi tiếng trong văn chương thường có ảnh hưởng tới người đọc, do đó các nhà lãnh đạo quốc gia, các nhà độc tài, luân lý gia, hàng giáo phẩm của tất cả các tôn giáo từ đã rất lâu luôn luôn muốn sử dụng nhân vật toàn thiện toàn hảo trong văn chương để giáo dục quần chúng, đặc biệt là giới phụ nữ.

"4. Bởi lý do trên, các nhà lãnh đạo chính quyền và tôn giáo luôn luôn can thiệp vào việc viết lách của nhà văn. Đốt hay tịch thu, kiểm duyệt, trục xuất (khỏi đoàn thể hiệp hội), rút phép thông công, xử tử, nhốt tù và tra tấn, bắt đi cải tạo tập trung...tất cả được họ sử dụng để cưỡng buộc các nhà văn phải tạo ra những nhân vật nữ lý tưởng theo khuôn mẫu mà họ cho rằngcần có cho sự ổn định cuả xã hội (thường là xã hội phụ hệ)ả.

"5. Sự va chạm đấu tranh giữa chính quyền/tôn giáo và nhà văn mô tả trên không bao giờ chấm dứt, ít nhất cũng bởi vì nhà văn thường phải mô tả người phụ nữ có thật trong xã hội nhà văn đang sống bên trong. Dĩ nhiên là người nữ có thật này rất có thể lại không phù hợp với tiêu chuẩn trung bình của xã hội đương thời. Thế là bùng nổ những kết án, dị nghị, tranh luận cho đến khi người-nữ-mới này được đa số chấp nhận. "6. Có một cuộc đấu tranh thường trực giữa chính quyền/tôn giáo và người công dân: Khi một đôi lứa đang làm tình với nhau, họ không nghĩ tới Jesus, Thích Ca, Allah, Marx, Lenin, Hitler, Stalin, Mao Trạch Đông hay Hồ Chí Minh...Các nhà lãnh đạo quốc gia và tôn giáo coi tình yêu và tính dục như là nguyên nhân làm phí phạm thời gian và năng lực của người dân, bởi thế các vị này thường tìm cách kiểm soát, điều hoà và khống chế tình dục cuả con người, đặc biệt là với nữ giới".

Chúng tôi biết công cuộc khám phá tìm hiểu về tình dục con người ở nhiều trình độ khác nhau không phải là chủ đề duy nhất trong văn chương Thế Uyên. Vậy ông có thể cho biết sự diễn tiến cuả các chủ đề khác theo trình tự thời gian không?

Bản chất tôi thực ra là một đứa trẻ có đôi mắt mở to chất phác đối với cuộc đời mở rộng trước mắt. Vì chất phác, lại có óc nhận xét và khả năng tư duy, nên vấn đề nào của con người và xã hội , tôi đều nhận xét theo một con mắt mới, đưa đến những nhận định và kết luận mới. Nói một cách giản dị, tôi không phải là một triết gia, nhưng là một trí thức biết tư duy "bằng cái đầu cuả chính mình". Đã chất phác như thế lại còn ưa sự chân thật: nhận thấy sao, nghĩ sao, cứ thế viết ra, khi thì bằng sáng tác, khi thì bằng tạp bút, khi thì bằng tiểu luận. Bởi thế tôi gây xốc, tạo nhiều va chạm trong đủ mọi lãnh vực văn hoá giáo dục chính trị tôn giáo, dù ở Việt nam trước 75 hay sau này ở hải ngoại. Nhưng thường không tiêu cực kiểu đả phá chỉ để đả phá: tôi luôn luôn cố gắng đưa ra những thị kiến, những vision cho cộng đồng mà tôi đang sống bên trong, dù ở nội địa hay ở hải ngoại. Nói thế này coi bộ có vẻ cao ngạo, nhưng chủ quan mà xét, trong một số địa hạt nhất định, tầm nhìn và thị kiến cu ả tôi đi trước nhiều người đồng thời khá nhiều năm. Bởi thế tôi có gập phản ứng này nọ, đó là điều tự nhiên thôi.

Bây giờ anh chị bảo tôi sắp xếp các chủ đề của tôi theo một trình tự nào đó, thì...tôi lười lắm, không làm đâu. Nếu có điều gì nói ngay được là tôi lấy chất liệu từ cuộc sống chung quanh, vào thời kỳ nào và không gian nào cũng vậy. Thí dụ đi lính tác chiến, tôi đã đặt những vấn đề ý nghĩa của cuộc chiến, những lối thoát cho dân tộc Việt, và dĩ nhiên là cả tình yêu trong chiến tranhỞcác anh chị có thể tin ở tôi điều này: khi tham dự chiến tranh đến tận cổ, con người yêu nhau theo cách thế sâu đậm và thân xác hơn là trong một thời bình đầy hoa lá cỏ cây. Khi định cư ở Mỹ, được cập nhật hóa kiến thức qua các Đại học, tôi viết về những vấn đề của cộng đồng nhỏ Việt nam ở hải ngoại, và cộng đồng lớn Việt nam ở nội địa.

7/ Chúng tôi đã đăng lại một truyện ngắn cuả ông vì nghĩ rằng tâm thức người Việt nam đã thay đổi và có thể còn cho rằng đề tài truyện này quá xưa rồi. Nhưng chúng tôi đã lầm. Độc giả Việt vẫn còn phản ứng với truyện erotic ấy cuả ông. Căn cứ vào sự am hiểu của ông về văn hoá Việt nam, ông có đoán biết, chờ đợi một phản ứng như vậy không?

Các anh chị thuộc lớp trẻ lớn lên ở Mỹ, đã tốt nghiệp đại học Mỹ những năm gần đây cùng vợ chồng tôi, đương nhiên chúng ta thấy truyện ngắn "Nhà văn già và cô bé gù" chỉ là một truyện tình hay. Vậy thôi. Đó là vì chúng ta là

những người có một nền văn hóa giáo dục khá cao trong văn minh Tây phương và thế giới. Đối chiếu với các tác phẩm văn học của thế giới tiếng Anh và Pháp, thì mức độ erotic của Thế Uyên đâu có gì đáng để ý, đáng nói, thậm chí còn có thể là "your topic too old perhaps"...

Nhưng đối với cộng đồng người Việt ở Mỹ thì vấn đề lại khác. Các anh chị hãy nghĩ tới một ông già xuất phát từ Ba Tri, Bến Tre, đang ngâm nga thơ Lục Vân Tiên với những câu *"Khoan khoan ngồi đó chớ ra, Nàng là phận gái ta là phận trai"*, nay di cư sang Mỹ sống trong một thứ ghetto thuần người Việt với nhau, ăn đồ Việt nói tiếng Việt quanh năm suốt tháng. Hãy thử nghĩ tới một bà già gốc Hố Nai Gia Kiệm, đạo gốc và ngoan đạo, xuốt những năm ở Việt nam không đọc tới cả truyện Kiều(coi là dâm thư: *"Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều"*) và các truyện của Tự lực Văn Đoàn (được coi là lãng mạn quá, không tốt cho phụ nữ)...Với những loại độc giả này thì họ có hét lên khi đọc "Nhà văn già và cô bé gù" thì không có gì để chúng ta phải ngạc nhiên.

Ấy là chưa kể thành phần đạo đức giả, khá đông ở bất cứ đâu ở bất kể thời kỳ nào. Bản thân mình làm đủ mọi thứ truyện về sex, nhưng ai nói ai bàn ai viết về sex, thì lại đóng vai trò đạo đức gia luân lý gia, lên tiếng chê bai kết án.

Tôi không thấy văn hóa truyền thống của dân Việt là thanh giáo kiểu trung cổ Âu châu...và Hoa kỳ trước đây gần bốn thập niên. Từ nhiều ngàn năm, đại đa số dân Việt đã đạt tới một sự quân bình giữa tình yêu và tình dục, coi đó là hai diện hai mặt của một vấn đề rất tự nhiên của mọi con người. Nói theo kiểu Nguyễn Gia Thiều, là: *"Có âm dương có vợ chồng, Dẫu trong thiên địa cũng vòng phu thê"*. Hoặc : *"Văn chương chữ nghĩa bề bề, Thần lồn ám ảnh cũng mê mẩn đời"* (ca dao Việt nam). Nhưng khi tiếp thu ý thức hệ và tôn giáo ngoại quốc, thì người Việt có cái thói xấu là hay cường điệu quá đáng và mê tín cực đoan thứ chủ nghĩa ngoại nhập mình tin theo. Khổng Mạnh không qúa khắt khe về sex như thế ở Trung hoa, nhưng khi giáo lý này tới tay mấy ông đồ nho Việt nam, thì mấy ông ấy làm qúa đi, bảo hoàng hơn vua. Đã thế về sau, với sự du nhập của đạo Công giáo cũng vậy(Không biết trong các anh chị có ai theo đạo Công giáo không, nếu có thì hẳn đã thấy giáo hội Công giáo Hoa kỳ liberal hơn hẳn giáo hội Công giáo Việt nam). Kế đó từ 1945 (miền Bắc) và 1975 (cả nước) lại còn bị khống chế bởi thứ thanh giáo xã hội chủ nghĩa nữa...

Tôi có thể khẳng định tóm tắt thế này(chắc chắn có độc giả lại không đồng ý!): Cho sex là dâm ô, là tội lỗi, là một thái độ không đúng với truyền thống văn hóa thực sự cuả dân tộc Việt nam đâu. Ai muốn phủ nhận sự thực này bắt buộc phải dùng tới một giaó lý hay một ý thức hệ ngoại nhập nào đó.

8/ Ông sinh bốn con trai. Nhiều độc giả nhận xét rằng chính vì không có con

gái nên ông đã có thể bàn và viết thoải mái về tình dục trong mọi trường hợp mà không cảm thấy răng mắc, mặc cảm gì về phương diện luân lý. Một trong các thí dụ là chính truyện ngắn Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù. *Trong truyện này ông đã để nhà văn già mang lại cho cô gái hạnh phúc thân xác. Độc giả Việt cảm thấy ông đã vượt khỏi "a moral threshold". Ông nghĩ sao về sự kiện này?*

"Moral threshold" nào mới được chứ? Của Công giáo (Công giáo Mỹ, Pháp hay Công giáo Việt nam?, của những người già hay cuả lớp trẻ lớn lên ở Tây phương?), cuả Phật giáo?, của Trung hoa (Trung hoa nào, xưa hay hiện nay? Trung hoa lục địa hay Trung hoa Đài loan, Singapore, Hồng kông?). Như tôi vừa nói, nếu độc giả nào thuộc loại ông già Ba Tri, bà già trầu, các hậu duệ của Nguyễn Đình Chiểu, những đảng viên bảo thủ của đảng CSVN... thì tôi công nhận truyện đó của tôi đã "crossed their moral threshold". Còn đối với những độc giả khác, hơi đông, thì sao? Tôi nói thật qua kinh nghiệm mấy chục năm viết văn, độc giả thích văn chương tôi ít khi là lớp già bảo thủ lắm, dù bảo thủ đỏ hay bảo thủ xanh, ở nội địa hay hải ngoại.

Tôi có năm con trai, chú không phải bốn. Một ông bố nhiều nam tính cộng với năm ông con trai, thì một bà mẹ thông minh và nhất là dịu dàng (nếu tôi là thái dương thì vợ tôi là thái âm), đâu có quân bình nổi. Vậy gia đình tôi thiên về dương, mạnh mẽ là điều dễ hiểu. Nhưng điều đó đâu có liên quan gì đến văn chương tôi viết đâu: viết có sex hay không có sex, viết kiểu Nguyễn Du hay Nguyễn Đình Chiểu là tùy chọn lựa của mỗi nhà văn nhà thơ mà thôi, không tùy thuộc yếu tố họ sinh nhiều hoặc toàn con trai hay con gái.

Dĩ nhiên nhà toàn con trai thì đương nhiên việc hướng dẫn và giáo dục về sex thoải mái hơn là nếu có xen kẽ vài cô con gái . Bây giờ thì quá trễ để bọn tôi sinh thêm một cô con gái, nhưng thành thực mà xét, giả thử tôi đã có vài cô con gái, không chắc gì tôi đã viết văn khác đi đâu.

9/ Trước sau ông đã viết bao nhiêu truyện ? Truyện nào ông thích nhất? Truyện nào được mọi người thích nhất?

Tôi đã có 19 nhan đề sách xuất bản ở Việt nam trước tháng 4,75. Từ khi sang Hoa kỳ, thêm bẩy cuốn nữa. Còn về truyện ngắn và đoản văn là bao nhiêu, tôi chưa bao giờ đếm. Vừa rồi trong một party văn nghệ ở Santa Ana, một bạn văn hỏi tôi: "Chắc anh viết đến 50 truyện ngắn?", tôi đã gật đầu, vì chắc cũng vào khoảng đó.

Truyện nào tôi thích nhất? Thường là những gì mới viết. Hiện nay tôi đang thích truyện dài *"Khu Vườn Mùa Mưa"* và một vài truyện ngắn trong cuốn *"Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù"*. Lui ngược thời gian hơn nữa thì tôi thích

truyện dài *"Tiền Đồn"*, tập đoản văn *"Đoạn Đường Chiến Binh"*. Còn độc giả của tôi thì có lẽ đa số ưa chuộng *"Căn Nhà Người Mẹ"*, *"Tiền Đồn"*, *"Mười Ngày Phép Của Một Người Lính"*. Phổ biến rộng nhất có lẽ là *"Căn Nhà Người Mẹ"* vì ngay từ trước 1975 đã được đọc một hai lần chi đó trên đài phát thanh của phe bên kia chiến tuyến của Vietnam War. Rồi đến hồi ký *"Người Bác"* được trích in lại ở nội địa gần đâytrong một cuốn biên khảo văn học.

10/ Ông đã chịu ảnh hưởng của những nhà văn nào? Ông thích những ai nhất?

Khi còn trẻ, trong những năm đầu viết văn, vì sớm đọc được Pháp văn, tôi thích và phần nào chịu ảnh hưởng của những Jean Paul Sartre, Andre Malraux, Saint Exupery, Francoise Sagan, Ernest Hemingway, John Steinbeck, Pearl Buck, Alberto Moravia...Về phía Việt nam có điều lạ là tôi chịu ảnh hưởng của người hồi xưa nhiều hơn đương thời, thí dụ như tôi chịu ảnh hưởng của Nguyễn Công Trứ , Nguyễn Du và những tác giả các bài đoản văn xưa trong văn học Trung quốc. Khi đãõ trưởng thành, tôi tiếp tục chịu ảnh hưởng cuả những nhà văn khác tôi thích, thí dụ như trong nhũng năm gần đây, cuốn sách tôi mang theo lên máy bay đường trường là "Một nghệ thuật sống" của Lâm Ngữ Đường.

Sau khi định cư ở Mỹ, đọc được Anh văn thì tôi đọc tùm lum đủ mọi sách báo và tác giả, nhưng không thích không mê hẳn một số nhất định nào như hồi còn trẻ nữa. Về các nhà văn viết bằng Việt văn hiện nay, tôi đang thích đọc Nguyễn Bá Trạc, Trần Vũ, Võ Phiến, Đỗ Kh., Dương Như Nguyện, Khánh Trường...Với các tác giả nội địa, tôi thích đọc Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan thị Vàng Anh...

11/ Theo nhận xét của ông, về những nhà văn Việt nam di cư ra nước ngoài, họ đã đổi hướng hay vẫn giữ nguyên văn phong và chủ đề cũ? Và về các nhà văn mB chỉ thành danh ở hải ngoại, các tác phẩm của họ nhiều hay kém giá trị văn học so với lớp nhà văn trên?

Đối với các nhà văn đã thành danh ở Việt nam từ trước tháng 4, 75, sau khi định cư ở Hoa kỳ, đa số giữ nguyên văn phong, style, của mình. Về style, khó đổi lắm vì mỗi nhà văn có một style riêng, không lẫn vào ai khác được, nếu họ không là như thế, làm sao thành danh. Khi ra hải ngoại, có những người viết theo khuynh hướng hoài niệm, chỉ chọn đề tài và khung cảnh Việt nam, dù họ đã sống rất nhiều năm ở nước ngoài. Có những người hội nhập nhanh vào xã hội mới, chọn đề tài và khung cảnh nước mình định cư Ởloại

nhà văn này viết được nhiều và còn đi tiếp được (khi mở các tạp chí ra, tôi thường thích đọc loại này, có lẽ tôi cùng cảnh ngộ với họ Ònhững người đã ra khỏi lũy tre xanh nội địa và ra thoát các ghetto văn hoá cuả hải ngoại). Trái với loại trên là loại nhà văn không những giữ nguyên bút pháp, còn giữ nguyên cả đề tài lẫn cách viết xưa cũ, thí dụ chỉ viết để đề cao một binh chủng, để ca tụng quân đội VNCH theo phong thái Tâm lý Chiến, Chiến tranh Chính trị trước đây: Loại nhà văn này tội nghiệp lắm, bế tắc khá nhanh. Các anh chị biết đó: Viết văn theo đường lối của đảng CS hay viết văn tố cộng, nếu được "cung đình đỏ" ở nội địa tuyên dương, các hội đoàn bảo thủ ở hải ngoại cổ võ đề cao, thì có hiểm nguy là tác phẩm khó đạt tới một giá trị văn chương tối thiểu để tồn tại lâu. Tiện đây tôi cũng xin nói thêm là hồi trẻ tôi thương tin ở nhận định khá phổ biến là một nhà văn khi bị bứng rễ khỏi quê hương cũ, sẽ hết viết, còn bây giờ tôi thấy nhận định đó chỉ đúng với một số người.

Những nhà văn lớp trẻ hơn chỉ thành danh ở hải ngoại viết được lắm. Những Kiệt Tấn, Khánh Trường, Trần Vũ, Đỗ Kh., Nguyễn Bá Trạc và nhiều hơn nữa về phiá nữ, đã đạt đến một giá trị văn chuơng hẳn hoi. Ngay cả một số nhà văn lớp trẻ hơn viết thẳng bằng Anh ngữ, Pháp ngữ cũng vậy. Tôi vẫn thường đọc họ với nhiều thích thú.

12/ Theo chúng tôi nhận thấy, ông hầu như cách mạng về phương diện tư duy văn học và các giải pháp xã hội, nhưng cả hai phiá quốc gia cũng như cộng sản đều không hiểu ông. Ông đã bị phê bình chỉ trích mạnh từ cả hai phiá. Điều mỉa mai ở chỗ chính ông đã bị bắt đi cải tạo tập trung trong một thời gian dài. Không nghi ngờ gì ông là người chống cộng, nhưng ông không cực đoan. Ông muốn giúp Việt nam về tư duy tư tưởng. Theo ông, những vấn đề nào ông đã thấy mà lại khó chấp nhận bởi cả hai bên bờ đại dương?

Cám ơn các anh chị Viet Magnet đã đưa ra những nhận xét hiểu biết như thế về tôi.

Vấn đề lớn cho cả hai bên bờ đại dương là cả hai phe lâm chiến phía Việt nam, đặc biệt là lớp lớn tuổi đã từng ở trong quân đội bên này hay bên kia, ít người chịu chấp nhận là Vietnam War đã qua lâu rồi, và chiến tranh Lạnh cũng đã chấm dứt. Những lớp người ấy vẫn tin ở những bài bổn cấp lãnh đạo mỗi bên đã input vào đầu họ trong chiến tranh, nghĩa là một bên vẫn tin mình là chiến sĩ vô sản, người hùng xã hội chủ nghĩa chống Mỹ cứu nước, bên kia vẫn cứ bám lấy ảo tưởng mình vẫn là chiến sĩ tiền đồn của thế giới Tự do. Tôi chỉ thỉnh thoảng nhỏ nhẹ nhắc họ là chiến tranh đã qua lâu rồi, mọi hình thức bạo động lật đổ này nọ không thể làm được nữa, chủ nghĩa Mác Lê, Mác Mao, Mác Hồ là phương thức tệ hại nhất về phương diện phát triển kinh

tế...là cả hai bên cùng hét lên. Ở Mỹ, tôi bị chụp thiếu gì mũ, nhất là nón cối, lắm khi bị cả một chiến dịch bôi nhọ và đe dọa đến độ có lúc FBI phải đứng ra bảo vệ sinh mạng hai vợ chồng tôi. Nhưng khi về Việt nam trong những năm gần đây, với ch một sưu khảo gia văn học rồi cố vấn giáo dục cho một hội thiện nguyện lo về du học Tây phương cho lớp trẻ, Công An CSVN vẫn cứ gay gắt với tôi đều đều. Thậm chí xin visa nhập nội cũng phải hai ba lần mới được cấp là thường.

Nói chung phe già bảo thủ của hai bên bờ đại dương giống nhau ở điểm là đều thích chiến tranh, thích quá khứ, thích diễn biến bằng bạo lực, ghét mọi diễn biến hòa bình và dân chủ. Còn tôi, như chính các anh chị đã nhận thấy, tôi đâu có fanatic. Việt nam lãnh chiến tranh lâu qúa rồi, sức dân tộc Việt đã kiệt, cần một thời gian hòa bình vài ba chục năm để dưỡng thương và dưỡng sức. Do đó tôi chống mọi cuộc chiến tranh hay bạo động nào nữa có thể xảy ra cho Việt nam. Còn chế độ CSVN là một chế độ tệ, đang nhiều tham nhũng, bất công và thiếu dân chủỞcông bình mà nhận xét là kể từ 1986 đã Đổi Mới và khá hẳn lên so với những thập niên trướcỞthì chỉ nên dùng những phương cách văn hóa giáo dục, kinh tế và cả tôn giáo nữa để thay đổi dần dần chế độ đi. Dĩ nhiên đây là một diễn tiến kéo dài từ một đến vài ba thập niên, nhưng tôi chưa nhìn thấy cách nào tốt đẹp hơn.

Nếu có gì để nói thêm về mục này, là: Tương lai của dân tộc và đất nước Việt nam không còn đặt ở lục địa phương Bắc của châu Á nữa, mà là ở Thái bình dương hướng về Bắc Mỹ và khối APEC. Bởi thế từ nhiều năm nay tôi vẫn cố gắng, từ vị trí rất khiêm tốn của mình, góp phần vào việc xây dựng một cây cầu hữu nghị mỗi ngày một mật thiết hơn giữa hai dân tộc Việt và Mỹ.

13/ Ông viết văn để gây xốc, để nói ra một cái gì, hay để tạo ảnh hưởng?

Tôi ít khi viết văn để gây xốc cho bất cứ ai. Nếu đề tài, vấn đề, giải pháp hay thị kiến tôi đưa ra gây xốc, thì tại chúng đấy chứ, đâu phải tôi chủ ý làm như vậy. Ngay truyện ngắn đang gây xốc cho một thành phần độc giả Viet Magnet là "Nhà văn già và cô bé gù" , khi viết, tôi chỉ định viết một truyện tình, love story, vậy thôi.

Còn viết văn để *"tell and influence"* thì đương nhiên là có tôi rồi. Nhưng tôi không đánh giá quá cao tác động của những điều tôi viết đâu. Văn chương như nước chảy róc rách đâu đó, đến được đâu thì đến, thấm được tới đâu hay tới đó. Cùng lắm, nếu chỉ đạt tới điều Nguyễn Du đã viết: *"Mua vui cũng được mồlt vài trống canh"*, tôi cũng bằng lòng rồi, bởi vì xét cho cùng, văn chương nào cũng phải bao hàm phần giải trí, mua vui mua buồn cho con người. Rồi mới đến những sứ mệnh, thông điệp này khác.

14/ Truyện ngắn hay truyện dài, loại nào khó viết hơn?

Với tôi thì truyện dài khó viết hơn, vì nó dài quá, viết hoài mới xong một cuốn. Và theo một số người có khả năng thẩm định văn chương, thì tôi viết truyện dài hay hơn là truyện ngắn. Còn các anh chị nghĩ sao?

15/ Ông có sẵn truyện trong đầu rồi mới viết, hay cứ ngồi vào bàn viết truyện sẽ tới sau?

Những nét chính của một truyện đã hình thành xong trong đầu, tôi mới ngồi vào bàn viết. Không hề có mục ngồi xuống mà chưa biết viết gì bao giờ. Chỉ có điều khi đã bắt đầu rồi thì truyện có thể theo một diễn biến và đến một kết luận khác với dự tính ban đầu. Tôi là một nhà văn thỉnh thoảng lại ngạc nhiên về những gì mình viết, là vì thế.

16/ Ông có coi ông là một nhà văn thơ mộng, tình cảm như Duyên Anh, Nhật Tiến không?

Có chứ, nhưng hồi còn trẻ kia, khi viết những cuốn "Những hạt cát", "Ngoài đêm", "Những người đã qua" và "Căn nhà người mẹ". Kể từ khi đi lính, tôi chuyển (hay bị chuyển) sang một thời kỳ khác, tàn bạo hơn bốc lửa hơn, như thứ *Vietnam War* mà tôi đã tham dự ngập đầu ngập cổ trong gần hai mươi năm. Nhưng không phải vì thế mà tôi hết lãng mạn đâu, chỉ có điều nếu gọi thứ lãng mạn cổ điển là lãng mạn xanh, thì thứ lãng mạn của tôi là *lãng mạn xám*. Các anh có thấy thứ lãng mạn xám ấy không, thí dụ điển hình như trong truyện dài "Khu vườn mùa mưa"?

17/ Xin cho biết vắn tắt một chút tình hình văn chương ở nội địa, những ai được nhiều người biết, các chủ đề vân vân...

Khi bắt đầu có phong trào Đổi Mới, các nhà văn nội địa được một thời kỳ "cởi trói" nên nhiều tác phẩm có giá trị ra đời, nhiều cuốn đã được in lại ở hải ngoại. Khuynh hướng chung của họ là hiện thực phê phán, nghiã là viết về quá khứ một cách trung thật hơn, các nhân vật không còn là "những hình tượng gỗ" thô cứng đúc khuôn như trước, không có những bài bổn tuyên truyền chẳng liên quan gì đến thực tế. Đặc điểm thứ hai là là họ đòi hỏi tự do yêB người mình yêu và lấy người mình yêu, và quyền được làm tình trong văn chương, tất nhiên — xin ghi chú là trong xuốt thời kỳ 1950-1986, phụ nữ

không được làm đàn bà với nhũ hoa và âm hộ, đàn ông không có chim cò, trong cõi chữ in của nội địa.

Nhưng thời kỳ cởi trói cho văn học không kéo dài. Phe bảo thủ thân Trung quốc (thân về văn hoá tư tưởng) đã thắng thế trở lại trong địa hạt văn hoá tư tưởng và giáo dục, báo chí và nhà văn lại bị xiết chặt, nhưng không chặt như trước 1986 nữa. Các nhà văn bây giờ không được phép phê phán quá khứ, không được xét lại các nhân vật lịch sử (như Nguyễn Huy Thiệp đã làm), không được bàn tới nhưng vấn đề chính trị...không được...Cái danh sách "không được " này hơi dài, nhưng may mắn thay không cấm nhà văn viết về tình yêu nam nữ. Nhưng chỉ tình yêu thôi, không được có sex nữa. Trong thời gian khá dài làm việc ở Việt nam vừa qua, tôi được đọc khá nhiều truyện tình viết theo tiêu chuẩn thanh giáo đòi hỏi, đại khái như kiểu "Hồn bướm mơ tiên" hay "Đôi bạn". Nghiã là "hình như là tình yêu" thì càng tốt — bởi thế toàn bộ truyện của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn viết trước 1975 đã được tái bản biả đẹp có hộp đựng chung in mầu trang nhã, tương tự toàn bộ tác phẩm của một nhà văn Sài gòn cũ chuyên viết truyện tuổi hồng tuổi xanh...Nhưng thôi, còn được phép viết truyện tình như thế cũng được lắm rồi, còn hơn là trước kia.

Nhưng có một diều đáng chú ý: Xét chung các tác phẩm do các nhà văn nữ miền Bắc viết, phe nam nhân Đàng Ngoài bị chê nhiều khi hơi nặng lời. Các anh chị cứ đọc sách và những bài văn khác nhau của các Dương Thu Hương, Phạm thị Hoài, Nguyễn thị Huệ...là đủ thấy khuynh hướng này. Ít có nhân vật nam nào khá. Tôi không ngạc nhiên lắm về hiện tượng này vì xuốt mấy thập niên liền, chiến tranh tang tóc liên miên cộng với đấu tranh giai cấp (đấu tố địa chủ, đánh tư sản, chuyên chính vô sản với cả phụ nữ...), đàn bà Đàng Ngoài cơ cực vô cùng. Khoan nói những sự việc to lớn, chỉ sự kiện nhìn ông bà cha mẹ chồng con ăn độn 70% hoài, còn bản thân mình thì một chút nước hoa một thỏi son hộp phấn cũng khó có, y phục thì cứ trên áo sơ mi trắng, đầu đội nón cối, dưới mặc quần bộ đội hay quần đen từ thế hệ mẹ sang thế hệ con gái...làm sao không có lúc phải vùng lên "đòi quyền làm một phụ nữ bình thường" (chứ không phải chỉ làm lao động tiên tiến, má bộ đội hay mẹ liệt sĩ mà thôi). Tôi có cảm tưởng phụ nữ miền Bắc đã phê phán nam nhân kiểu đại khái như thế này: Các anh xuốt mấy đời toàn chủ nghĩa với chiến tranh, đâu có mang lại cho phụ nữ được một cuộc sống ấm no, an toàn tối thiểu và....

18/ Các giáo sư dạy văn thường khuyên sinh viên nên viết về những gì mình quen thuộc. Chúng tôi nhận xét không biết có đúng không là luôn luôn có một yếu tố sự thật trong các sáng tác của ông ?

Tôi đồng ý với lời khuyên trên của các giáo sư dạy viết văn các anh chị vừa nêu ra. Chẳng đồng ý cũng không được vì hầu hết các tác phẩm văn chương lớn của thế giới và Việt nam đều lấy chất liệu căn bản từ cuộc sống và hoàn cảnh sống của nhà văn, rồi dùng tài năng và hư cấu mà biến thành văn chương. Ngay các nhà văn chuyên viết science fiction cũng phải là như thế, phần hư cấu, bịa đặt, tưởng tượng vẫn là những cái đến sau. Hãy đọc "Liêu trai Chí dị": là truyện hoang đường thật đấy nhưng vẫn cứ là lấy từ thực tại thời tác giả sống.

Về phần tôi cũng đại khái là thế. Tôi nhớ có đọc ở đâu đó ghi nhận sau: Sau khi tác phẩm "War and Peace" được in ra, thì những người thân cận của gia đình tác giả đã thốt lên những lời đại khái: Sonia chính là chị..., Natacha chính là...Còn đối với các độc giả khác, những sự kiện đó đâu có quan trọng gì.

Xin dẫn chứng một chút: Nhân vật nam chính trong truyện dài "Khu vườn mùa mưa" là ông già Kim. Để tạo ra nhân vật này tôi đã phải mượn chất liệu từ ba người có thật: ông bố tôi, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn và nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, để tạo ra ông già Kim cứ như là người có thật sự ngoài đờiƠmà tôi, nhà văn, chỉ việc mô tả, kể lại mà thôi.

19/ Theo ông khả năng viết văn là một tài năng thiên phú hay con người có thể học tập rèn luyện mà thành?

Cả hai. Nhưng phải có tài năng thiên phú, nghĩa la ụ trời cho trước đã. Sau đó là văn ôn vũ luyện mà tiến lên.

20/ Hình như các phụ nữ đẹp (beautiful women) đóng một vai tò quan trọng trong các tác phẩm của ông. Có phải đó là đề tài ưa thích cuả ông không? Tương tự như các hoạ sĩ người này thích vẽ phong cảnh người kia thích vẽ phụ nữ chẳng hạn...

Câu hỏi thật bất ngờ vì chưa bao giờ tôi để ý đến vấn đề này. Để tôi coi lại một chút đã...Không hẳn là thế đâu vì nhân vật nữ chính trong "Mưa trong sương" là một cô gái xấu đấy chứ, và nhân vật chị Ba trong truyện dài "Tiền Đồn" đâu có được mô tả về nhan sắc. Nhưng xét tổng quát thì các anh chị có lý đấy, mặc dù tôi chưa tạo ra một nhân vật nữ nào thuộc giai nhân, beautiful woman cả. Đa số họ là những người nữ duyên dáng và đầy nữ tính. Ngay nhân vật nữ chính của "Khu vườn mùa mưa" là Bích Uyên đâu thuộc loại phụ nữ đẹp. Cô gái này chỉ xinh, thân hình nhỏ nhắn, nhưng cá tính của cô ta, phong dáng ngây thơ lãng đãng đã tác động mạnh vào nam tính của nam nhân. Làm

độc giả có ảo giác là cô bé này đẹp tuyệt vời...

Gần đây tôi rất thích nhận xét sau của nhà văn Đỗ Kh.: "Đã là đàn bà thì đàn bà nào chẳng đẹp..." Đúng như vậy đó: *Nhan sắc của phụ nữ không phải chỉ tùy thuộc vào nhan sắc bên ngoài mà còn tùy thuộc vào cách thế họ đến với đàn ông và nhất là...yêu đàn ông ra sao...* Trên thực tế tôi đã có hai người bạn có đủ điều kiện để lấy những phụ nữ đẹp, vậy mà đã lấy vợ xấu hẳn hoi. Nhưng khi quen với những bà vợ xấu này tôi mới hiểu tại sao các bạn tôi lại lấy họ: họ dễ thương hẳn hoi. Tôi vừa rời bàn computer ra ngắm hoa đang nở tưng bừng ở vườn sau mùa hè, rồi trở vào viết tiếp và công nhận anh chị nhận xét khá đúng: Những nhân vật nữ đã và sắp xuất hiện trong những truyện ngắn và dài đang viết vàụ sẽ viết, đa số (chứ không phải tất cả) là xinh...và biết yêu đàn ông!

21/ Ông dự trù làm những gì trong tương lai?

Tôi bằng lòng với những gì đang có và đang làm. Tôi yêu người yêu đời yêu ccụũ cây hoa lá văn nghệ thuật và...đàn bà đẹp (dù chỉ để ngắm thôi, như ngắm hoa)...Bởi thế những gì tôi dự tính làm không có gì là đao to búa lớn đâu. Vẫn xen kẽ những thời kỳ làm cố vấn giáo dục ở Việt nam cho lớp trẻ Việt nam du học Tây phương, làm vườn trồng hoa và viết văn tiếp tục ở Hoa kỳ. Tôi đang cố gắng hoàn tất truyện dài *"Nàng Cỏ Hồng"* vào cuối năm nay, đây là cuốn đầu của một trường thiên tiểu thuyết mà tôi đang mơ sẽ dài cả ngàn trang. Rồi kế đó có thể là *"Trên Những Vỉa Hè Hà Nội Sài Gòn"*, một thứ kế tiếp cuốn *"Sài Gòn Sau 12 Năm"*. Cũng có thể tôi sẽ viết *"Viết Văn Hai Bên Bờ Đại Dương"*, hồi ký văn học gần 40 năm viết văn của tôi. Không phải thuần tuý hồi ký mà có thể còn là một mô tả, phản ảnh cả một thời đại nữa về nhiều phương diện.

Nói về tương lai có cái sướng là tha hồ liệt kê. Còn làm được tới đâu thì xin "hạ hồi phân giải". Cám ơn các anh chị Viet Magnet đã cho tôi một buổi phỏng vấn vui vẻ và hào hứng.

MARY THIÊN YÊN LÊ *thực hiện*
Seattle, USA 1996.



THƯỜNG QUÁN

ĐỌC XEM ĐÊM PHÙNG CUNG



Tập thơ *Xem Đêm* in tại Nhà Xuất Bản Văn Hoá Thông Tin ở số 43 Lò Đúc - Hà Nội mà bạn tôi vừa gởi cho là tập thơ đầu tiên của Phùng Cung tôi được đọc. Tập thơ mang những hình ảnh, màu sắc dung dị, đẹp, lạ. Tôi đọc suốt đêm. Ngủ một giấc dịu. Vỡ ngày, thức dậy, đọc lại tập thơ nhiều lần nữa , đắm chìm trong ánh sáng một đầu ngày mùa thu phương Nam trộn lẫn với những bối cảnh thơ Phùng Cung. Buổi đầu ngày nhẹ mưa xám, tôi gấp tập thơ, lòng ngập một trời nước nôi dịu sáng .

Thơ ca thực là kỳ khôi. Có lẽ Robert Frost nói đúng: *thơ bắt đầu với một cái gì quái nghẽn ở đường cổ, một thứ gì lầm lạc, một nỗi nhớ đòi về*... Tôi thấy lại một buổi sáng xóm ga ĐN, một chiếc bàn ngập cả nắng, tờ giấy vài chữ viết nguệch, một nong dâu đỏ tươm. Thấy một người chú họ. Người chú có màu da đen cháy. Buổi sáng, có lẽ ông đã ra đi, lên đường, theo chuyến tàu sáng. Chiều trước ông từ nhà ga ấy bước vào nhà, như thi thoảng những người bà con phương xa khác.

Trong số những hành khách thân sơ ghé căn nhà nhỏ xóm ga của ba mẹ tôi, tôi nhớ rõ ông nhất. Khuôn mặt đen cháy, một khuôn mặt nửa tối, nửa rực rỡ cái nắng 3 giờ trưa, mang theo hơi nóng bụi cát những ngọn gió lào khen khét, từ một miền quê có tên Đông Hà. Và như lệ thường một chiếc bao tải căng đầy những dâu là dâu, cho lũ cháu . Những trái dâu chín đựng trong những chiếc bát thủy tinh lớn, trong đêm tỏa một vùng hương hoang dại của

cây trái chín và những đụn cát... Qua đêm, những bát dâu tươm ngập nước dâu đỏ ròng. Thơ ca kỳ khôi . Tại sao gấp tập thơ lại, tôi lại được rơi vào căn phòng vàng rực và đỏ tươm như vậy? Nhớ lại một con người như vậy? Tất cả sáng lên như một bài thơ khác. Tất đã có một thứ gì lầm lạc (*sense of wrong*), nói như Frost . Nhìn tập thơ bìa xám, chữ in đậm đen nhánh, tôi lại có một cảm giác thanh thản, như khi được ngồi ở một vùng nước, trông thấy bờ, một hai con người sinh hoạt xa xa . Nhưng mà tôi không có ý định tìm bài thơ thứ 201 cho tập thơ đã đúng 200 bài (có ghi ngoài bìa) của Phùng Cung, người thi sĩ giờ này đang có mặt đâu bên một bờ nước, tôi hình dung . Những con số cũng quan trọng, như những chữ. Con số 200 phải được tôn trọng. Giá như người ta có xin nhà thơ thêm một bài nữa, lúc này, hẳn là ông sẽ trả lời như Ba-Tiêu

Một bài hài cú nữa?
Như thế thì thêm những hoa anh đào
- Không phải khuôn mặt tôi .

Thơ: mỗi người sống chết, mỗi phong cách. Paz chọn chỗ tư duy đánh trận với cảm thức. Rilke chọn chốn tối tăm của đá cổ thành, sườn đồi khô, cây hoang và tiếng hát muốn gởi vào thiên thu. Seamus Heany ở những hầm than bùn chứa đựng di tích lịch sử của con người, và những vật thể ẩn chứa hơi ấm hồn linh và tình cảm trong bối cảnh thôn dã. Ba Tiêu ở mắt nhìn thương cảm gói ủ trong mùa màng

Mưa đổ dập mùa đông tới
- những thân khỉ ốm cũng cần áo tơi .

Nhà thỏ Phùng Cung thì sống thơ ca trong một vùng quê hẻo lánh - khác xa lắm với trang trại êm đềm của Heaney. Hai mươi năm ông sống trong cảnh lưu đầy chỉ định thì đi đây đi kia theo kiểu hành giả Ba Tiêu hẳn là không được rồi . Nghe bảo tập Xem Đêm là một công trình kéo dài trong hai mươi, ba mươi năm lưu đầy đó của ông. Phùng Cung làm thơ như đắp bùn, làm ruộng, làm vườn - làm thơ giữa lúc làm những công việc đồng áng. Chữ "đồng áng" thực là không đúng, nó tạo ấn tượng công việc cày cấy có phần ổn định, thực ra đời sống ông, như những người cầm bút trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm trong những năm văn nạn thì kinh khiếp, đầy lao đao lận đận, chết như không. Theo một lời tường của thi sĩ Phùng Quán, nhà thơ Xem Đêm đã ngồi tù kiên giam tới 12 năm 7 tháng. Sau đó nghe đâu ông được về sống chỉ định ở một miền quê rất xa . Một chỗ khó tìm ra giấy mực trong đủ mọi nghĩa, đen lẫn bóng. Không được đi lại, điều kiện không cho phép . Chốn ở thì hoang vu, xa phố thành, xa quê, xa bạn. Mãi gần về sau ông mới được về quê cũ,

Bạc tóc trở về quê
Bỡ ngỡ tìm đò bến mới
Nhìn dáng lạt bó rau
Nhận được người làng
(*Người Làng*)

Người làng bó rau bằng dáng lạt nào cho ông nhận được? Thơ ca Phùng Cung thực lạ. Ông cứ trầm tĩnh hài cú Việt Nam mà làm ta băn khoăn, xoan xót, chạy tìm.

Quất mãi nước sôi
Trà đau nát bã
Không đổi giọng Tân Cương
(*Trà*)

Trăng ngủ trọ
Trong giấc mơ kẻ khó
Mẹt kê vàng
Hong gió cao xanh
(*Kê Vàng*)

Bước em xéo bóng
Đi về hai buổi
Cầm cắp queo hông
Nắm rau, nón củi
Se sém nối ong vàng
Điếng nắng hoa ngâu
(Nắng hoa ngâu)

Gió sục giàn bầu
Con ong xanh lạng cánh
Chổi mo ngật đầu hè ngáng lối
Sào phơi tấm áo sắp rơi
(Gió Đẹp)

Gió mưa sùi sụt
Lửa mất
Bếp còn
Âu rỗng chuột rình khua khoắng
Ba vua bếp già
o lắng lườm nhau (*Bếp*)

Hài cú cho ta sự ngạc nhiên. Ngạc nhiên thoát đi từ những khám phá trong cái gần gũi bình thường dung dị những bất ngờ. Hài cú cho ta niềm vui thoáng. Cho ta trong ẩn áo cái lóe sáng thực tại. Hài cú cho ta nhận chân cái đẹp. Hài cú có khi cho ta thoáng ngậm ngùi, nhưng không chua chát, cay đắng hay bi lụy. Nếu thế thì thơ Phùng Cung đầy đặn tinh thần hài cú. Cũng có thể gọi ông là một nhà duy mĩ đồng nội. Vì ở ông ta thấy một mắt nhìn chọn lọc cái đẹp. Một dụng công chăm chút tìm màu tìm chữ cho một thực tại thiên nhiên thơ mộng trong con-mắt-thơ của ông. Vẽ đẹp nằm sát dưới đất *Bên gốc hoành tinh / Con giun đất mạ vàng*. Ở góc vườn *Bát gà uống đựng chút trời /nghiêng ngả*. Ở trời cao *Ngoãy đuôi giấy/ Diều lá vông cỡn gió/ Con rắn bay/ Đuổi gấp vầng trăng*. Ở bến đò khuya, *Tiếng gọi đò /căng chỉ ngang sông*. Ở Ao Con:

Lá súng lát mặt ao đếm ngọc
Con sộp phùm vỗ hảo bóng hoa lay
Lá tre rụng
Nhuộm hoàng hôn đỏ gạch
Tiếng cuốc bèo da diết gọi ngày mai

Ở chỗ Khát
Khát muốn chết
Một ngụm trời da bát
Ngọn mướp cần câu
Chới với ao sâu

Thi trung hữu họa, Phùng Cung là người hoạ sĩ vẽ thế giới cô đọng của ông, để làm nên những miniature. Những tiểu phẩm (như Phùng Cung đã gọi *Em nguyện khóa mình/Ôi tiểu phẩm thiên nhiên*). Những góc trời. Những vuông vườn. Những chỗ nhìn ra. Những bức hoạ thu gọn lại kích tất, hoàn chỉnh, từng mỗi bức một.

Thiên nhiên tất nhiên không phải là nơi thuần chứa vẽ đẹp. Thiên nhiên chứa sự hoang dã, chứa lực trấn áp tàn bạo, chứa tính áp chế, nghèo ngặt. Đời sống thôn ổ hoang dã cũng chẳng phải là nơi cao rộng để con người ta luôn luôn nghe thấy bài Giao Hưởng thứ Sáu của Beethoven. Phùng Cung đã từng nhìn thấy

Chiều mưa dội
Nước dềnh sân
Một xác dế bập bềnh "giã gạo"!
Nẻo ao vườn
Bao rãnh bẩn thèm trôi. *(Rủi)*

Giặc quấy
Làng queo quắt
Tụi trẻ đi - đi hết
Dờ dệt sức già gãi đất
Ngô phong cờ
Chó chạy hở đuôi
Cái đói tròn
Lăn - kín bốn muà *(Gãi đất)*

Ông đã đi qua một thực tại trầm nổi dâu biển và không phải là ít đau đớn để có được cái xa hoa của một người duy mĩ thuần túy . Trong bài thơ "Bàn Tay" , ông viết:

Bàn tay em biết nói biết cười
Chiếu hát đêm nay
Đầy đò giang mưa gió
Lỡ tay trong không
Đổ vỡ cũng trong không
Tôi trộm nghĩ
Chẳng có chân trời em ạ.

Như ở bài Mùa Thu của Rilke

Và trái đất nặng nề đêm nay đang rơi rụng lìa xa mọi vì sao lấp lánh nỗi cô không.

Chúng ta đang rơi . Bàn tay này đang rụng. Và hãy nhìn bàn tay kia: hòa một nhịp rơi chung. Tất cả tụ về ở một bàn tay. Bàn tay cô đơn trong mùa rơi của vũ trụ tịch liêu của Rilke . Hay Bàn tay trong khoang thuyền cận nhân tình, đi sát nhân gian đổ vỡ ở cái nhìn Phùng Cung, để thấy *"Lỡ tay trong không / Đổ vỡ cũng trong không"* vì vũ trụ cao rộng là thế mà thảm kịch nằm mỗi ở đây thôi - chốn không thoát nổi (nhìn theo khuynh hướng bi quan), hay chốn tự tại bi hài muôn đời vài tuồng tích cũ (vị nhân tình).

Như thế, Phùng Cung đi tìm cái đẹp trong tương quan với từng vật thể, trong *Con cào cào giội phách/Khoe cánh điều/ Bay ngập nắng bổ cau* ; trong *Cây khế gãy rồi/ Nỗi chua vẫn hỏi thăm/ Người trồng cây;* trong Ao Đêm:

Mặt nước xanh đen
Vẽ - xoá - vẽ
Nhưững gì bí ẩn Khuya khoắt bờ ao
Con đom đóm soi đèn Tìm dấu hoa văn.

trong kiếp Chim:

Thâu ngày mỏi dạ
Cành đêm chim tro
Nhớ tổ loay hoay
Trăng lên ngỡ lửa cháy
Từ dạo đất thiêng
Chim ỉa rặt bùn.

Về phần nhà thơ, ông quí sự ngay thẳng, tấm chân tình và sự thanh thản . Ông tự họa về mình

Đầu trần chân đất
Đường cơm áo vụng về
Kéo lê cái bóng

Thân nhơ bóng sạch
Tối ngày đối mặt với trẻ con

Ở một bài khác

Mô hình tôi
Một trẻ thơ
Ngậm củ dáy
Đứng thẳng người trong xóm

... Khi tôi chết Tôi thèm cái lặng lẽ

Từng đó thôi, và ông là người sẵn sàng nói

Sáng nay may mắn ra đườn
Đi một quãng
Gặp toàn người Đẹp
Tôi sung sướng
Trào nước mắt

Chữ Đẹp ông viết hoa .
Những cái đẹp ông tìm thấy có khi uy nghi như:

Trời đất uy nghi
Xanh vĩnh cữu

Chim bay hình thánh giá muôn phương

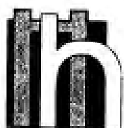
Cung tên tạo hình thánh giá
Bắn con chim bay hình thánh gía tử thương

Con chim bay hình thánh giá tử thương, hay *con đom đóm soi đèn/ tìm dấu hoa văn*? Đổ cho ông, tôi ngờ rằng nhà thơ sẽ cung kính rạp đầu

Tôi rạp đầu
Bạc tóc rạp đầu
Lạy hạt gạo thiêng *(Hạt gạo)*

Bây giờ thì tôi thóang thấy được tại sao gấp tập Thơ Xem Đêm tôi đã thấy một dáng người, một sân nắng. Và những trái dâu, những bát rượu dâu. Những biển cát thơm. Thóang thấy.

THƯỜNG QUÁN
15/4/96



VÕ ĐÌNH

LẠI NÓI CHUYỆN VẼ (II)



"biết tôi chọn hội họa làm hướng tiến thân, cả nhà lại thất vọng. (...) có hàng trăm hàng nghìn ngành nghề nên danh nên phận, sao không chọn, chọn chi cái ngành nghề tàn mạt rách nát..."

Khánh Trường
(Có Yêu Em Không? tr 336, Tân Thư 1990)

*

1

Hợp Lưu số 12, tháng 8 & 9 năm 1996, có bài *Lại Nói Chuyện Vẽ* của chúng tôi. Xin bạn đọc coi bài sau đây như một thứ "phụ lục" cho bài nhận định cũ.

Cuối năm qua, một tài năng lớn của trường phái (hội họa) "Biểu Hiện Trừu Tượng New York" (*New York Abstract Expressionism*), cũng là một trong những cây cọ quan trọng nhất trong thế giới nghệ thuật hiện đại, Wilhem de Cooning, gốc Hòa Lan, qua đời ở Long Island, N.Y., thọ 92 tuổi. Phê bình gia Peter Plagens cho đăng một bài viết rất trân trọng về nhà danh họa trong tuần báo *Newsweek* (31-III-97), gọi ông là "*liên hệ cuối cùng*" (của hội họa đương đại) với (nền móng) *kỷ luật* (chặt chẽ) "*của những bậc thầy thuở trước*".

Một độc giả, nữ họa sĩ Sarah Sears, có điều không vừa ý, viết thư phản đối. Bà Sears (1) bảo rằng không phải chỉ có de Cooning mới là "liên hệ cuối

(1) Người viết tôn trọng, và thực hành khi viết Anh văn, chủ trương gọi người nữ nói chung là Ms, thay vì Miss hay Mrs., khi bàn về một vấn đề không dính dáng gì đến chuyện người nữ đó có chồng hay không. Bài này viết bằng Việt ngữ, nên dùng tạm chữ *bà*, trong nghĩa người nữ đã vào đời, đã từng sống 17 năm như một họa sĩ. Đề nghị độc giả Hợp Lưu, đặc biệt những chị em cầm bút, tìm cho một từ tương đương với Ms.

cùng, v.v..." Bà cho biết đã từng sống 17 năm ở New York, như một họa sĩ. Bà đã từng gặp rất nhiều nghệ sĩ chân chính, tài hoa và kiên trì, cấu tạo nên được những họa phẩm vừa có bản sắc độc đáo, vừa có tính cách phổ quát hoàn vũ, những tác phẩm cũng có gốc rễ trong truyền thống của những bậc tổ sư trong nghề (như nghệ thuật của de Cooning). Thế mà không ai nghe nói về họ cả. Tại sao? Tại vì, nữ họa sĩ khẳng định, những cửa hàng mỹ thuật phẩm (*art galleries*) chỉ lo trưng bày những "màn tắm màu tung tóe" (*paint-splattered shower curtains*) hay những tác phẩm bí hiểm đến nỗi khách thưởng ngoạn không thấy chúng đâu cả". Các *galleries* chỉ lo làm ăn, đâu có sá gì đến những tác phẩm có giá trị kia!

Lá thư ngắn của Sarah Sears vô tình đụng chạm đến một số vấn đề xương tủy của hội họa Việt Nam hiện đại, trong và ngoài nước. Tất cả những ai tha thiết với nền hội họa đất nước không thể làm ngơ trước những vấn đề ấy. Riêng ở người Việt, sự lựa chọn lại càng nồng nhiệt hơn sau khi đọc hai bài phỏng vấn do nhà phê bình Huỳnh Hữu Uỷ thực hiện: một buổi nói chuyện với họa sĩ Trịnh Cung (2) và một buổi nói chuyện với họa sĩ Khánh Trường (3).

Trịnh Cung nguyên là một thành viên của Hội Họa Sĩ Trẻ, trước 1975, đã thành danh và hiện nay vẫn sinh hoạt đều đặn trong nước. Khánh Trường là một họa sĩ thuộc lớp trẻ hơn (tuy nay đã xấp xỉ 50), một người đã lăn lộn khá nhiều với những sinh hoạt văn học nghệ thuật trong nước (trước 1986) và ngoài nước. Hai họa sĩ ở hai lứa tuổi, có hai lối sống, hai cách vẽ khác biệt. Vậy mà họ có những ý nghĩ trùng hợp về một số vấn đề.

2.

Từ sau đệ nhị thế chiến, khuynh hướng trừu tượng đã được xem như bước tiến tự nhiên và cần thiết của nghệ thuật tạo hình. Giới họa sĩ nói riêng, có người tiếp tục vẽ hình thể (người, cảnh, vật...) có người từ bỏ hẳn hình thể để vẽ trừu tượng. Người ta không còn coi hình thể, trừu tượng là một vấn đề phải bàn cãi nữa. Ai thích đường nào cứ đi đường ấy. Vấn đề không phải ở phương tiện di chuyển. Vấn đề là muốn đi đâu, và đi có đến nơi không.

Cả hai ông Trịng Cung và Khánh Trường coi như trân trọng hội họa trừu tượng đáng kể. Những đoạn trích dẫn sau đây là nguyên văn lời phát biểu của hai họa sĩ.

Trịnh Cung: *"(...) trong các trào lưu khai sinh vào thời Hậu Ấn Tượng thì*

---

(2) *Về Một Số Vấn Đề Chung Quanh Giá Vẽ Với Họa Sĩ Trịnh Cung* (Hợp Lưu số 34, tháng 4 & 5, 1997, trang 217)

(3) *Khánh Trường, Từ Figurative Đến Abstract, Tại Sao?* (Văn số 4 - bộ mới - tháng 4, 1997, trang 28).

Trừu Tượng là khuynh hướng vẫn còn hấp dẫn (...). Từ hữu hình đến trừu tượng là một chuyển động sáng tạo. Tôi làm theo nhu cầu của chính tôi. Đó là một phát triển tự nhiên trên con đường của thời đại. Hội họa trừu tượng đến hậu bán của thế kỷ này đã giữ vai trò một nền tảng mới cho một cuộc xuất phát của nghệ thuật đương đại." (...)

Khánh Trường: *"(...) tôi chuyển dần sang hội họa trừu tượng. Cho đến bây giờ thì bỏ hẳn lối vẽ "có hình". Thay đổi này là một chuyển động nội tâm khá tế nhị. (...) tôi bỗng thấy rất rõ một điều mà triết học và đạo học Đông phương đã nói đến từ lâu (...) "khi vẽ, tôi không nhắm tới mô tả hiện tượng, sự kiện, sự vật... mà chỉ cốt biểu tỏ chính tôi, những biến động nội tâm, qua hình thể (sic) (4) và màu sắc..."*

Nếu chỉ vì hai họa sĩ TC và KT có những ý nghĩ như vậy về hội họa trừu tượng mà chúng tôi vội vàng khẳng định rằng hội họa trừu tượng đang chiếm giữ vị thế thượng phong trong giới họa sĩ Việt Nam, chúng ta không tránh khỏi một thái độ võ đoán. Tuy nhiên, chúng ta có thể lạc quan. Những năm 50 ở Pháp, hội họa trừu tượng vẫn còn là một vấn đề nóng bỏng, duyên do bao nhiêu cuộc cãi vã kịch liệt. Nay, gần một nửa thế kỷ sau, hai họa sĩ Việt Nam, một, trú ngụ tại Sài Gòn mấy chục năm nay, một, đã hơn mười năm vật lộn với cuộc sống và nghệ thuật trong lòng cộng đồng Việt Nam ở California, Hoa Kỳ, đều nói lên suy tưởng của mình, với những lời lẽ ấy, thiết tưởng hội họa trừu tượng mặc nhiên được coi như một hướng đi trước mắt. Điều này, đề nghị giới lãnh đạo nghệ thuật, đặc biệt bộ môn tạo hình, ở nội địa Việt Nam hãy lưu tâm.

3

Nếu hội họa trừu tượng được xem như chung cuộc tất yếu của hội họa đương đại thì câu hỏi tiếp theo là hội họa Việt Nam ngày nay được đánh giá như thế nào. Chúng ta quay về với hai họa sĩ của chúng ta.

Trịnh Cung: *"(...) những cố gắng nhỏ nhoi của các họa sĩ Việt Nam muốn nói với thế giới họ đang có mặt (...) Học hỏi và vay mượn để làm ăn lớn, để đi lên từ kinh nghiệm của các nền hội họa phương Tây, chúng ta còn rất trẻ, chúng ta sẽ có tương lai (...) Hiện nay (trong nước) (...) một tình trạng nghèo nàn về cơ sở vật chất, một sự lạc hậu về phương diện đào tạo và phổ cập mỹ thuật, một thị trường mỹ thuật xô bồ, đó là những gì cản trở giới mỹ thuật Việt Nam*

---

(4) Có lẽ họa sĩ Khánh Trường muốn nói *hình tượng* (form, forme) ở đây, chứ không phải *hình thể* (figure). Hội họa trừu tượng có hình tượng chứ không có hình thể. (Cảm ơn họa sĩ Võ Đình đã "chỉnh lý" hộ. Khi trả lời HHU, vì sơ xuất tôi đã dùng chữ không chính xác, vô tình tự mâu thuẫn với chính mình: bên trên tôi vừa phát biểu đã "bỏ hẳn lối vẽ *có hình thể*", thế mà bên dưới đã lại *"chỉ lưu ý đến hình thể...!"*

trở thành hiện thực dù tiềm năng sáng tạo của họa sĩ Việt Nam rất phong phú (...) Triển vọng rất lớn, nhưng kết quả sẽ rất hạn chế nếu tình trạng như hiện nay..."

Khánh Trường: *"(...) Ngoài một số họa sĩ (rất ít) (...) đa số còn lại rất yêu nghề, và nhiều người đã cố khắc phục những khó khăn trong đời sống riêng để có thể tiếp tục cầm cọ, nhưng kết quả khá khiêm nhường (...) Hầu hết họa sĩ Việt Nam ở nước ngoài vẫn ch ta thoát khỏi sinh hoạt cục bộ của cộng đồng mình (...) Tôi thú thật đã đặt rất ít kỳ vọng ở lớp họa sĩ này... Riêng các họa sĩ thuộc thế hệ thứ hai, tốt nghiệp từ những trường đại học Pháp, Mỹ... thì khác (...) Tôi hy vọng chính họ, chỉ có họ, mới đủ khả năng đưa nghệ thuật Việt Nam hội nhập thực sự vào nền nghệ thuật thế giới (...)"*

Cả hai họa sĩ Trịnh Cung và Khánh Trường đều có những nhận định... không lấy gì làm lạc quan cho lắm, tuy rằng họ, vì lý do này hay lý do khác, đã có thái độ an ủi, vỗ về. Những nhận định khá dè dặt đó đưa tới những suy nghĩ xoáy thẳng vào trọng tâm của công cuộc xây dựng hội họa Việt Nam cho tương lai.

Trịnh Cung: *"Để tạo ra một sức mạnh và một cá tính cho ngôn ngữ tạo hình Việt Nam, còn phải có ít nhất hai điều kiện nữa: sức mạnh kinh tế của quốc gia và một công chúng yêu thích và có trình độ thưởng ngoạn các tác phẩm nghệ thuật (...)"*

Ý kiến này của Trịnh Cung được KT nhắc lại trong bài phỏng vấn đăng trên VĂN nói trên:

"Tôi cũng đồng ý với họa sĩ Trịnh Cung (...) rằng có hai yếu tố quan trọng nếu muốn thế giới biết đến nền nghệ thuật tạo hình của ta. Đó là "sức mạnh kinh tế của quốc gia và một công chúng yêu thích và có trình độ thưởng ngoạn các tác phẩm mỹ thuật".

...

Cả hai họa sĩ, người từ trong nước, người ở nước ngoài, sau khi có cơ hội nhìn tận mắt những cơ sở mỹ thuật ở Tây phương, cùng lúc tiếp xúc với (một số) quần chúng Âu Mỹ, tin tưởng chắc nịch rằng chỉ khi nào hai điều kiện trên được đáp ứng, một nền hội họa Việt Nam thực sự phong phú mới thực hiện được. Đối với Trịnh Cung, cần có hai điều kiện ấy để "tạo ra một sức mạnh và một cá tính và một ngôn ngữ tạo hình Việt Nam". Còn đối với Khánh Trường, cần có hai điều kiện ấy "nếu muốn thế giới đến một nền nghệ thuật của ta."

4

Để câu chuyện được mạch lạc hơn, để giúp cho bạn đọc (và cả người viết!) dễ lần theo vấn đề hơn, xin gọi "sức mạnh kinh tế quốc gia" là điều kiện A; và gọi "công chúng yêu thích và có trình độ v.v..." là điều kiện B. Chúng ta

có:

	A	sức mạnh	
Trịnh Cung:			cho ngôn ngữ tạo hình Việt Nam
	B	cá tính	
và			
	A		
Kh. Trường:		thế giới biết đến nền nghệ thuật tạo hình của ta	
	B		

Rõ ràng là cả hai họa sĩ đều cùng thấy sự cần thiết của hai điều kiện, nhưng đáp ứng được hai điều kiện ấy đem lại hai thành quả khác nhau. Tuy nhiên, dựa lời thì dễ mất ý, chúng ta có thể lập luận giùm cho hai họa sĩ rằng tuy thành quả có khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Vì có A và có B cho nên ngôn ngữ tạo hình Việt Nam mới có sức mạnh và cá tính (Trịnh Cung). Rồi vì ngôn ngữ tạo hình Việt Nam có sức mạnh và cá tính, thế giới mới biết đến một nền nghệ thuật tạo hình của ta (Khánh Trường). Hiểu như vậy cho phép chúng ta tổng hợp hai lược đồ trên thành như sau:

A	sức mạnh		
		ngôn ngữ tạo hình Việt Nam	thế giới biết đến ta
B	cá tính		

Tôi cảm thông tình yêu dành cho hội họa của hai họa sĩ Trịnh Cung và Khánh Trường. Và tôi trân trọng sự tha thiết của hai ông đối với quê hương và nền mỹ thuật nước nhà. Tôi thấy cần phải nêu ra đây đôi điều góp ý làm sáng tỏ thêm câu chuyện. Như quí vị ấy, tôi sinh trưởng ở Việt Nam. Cũng như quí vị ấy, tôi là một họa sĩ. Nhưng tôi khác quí vị ấy ở chỗ tôi đã sống mấy chục năm nay, trước ở Âu, sau ở Mỹ, như một họa sĩ *Việt Nam*. Xin nhắc lại, *như một họa sĩ Việt Nam*. Vì thế, sự hiểu biết và nhận định của tôi về một số sự kiện đương nhiên không giống như sự hiểu biết và nhận định của quí vị ấy. Chỉ có một điểm nơi đó tôi cũng ôm ấp với quí vị ấy nỗi ước vọng chung: một nền nghệ thuật (tạo hình, trong tương lai) cho Việt Nam thật phong phú, nhiều cá tính, thật mạnh mẽ. Tôi ước ao rằng những điều tôi nêu ra sau đây sẽ được xem như một cố gắng tích cực, đóng góp cho lợi ích chung.

5

Tôi có cảm tưởng rằng đồng bào tôi, nói chung, loay hoay quá đáng với cái căn cước (identity) dân tộc của mình, và chuyện người ta biết, hay không biết, đến mình. Lắm người không bao giờ bỏ qua một cơ hội nào để cho người "ngoại quốc" biết là dân tộc Việt Nam có bốn ngàn năm văn hiến, là bãi biển

ABCD ở Việt Nam đẹp nhất thế giới, là tà áo dài Việt Nam kiều diễm nhất hoàn cầu, là chả giò Việt Nam ngon hơn "cuốn mùa xuân" của Tàu v.v... Dĩ nhiên, người Việt không có độc quyền về tự ái dân tộc. Dân các nước tiên tiến, dân các nước "trên đà mở mang" (trước kia, người ta dùng chữ lạc hậu), dân tộc nào cũng có khuynh hướng duy trì ý thức hệ về mình và ưa thích người ta biết đến mình. Khuynh hướng đó thật mạnh mẽ ở người Việt. Một khuynh hướng tuy có khi dở hơi, nhưng cần thiết của bản năng sinh tồn. Văn nghệ sĩ Việt Nam không ra khỏi cái lệ đó.

Ngoài ra, tôi để ý thấy rằng nỗi bận tâm này ở các nhà văn, nhà thơ (nói chung, những vị cầm bút) ít khi ray rứt khổ sở như ở các nghệ sĩ tạo hình. Điều đó dễ hiểu. Chúng ta có một nền văn học quay lui về tận bài "thơ" của Lý Thường Kiệt một ngàn năm về trước. Chúng ta viết tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ, với năm dấu huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã... Có kẻ còn phân vân ước ao một ngày sẽ có người cầm bút đoạt giải văn chương Nobel...! Nói chung, những vị cầm bút "yên ổn" hơn với tình trạng hiện tại. Không bằng lòng, nhưng tạm "yên ổn". Những họa sĩ tạo hình, đặc biệt những họa sĩ, không được "yên ổn" như thế. Nỗi thao thức của họ nặng nề, ray rứt hơn. Nhìn lui, họ chỉ thấy những truyền thống tranh tượng dân gian mà vì không phải là nhà chuyên môn, họ chỉ biết một cách rất mù mờ. Họ không thấy một nền hội họa Việt Nam cổ truyền phong phú và có cá tính như ở Trung Quốc hay Nhật Bản. Nhìn lại thời kỳ hiện tại, khi truyền thống Đông Á đã phôi phai và cơ sở đương đại chưa lấy làm vững chãi, họ cảm thấy lạc lõng. Nếu có cơ hội đi ra nước ngoài, họ càng cảm thấy bơ vơ. Những viện bảo tàng mỹ thuật đồ sộ, những phòng tranh rộng lớn, tân kỳ, những chương trình giáo dục qui mô rộng rãi... Phản ứng tự nhiên: ước muốn được thấy một nền mỹ thuật đất nước (hiện đại) phong phú, có *sức mạnh*, có *cá tính* và được *người ngoài* (thế giới) *biết đến*. Từ phản ứng đó chỉ một bước là đi đến suy luận rằng một đất nước phú cường, với một nền kinh tế thịnh vượng, và một quần chúng có trình độ thưởng ngoạn là những điều kiện tự nhiên, cần thiết cho sự phát triển nghệ thuật. Như đời Đường ở Trung Quốc, như thời đại "Vua Mặt Trời" ở Pháp, thế kỷ thứ 17 ở Hòa Lan. Và trước mắt, như Hoa Kỳ của thế kỷ 20. Đó là một suy luận hợp lý.

Tuy nhiên, tình trạng nói chung của thế giới hiện tại không cho phép có một cái nhìn lạc quan và dễ dãi như vậy.

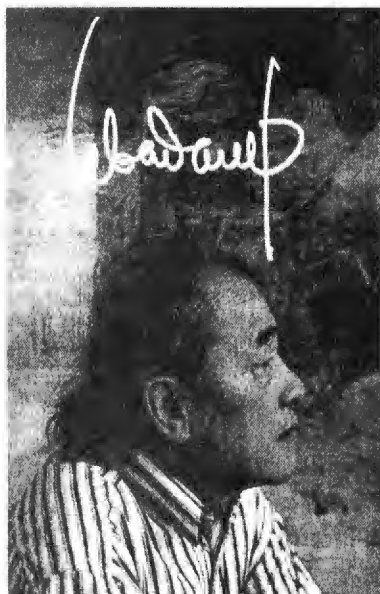
(còn tiếp)

VÕ ĐÌNH



THỤY KHUÊ

LÊ BÁ ĐẢNG



Baux de Provence là một thắng cảnh cổ đại của miền Trung Nam nước Pháp. Khuất dấu dưới những ngọn đá vôi hoành tráng dị kỳ là những hang động âm u, bí ẩn. Du khách đến lãm cảnh và cũng để khám phá những công trình văn hóa trong các kiến trúc lưu lại từ nhiều thế kỷ. Cathédrale d'Images, Thánh Đường Hình Ảnh, *do Albert Plecy sáng lập từ 20 năm nay là một cố gắng tái tạo lịch sử văn hóa loài người từ thời tiền sử, qua những phương tiện âm thanh, vidéo tân kỳ, hiện đại.*

Ngày 15/3/1997, Thánh Đường Hình Ảnh, Cathédrale d'Images *tại Baux de Provence, khai mạc* Động Lê Bá Đảng. *Đây là một công trình nghệ thuật phối hợp thiên nhiên và con người, tiếp nối một truyền thống lâu đời, bắt nguồn từ những hang động Lescaut cho tới ngày nay. Công trình nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc, hội họa ở* Động Lê Bá Đảng, *diễn lại tiến trình dựng nước của dân tộc Việt Nam qua truyền thuyết và lịch sử, từ đời Hồng Bàng, xuyên qua địa hình đất nước và tâm linh, thần linh người Việt. Đây có thể là* Động văn Lang, Động Âu Lạc *trên đất Pháp, hay hang tiền sử và lịch sử Việt Nam dưới cảm quan và nghệ thuật của Lê Bá Đảng.*

Hiện diện trong buổi lễ khánh thành, chúng tôi có dịp hỏi họa sĩ Lê Bá Đảng:

- Thưa anh, đã từ lâu anh mong muốn có một công trình kiến tạo, phối hợp thiên nhiên và con người và có lẽ đây là lần đầu tiên anh thực hiện được những

công trình đó trong không gian Lê Bá Đảng, tại tỉnh Baux de Provwence này. Xin anh cho biết cảm tưởng của anh.

- Đây là lần đầu tiên tôi được có một khung cảnh lớn, rất lớn, vừa lớn vừa cao, vừa có chất liệu của đá để làm việc. Thành thử những cái của tôi vẫn làm từ xưa, nay nó khác hẳn đi: xưa nay tôi làm những bức tranh nho nhỏ thôi; bây giờ không phải là những bức tranh nữa, mà vừa là tranh, vừa là kiến trúc, vừa là điêu khắc. Thành thử đây là cả một câu chuyện. Tôi muốn tả về con người trong đời sống, trong xã hội, trong thiên nhiên, đi chung với nhau. Nó vừa rất mới mà lại ở trong khung cảnh lớn nữa thành ra có một cái gì hơi lạ một tí. Không biết khách đến xem nghĩ thế nào, nhưng đối với tôi thì nó lạ. Trong cái lạ, có cái thích thú. Hôm nay, tôi thấy khách khứa đến đông lắm, mọi người đều có vẻ ngạc nhiên cả. Tôi cũng chưa biết thế nào, nhưng cái hang động này mở ra một con đường cho tôi đi vào mỹ thuật mới của tôi.

*

Mã quan trong hội họa Lê Bá Đảng

Ngựa và người trong tiếng Việt, vô tình hay hữu ý, có cách phát âm gần giống nhau. Những âm hao tương đương ấy, chiếu vào sáng tác của Lê Bá Đảng, trở thành một mã quan nghệ thuật độc đáo.

Đối với Lê Bá Đảng, ngựa là một nhân vật. Đây không phải là điều mới. Từ thời cổ Hy La, ngựa đã người, đã có những con centaure ngựa-người (ngựa đầu người). Ngựa còn biểu dương cường lực, sức mạnh dẻo dai, bền bỉ, ngựa mang ấn tượng ra đi, tự do vùng vẫy, ngựa là biểu tượng của chinh nhân, chinh phục, của dục vọng, của chiến tranh, của tình dục trong con người. Nhưng người luôn luôn coi ngựa như loài súc vật, tuy khôn ngoan, thông minh, nhưng vẫn là thú.

Với Lê Bá Đảng, ngựa thực thụ là người, thế giới ngựa của ông là thế giới tự do, quần tụ những vũ bão, mơn trớn, phong ba, dục tình và tha thiết, là thế giới của chinh phục. Ở ông, ngựa chinh phục người. Thế giới ngựa Lê Bá Đảng là thế giới bất kham, hỗn tạp giữa ảo và thực. Tất cả những biến chuyển tâm linh và hình thức của con người hiện hình trong chân dung ngựa. Với ngựa, nét bút của ông linh động, vùng vẫy, cái mà họa sĩ muốn bộc lộ trong tranh là cái "nhân tính" nơi con ngựa. Ông đạt. Ngựa của ông có sức quyến rũ mê hoặc của những nhân vật ảo huyền, kỳ bí. Khi đã bắt được vùng nội tại thâm trầm và u uẩn chung giữa người và thú, người nghệ sĩ có thể giải mã được những khó khăn ngăn cách giữa vật và nhân. Ngựa hóa thân thành họa sĩ: "Chị Mã" trong một truyện ngắn của Lê Bá Đảng. Sức sáng tạo của "Chị Mã" cũng ảo huyền, huyễn mộng và sinh động như trần thế con người.

Nếu so sánh thế giới ngựa của Lê Bá Đảng với thế giới "hài kịch con người" của ông, người xem không khỏi ví thú tính nơi con người với nhân tính nơi con vật. Dường như chính ngọn bút của các "Chị Mã" đã vẽ nên những sinh vật li ti, hoạt náo, triền miên, trong vòng: ăn, ngủ, đi, đứng, đánh, đấm, khóc cười, gian manh, đạo đức, tội ác và nhân ái ... cuồng quay trong bể khổ



trầm luân, hay thiên đường tục lụy được gọi là thế giới loài người. Sự lựa chọn hài hòa người-ngựa, dường như không phải vô tình mà vô hình định trước: Bằng âm thanh gần gụi ngựa-người, bằng sự uyển chuyển thân thể giống nhau, trong tác hợp nòi tình, bằng động tác thiên di, bằng lòng yêu tự do, bằng mãnh lực quật khởi ... Ở Lê Bá Đảng, có sự nhập thần giữa người và ngựa, có sự phân thân giữa người và ngựa, và người xem tranh không phân biệt được chính người vẽ ngựa hay ngựa vẽ người.

Họa sĩ đã xóa nhòa biên giới giữa nhân và vật để tác thành một thế giới "tạo vật huyền đồng" trong nghĩa Lão Trang. Ông tạo thế giới ngựa bằng những dessin cực kỳ giàu có về nét, uyển chuyển và có ma lực, mã lực và hỏa lực biến những quang cảnh thông thường trở nên ngoạn mục và mộng tưởng.

Ngựa của Lê Bá Đảng không chỉ là những sinh vật hình thức mà tự chúng thoát ra một đời sống tâm linh trong ánh mắt, trong nụ cười, trong mọi tác động thể xác và thú tính: Ngựa buồn, ngựa vui, ngựa trầm ngâm, ngựa đắng cay, đau khổ, ngựa lồng, ngựa phóng, ngựa đá, ngựa ăn, ngựa ngủ, ngựa dằn dữ, phong ba, ngựa yêu, ngựa ghét, ngựa nằm, ngựa đứng, ngựa ngồi ... Tất cả những tư thế, những ngậm ngùi của ngựa đều được khai triển, trong những

chiều kích khác nhau, bằng những chất liệu khác nhau. Dường như mỗi khi có một nồng độ nào đó dâng lên trong huyết quản của người nghệ sĩ, thì lại có ... Ngựa, và có thể nói mỗi con ngựa là sự giao thoa giữa một cảm xúc bất kỳ, với một làn sóng không tên dấy lên từ trực giác sáng tạo, cái mà Francis Bacon gọi là "accident", tôi xin gọi là "tia chớp" lóe lên từ một cõi không, biến không thành có, biến ngựa thành người.

Lê Bá Đảng với hài kịch con người

Mỗi thời kỳ hội họa của Lê Bá Đảng, hầu như phát xuất từ mỗi bi kịch cá nhân. Dường như, cuộc đời trực tiếp của tác giả và những người thân đã là củi lửa cho tác phẩm. Những hài kịch con người mà ông đặt tên là comédie humaine - tấn tuồng nhân loại, thoát thai từ những trò đời, trò điếm, mà tác giả đả trải qua. Nếu từ ngựa, Lê Bá Đảng cấu tạo thế giới lạc quan về người, thì với người, ông đứng ở tư thế ngược lại. Ông vẽ người dưới góc độ thú, hoặc ít ra là bằng cái nhìn của thú về người. Francis Ponge đã từng nhìn người bằng mắt ốc, mắt sỏi... Lê Bá Đảng nhìn người bằng mắt ngựa, mắt mèo, mắt núi, mắt sông ... và như thế, chưa chắc con người đã cao và sâu hơn loài thú hoặc những sinh vật và tĩnh vật khác.

Người xem đặt biệt chú ý đến những nét mỏng, nét đơn, tôi gọi là những nét bi quan Lê Bá Đảng: Trước hết, Lê Bá Đảng có ngọn bút tài tình, ông là người thầy về nét (dessin). Nếu trong tranh ngựa, nét của ông tung bay, giàu có, hoành tráng, thì trong tranh người, ông hà tiện nét, nét của ông hoài nghi, cay độc, châm biếm, đôi khi đến độ suồng xã, dâm ô... Những nét ấy nói hộ tranh, chúng bộc lộ những gì thoát ra từ cuộc sống tráo trở của con người với những hỉ, nộ, ái ố, lạc, ... trong trạng thái trần trụi nhất và vì thế, cũng khôi hài, hạ tiện, cũng đơn mỏng và lật lọng như phận người. Những nét đơn mỏng của ông đã sống và sáng hộ người, trong cái tư thế vừa mong manh, vừa bạc bẽo, nhạt nhẽo, phận sao phận bạc như vôi . Chúng biểu trưng cảm nhận bi quan của Lê Bá Đảng về con người, chúng là hiện thân của thói đời đơn bạc, đảo điên, của thế bấp bênh trong cuộc sống. Chúng vắt vẻo cái mong manh trong sinh mệnh con người treo ngành giữa sống và chết. Lê Bá Đảng dùng nét vừa như chất liệu hội họa, vừa như dung cách họa sĩ, vừa như nhân cách của đối tượng hội họa tức là con người. Và hiếm có nghệ sĩ nào, chỉ với khía cạnh dessin không thôi, có thể phủ lấp nhiều diện mạo nghệ thuật như thế.

Có thể nói Lê Bá Đảng ghét người. Ông thao túng con người bằng những nét mỉa mai, châm biếm, Lê Bá Đảng nhìn và thực hiện cõi nhân sinh bé tí trong những trạng thái ngoạn mục và khôi hài. Ở đây, chữ nhân đi liền với chữ dục, thế giới người của Lê Bá Đảng là cõi nhân dục triền miên. Ông vẽ

những cái không thể vẽ được: cái phiếm và cái điếm trong con người. Thông thường người ta tìm cách diễn tả con người qua vẻ đẹp, lãng mạn hay cái xấu hình thức, hoặc những quằn quại nội tâm nổi trên dung nhan sắc diện, cử chỉ. Hoặc phá thể bằng cách trình bầy niềm đau, nỗi hoan lạc nội tâm của họa sĩ xuyên qua tác phẩm. Ở đây, Lê Bá Đảng không trình bày con người như thế nữa. Nhân sinh quan của ông "rộng" hơn. Những đường nét về con người trong tác phẩm của ông bao gồm nhiều góc độ: Tính cách biếm và điếm trong con người hòa hợp với chất rong chơi, hài hước của chính tác giả, tác hợp với những chất liệu cực kỳ đơn giản: mực tàu, nét mỏng, tạo không khí đối thoại, thỏa hiệp tay đôi giữa nghệ sĩ và những nhân vật do ông tạo ra: Nhân vật được nghệ sĩ nhìn và vẽ, đồng thời nghệ sĩ cũng là nhân vật. Nghệ sĩ ở trong nhân vật, nhìn và vẽ nhân vật bằng linh hồn và thể xác của chính mình. Có thể nói, khi vẽ người, Lê Bá Đảng đã phân thân và hóa thân. Ông vừa vẽ, lại vừa là nhân vật trong tranh ông đang vẽ. Hành trình này thực hiện qua trọng tâm mắt. Vượt ra ngoài câu nói thường tình đôi mắt là cửa sổ của linh hồn, mắt đối với Lê Bá Đảng là hồng tâm sáng tạo. Mắt soi suốt tâm linh và thể xác người và vật. Mắt sống trong núi, trong cây, trong cỏ, trong sông, trong biển, ... Mắt ở thượng nguồn chẩy xuống miền xuôi: suối mắt, mặt phượng, mắt hiển linh, mắt thịt da, mắt dâm ô trụy lạc, mắt thú, mắt người ... Đối tượng bị vẽ sẽ được nhiều con mắt ở tứ phía chiếu vào như thế, và chính đối tượng cũng có quyền nhìn lại những quang cảnh xẩy ra trước mắt. Hiên tượng phức xạ này đã khiến cho những chân dung người trong tranh Lê Bá Đảng lạ lùng hơn những biếm họa khác: Chúng nhiều chiều. Xoay đi, xoay lại, nhìn dưới góc độ nào, mỗi nhân vật trong tranh đều có thể nhìn mình, đều có thể dở dói những hành vi khác nhau, những tâm cảm khác nhau. Chúng bộc lộ không những cả nội tâm lẫn hình thức của chúng, mà chúng còn cho biết những ẩn ức, những điều không nói, những ám ảnh, những mộng mơ, chưa thành hình. Nói theo ngôn ngữ triết học, tác giả mở cho người xem vào cả các vùng ý thức lẫn tiềm thức trong con người. Nói gọn: Tác phẩm mở cho thấy chỗ có thể của con người. Và chính chỗ mở vào cái có thể đó, là nguồn sống bất tận của thế giới nhân sinh.

Nhìn kỹ hơn, thì dường như thế giới người của Lê Bá Đảng còn có cao vọng đi sâu, đi xa hơn nữa: Chúng muốn vượt cả vùng hiện tại, đem hồi quang chiếu về quá khứ và rọi ánh khai dương cho cả vũ trụ tương lai.

Không gian Lê Bá Đảng

Ý niệm về không gian không mới. Ý muốn biểu dương không gian, cũng không lạ. Nhưng ý thức được tính cách tương đối của sự vật trong vũ trụ, trong không gian, thì hình như chỉ Trang Chu mới thật sự đặt vấn đề. Nào chim bằng, cá côn, nào ao trời, gió lốc, ... Trang Chu tạo hình cho ta thấy cái vô cùng của tạo vật và cái lẽ tương đối ở đời.

Hội họa Tây phương, giàu kỹ thuật, nhiều tiến bộ, nhưng thiên về hiện thực hơn là về ý niệm siêu hình, tâm linh, vấn vũ về lẽ sống, chết, lý tương đối ở đời. Hội họa phương Đông nghiêng về Đạo, về triết lý sống, nhưng lại chưa tìm ra những phương pháp tân kỳ để diễn tả một cách đa nguyên, đa dạng. Hiếm hoi là những nghệ sĩ nhuần nhuyễn kỹ thuật phương Tây và triết lý phương Đông, để có thể tạo một con đường nghệ thuật phức âm, đa nghĩa, rọi ánh sáng và chiếu nhiều góc độ vào những trăn trở của con người về cõi sống, cõi chết, cõi biết, cõi không, về hư vô và cực lạc, về cái Đạo của con người, ở chỗ Tâm và Vật không còn giới hạn phân chia.

Một vài họa sĩ gốc Á Đông, thấm nhuần cái học phương Tây, dường như đã tìm được con đường tiến đến sự hòa đồng Tâm và Vật, Âm và Dương, Hữu Hạn và Vô Hạn. Lê Bá Đảng là một.

Trong hành trình sáng tác dài, ông đã đi từ con mèo, con ngựa, con trâu ... đến con người, và ở mỗi "con", ông đều đã đào sâu đến nguồn ngọn, cỗi rễ của chúng. Ông biết rõ tâm can của chúng đến độ có thể chế tạo những đầu-trâu-tâm-phật, hình người-dạ thú, khẩu phật-tâm xà, ... Qua hơn nửa thế kỷ sống với nghệ thuật tạo hình, ông đã thuộc lòng cái thế giới "nhân vật cầm thú" mà ông tạo ra, ông cũng lại quá quen với khoảng không gian tầm thường của cái học hàn lâm, với lối nhìn "viễn cận" chưa hề thay đổi từ hơn 20 thế kỷ. Ông muốn tìm kiếm, ông muốn thám hiểm cõi sống chết của con người, ngoài hội họa.

*

Không gian Lê Bá Đảng là sự phản kháng những không gian ba chiều đã bước vào tuổi hoàng hôn, là sự chống lại quan niệm quá quen thuộc đến lỗi thời của hội họa trường ốc, biểu dương lối nhìn một chiều: Vẽ những gì thấy trước mắt mà vẽ. Nghệ nhân có thể hồi khứ, ngoái lại dĩ vãng, nhưng vẫn phải moi ký ức ra khỏi óc, để nó lên bàn, trước mặt, mà vẽ.

Hội họa lập thể mở rộng hơn: Đối tượng vẽ, không im lìm, không "chết", nó có quyền chuyển động. Hội họa lập thể mở thêm chiều thứ tư: Chiều chuyển động cho tác phẩm. Hội họa trừu tượng phá thể để ngòi bút tự do phân tích đối tượng, xé nát đối tượng, tiêu tùng hình thái. Mỗi nghệ sĩ tạo một lối vẽ, lối nhìn riêng về đối tượng; và người xem cũng có quyền có cái nhìn riêng về họa phẩm, theo ý mình, độc lập với nghệ sĩ. Hội họa trừu tượng phá bung những định kiến, những hàng rào ngăn cách, để con người tự do thưởng ngoạn, tự do tưởng tượng; nghệ sĩ tự do sáng tác. Mối tương quan cố định về "đối tượng bức tranh" và sự cảm nhận của người xem không còn nữa. Hội họa trừu tượng lấy tự do làm đối tượng, và chính ở chỗ "tự do" ấy, con người mới thấy "giới hạn" của chính mình.

*

Lê Bá Đảng muốn thoát ra khỏi tất cả những ràng buộc về quy luật của nghệ thuật cổ điển, và cả cái "tự do giới hạn" của hội họa trừu tượng, để mở ra một cõi ta của riêng ông. Ông sáng tạo Không Gian Lê Bá Đảng.

- Không Gian Lê Bá Đảng là gì? - Về mặt kỹ thuật, đó là sự gặp gỡ giữa nhiều ngành nghệ thuật: Kiến trúc, điêu khắc, hội họa, ... Lê Bá Đảng không chỉ vẽ, ông tạo hình. - Về mặt nội dung, đó là mối tương quan giữa người, vật và vũ trụ. Nhân sinh quan của Lê Bá Đảng có gì trùng hợp, gặp gỡ cái lẽ tương đối của Trang Chu: Cái nhỏ có lý của cái nhỏ, cái lớn có lý của cái lớn, phải



cũng là lẽ vô cùng và trái cũng là lẽ vô cùng: Cứ lấy ánh sáng soi thì sẽ thấy cái tương đối ấy bật nẩy ra, và ông thể hiện cái lẽ tương đối ấy trong Không Gian Lê Bá Đảng. Cái nhìn của ông không còn là cái nhìn một chiều, hướng về trước mặt, mà nó biến đổi không ngừng.

Ở những mô hình Không gian thực tiễn, ông nhìn từ không trung, bằng con mắt loài chim, hay nhìn từ mặt trăng xuống đất. Tôi gọi đó là viễn cận "vạn lý". Với cái nhìn này, Không Gian Lê Bá Đảng thể hiện những nứt nẻ trên trái đất, những đỉnh cao, vực sâu, trong lòng đất, lòng biển; những đại dương mênh mông, những hỏa diệm sơn bừng cháy, đến cả những con kiến li ti là sinh mệnh và định mệnh của con người. Trong không gian thực tiễn,

với viễn cận "vạn lý", Lê Bá Đảng có thể gồm thâu vũ trụ địa chất và thế giới nhân sinh trong một chiều kích không quá một thước dài, hai thước rộng.

Ở Không gian ảo tưởng, ông tạo không khí siêu hình, giữa cõi sống và cõi chết. Ông "vẽ" cái hoang vu của hư vô, ông "vẽ" cái không và cái có. Từ kỹ thuật, chất liệu, cách sắp xếp đến mỗi hình thức trong không gian của Lê Bá Đảng dường như muốn cấu tạo nên một tác phẩm đúng hơn là một cuốn sách nằm ngoài màu sắc. Màu sắc chỉ là một cái cớ để lưu lại với hội họa. Ông hay dùng sắc nâu, sắc xám, toàn trắng, toàn đen, màu đất nung, chấm phá những điểm son như những mốc, để tư tưởng, trí nhớ và tâm linh có thể trụ lại giữa khoảng vô thỉ, vô chung. Đứng trước những tác phẩm này, người xem cảm thấy hoang mang, lạc loài, như mình là chứng nhân cái hữu hạn của cuộc đời đang giao lưu cùng cái vô hạn của vòng tử sinh, luân hồi, truyền kiếp.

Trong loại không gian thứ ba, Không gian lịch sử-địa tầng, người xem mường tượng thấy ý niệm thời gian liên kết với không gian: Con đường xuyên suốt quá khứ-tương lai, giao thoa với viễn cận xuyên địa, từ cung trăng xuống địa cầu, xuyên xuống những lớp địa từng, địa đạo. Tác giả cho ta cảm tưởng ông muốn hình ảnh hóa cả một thời kỳ lịch sử của dân tộc, xuyên qua những thửa ruộng khô, những cánh đồng cháy, những bãi cát dài, những ngôi cổ mộ, những lớp địa tầng, vào trung tâm trái đất. Ở một cái khung lơ lửng, mơ hồ, rêu phong kia, dường như thấp thoáng có hồn Trọng Thủy đang tìm dấu Mỵ Nương qua vết lông ngỗng xác xơ, tan tác ... Ở một khoảng tối này, có lẽ Diêm Vương đang hành hình lũ tội đồ,... Ở một không gian u ám trên kia, có lẽ chị Hằng đang cô đơn, giá buốt trên cung Quảng...

Mỗi lần xem không gian Lê Bá Đảng là một lần khám phá. Tác phẩm của ông có nét hãnh tiến về tương lai, kèm nỗi khổ đau, trầm luân trong hiện tại và nỗi u hoài, nhớ về quá vãng. Nghệ thuật của ông thoát hài, đập vỡ cổ kính để tạo ra không gian phi thời gian, gồm thâu quá khứ, vị lai, địa tầng, địa chất, cõi này, cõi khác trong khoảnh khắc một cái nhìn. Nó độc đáo, nhưng cô đơn. Ông cô đơn trên con đường sáng tạo của mình; nhưng chính sự cô đơn đó là đốm lửa soi đường cho Không Gian Lê Bá Đảng.

THỤY KHUÊ
Yên Cơ, 1/1/1997



VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM
tiểu sử - tác phẩm - chân dung tự họa

TRỊNH KHẮC HỒNG



Sinh ngày 04.6.1944 tại Đà Nẵng, học Đại học Luật SàiGòn (63-68).
Luật sư.
Đã xuất bản: *Pháp Trường*, tập truyện ngắn, Nxb Văn Nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, 1991.
Viết rải rác trên các báo trong nước và hải ngoại.

Viết về chuyện viết lách, thật tình tôi ngại, vì theo tôi mọi lý luận, lý thuyết đều bị giới hạn mà việc sáng tạo cũng như chính cuộc sống lại mênh mông.

Vậy, ở đây, tôi sẽ kể những gì rất riêng tư của mình.

Những năm mới lớn, có lẽ cũng như nhiều người khác, tôi khát khao được thể hiện mình với những cảm xúc, suy nghĩ trước cuộc sống. Nỗi khát khao mỗi ngày một lớn và sau đó được bày tỏ trên những trang giấy thành một truyện vừa: *Những Người Có Mặt*. Truyện này được đăng trên tạp chí Mai xuất bản tại SàiGòn vào cuối năm 1962 trong bốn số liên tiếp với một bài giới thiệu khá dài của chủ nhiệm tạp chí. Dĩ nhiên tôi rất thích. Đó là truyện đầu tay của tôi.

Nhưng sau đó đọc lại truyện trên, tôi thấy mình chưa đủ độ chín. Cả về

ngôn ngữ lẫn những suy nghĩ. Nhưng lời giới thiệu khá nồng nhiệt của người chủ nhiệm theo tôi, nói thật, có phần quá đáng. Giọng giới thiệu nồng nhiệt đó đã khiến tôi khớp chăng? Một thời gian dài tiếp theo tôi loay hoay với các kỹ thuật, muốn tìm ra một cái gì thật mới. Có lẽ đây là cái khổ nhất của người cầm bút. Nói như một nhà thơ Pháp: Người ta ra đời quá chậm trong một thế giới quá già. Mọi chuyện đều đã được người trước nói hết. Mọi bút pháp đều đã được thử.

Rồi tôi bỏ viết truyện luôn. Lặp lại để làm gì?

Sau đó như bao người trẻ khác, tôi trôi theo cuộc sống của thế hệ mình.

Cho đến năm 1983 có một chuyện xảy ra và tôi chịu một cơn choáng. Ở đây xin không đi sâu vì nó thuộc đời sống tâm lý, tâm linh rất cá nhân. Từ đó cái nhìn của tôi về cuộc đời thay đổi hẳn. Và cuối năm 1987, tôi cầm bút lại viết truyện ngắn đầu tiên của tập *Pháp Trường*.

Những cảm xúc, suy nghĩ về cuộc đời thông qua số phận từng con người sống trên đất nước lần lượt hiện ra trên những trang viết.

Tôi không bị ám ảnh bởi các trường phái nữa. Cứ để tự nhiên cho cuộc sống tự bộc lộ thành những dòng chữ. Tôi rất thích câu sau đây một người đã nói về văn Trang Tử, đại khái như sau: Văn ông như mây từ đầu núi bay ra, như nước từ lòng đất tuôn ra. An nhiên. Tự tại.

Nhớ lại những ngày mới lớn, khó nhọc tìm từng chữ, từng câu, tôi thấy thương mình thật. Mà có lẽ tự nhiên phải như thế thôi. Có trái cây nào không xanh mà chín?

NGUYỄN RTHỊ NGỌC LAN



Sinh ngày 6.12.1957
Trung học tại tu viện Saint Paul (Đà Nẵng).
Đại học sư phạm Huế.
Hiện đi làm và đi học tại Nam California.
Tác phầm đầu tay:
- *Một Chút Hạnh Phúc Nhỏ* (1995)
Đã cộng tác với các tạp chí Văn Học, Làng Văn, Tân Văn, Tuổi Hoa.
Góp mặt trong
- Tuyển tập 18 nhà văn hải ngoại *Trăng Đất Khách*
- *20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại*

- Chương trình *Vietnamese Shot Story* của đài BBC Luân Đôn.

Bắt đầu viết năm 1980. Viết, thời gian đầu, với tôi, như một thú tiêu khiển. Tôi đi học đánh máy, và, thay vì lấy sách của nhà trường để tập đánh, thì tôi nghĩ phải "chế" ra chữ mà đánh mới vui. Từ đó có sáng tác đầu tiên, rồi thứ hai, thứ ba... Viết xong, vất lăn lóc đâu đó. Mấy năm sau, được nhà văn Nhật Tiến, Quyên Di, Nguyễn Mộng Giác khuyến khích, tôi gửi đăng ở Văn Học, Tuổi Hoa, Làng Văn, Văn, và một số báo chí tại Nam Cali. Sau đó vài truyện được đài BBC Luân Đôn đọc.

Mỗi lần một sáng tác mới của tôi xuất hiện trên báo, là sau đó không lâu nhiều cú điện thoại của các nhà văn lão thành gọi đến, phê bình cặn kẽ, phân tích chỗ hay chỗ dở. Tôi nghe, trân trọng, biết ơn. Bởi tối hiểu quí vị đó đang "tưới nước, bón phân" cho một "mầm non văn nghệ". Ngoài sự trân trọng và biết ơn, tôi còn xem đó là những khích lệ lớn.

Thời gian sau này thì truyện của tôi thường phôi thai trong những lúc kẹt xe trên xa lộ mỗi buổi sáng.

Cũng như hầu hết người Việt ở hải ngoại đã qua một thời niên thiếu ở quê nhà, tôi yêu từng gốc cây, từng ngọn cỏ nơi tôi sinh ra; tôi yêu từng giọtnước mắt, từng vết hằn khắc khổ trên khuôn mặt của những người thân quen tôi từng gặp. Và những mối tình mới lớn, những quan hệ bạn bè..., đẹp, đơn sơ, thuần hậu như những bông hoa dại... Tất cả tưởng như đã khuất, chìm trong tất bật quê người, nhưng không, nó vẫn tồn tại. Viết, ngoài việc tiêukhiển, với tôi, cũng là một hình thức nào đó, sống lại, sống cùng kỷ niệm.

PHAN NI TẤN (N.D)



Sinh năm 1948 tại Buôn Mê Thuộc, lớn lên tại Sài Gòn.

Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn. Cựu sĩ quan Quân lực VNCH.

Viết nhạc từ năm 1968.

Làm thơ từ năm 1971.

Vượt biển đến Thái Lan năm 1979.

Định cư tại Gia Nã Đại năm 1980.

Đã cộng tác với các tạp chí tại Hải ngoại: Văn, Văn Học, Làng Văn, Độc Lập, Nắng Mới, Rạng Đông, Sóng Văn, Thơ, Sài Gòn Times, Phụ Nữ Diễn Đàn, Diễn Đàn Tự Do..., cũng như góp mặt trong các tuyển tập *Hai Mươi Ba Người Viết Sau 1975* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ 1989). *Tuyển Tập Hai Mươi Người Viết Tại Canada 1975-1995* (Nắng Mới,

Canada, 1995). *Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995* (Đại Nam, Hoa Kỳ 1995) .

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Dậy Lửa Trường Sơn*, nhạc, Lửa Việt xuất bản 1983, Canada.
- *Em Hát, Em Vui*, nhạc thiếu nhi với Nguyễn Hữu Nghĩa, Làng Văn xuất bản 1987, Canada.
- *Hồi Ký Thơ*, Làng Văn xuất bản 1988, Canada.
- *Câu Thơ Về Người*, thơ, Nhân Văn xuất bản 1996, Hoa Kỳ.

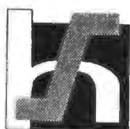
Ba tôi là một nghệ sĩ cổ nhạc, kéo vĩ cầm rất mùi. Gốc gác bên Nội tôi mấy đời sinh sống làm ăn trên cuộc đất thuộc miền Tây Nam phần. Nhưng đến thế hệ của Ba tôi, khi lớn lên bị thời thế đẩy đưa , ông trôi dạt lên tận miền cao nguyên đất đỏ Trung phần tỉnh Buôn Mê Thuộc. Tại đây, Ba tôi lấy vợ, lập nghiệp, sinh con đàn cháu đống cho đến cuối đời. Tôi còn nhớ, mỗi lần gánh cải lương Út Bạch Lan - Thành Được đi lưu diễn khắp nước ghé lên Buôn Mê Thuộc, có dịp ba tôi vẫn hay mời các nghệ nhân này cùng các tài tử địa phương về nhà đờn địch ca hát linh đình. Sân khấu là nền nhà nên không phải xênh xang áo mão, diệu võ dương oai ra tuồng ra tích; chỉ việc ngồi bệt xuống đất quanh mâm đồ nhậu mà ca ngâm với dàn cổ nhạc sành nghề như guitar cổ nhạc, đờn kìm, vĩ cầm, đờn tranh, song lan, v.v... Đó là cuối thập niên 1950.

Ba tôi vốn sống bằng nội tâm nên về sau càng lớn tuổi ông càng thâm trầm ít nói; cây vĩ cầm cũng vắng tiếng. Biến cố tháng 4/1975 mất nước tan nhà. Ba tôi buồn. Thỉnh thoảng những đêm rằm ngắm trăng bên ly rượu đế , nhã hứng Ba tôi lấy đờn ra kéo. Ngón đờn thiện nghệ, mùi mẫn trở nên nỉ non, uốn éo, não nùng. Sau này đi đoàn tụ Má tôi đem theo cây vĩ cầm của ông. bà nói Ba tôi chết vì bệnh buồn.

Ngoài ra, chú Năm tôi, rồi chú Sáu (mắc thêm cái nghiệp làm thơ), chú Lai, chú Út đều là những người có máu nghệ sĩ, đã một thời đình đám cầm ca. Qua thế hệ thứ hai, anh Hai tôi chuyên về độc tấu Tây ban cầm nhạc cổ điển Tây phương ngang ngửa với ngón đàn Đỗ Đình Phương một thời. Trừ chú Út; còn lại những vị vừa kể trên đã tuần tự ra người thiên cổ.

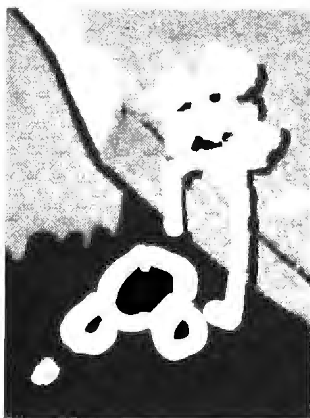
Một dòng giỏi nghệ sĩ như vậy, lại thêm núi rừng cao nguyên heo hút cũng đủ thấm đẫmhồn tôi một chút gì là sầu là cảm, một chút mộng mị, một chút gì gọi là liên quan đến lãnh vực văn học nghệ thuật chăng?

Mặc dù làm thơ đã một phần tư thế kỷ, nhưng làm thơ, vớ'i tôi, thật là khó. Làm được một bài thơ hay, có hồn (những loại vô hồn đều bị khai tử thẳng tay) lòng tôi như hoa nở. Viết nhạc cũng vậy. Sáng tác được một bản nhạc có chất lượng, lòng tôi như có chim hót. (Toronto 11.1996).



NGUYỄN TRẦN PH.

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



ĐI TÌM HƯƠNG

Dương Thu Hương là ai, và đang ở đâu? Đó là quan tâm của một phụ nữ Hoa Kỳ sau khi tình cờ mua được một ấn bản Anh văn photocopy từ cuốn *Paradise of the Blind* (Những Thiên Đường Mù) tại một chợ sách trên hè phố Sài Gòn. Phụ nữ này khi về Mỹ đã gửi thư cho tạp chí *Poets & Writers Magazine* để hỏi về nhà văn họ Dương, và được báo này trả lời trên mục Letters trong số báo tháng bảy/tháng tám 1997. Dưới đây là thư hỏi và thư trả lời dưới tiểu đề In Search of Huong (Đi Tìm Hương).

"Gần như không thể tin được khi thấy hình của Dương Thu Hương (bài "Writers in Danger," Các Nhà Văn Trong Nguy Khốn, do Cathy Cockrell viết, số báo tháng năm/tháng sáu 1997) trên mặt báo quý vị chỉ vài ngày sau khi tôi rời Việt Nam với cuốn Những Thiên Đường Mù của bà trong túi xách của tôi. Tôi không hình dung được bà, bởi vì ấn bản tôi có chỉ trần trụi chụp photocopy được bán trong một tiệm bên đường Tự Do cũ, chỉ một đoạn cách Sông Sài Gòn. Tôi chưa bao giờ nghe gì về cuốn này hay tác giả, nhưng tôi thấy ngay đây là một tác phẩm lớn. Đấy là toàn bộ câu chuyện về Việt Nam, hiện tại và quá khứ. Không chỉ là những nhân vật khó quên mà một độc giả muốn giữ lại trong đời, nhưng còn là cái thi tính lộ trong các chi tiết nhỏ nhất,

một tái tạo lại một thế giới. Thế giới bà Hương sáng tạo không chỉ là nơi cư trú của các nhân vật chính của bà, nhưng là một thế giới chứa đựng những thế hệ mà những phân ly xã hội và gia đình minh họa cái bi thảm của các cuộc nội chiến tại tất cả những nơi khác. Những cuộc chiến mà trong đó ngay cả một người trong gia đình có thể bị mô tả như một kẻ thù vô giá trị. Tôi mong biết thêm về bà Dương. Bà đang ở Việt Nam? Bà đang trong tù? Có thể Cathy Cockrell biết. Thật là một đề tài hay, "Các Nhà Văn Trong Nguy Khốn"! Cũng thật là dị thường khi gặp tác phẩm của bà Dương trong chuyến hành hương của tôi, lần đầu trong 30 năm, trở lại Đông Nam Á để thăm một đất nước nơi người chồng đầu tiên của tôi, một nhà báo, đã tử thương khi tường thuật tin chiến trường. Tôi đi chuyến này, trong khi nghỉ việc giảng dạy, để hoàn tất một chu kỳ khởi đầu với thi tập đầu tiên của tôi, *The Widow's Quilt* (Mảnh Thêu Của Người Quả Phụ), được in hồi năm ngoái. Gặp bà Dương hai lần—tại Việt Nam và trên trang báo của quý vị—là một hạnh phúc. Gìn giữ bà và những người như bà cho an toàn phải là một ưu tiên.

"Fran Castan
"Amagansett, New York

"Cathy Cockrell trả lời:

Tôi cũng thích Những Thiên Đường Mù, mặc dù những viên chức Việt Nam chống phá Dương Thu Hương không chia sẻ niềm cảm kích văn chương về những gì bà viết.

"Có 9 nhà văn Việt Nam trong danh sách chính trong tháng mười hai năm 1996 của Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù của Văn Bút Quốc Tế, liệt kê những nhà văn được biết là bị giam vì bày tỏ quyền tự do phát biểu. Dương Thu Hương không có tên trong này.

"Bà bị cầm tù giữa tháng tư và tháng mười hai năm 1991, sau khi những sách của bà, gồm cả nhiều cuốn loại bán chạy, bị tịch thu. Bản án: phổ biến bí mật quốc gia ra khỏi Việt Nam—những bí mật ghi nhận chính là các bản thảo của bà.

"Các thông tin từ hồ sơ Văn Bút cũng cho thấy bà bị quản thúc tại gia và theo dõi ít nhất cho tới giữa 1993. Năm 1994, bà đi Pháp để nhận vinh dự là Knight of Arts and Letters (Hiệp Sĩ Văn Học Nghệ Thuật), sau khi đe dọa sẽ tố giác công khai rằng nhà nước từ chối cấp chiếu khán cho bà. Sau 5 tháng ở Âu Châu, mặc cho cảnh cáo từ các giới chức an ninh, bà không chịu xin tị nạn ở hải ngoại và quyết định về nước, nơi bà đang sống hiện nay.

"Cả hai cuốn *Paradise of the Blind* và *Novel Without a Name* (Tiểu Thuyết Không Đề) đều có phổ biến ở Mỹ. Bà cũng viết cuốn *Beyond Illusions* (Bên Kia Bờ Ảo Vọng), cuốn này đã bán trên 100,000 ấn bản tại Việt Nam, và "Fragments of a Lost Life (Những Mảnh Đời Đã Mất). Một tiểu thuyết của Dương Thu Hương (chưa thông báo nhan đề và nhà xuất bản) dự kiến sẽ in tại Hoa Kỳ vào năm 1998."

ÚC BỚT IN SÁCH

Với 240,000 tựa sách đổ ra thị trường Úc mỗi năm—nhiều hơn khả năng chứa sách của các tiệm hay là sức đọc của độc giả—các nhà xuất bản cuối cùng đã quyết định đã tới lúc phải cắt giảm lượng sách in.

Barrie Hitchons, giám đốc điều hành Harper-Collins, nói: "Kỹ nghệ sách cần phải cắt giảm bớt. Những tiệm sách đang kêu gọi ít tựa sách hơn trong khi chúng tôi cứ đổ sách ra tràn ngập."

Ông Hitchons muốn cắt danh sách xuất bản mỗi năm của Harper-Collins từ 3,500 tựa sách—với hơn 3,000 là nhập cảng từ Mỹ và Anh—xuống còn 1,500 tựa.

Tờ New York Times tường trình trong tuần lễ đầu tháng 7 rằng công ty Harper-Collins do Murdoch sở hữu đã bắt đầu giảm số tựa sách Mỹ bằng cách hủy bỏ hơn 100 tựa sách đã hợp đồng hoặc là do tác giả làm trễ hoặc là bị xét như không thể xuất bản được trong một thị trường trì trệ.

Ông Bob Sessions, giám đốc xuất bản của Penguin ở Úc, giải thích, "Không phải là chúng tôi hủy bỏ các hợp đồng, nhưng chỉ là chúng tôi phải lựa chọn kỹ hơn. Yếu tố hào hứng trở nên cần thiết hơn trong giai đoạn khó khăn hiện nay."

Kỹ nghệ sách đang vào thời kỳ suy thoái trong việc bán lẻ do nhiều lý do, vừa phần vì bị cạnh tranh bởi các phương tiện truyền thông khác, phần vì người ta ít thì giờ đọc hơn, và cũng vì có thêm những cách mới để mua sách.

Bây giờ người ta đã có thể mua bất kỳ cuốn nào ấn hành tại bất cứ nơi nào qua mạng lưới Internet, thí dụ như hệ thống bán sách Amazon, trụ sở chính ở California, hiện đang liệt kê bán hơn 4 triệu tựa sách.

Hitchons của nhà Harper-Collins nói rằng công ty đang đổi chiến lược để tập trung in nhiều tựa sách địa phương hơn.

Con số 20,000 tựa sách mỗi tháng in ở Úc gồm đủ thứ, từ sách giáo khoa tới sách dâm tình và các tựa sách do tác giả tự xuất bản. Có khoảng 1,000 tựa trong đó là loại sách thương mại dễ bán, nhưng kỹ nghệ đồng ý rằng như vậy vẫn còn là quá nhiều.

Penguin sẽ giảm 20% lượng sách thiếu nhi năm 1998 và, trong khuynh hướng chung của tất cả các nhà xuất bản trong việc bớt in thơ, Penguin đã bỏ hợp đồng đã ký với nhiều nhà thơ. Penguin trong nhiều năm qua đã chịu lỗ cho các thi phẩm, trong đó những cuốn bán chạy nhất chỉ được 500 ấn bản.

Patrick Gallagher, quản trị tổng quát Allen & Unwin, nhà xuất bản độc lập lớn nhất tại Úc, nói rằng ông đang phải dè dặt hơn về số lượng in bởi vì, cũng như hầu hết các nhà xuất bản khác, công ty của ông đã mất hàng trăm ngàn đô la cho lượng sách ứ đọng không bán được mỗi năm.

CẦU KHỈ

Thêm một cuốn tiểu thuyết Anh văn của một nhà văn trẻ người Mỹ gốc Việt được nhiều nhà phê bình Hoa Kỳ giới thiệu nồng nhiệt. Tác phẩm *Monkey Bridge* (Cầu Khỉ) của nhà văn Lan Cao theo lịch trình sẽ được nhà xuất bản Viking Penguin tung ra thị trường vào ngày 16.7.1997.

Tạp chí Publisher Weekly, số ra ngày 26.5.1997, đã giới thiệu với trích đoạn sau:

MONKEY BRIDGE. Lan Cao. Viking, $23.95 (260 trang).

Đan kết các truyện kể dân gian, những truyền thống văn hóa và lịch sử Việt Nam hiện đại vào một truyện kể bán-tự-truyện của kinh nghiệm di dân, cuốn tiểu thuyết đầy xúc động này ghi dấu một tiếng nói mới và mạnh mẽ trong thế giới tiểu thuyết người Mỹ gốc Á. Năm 1975, cô bé 13 tuổi Mai Nguyen và mẹ được không vận từ Sài Gòn vừa trước khi nơi này sụp đổ, để lại người ông của Mai phía sau, người đã không đến được nơi hẹn với họ. Căn cước thật của ông và định mệnh đời ông là bí mật trung tâm cuốn tiểu thuyết. Khi cô Mai nỗ lực hội nhập vào đời sống mới của cô tại khi Little Saigon của tiểu bang Virginia, cô cũng phải chăm sóc người mẹ bệnh hoạn, người cưu mang những niềm tin dị đoan và bất tín đối với nền văn hóa mới đã đưa lên cao điểm cơn khủng hoảng lý lịch của cô Mai. Nhiều năm sau khi được cứu thoát, cô cảm thấy rằng cô vẫn chỉ là một người khách trên đất lạ. Tuy nhiên, khi cô khám phá ra cuốn nhật ký của mẹ, cô dần dần cảm thông được tình yêu và nỗi buồn mà người mẹ thường thầm lặng không thể bày tỏ được.

Tạp chí này đánh giá, "Việt Nam đã sống dậy với một vẻ đẹp và huyền bí hiếm gặp trong các tiểu thuyết được in nơi đây."

Mặc dù Publishers Weekly gọi đây là một cuốn bán-tự-truyện, độc giả không nên vội nghĩ rằng tất cả chi tiết trong tiểu thuyết đều là người thật chuyện thật. Mở đầu sách, nhà xuất bản Viking ghi chú rằng, *Monkey Bridge* là một sản phẩm tưởng tượng, và mọi trùng hợp về tên tuổi và cuộc đời hoàn toàn là ngoài ý muốn của tác giả.

Theo bản tin ngày 23.6 của nhà xuất bản Viking, nhà văn Lan Cao sinh tại Sài Gòn năm 1961 và trưởng thành nơi đó. Được không vận rời Sài Gòn năm 1975 tương tự như nhân vật nữ trong truyện, cô đã tốt nghiệp Đại Học Mt. Holyoke College và Đại Học Luật Yale, và hiện là một giáo sư về môn công pháp quốc tế tại Đại Học Luật Brooklyn. Cô có vốn kiến thức rộng về lịch sử Việt Nam, và đã trở về nơi này nhiều lần để dạy một số khóa giảng. Cô còn là ái nữ của cựu đại tướng Cao Văn Viên, và có đai đen môn võ Thái Cực Đạo. Lan Cao là đồng tác giả tác phẩm *Everything You Need to Know about Asian Americans* (Tất Cả Những Gì Bạn Cần Biết Về Người Mỹ Gốc Á).

Nhà văn Robert Olen Butler, người thắng giải Pulitzer với tuyển tập

truyện ngắn *A Good Scent from a Strange Mountain* (Mùi Hương Từ Núi Lạ), đã khen ngợi cuốn *Monkey Bridge* như sau:

"Thật tuyệt diệu để nghe tiếng nói từ một thế hệ đáng ghi nhận của những di dân Việt hậu chiến, những người đang đối diện nền văn hóa của chúng ta trong những phương cách mới mẻ và trực tiếp. Điều tuyệt diệu hơn nữa lại là, nhà văn Lan Cao là một tài năng văn chương chân thực. *Monkey Bridge* là một cuốn sách buồn, trí tuệ, và kích động."

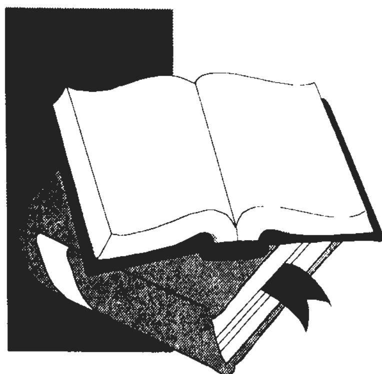
Theo lịch trình phổ biến sách của Viking, nhà văn Lan Cao sẽ đi nhiều thành phố—New York, Washington, DC., Minneapolis, Seattle, San Francisco, Los Angeles, Chicago—từ ngày 15.7 tới 31.7 để quảng bá sách.

NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



MONKEY BRIDGE (CẦU KHỈ) của Lan Cao, Viking xuất bản. Giá US$23.95. Bìa dày, có bìa phụ bọc ngoài. Bán tại tất cả các nhà sách trên thế giới.

Xin xem lời giới thiệu chi tiết trong mục *Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật số này.*

ÂM VANG CỦA ĐẤT (ECHO OF THE LAND) của Trịnh Cung. Không ghi giá bán. (sách in và bán tại các cuộc triển lãm của Trịnh Cung ở vài tiểu bang, không bán ngoài thị trường)

Sách khổ lớn, 8.50" X 11", in trên giấy trắng láng, dày, với nhiều tranh màu cùng các bài viết (bằng hai ngôn ngữ Việt, Anh). Phần tiếng Việt dịch sang tiếng Anh bởi Huỳnh Sanh Thông của Huỳnh Hữu Uỷ, Peggy J. Printz, Jeffrey Hantover, Judith Hughes Day.

Đây có lẽ là tập sách chuyên đề hội họa đẹp nhất của người Việt từ trước đến nay tại hải ngoại. Trịnh Cung là một họa sĩ rất tài năng của hội họa Việt Nam trong nhiều thập niên qua. Ông đến Mỹ do lời mời của Đại Học San Francisco. Trong thời gian trên dưới sáu tháng lưu trú tại Mỹ, ông đã thực hiện một số tác phẩm mang tên chung: Âm vang Của Đất (Echo of the Land). Những tác phẩm này ông đã cho triển lãm tại Hội VALLA vào ngày 28 tháng 6 vừa qua, và đã gặt hái được một thành công lớn (trong số 10 tác phẩm trưng bày, đã có 5 bức được khách yêu tranh mua với giá rất cao, nếu so với giá tranh của họa sĩ Việt Nam hải ngoại). 10 bức tranh ấy đã được in lại toàn bộ cùng với nhiều tranh khác đã vẽ, từ vài mươi năm nay, dọc hành trình sáng

tác của ông trong tập sách vừa nói.

Xin chúc mừng họa sĩ Trịnh Cung. Hợp Lưu tin rằng sau những thành quả vừa gặt hái, rồi đây, khi trở lại quê nhà, họa sĩ Trịnh Cung sẽ tiếp tục cho ra đời những đứa con tinh thần mỗi ngày một giá trị hơn.

CÂU NAM AI THẤT LẠC, tập truyện Hồ Minh Dũng, bìa Khánh Trường, Văn Mới xuất bản. Giá 10MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Văn Nghệ tổng phát hành. P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Tập truyện thứ hai sau *Hoa Vạn Hạt Cuối Mùa* (Đại Nam xuất bản 1996). Đa số những nhà văn H.O. đến Mỹ trong thời gian vài năm gần đây, có lẽ do tuổi tác và những năm dài sống không như ý dưới chế độ hiện tại ở quê nhà, hầu hết tinh thần đều kém lạc quan, ảnh hưởng khá lớn đến công việc sáng tác. Một số bẻ bút, lao vào chuyện áo cơm, số khác viết lai lai, đề tài xoay quanh các chủ đề: tù tội (của bản thân và của người cùng cảnh), những cảnh chướng tai gai mắt cùng rất nhiều phẩn hận những năm sống tại quê nhà. Mảng đề tài ấy đã được các nhà văn, qua nhiều đợt tái định cư tại hải ngoại suốt 22 năm nay, đã viết, và có không ít các tác phẩm hay. Vì thế, muốn viết hay hơn và không bị nhàm chán bởi độc giả, quả thật rất khó khăn. Hồ Minh Dũng, bằng sự bén nhạy của một nghệ sĩ, ông nhanh chóng thấy được điều đó, và nhanh chóng "giải ngũ", chuyển hẳn ngòi bút của mình qua những đề tài khác. Đề tài khác của ông, hiện nay, là cung cấm và triều đình nhà Nguyễn, là con người cùng những hệ lụy của họ với tha nhân, với cha mẹ, vợ con, bằng hữu, tình yêu...

Người ta không thể phủ nhận: Hồ Minh Dũng luôn dành cho chữ nghĩa sự trân trọng hiếm có. Ông cân nhắc từng câu văn, tính toán từng dấu chấm, nét phẩy. Tác phẩm của ông, trước khi trình làng, đều được gọt giũa sửa chữa rất cẩn thận. Đọc Hồ Minh Dũng, người ta có thể yên tâm đã không sử dụng thì giờ oan uổng.

LỬA ĐỐT NGOÀI GIỚI HẠN, thơ Cao Đông Khánh. Tác giả xuất bản. In trên giấy láng. Giá 20MK. Liên lạc: Huỳnh Ngọc Anh, 6002 De Moss Dr., Houston, TX 77081. USA.

Tập hợp những sáng tác được tuyển chọn từ năm 1976 đến 1996.

Theo tác giả thì "*Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn* xin được coi, như là, một truyện dài. Truyện dài này viết về những biến chuyển nội tâm của một người Việt Nam bình thường, giống như mọi người Việt Nam di tản sống lưu lạc ngoài xứ sở, còn cất giữ tấm thẻ căn cước tỵ nạn chính trị của hắn như cất giữ chính lương tri của mình."

Rất nhiều người nhận xét thơ Cao Đông Khánh khó hiểu. Khó hiểu, nhưng hay. Cái hay xuất phát từ sự biến hóa khôn lường của ngôn ngữ. Người ta có thể lầm lẫn giữa thơ của một người này với một người khác, hay người ta không thể nhận ra tác giả của một bài thơ nếu ta che đi tên tác giả. Nhưng

chắc chắn người ta sẽ thốt kêu không lầm lẫn: Cao Đông Khánh, nếu chỉ cần đọc một câu (một câu thôi) thơ của ông ta. Tạo được bản sắc cá biệt như thế hẳn không phải chuyện dễ dàng, nhất là đối thơ, lại là thơ của người Việt Nam, nhiều đến lạm phát, như cây trên rừng, như nước dưới biển (ai cũng có thể làm thơ và ai cũng có thể in thơ).

KÉO NEO MÀ CHẠY, tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Bìa Khánh Trường. Văn Mới xuất bản. Giá 8MK. Tổng phát hành Văn Nghệ. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Kienega Bl., Los Angeles, CA 90035. USA. (310)559-0413.

Tập truyện thứ ba sau: Long Lanh Hạt Bụi (Văn Nghệ), Bên Lở Bên Bồi (An Tiêm).

Đọc Nguyễn Thị Hoàng Bắc, chúng ta có cảm tưởng bà viết khá dễ dàng. Từ xưa, người ta vẫn có định kiến: viết dễ, thường đi đôi với cẩu thả (trong câu cú, cấu trúc và tư duy). Nguyễn Thị Hoàng Bắc chứng minh ngược lại: viết dễ, nhưng vẫn rất vững vàng và sâu sắc, từ nội dung đến văn phong. Nguyễn Thị Hoàng Bắc không đao to búa lớn ở những vấn đề bà muốn nêu ra, không cố tình tìm kiếm những kiểu cách thể hiện tân kỳ mới lạ. Bình thường, dung dị, chân thật, nhờ vậy truyện ngắn NTHB luôn ở lại với chúng ta dài lâu, luôn khiến chúng ta băn khoăn, trăn trở, luôn nhận ra thấp thoáng sau những dòng chữ là bóng dáng của ta, của mọi hệ lụy thân gần chung quanh. Mai sau, người ta không thể không nhắc đến truyện ngắn NTHB, đó là những tư liệu trung thực nhất, cụ thể nhất biểu hiện tâm, tư tình cảm của người Việt hải ngoại xa xứ.

CHÂN TRẦN, tập truyện Y Chi. Bìa Khánh Trường, nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá 12MK.

Sang Pháp năm 14 tuổi. Như Trần Vũ, Vũ Quỳnh N.H, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Hương..., và rất nhiều người trẻ khác, Y Chi trưởng thành trên quê người, sử dụng nhuần nhuyễn ngôn ngữ thứ hai rành hơn ngôn ngữ mẹ đẻ. Thế nhưng khi đến với văn chương Việt Nam, họ lại chứng tỏ tài năng của họ vẫn không thua kém (thậm chí có người vượt trội hẳn) các đàn anh lớn tuổi gần trọn đời cầm bút, từ quê nhà đến quê người.

"Viết không để thuật lại, để tâm tình, để nhỏ to. Viết không phải để đấu tranh hay để truyền bá tư tưởng. Văn chương khi giản dị được bằng đời sống, huyền diệu bằng đời sống, tự nó sẽ tạo ra sức sống (...) Đó là một phương tiện, như mọi phương tiện khác, để người đến gần với người hơn..." Y Chi đã nói về cái viết của mình như thế.

Trước đây, Y Chi từng đăng truyện trên các tạp chí Quê Mẹ, Hợp Lưu, Văn Học, Văn, Độc Lập dưới các bút hiệu Nhược Thủy, Miên Viễn.

THẾ GIỚI HÒA ĐỒNG, Hội luận giữa đức Đạt Lai Lạt Ma và tám nhà

tâm lý Hoa Kỳ. Bản dịch Chân Huyền, nhuận sắc Chân Văn. Bìa Nguyễn Thị Hợp. Văn Nghệ xuất bản. Giá 8MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Cuộc hội luận nhằm mục đích tạo ra một khung cảnh thích hợp để trao đổi những hiểu biết về đạo Bụt, về tâm lý học và về sự liên hệ giữa lương tâm từng cá nhân với các vấn đề chung trên thế giới.

TIẾNG LÒNG CỦA NGUYỄN DU, khảo luận của Mai Hiền Lương, Nhân Duyên xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Nội dung cuốn sách trình bày một cái nhìn mới đối với tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh. Người đọc sẽ tìm thấy nơi đó những biến chuyển nội tâm của một hành giả tu thiền (...) Tất cả những nhân vật của Đoạn Trường Tân Thanh là biểu tượng của những tâm tính con người và những phương pháp tu sửa trong giáo lý nhà Phật.

GIẦY SÔ NÓI PHÉT VÀ ĐÀN BÀ, ký và phiếm của Huỳnh Văn Phú, bìa và phụ bản Phạm Thông, Nhật Thanh xuất bản. Giá 12MK.

"Nói phét là một nghệ thuật.

Nói phét mà khiến cho người nghe tưởng là nói thật còn nghệ thuật hơn.

Nói phét đến độ nhập tâm, khiến cho chính người nói phét tưởng rằng mình đang nói thật, còn người nghe thì biết rằng mình đang nghe nói phét thì còn nghệ thuật nào bằng.

Huỳnh Văn Phú đã làm được điều đó..." (Văn)

PHẬT GIÁO TRONG THẾ KỶ MỚI, tuyển tập I. Giao Điểm xuất bản (P.O.Box 2188, Gardcen Grove, CA 92843. USA) Giá 15MK.

Với các bài viết của Minh Chi, HUyền Cương, Võ Đình Cường, Thích Trung Đạo, Thích Nữ Caruna Dharma, Bùi Mộng Hùng, Trần Tuấn Mẫn, Đào Nguyên, Trần Chung Ngọc, Hồng Ngọc, Quán Như, Lý Nguyên Quân, Lê Văn Tâm, Cao Huy Thuần, Thích Chơn Thiện, Tịnh Tiến.



VỚI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ



ĐÍNH CHÍNH

Chúng tôi nhận được mẫu đính chính sau đây của ông Nguyễn Khắc Kham (San Jose) về một ghi chú lầm lẫn của ông Nguyễn Xuân Quang trong bài viết *Hùng Vương, Vua Mặt Trời* (Hợp Lưu số 35, tháng 6&7, 1997, tr. 18, dòng 9):

Sai: *(Nguyễn Khắc Kham, Đại Học số 34, tháng 8, 1963)*

Đúng: (*Nguyễn Toại, Đại Học, tạp chí Nghiên Cứu Viện Đại Học Huế, năm thứ VI, số 34, tháng 8, 1963*).

Thay mặt tác giả Nguyễn Xuân Quang, tòa soạn cảm ơn ông Nguyễn Khắc Kham.

XIN LỖI

Trong Hợp Lưu số 35 (tháng 6 & 7, 1997) chúng tôi có đăng truyện ngắn mang tên *Tình Yêu* của tác giả Đỗ Quang Nghĩa (tr. 188). Gần đây, chúng tôi được vài độc giả và văn hữu cho biết, trong tạp chí Văn Học xuất bản tại Cali, số 129 $ 130 Xuân Đinh Sửu, truyện này đã được đăng với nhan *Chuyện Nhà*, tác giả là Lê Minh Hà (tr. 190).

Nguyên do: hai tác giả Đỗ Quang Nghĩa & Lê Minh Hà là một cặp uyên ương, họ thường sáng tác thơ truyện chung (chúng tôi không rõ ai là người viết, ai là người nhuận sắc, góp ý), và các sáng tác ấy có khi được ký tên người này, có lúc ghi tên người nọ. Ngay cả lúc mời họ cung cấp tư liệu để thực hiện bộ sách *Tác Giả, Tác Phẩm, Chân Dung Tự Họa* chúng tôi cũng được hai vị

ấy cho một bản tiểu sử... chung, với một tấm hình... chụp chung!

Truyện ngắn *"Tình Yêu"* ký tên Đỗ Quang Nghĩa được hai tác giả ấy gửi đến chúng tôi dưới dạng... vô đề, và họ nhờ tòa soạn đặt hộ một cái nhan. Từ đó suy ra, có lẽ bên tạp chí Văn Học, truyện ngắn ấy (ký tên Lê Minh Hà) cũng vô đề nốt, và cái nhan hẳn là cũng của tòa soạn Văn Học.

Vì quá bận rộng với công việc (riêng, chung), chúng tôi không đủ thì giờ theo dõi cũng như đọc tất cả mọi sáng tác trên tất cả các tờ báo (nhất là sáng tác này có những hai tên tác giả cùng hai cái nhan hoàn toàn khác biệt). Vì vậy mới xảy ra "tai nạn" đáng tiếc. Tuy nhiên, dù bởi bất cứ lý do gì, chúng tôi cũng mong được thứ lỗi.

Nhân đây, xin lưu ý các văn hữu và độc giả thêm một lần nữa: **bài gửi cho Hợp Lưu xin đừng gửi báo khác (và ngược lại)**, đồng thời, cũng xin cho tòa soạn được biết, nếu các tác giả dùng nhiều bút hiệu dưới một bài viết.

TB: Chúng tôi vừa nhận được tạp chí *Diễn Đàn Forum* xuất bản tại Pháp số 65 tháng 7/1997, trong ấy *Chuyện Nhà* của Lê Minh Hà lại xuất hiện thêm một lần nữa! (???)

Ông NVH (Cali): khen, chê (kể cả mắng, với lời lẽ nặng nề của chợ Cầu Ông Lãnh) đối với một tờ báo là điều không thể tránh khỏi. Chín người mười ý. Cả ngàn độc giả, chí ít cũng có hàng trăm ý! Tuy nhiên, nếu xét khách quan, tờ báo vẫn còn sống sót sau bảy năm có mặt thì trong giới hạn nào đó, nó cũng còn là một nhu cầu, đối với một số người. Về phần chúng tôi, luôn luôn cầu tiến và làm hết khả năng, cũng như sẽ rất mừng nếu được độc giả góp ý, hướng dẫn trong tinh thần xây dựng. Cảm ơn sự khích lệ và các đề nghị của ông. Chúng tôi sẽ bàn thảo với ban biên tập để lấy quyết định chung. Kính.

Bà PKK (Santa Rosa): Đã gửi đến bà những số báo do ông Ch. tặng lần thứ hai. Mong sẽ không bị "hoàn lại cố chủ". Kính.

Chị PTTT (Pháp): "Sứ giả" của chị hiện diện khá chăm chỉ trong các buổi họp mặt linh tinh, hẳn chị nhận đủ tin tức? Tựu chung, thế giới vẫn không có chi thay đổi. Người ta vẫn sinh đẻ, vẫn tiễn nhau ra nghĩa trang (hay vào lò thiêu), vẫn cưới hỏi, vẫn ly dị, vẫn ăn nên làm ra hay khánh kiệt phá sản, và vẫn thụi nhau tơi bời hoa lá (nhỏ, giữa cá nhân với cá nhân; lớn, giữa nhà này với nhà nọ; lớn hơn, giữa nước nọ với nước kia). Riêng hắn, vẫn hùng dũng sống, và vẫn đôi khi giả vờ chán đời tí đỉnh, giả vờ nổi giận tí đỉnh, giả vờ hăm he "lên đường đi đến hố thẳm" tí đỉnh, cho cuộc đời bớt phần tẻ nhạt. Anh MT rất yếu, có đêm té xuống đất, loay hoay suốt đêm không sao leo được lên giường, đành nằm dưới thảm chờ người nhà sáng ra đến bế lên. Cái khổ của anh ấy là thể xác đã kiệt, nhưng cái đầu vẫn còn rất sáng!

HỢP LƯU

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng CHỮ IN)

Tôi tên ______________________________

Địa chỉ ______________________________

Điện thoại ______________________________

nhận mua dài hạn tạp chí *Hợp Lưu* bắt đầu từ số   theo giá biểu sau đây (cho một năm):

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư (Four class): 40MK ☐ • Hạng nhất (First class): 50MK ☐

Âu châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 70MK ☐

Úc, Á châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 80MK ☐

Nội địa Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Check (Mỹ kim).**
Ngoài Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Money Order International**, về:

HỢP LƯU
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92842. USA

• Cho tòa soạn biết ngay (bằng thư hoặc điện thoại) nếu gặp các trường hợp sau: 1) Đổi địa chỉ (nhớ ghi cả địa chỉ cũ) - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù trong thời gian nhanh nhất (không cần trả lại số báo hư).

• Chúng tôi sẽ có thư báo hết hạn kèm trong số báo cuối cùng của chu kỳ mua dài hạn, xin lưu ý đừng để thất lạc (có thể xem hàng đầu trên label để kiểm chứng).

• Độc giả ở Âu châu có thể trả tiền cho đại diện tại Pháp:

Mr. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013, Paris, France.



36 Giá 8.00MK